Tác Giả và Tác Phẩm

Nguyễn Huy Thiệp (III)

Tiểu sử
Hiện đang sinh sống ở Hà Nội

Tác phẩm
Về xã hội VN đương đại:
Không Có Vua, Tướng Về Hưu, Cún,
Sang Sông, Tội Ác và Trừng Phạt ...

Mục Lục

Vàng Lửa – 2
Nguyễn Huy Thiệp, sự bất nhân trong nhân tính – Thụy Khuê – 6
Phẩm tiết – 12
Nguyễn Huy Thiệp, sử quan trong văn chương – Thụy Khuê – 17
Mưa Nhã Nam – 21
Vong bướm và Sự tích chúa Chổm – Thụy Khuê – 29

Phụ đính I :

Có thật đa số các nhà văn Việt Nam đều vô học…- Trần Mạnh Hảo – 36
Trần Nghi Hoàng VS Nguyễn Huy Thiệp – Trần Nghi Hoàng – 39
Nguyễn Huy Thiệp: những chuyện huyền, ... – Nguyễn Vy Khanh – 54
Đọc "Tiểu luận" của Nguyễn Huy Thiệp – Đỗ Ngọc Thạch - 63

Phụ đính II :

Những người muôn năm cũ – Cún
Thương cả cho đời bạc
Chuyện ông Móng - Huyền thoại phố phường - Không có vua
Nguyễn Thị Lộ - Những người thợ xẻ - Nguyễn Huy Thiệp 2008!

(Tim bài đọc: ở "Keyboard", nhấn nút "F5", đánh số trang, rồi "Enter")

Vàng lửa

Ông Quách Ngọc Minh, ngụ ở Tu Lý, huyện Đà Bắc viết thư cho tôi: ☐Tôi đã đọc truyện ngắn Kiếm sắc của ông kể về tổ phụ tôi là Đặng Phú Lân. Riêng chi tiết gặp Nguyễn Du không thích. Nhân vật Người trẻ tuổi trong quán trong trẻo lạ lùng, tâm hồn sạch như nước ở núi ra☐ không ra gì Bài hát ☐Tài mệnh tương đô☐ có ý gán cho Nguyễn Du là khéo mà không khéo vậy. Ông gắng thu xếp lên chơi, tôi sẽ cho ông xem vài tư liệu, biết đâu giúp ông có cách nhìn khác. Con gái tôi là Quách Thị Trình sẽ mời ông món canh cá nấu khế ông thích...

Nhận được thư tôi đã lên thăm gia đình ông Quách Ngọc Minh. Những tư liệu cổ mà ông Quách Ngọc Minh gìn giữ thật độc đáo. Về Hà Nội, tôi viết truyện ngắn này. Khi viết, tôi có tự ý thay đổi một vài chi tiết phụ và sắp xếp, chỉnh lý lại các tư liệu để hợp với việc kể chuyện.

Năm 1802, Nguyễn Phúc Ánh chiếm Thăng Long, lên ngôi vua, đặt tên hiệu là Gia Long. Bên cạnh nhà vua có vài người châu âu giúp việc. Trong số ấy có một người Pháp tên là Phrăngxoa Pơriê do chính giám mục Pi nhô đờ Bê hen (Bá Đa Lộc) tiến cử. Nhà vua thường gọi y là Phăng.

Phăng từ nhỏ đã thích phiêu lưu. Y từng tham gia cách mạng 1789, bạn với Xanh Giuýt. Năm 1794, cách mạng thất bại, Phăng trốn ra nước ngoài. Năm 1797, Phăng theo chân một tàu buôn trôi dạt đến Hội An. Người ta không rõ cuộc gặp gỡ của y với Bá Đa Lộc, chỉ biết Bá Đa Lộc có viết thư giới thiệu Phăng với vua Gia Long. Trong tập bút ký của mình sau này, Phăng viết:

☐Nhà vua là một khối cô đơn khổng lồ. Ông đóng trò rất giỏi trong triều đình. Ông đi, đứng, ra, vào, ra các mệnh lệnh, chấp nhận sự tung hô của bọn quần thần. Ông là người cha nghiêm khắc của lũ con ích kỷ, đần độn. Là người chồng đáng kính của các bà vợ tầm thường... Ông biết ông đã già, với bọn cung tần mỹ nữ trẻ đẹp ông bất lực. Ông biết rõ cái triều đình thiển cận do ông dựng lên, biết rõ quốc gia mình nghèo đói. Ông luôn lo sợ bởi quyền lực nắm trong tay, nó lớn ngoài sức chứa một con người...

Trong một chuyến đi săn ở phía Bắc kinh thành Huế, Phăng đi theo vua Gia Long. Phăng kể: Nhà vua cưỡi ngựa, lưng rất thẳng. ở giữa thiên nhiên, trông ông rạng rỡ mất đi vẻ đăm chiêu cau có hàng ngày. Ông vui vẻ vào cuộc săn hào hứng. Buổi tối, nói với tôi, ông bảo: ☐Khanh biết không, cái lũ chó chết ấy, chúng nó chuẩn bị cả rồi, chỗ nào trẫm đi qua thì chúng thả thú ra☐. Tôi ngạc nhiên hỏi vì sao nhà vua (vốn xuất thân là một võ tướng) lại chịu được sự nhục mạ ấy. Ông cười: ☐Khanh chẳng hiểu gì. Vinh quang nào chẳng xây trên điếm nhục☐. Tôi ngồi nghe nhà vua, nhận thấy ông trải đời ghê gớm. Ông hiểu bản chất đời sống cộng sinh. Số phận ngẫu nhiên giao cho ông đứng trên đỉnh cao nhất, ông không dám phá vỡ bất cứ quan hệ nào làm hại đời sống cộng sinh đó, bởi phá vỡ nó, nghĩa là ngai vàng không còn đứng vững. Tôi có hỏi nhà vua về các nhà lư tưởng phương Đông. Tôi nhận thấy ông không quan tâm đến họ. Ông bảo: ☐Tất cả do cay cú đời sống. Họ là quá khứ. Thời khắc đang sống, là đáng kể. Nhà vua chăm chú ăn món gân hổ, hơn là tiếp chuyện tôi....

Phăng được vua Gia Long cho phép đi lại nhiều nơi, Phăng từng gặp Nguyễn Du, bấy giờ đang giữ chức tri huyện. Phăng kể:

Trước mặt tôi là một người bé nhỏ, mặt nhàu nát vì đau khổ. Ông nổi tiếng là một nhà thơ có tài. Tôi thấy ông hoàn toàn không hiểu gì về chính trị. Trước sau, ông là một viên quan tận tụy. Ông hơn những người khác ở nhân cách nhưng nhân cách ấy có giá trị gì khi cuộc đời thực của ông xúi xó, túng kiết. Ông hoàn toàn thiếu tiện nghi. Ông không phù phiếm nhưng sự hào hoa cũng không có nốt. Đời sống tinh thần bóp nghẹt ông. Ông nói chuyện giản dị và hóm hỉnh. Trực giác tuyệt vời. Cũng như vua Gia Long, ông là một khối nguyên liệu to lớn nhưng nhẹ đồng cân hơn, hợp chất tạo thành ít hơn, độ bám của bụi bặm cũng ít hơn. Cả hai đều là những khối nguyên liệu vô giá, những vật quốc bảo

Phăng được Nguyễn Du dẫn đi thăm một vài nơi trong địa hạt của mình. Phăng viết:

Ông ta (tức Nguyễn Du) có sự thông cảm sâu sắc với nhân dân. Ông yêu nhân dân mình. Ông đại diện cho nhân dân ở phần u uất nhất, trữ tình nhất nhưng cũng đáng thương nhất. Vua Gia Long không đại diện cho ai, ông chỉ chịu trách nhiệm với mình. Đấy là điều vĩ đại nhưng cũng đê tiện khủng khiếp. Nhà vua có cách nhìn thực tiễn với chính từng khắc tồn tại của bản thân mình. Nhà vua biết xót thân. Nguyễn Du thì khác, Nguyễn Du không biết xót thân. Nguyễn Du thông cảm với những đau khổ của các số phận đơn lẻ mà không hiểu nổi nỗi đau khổ lớn của dân tộc. Đặc điểm lớn nhất của xứ sở này là nhược tiểu. Đây là một cô gái đồng trinh bị nền văn minh Trung Hoa cưỡng hiếp. Cô gái ấy vừa thích thú, vừa nhục nhã, vừa căm thù nó. Vua Gia Long hiểu điều ấy và đấy là nỗi cay đắng lớn nhất mà ông cùng cộng đồng phải chịu đựng. Nguyễn Du thì khác, ông không hiểu điều ấy. Nguyễn Du là đứa con của cô gái đồng trinh kia, dòng máu chứa đầy điển tích của tên đàn ông khốn nạn đã cưỡng hiếp mẹ mình. Nguyễn Du ngập trong mớ bùng nhùng của đời sống, còn vua Gia Long đứng cao hẳn ngoài đời sống ấy. Người mẹ của Nguyễn Du (tức nền chính trị đương thời) giấu giếm con mình sự ê chề và chịu đựng với tinh thần cao cả, kiềm chế. Phải ba trăm năm sau người ta mới thấy điều này vô nghĩa. Nguyễn Du sống dân dã, ông hồn nhiên chịu đựng sự nghèo tùng cùng nhân dân. Ông không đứng cao hơn họ, không hưởng thụ cao hơn họ, và như thế, ông hoàn toàn không biết làm chính trị. Tất cả đời sống vật chất của ông do những hoạt động cù lần mang lại, năng suất thấp, chỉ thỏa mãn những nhu cầu tối thiểu. Lòng tốt của ông là thứ lòng tốt nhỏ, không cứu được ai. Vua Gia Long thì khác. Ông khủng khiếp ở khả năng dám bỡn cợt với Tạo hóa, dám mang cả dân tộc mình ra lường gạt phục vụ cho chính bản thân mình. Ông làm cho lịch sử sinh động hẳn lên. Đấy là lòng tốt lớn của nhà chính trị. Lòng tốt lớn của nhà chính trị không chỉ là làm việc thiện với một số phận đơn lẻ mà còn là sức đẩy của ông ta với khối cộng đồng. Từng phần tử trong cộng đồng do luật tự nhiên chi phối sẽ tự tồn tại, định hướng và phát triển. Không có một sức đẩy mạnh, cả cộng đồng sẽ mọc rêu, mủn nát. Cộng đồng Việt là một cộng đồng mặc cảm. Nó nhỏ bé xiết bao bên cạnh nền văn minh Trung Hoa, một nền văn minh vừa vĩ đại, vừa bỉ ổi lại vừa tàn nhẫn...

Phăng có kể lại cho vua Gia Long ấn tượng khi gặp Nguyễn Du. Phăng viết:

☐Nhà vua nghe tôi một cách lơ đãng. Tôi có cảm giác ông bị nặng tai nhưng không phải. Ông không coi Nguyễn Du ra gì, hoặc có thể ông coi Nguyễn Du là con ngựa giống tốt trong cả đàn ngựa, lợn, bò, gà mà ông chăn dắt. Ông bảo: ☐Trẫm có biết người ấy. Cha nó là Nguyễn Nghiễm. Anh nó là Nguyễn Khản☐. Tôi thấy nhà vua hiểu sự bất lực của ông đối với đời sống nghèo khó và những trì trệ của dân tộc ông. Ông không tin học vấn có thể cải tạo giống nòi. Điều ấy có lý. Trước hết là vật chất. Những hoạt động kinh tế cù lần chỉ đủ sức cho một dân tộc sống khắc khoải. Vấn đề ở chỗ phải đứng lên vươn

mình thành một cường quốc. Làm điều đó, phải có gan chịu đụng sự va xiết trong quan hệ với cộng đông nhân loại. Thói hủ nho và thủ dâm chính trị sẽ không bao giờ tạo được những quan hệ trong sáng, lành mạnh. Sẽ đến lúc nền chính trị thế giới giống như món nộm suồng sã, khái niệm thanh khiết ở đấy vô nghĩa

Năm 1814, người ta phát hiện ra một nơi có vàng, Phăng xin vua Gia Long cho một số người châu âu cùng mình đi tìm kiếm. Vua Gia Long đồng ý. Phăng không để lại tư liệu nào kể về chuyến đi tìm vàng này. Tuy nhiên có một người Bồ Đào Nha tham gia đoàn tìm vàng đã viết hồi ký. Người Bồ Đào Nha này kể lại: Đoàn chúng tôi có mười một người gồm bốn người Bồ Đào Nha, một người Hà Lan, năm người Pháp và một người Việt dẫn đường. Chỉ huy chúng tôi là Phơrăngxoa Pơriê. Y là một người tàn bạo được vua Gia Long tin cậy... Chúng tôi đi ngựa, mang theo vũ khí và những dụng cụ đãi vàng như dân tìm vàng hồi thế kỷ trước ở Bắc Mỹ.

Ngay Phơrăngxoa Pơriê cũng không lường trước sự việc diễn ra. Điều ấy khiến cho chúng tôi sau này phải trả giá đắt. Đa số chúng tôi tham gia chuyến đi vì sự hiếu kỳ. Chúng tôi chuẩn bị lương thực đủ trong một tháng. Chúng tôi luồn rừng và đến nơi sau một tuần đi đường. Nơi đây là thượng nguồn một con sông lớn nằm kẹp trong thung lũng hoang vắng. Không hề thấy một bóng người qua lại. Quạ bay hàng đàn. Trong bản đồ, Phrăngxoa Pơriê gọi đây là thung lũng Quạ. Chúng tôi cắm lều ngay trên bờ sông. Ngay ngày đầu tiên, người Hà Lan trong đoàn đã lên cơn sốt. Ông ta lên những cơn co giật khủng khiếp, người nóng như than, mặt xám lại Chúng tôi đề nghị để lại một người chăm sóc ông ta nhưng Phơrăngxoa Pơriê không nghe. Y dồn tất cả chúng tôi vào núi đào vàng và lọc quặng. Buổi tôí, khi chúng tôi trở về thì người Hà Lan đã chết. Phơrăngxoa Pơriê sai ném xác người Hà Lan xuống sông. Quạ lập tức bu đen trên thây người chết...

Mỏ vàng gần như lộ thiên. Sụ hào hứng khiến chúng tôi quên mệt nhọc. Đến ngày thứ ba, chúng tôi bị thổ dân tấn công. Chúng tôi co cụm lại. Những người thổ dân cầm dao, gậy đứng từ xa chửi rủa và dùng đá ném chúng tôi. Họ có ý muốn đuổi chúng tôi chứ không có ý gì khác. Người Việt dẫn đường đi theo chúng tôi đã biến mất ngay từ khi những người thổ dân xuát hiện. Phơrăngxoa Pơriê nói tiếng Việt rất tồi. Y giơ cao tấm thẻ tín bài của vua Gia Long nhưng vô hiệu. Đáng lẽ chúng tôi phải rút ngay nhưng Phơrăngxoa Pơriê không kìm chế được. Y nổ súng. Một người thổ dân trúng đạn. Số còn lại chạy tán loạn. Chúng tôi đòi Phơrăngxoa Pơriê quay về nhưng y không nghe, y bắt chúng tôi tiếp tục làm việc. Vàng đã làm cho y lóa mắt và mụ mị đi. Buổi chiều khi chúng tôi quay về lều thì thấy đầu lâu của người Việt dẫn đường cắm trên cọc nhọn ngay bên cạnh đấy. Trời nóng như thiêu, chúng tôi thấy rất nhiều quạ bay từ rừng trên, vừa bay vừa kêu những tiếng man rợ. Khoảng nửa đêm, lửa bốc cháy dữ dội xung quanh lều. Những mũi tên lẩm thuốc độc ở đâu bắn đến như mưa. Năm người trong đoàn chúng tôi chết ngay. Phơrăngxoa Pơriê mang theo số vàng đãi được mở con đường máu thoát ra. Lửa nóng quá. Trước mặt, sau lưng, trên trời, dưới đất, đâu đâu cũng thấy lửa cháy rùng rực...

Hồi ký của người Bồ Đào Nha vô danh không viết gì thêm. Tôi, người viết chuyện này đã cất công đi tìm các thư tịch cổ và hỏi han nhiều bậc bô lão. Không có tài liệu gì và cũng không ai biết gì về thung lũng Quạ hoặc chuyện của những người châu âu thời vua Gia Long. Mọi cố gắng của tôi trong nhiều năm nay vô hiệu. Tõi hiến bạn đọc ba đoạn kết cho câu chuyện này để bạn đoc tùy ý lựa chọn.

Đoạn Kết I

Đoàn tìm vàng còn sót lại ba người. Phăng bảo toàn nguyên vẹn số vàng đào được mang về. Vua Gia Long vui mừng vì đã tìm được mỏ vàng. Nhà vua cho khoanh vùng thung lũng Quạ và cho tiến hành khai thác mỏ. Phăng được cử trông coi việc này. Hai người châu âu sót lại trong đoàn tìm vàng cũng được mời tham gia nhưng họ từ chối. Phăng trông coi việc khai thác mỏ vàng trong hai năm. Vua Gia Long rất tin cẩn y và thường ban cho y những bổng lộc hậu hĩnh. Một hôm, người ta đưa đến cho y món ăn quý do nhà vua ban: món chim hầm bát bảo nấu rất công phu. Phăng an xong thì thấy bụng đau cồn cào dữ dội, mắt trợn ngược, máu ộc ra đầy mồm miệng. Y chết ngay trên bàn ăn. Trong một quyển sổ ghi chép còn sót lại của y, người ta đọc thấy những dòng chữ sau:

Tất cả những cố gắng của con người hướng về điều thiện đều là nhũng cô gắng đau đớn, nhọc lòng. Điều thiện hiếm như vàng và sau đó phải được vàng bảo đảm nữa mới có giá trị thực.

Chúng ta sống vô nghĩa, nghèo khó và đau khổ trong những lý thuyết chắp vá đầy nguỵ biện; những môí bất hòa kỳ thị dân tộc và đẳng cấp; những kinh nghiệm sống của chúng ta mong manh và vụn vặt xiết bao. Đến bao giờ, hỏi đến bao giờ, trên mặt đất này xuất hiện tiến bộ?

Đoạn Kết II

Thoát khỏi biển lửa, đoàn tìm vàng sót lại một mình Phăng. Y mang số vàng tìm đến được dinh quan sở tại. Phăng đưa tấm thẻ tín bài có dấu triện của vua Gia Long xin được che chở. Quan huyện là một vị túc nho già, biết nghề thuốc. Phăng đã dưỡng bệnh ngay tại huyện lỵ hẻo lánh này. Con gái quan huyện là Vũ Thị còn trẻ nhưng góa chồng mang lòng yêu mến y. Sau khi Phăng về kinh đô, y được vua Gia Long ban thưởng hậu hĩnh. Nhà vua đã cho tiến hành khai thác mỏ vàng.

Lúc này ở châu âu , nền Đế chế của Napôlêông Bonapac đã sụp đổ. Châu âu chín chắn hơn. Họ đã bắt đầu hiểu vẻ đẹp và vinh quang một dân tộc không phải do cách mạng hoặc chiến tranh mang lại, cũng không phải do các nhà tư tưởng hoặc các Hoàng đế mang lại, bởi vậy họ sống đỡ căng thẳng hơn, giản dị hơn, hợp tự nhiên hơn. Phăng xin vua Gia Long mang theo Vũ Thị và một số vàng lớn hồi hương. Về Pháp, ông lập một ngân hàng và sống sung sướng đến già. Ông thường kể lại cho con cháu nghe về những kỷ niệm quá khứ, về những biến cố ở xứ An Nam xa xôi. Theo ông, thời kỳ ông ở An Nam mới là sự bắt đầu lịch sử của quốc gia người Việt, khi này biên giới phân định, chữ viết có gốc từ chữ La tinh phổ biến, người Việt dần thoát ra sự cầm tù đáng sợ của nền văn minh Trung Hoa, có những mối giao lưu chung với cộng đồng nhân loại.

Đoạn Kết III

Tất cả đoàn tìm vàng bị giết chết. Lính triều đình bao vây và tấn công họ chứ chẳng có thổ dân nào cả như trong hồi ký của người Bồ Đào Nha vô danh lầm tưởng. Người ta tìm được vàng giấu trong đồ đạc của những người châu âu, nó lẫn trong quần áo và ở cả trong những sổ sách ghi chép. Vua Gia Long cho xung công và sau đó cử một người trong hoàng tộc đứng ra lo việc khai thác mỏ vàng. Cuối đời, vua Gia long sống trong cung cấm, tìm cách tránh mọi tiếp xúc với bên ngoài. Nhà vua rất ghét những ai nhắc lại mối quan hệ với người này, người nọ khi nhà vua còn hàn vi, dù đấy là người Việt, người Trung Hoa hay người châu âu nào khác. Triều Nguyễn của vua Gia Long lập ra là một triều đại tệ hại. Chỉ xin lưu ý bạn đọc đây là triều đại để lại nhiều lăng.

Nguyễn Huy Thiệp, sự bất nhân trong nhân tính

Thụy Khuê

Từ khi một bộ lạc dã man tự nghĩ ra chữ "*người*" để gọi những phần tử của mình cho đến nay thì quan niệm về "*người*" đã có nhiều thay đổi. Chữ "*nhân*" đã trở thành một hệ suy tưởng chung của nhân loại. *Nhân tính* là một ý thức trùng phức có hai bản diện: *bất nhân* và *có nhân* mà bộ mặt thứ nhất thường được che đậy, lấp liếm tới chỗ phủ nhận và bộ mặt thứ nhì được khuếch trương, phô bày như một nhãn hiệu cầu chứng về sự tự mãn của con người về con người.
Nếu bộ lạc dã man xưa kia dùng chữ *người* để chỉ những thành viên trong gia đình mình, thì đồng thời họ cũng coi những thực thể khác -ngoài bộ lạc mình- tuy không là người, thì ít ra cũng là một cái gì khác. Ngày nay, đối với chúng ta, ngoài người ra, không còn một cái gì đáng kể. Sự tiến bộ dựa trên nguyên tắc khai trừ: phá hoại thiên nhiên, tiêu diệt sinh vật, diệt chủng các dân tộc nhược tiểu, khu biệt người điên, biệt lập người già, rời mồ, rời mả, đuổi người chết ra khỏi thành thị v.v... Nếu chúng ta tự hào mở rộng cái quyền "làm người" cho cả nhân loại, thì ngược lại, cái thế giới -tạm gọi là "nhân loại lành mạnh"- càng ngày càng nhỏ lại. Ý thức về nhân quyền -ở các nước được gọi là dân chủ tự do- hôm nay cũng đã hẹp hòi hơn ý thức về quyền sống của muôn loài ở những bộ lạc dã man hôm qua và ý thức về nhân quyền ở những nước không dân chủ, thiếu tự do, trở thành bát cơm siếu mẫu.
Muốn tra khảo sự tiến bộ dựa trên nguyên tắc khai trừ ấy, tưởng không còn phương cách nào hữu hiệu hơn là làm lộ *cái ác* trong con người. Phương cách ấy là một trong những sở đắc của văn chương.

Viết về cái ác, cái xấu của con người, xưa nay có nhiều trường phái: Ác bệnh hoạn, ác điên loạn, ác sản phẩm của niềm cô đơn tuyệt đối trong ngôn ngữ của Sade. Ác lãng mạn, ác nhân dục, ác Heathcliff trong *Đỉnh Gió Hú* của Emily Bronté. Ác u uất, ác tội lỗi, ác phản xã hội, ác cảm xúc dị thường trong *Ác Hoa*của Baudelaire. Ác tiểu nhân, ác lưu manh, ác Sở Khanh trong *Kiều* của Nguyễn Du. Ác lớn, ác nhỏ, ác theo phong cách, trường phái nào chăng nữa thì những dòng chủ lưu trong văn học cổ điển vẫn còn phân chia ranh giới thiện ác: bên thiện, bên ác, bên nạn nhân, bên thủ phạm. Sự phân chia này đã ít nhiều giới hạn văn chương ở phần ngoại cảnh của tâm hồn.
Hậu bán thế kỷ XIX, Mallarmé kêu gọi *"đổi thay ngôn ngữ"* (changer la langue). Văn học có nghe thấy chăng? Về hình thức chắc chắn có. Về nội dung dường như cũng đã có sự chuyển mình, tìm cách xóa nhòa biên giới để biểu hiện cả hai khía cạnh thiện ác trong cùng một con người. Sự nhập nhằng giao lưu này đánh dấu ngõ quặt hoài nghi và hiện sinh trải dài trong thế kỷ XX.

***
Văn học Việt Nam (chủ yếu là miền Bắc sau 45), không những đi ra ngoài tiến trình ấy mà dường như có nhiều dấu hiệu quay ngược trở lại thượng nguồn. Người cầm bút hầu như chỉ được quyền hướng thượng, viết về cái hay, cái cao cả, cái tích cực. Họ bắt buộc phải lờ đi phần xấu, phần khuyết tật trong con người (trừ cái xấu của địch). Khuynh hướng này được Hoàng Ngọc Hiến dùng một chữ rất nhẹ nhàng là *khuynh hướng sử thi*.
Ung dung trong phạm trù húy kỵ, cái xấu trở nên một thứ siêu quyền, mặc nhiên hoành hành, tự do sáng tác mà không ai được phép nhắc đến, được quyền phê bình kiểm thảo. Nó thuộc địa hạt quốc cấm, bất khả xâm.

Nguyễn Huy Thiệp là một trong những nhà văn tiên phong, ngược dòng nước chảy, giao thiệp với cái ác, nhận diện và khảo sát chúng bằng kính hiển vi, không phải để tiêu diệt chúng vì văn chương chưa bao giờ điểm trang diện mạo và cải hoán bụng dạ nhân loại. Nhưng biết chúng để "biết người biết ta", đừng bịt mắt, đừng đánh lừa mình, đừng ảo ảnh, đừng sống một nửa. Chấm dứt tự mãn. Đó là vấn đề nhận thức và trách nhiệm, vấn đề nhân cách và tự trọng, và là một kỹ thuật, một thái độ văn chương. Nói cách khác, *nhận diện sự bất nhân trong nhân tính là biện pháp hiện thực, là nhân sinh quan và xã hội quan trong văn chương Nguyễn Huy Thiệp*. Phô diễn lưỡng diện thiện ác trong con người, cho chúng giao thoa và sau đó bằng cách này hay cách khác giải mã vấn đề và truy nguyên tại sao có thế. Qua năm truyện ngắn: *Tướng Về Hưu, Không Có Vua, Những Bài Học Nông Thôn, Những Người Thợ Xẻ* và *Cún*(1), Nguyễn Huy Thiệp đúc kết nên khuôn mặt của xã hội Việt Nam hiện đại bằng sức mạnh siêu quyền của ngôn ngữ.

Câu văn ngắn gọn, cộc lốc, sắc bén và hàm súc. Tác động dồn dập. Ngay trong văn phong đã có dụng ý xã hội và chính trị: Không câu giờ, mạch nhanh, dứt khoát, bỏ hư từ và liên từ, không xuống hàng. Chữ nghĩa nặng cân và đắc địa, bắn thẳng vào hồng tâm, tác dụng như những mũi dao cắm phập vào ung nhọt lở loét, chọc vỡ mủ, tóe máu. Dòng mực cường toan tiêu hủy bệnh lười, bệnh quan liêu, bệnh khệnh khạng trong văn chương và trong cuộc sống. Lối nói gọn lỏn, trắng trợn, dung tục, thẳng thừng đốp chát lại thứ ngôn ngữ bệnh hoạn, lưỡi gỗ (langue de bois), thường thấy trong các bài hiểu dụ, các định thức quần chúng đại loại:*"nhờ ơn Bác và Đảng"* vừa phản chiếu tính cách hống hách, trịch thượng của thế quyền đối với quần chúng, vừa phản xạ tâm địa quỵ lụy, hèn mọn của con người đứng trước thế quyền. Đối diện với thứ ngôn ngữ ấy, lối nói gọn gàng và cộc lốc của Nguyễn Huy Thiệp thể hiện sự bình đẳng, đòi hỏi bình đẳng giữa người và người. Vượt khỏi những gửi thưa khúm núm tàn tích của xã hội phong kiến mà xã hội cộng sinh nhai lại.
Về phía ngữ học, lối viết hàm súc, thâm ý, thuộc cấu trúc ẩn dụ, chủ yếu dùng trong thơ, mở ra nhiều ngả: làm huyễn ảo, mông lung ý nghĩa, khai thông nhiều đẳng độ tiếp thu, bắt buộc người đọc phải tư duy, tham dự. Về phía tâm linh, ngôn ngữ sắc gọn biểu tình với cái ác, cái xấu, khiến cái ác ác thêm, cái xấu xấu thêm; do đó có tác dụng dội nước lạnh vào tri thức, xát muối vào lương tâm độc giả.
Hầu như mỗi truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp đều là một trường hợp cần được khảo sát cặn kẽ vì tính chất phức âm, tác dụng nhân sinh, tác dụng xã hội và chính trị của nó. Năm truyện ngắn nói trên là năm trắc nghiệm bệnh lý, năm phẫu thuật phản ảnh năm dự trình kiến tạo xã hội và an sinh con người trong văn chương Nguyễn Huy Thiệp.

***

Không Có Vua, truyện gia đình lão Kiền có thể xem như là tế bào của toàn bộ truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp. *Không có vua*, trước hết có thể là không có gia đình, không còn rường cột. Gia đình đã mất, tình nghĩa đã mất, chỉ có tiền, chỉ còn tiền. Tiền là vua. Cái mà chúng ta gọi là gia đình, tức cái tế bào, tiểu tổ của xã hội, cái ấy hiện nay đang lung lay, đang xuống dốc, đang tan rã. Vua còn có thể là kẻ giữ trách nhiệm đời sống tinh thần cho con người, vua là lương tâm của mỗi cá nhân trước bản thân và trước đồng loại. *Không có vua*: lương tâm vắng mặt.*Không có vua* còn có nghĩa là không có lãnh đạo, người chủ gia đình vắng mặt, gia đình lão Kiền chỉ còn là một tổ hợp 6 nam: Kiền, Cấn, Đoài, Khiêm, Khảm, Tốn -tên rút trong kinh Dịch- và một nữ; trong đó người nữ duy nhất trở thành đối tượng khát vọng chiếm đoạt của sáu cha con lão Kiền.
Vợ chết, lão Kiền ở vậy nuôi con; sự hy sinh của lão cũng không đến nỗi vô ích. Con lão: hai trí thức, hai lao động và một ngẩn ngơ. Sinh là con dâu trưởng.

Anh em, bố con lão Kiền cư xử với nhau cạn tàu ráo máng. Bố ốm. Đoài, thằng trí thức biểu quyết: *Ai đồng ý bố chết giơ tay*. Thằng trí thức cũng là thằng đểu nhất trong gia đình: vừa làm quân sư quạt mo, vừa thọc gậy bánh xe, sở khanh, lưu manh hạng nặng. Thằng ngớ ngẩn bị bóc lột, trù dập, làm tôi mọi trong nhà. Thằng lao động hoạn lợn bị lợi dụng, khinh miệt: vừa nuôi gia đình vừa bị thằng trí thức nói xỏ. Sinh, người con dâu, tâm hồn đẹp. Nàng là *sự sống lạc loài*vào cửa tử trong thế bát quái của một oan gia quái gở, xoay chong chóng như một trận đồ tàn nhẫn, đạo đức xuống cấp, phẩm hạnh tiêu ma, mà không tìm được *cửa sinh* để thoát: Cuối cùng, "loạn cờ", đứa con của Sinh không biết là con ai.

Lão Kiền là một người cha đặc biệt: thương con là lão, biết rõ con là lão. Độc địa với con cũng là lão và ngộp thở trong gia đình, nhiễm bạo bệnh mà chết cũng là lão. Lão có chủ ý tốt, muốn gầy dựng cho con nhưng lão đã thất bại: Con lão du côn, tham tiền, bất nhân, mất dạy bởi chính lão cũng tham tiền, du côn, mất dạy, rượu chè và vô liêm sỉ. Chính lão cũng khuyết tật, mồ côi vợ; lão không thể sản xuất ra được những sản phẩm khá hơn chính mình. Nền tảng gia đình không thể xây trên một cái cột lung lay, khập khiễng. Gia đình hình thành và đứng vững trên thế lưỡng cực: có âm, có dương, có mẹ, có cha, có lưu lượng hai chiều. Trong thế độc đạo, một chiều, một cha, một cực, tất phải chênh vênh, sập tiệm. Gia đình là tế bào của xã hội; gia đình tha hóa, xã hội tiêu ma.

***

Những Người Thợ Xẻ đề cập đến vấn đề thâm lạm và lũng đoạn tài nguyên của đất nước. Câu chuyện phá rừng, xẻ gỗ bán lậu chỉ là vi bản của hiện tượng đạo chích lan tràn trên toàn diện lãnh thổ. Đội ngũ hành nghề có nhiều lớp lang, đẳng cấp: Thấp nhất là bọn ăn cắp vặt, tài tử và ô hợp gồm những phường du thủ du thực vừa mãn hạn tù (Bường), trí thức lưu manh (Ngọc) hoặc choai choai, cù lần, hữu dũng vô mưu (Biên và Biền)... Đội ngũ lính trơn tép riu này lên rừng, xẻ gỗ, làm công cho bọn ăn cắp gộc, quyền thế, tầm vóc, đểu giả hơn (ông Thuyết). Những mánh lới, những thủ đoạn chặn họng, ăn hiếp, hung hãn tung ra từ tứ phía, từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài: giữa chủ và thợ, giữa những người cùng ê-kíp, vừa sống chết với nhau, vừa sẵn sàng thịt nhau vì miếng mồi còm. Tục ngữ Pháp có câu: "Les grands voleurs pendent les petits" ngụ ý nói kẻ cầm quyền là những tay đao búa lớn treo cổ những phường cắp vặt. Từ ngàn xưa, đạo đức thảo khấu vầy vò khung cảnh núi rừng thơ mộng *"bạt ngàn là hoa ban trắng, màu trắng đến là khắc khoải, nao lòng. Này, hoa ban, một nghìn năm trước thì mày có trắng thế không?"*
Đây là đâu? Là cổng trời, là thiên đường, là trần gian là địa ngục hay là đất nước chúng ta? Từ ngàn năm trước bụng dạ và hành tung của con người vẫn chỉ có thế ư?

***

Những Bài Học Nông Thôn là bức tranh quê hiện thực và huyền ảo. Cái thế giới ấy quê mà rất tỉnh, tưởng như mơ mà có thật. Cái thế giới ấy, hình như nhà nào cũng có ba ông *"Phúc, Lộc, Thọ lồng kính, chăng đầy mạng nhện, trên mặt kính đầy vết cứt ruồi"*. Cái thế giới ấy có con diều lẩn thẩn mò lên thượng từng tìm dưỡng khí, để trốn *"những thứ gió quẩn khốn nạn, hiểm nguy và đầy bất trắc ở dưới"*. Cái thế giới ấy có chị Hiên, chồng đi lính biền biệt, bức xúc, quẫn bách "nửa chừng xuân". Có bố Lâm ngày ngày thả diều, tìm ảo tưởng "bay lên, bay lên". Có bà Lâm già lão tám mươi, nói như Khổng Tử: *"Các cụ toàn chim to", "đàn ông nó chẳng thương mình đâu. Rượu thì nó ngồi mâm trên. Ngủ thì nó đè lên mình"* Có thầy giáo Triệu phát ngôn bừa bãi: *"Tôi hiểu sâu sắc sự ngu của bọn có học tai hại thế nào, nó vừa phản động, vừa nguy hiểm, lại vừa mất dạy". "Sự ngu dốt của bọn có học tởm gấp vạn lần so với ở người bình dân. Vì sao? Vì chúng giả hình. Chúng nhân danh lương tâm, đạo đức, mỹ học, trật tự xã hội, thậm chí nhân*

danh cả dân tộc nữa". Còn dân chúng? *"Dân chúng cầu lợi, mà có cầu lợi thì cũng chẳng ai cho, người ta chỉ hứa suông, hoặc thoáng có cho thì cho rất ít, lợi bất cập hại. Lợi phải do chính dân chúng tạo ra bằng sức lao động của mình. Họ cần hiểu rằng phải cần một thứ cao hơn thế nửa, đấy là giá trị chân chính cho toàn bộ cuộc sống của mình, quyền được tự mình định đoạt cuộc sống, tóm lại là tự do"*. Một sự phát ngôn xanh rờn như vậy dưới chân trời *rực hồng một mầu lửa* là nguy hiểm, và Triệu đã bị trâu điên húc ộc máu, chết tươi tức khắc.

Ngoài những trực ngôn của Triệu, bút pháp trong *Những Bài Học Nông Thôn*có tính chất ẩn dụ cao độ. Ẩn dụ trong ngôn ngữ bà Lâm, ấm ức trong ngôn ngữ chị Hiên, bí hiểm trong hành tung ông Lâm. Mỗi sự kiện, sự vật, hình ảnh, phong cảnh, mỗi lập ngôn đều nhập nhằng nhiều ý nghĩa. Nguyễn Huy Thiệp sử dụng ngôn ngữ như một nòng cung phức âm bắn vào đa từng xã hội: Từ hàng chóp bu "râu rậm", chân dung "lồng kính", đến loại tiên chỉ "chim to", rồi hạng nhàng nhàng ăn trên ngồi chốc lấy sức đè người, đến cả loại trâu điên cuồng tín, tay sai, đao phủ.... Mỗi chữ là một mũi tên bắn đi, trúng hồng tâm thủ phạm, kéo theo tàn quân của bọn đồng lõa. Hình ảnh nông thôn cũng là hình ảnh xã hội toàn diện, nực nồng và u uất: Kẻ trực tâm, có lòng bị hãm hại. Kẻ thông minh bị đàn áp. Sự cù lần, độc ác và mù quáng trụ trì. Tất cả lồng trong không khí bình lặng của nông thôn *rực hồng một màu lửa đỏ ở phía chân trời.*

***

Ba nhân vật Thuấn, Thuần và Thủy trong *Tướng Về Hưu* là ba mô-típ điển hình thời đại:
- Người cha, ông Thuấn, tướng về hưu, 70 tuổi, lãnh đạo *"chính thức"*gia đình. Trốn nhà đi bộ đội từ năm 12 tuổi. Không thích văn học. Thích viết thư *"giới thiệu"* người quen. Trọng việc lớn: *"chiến tranh"*. Khinh việc nhỏ: *"kiếm tiền"*. Nhưng không ngại tiêu và thích cho tiền.
- Người con trai tên Thuần, 37 tuổi, đã du học nước ngoài, nghề nghiệp*kỹ sư* nhưng làm
việc *ở viện vật lý*. Trí thức ăn bám. Nhục. Gì cũng hỏi vợ. Vợ rúc rích với tình nhân ở nhà: Lẫn. Đếm 28 mâm cỗ, vợ bảo 32 cũng gật. *Duyên do là bởi anh đếch sống được một mình*: ông bố bảo vậy.
- Người con dâu, tên Thủy, lãnh đạo *"thực thụ"* gia đình, chủ trì kinh tế, nuôi 8 miệng ăn. Nghề nghiệp: bác sĩ nạo thai. Sống nhờ lợi tức nuôi gà vịt, nuôi heo, nuôi chó béc-giê bằng thai nhi.
Sau đây là một trích đoạn trong *Tướng Về Hưu*:

"Một tối, tôi đang đọc Sputnhich, cha tôi lặng lẽ đi vào. Ông bảo: "Cha muốn nói chuyện với con". Tôi pha cà phê, cha tôi không uống. Ông hỏi: "Con có để ý công việc của Thủy không con? Cha cứ rờn rợn."
"Vợ tôi làm việc ở bệnh viện sản, công việc là nạo phá thai. Hàng ngày các rau thai nhi bỏ đi, Thủy cho vào phích đá mang về. Ông Cơ nấu lên cho chó, cho lợn. Thực ra điều này tôi biết nhưng cũng bỏ qua, chẳng quan trọng gì. Cha tôi dắt tôi xuống bếp, chỉ vào nồi cám, trong đó có các mẩu thai nhi bé xíu. Tôi lặng đi. Cha tôi khóc. Ông cầm phích đá ném vào đàn chó béc-giê: "Khốn nạn! Tao không cần sự giầu có này!" Đàn chó sủa vang. Ông bỏ lên nhà. Vợ tôi đi vào nói với ông Cơ: "Sao không cho vào máy xát? Sao để ông biết!" Ông Cơ bảo: "Cháu quên, cháu xin lỗi mợ."
Tháng mười hai, vợ tôi gọi người bán sạch đàn chó bẹc giê. Vợ tôi bảo: "Anh thôi hút thuốc Ga lăng đi. Năm nay nhà mình hụt hai mươi bảy nghìn, chi lạm mười tám nghìn, cộng là bốn mươi lăm nghìn". (Tướng Về Hưu)

Trích đoạn trên đây rất tượng trưng cho "kỹ thuật văn chương" của Nguyễn Huy Thiệp. Đọc rồi, đọc lại, đọc kỹ, không chỉ có mình ông tướng thấy rờn rợn, mà chính chúng ta cũng thấy rợn, kẻ yếu bóng vía có thể bị tẩu hỏa nhập ma. "Kỹ thuật" ấy phản ánh nghệ thuật hỗn hợp bất nhân và có nhân trong một con người.

Ông tướng, nhân từ và nhân hậu, sau 58 năm phục vụ tổ quốc, những tưởng*"việc lớn trong đời đã làm xong"* về nghỉ. Ở nhà, ông thấy gì? Ông thấy thai nhi nấu lên cho chó lợn. Ông khóc. Người con dâu chuyên nghề phá thai: một lần tội ác; trách người làm bằng một câu nói nhị hóa tội ác: *"Sao không cho vào máy xát"*. Nhưng ngay sau đó, nàng lại nhẹ nhàng: *"Sao để ông biết?"*. Chút ân tình nhỏ nhoi này đã rửa tội cho nàng. Rồi sự toan tính chi li sau đó: *"Năm nay nhà mình hụt hai mươi bẩy nghìn, chi lạm mười tám nghìn, cộng là bốn mươi lăm nghìn"* giải mã lối hành sự rợn người của nàng. Trong khi đó người chồng bình thản ngồi đọc Sputnhich. Nguyễn Huy Thiệp vừa vẽ nên thực trạng đen tối của xã hội, vừa lý giải tại sao có thực trạng đó bằng một lượng số chữ nghĩa cực tiểu; nhưng dòng mực đen, đậm, đặc và độc của nó đã thấm vào tận não thùy người đọc, khiến chúng ta phải vật vã, phải tư duy.

***

Người cha, ông tướng và chủ gia đình, bản tính nhân từ và độ lượng, nhưng soi kỹ ông chỉ là thứ xếp bù nhìn vô tích sự. Cả đời đi hoang, làm được mỗi việc lớn là chôn ba nghìn người. Đến cái chết của ông cũng lãng xẹt: già rồi mà còn bò ra trận địa, mọi người dở tay đánh nhau, không ai tiếp; ông lần mò lên chốt một mình. Lóng ngóng, chết uổng.

Con trai ông, trí thức, vô tích sự và vô trách nhiệm hơn ông: Trước tất cả khó khăn vật chất của gia đình, hắn hút Ga lăng, hắn đọc Sputnhich. Người chú, phu xe, vừa quịt nợ, vừa chửi: *"Quân trí thức khốn nạn, rẻ dân lao động"*. Cũng đúng. Cũng đáng. Người vợ một mình xoay sở, chạy vạy, nuôi đủ hai con, hai bố mẹ, hai người ở và một chồng. Đối với Thủy: cứu cánh biện minh cho phương tiện. Thảm kịch này không phải chỉ xẩy ra trong lòng một gia đình, mà là thảm kịch chung của mọi gia đình.

Lối gọi người sinh ra mình là cha, có nhiều ngụ ý. Cha là bố trong nghĩa rộng, từ không để xưng hô mà để chỉ định. Có thể hiểu là cha chung, là cha của nhiều người, của chung chung.

Ông tướng là hình ảnh người cha lý tưởng và không tưởng, một thứ cha chung, "cha già dân tộc" chăng? Cả đời chỉ lo chuyện lớn. Lấy việc bình quân làm lẽ sống. Lấy chiến tranh làm dưỡng khí. Trong hòa bình, ông thoi thóp, ông ngộp thở. Ông xây dựng thượng từng cơ sở trên vinh quang và chiến thắng mà không biết những vinh hạnh ấy dựng trên xác người. Ông không màng đến những chuyện nhỏ như kiếm tiền, kiến trúc xã hội, kiến trúc kinh tế, kiến trúc đời sống trong hạ tầng cơ sở. Ông tưởng ông phụng sự con người, thật ra ông chỉ thạo việc *chôn người*. Tha hóa và bất hạnh bắt nguồn từ chỗ đó. Vì xã hội thiếu hạ tầng cơ sở, dùng người không đúng chỗ, cho nên có du học ngoại quốc cũng bằng thừa. Người con trai kỹ sư, làm việc ở viện vật lý trở nên một thứ trí thức bất lực, ăn bám, hèn và nhục, ký sinh trùng của xã hội. Vì thiếu hạ tầng cơ sở, thiếu kế hoạch dân sinh và an sinh, người dân không dùng thượng sách ngừa thai mà phải xuống hạ sách phá thai. Bác sĩ sản khoa thay vì đỡ đẻ cứu người lại phải nạo thai, hủy trẻ. Những biện pháp bất nhân nho nhỏ này được phát triển, bình thường hóa, cập nhật hóa, dẫn đến những bất nhân linh tinh khác và trở thành một thứ *trật tự, ổn định xã hội*mới dựa trên các công thức chạy vạy, xoay xở, kiếm tiền và tất cả mọi thủ đoạn, mọi phương tiện đều tốt.

Xã hội mới ấy khu biệt mẹ già. Mẹ già. Mẹ lẫn. Mẹ ngã. Mẹ chết. Nhìn xác bà miệng nhét đồng xu, cái Vi hỏi: *"Đấy có phải ngậm miệng ăn tiền không?"* Đạo đức xã hội thấm

vào lời con trẻ. Đám ma chị, tiếc quan tài gỗ giổi, ông Bổng chửi thề: *"Mất mẹ bộ xa lông"*. Đánh bạc canh xác chị, ông Bổng khấn: *"Lạy chị, chị phù hộ cho em vét nhẵn túi chúng nó".* Chị hấp hối, nhận ra mình là người, ông Bổng oà lên khóc: *"Thế là chị thương em nhất. Cả làng họ gọi em là đồ chó. Vợ em gọi em là đồ đểu. Thằng Tuân gọi em là đồ khốn nạn. Chỉ có chị gọi em là người."* Nguyễn Huy Thiệp kê khai ngần ấy thứ trong một con người: Ngoài người, kiếp gì có thể đa mang và đa đoan đến thế? Mức độ tha hóa, nhục nhã của kiếp người đã lên tới cực điểm ở đây.

Tướng Về Hưu không phải là một truyện ngắn bình thường, theo nghĩa truyện ngắn, mà là sự cô đọng của một trường thiên trải ba kiếp người, hai thế hệ chồng chất những tương phản đớn đau, những đốn mạt hèn mọn, những nhầm lẫn, ngộ nhận, cô đơn, bất hạnh, vô trách nhiệm và vô tổ chức... giữa người với người, giữa những cá thể với nhau, và mỗi cá thể ấy lại là một thành viên của xã hội chúng ta đang sống. Đấy mới là điểm kinh hoàng có thể làm loạn thần những tâm hồn "lành mạnh" nhất.

***

Sau cùng chúng ta bắt gặp ở cái biểu đồ sâu sắc, thâm trầm đến cùng cực về cái gọi là *"tính người"* trong *Cún*. Nguyễn Huy Thiệp gieo quẻ sấp ngửa, âm dương, xấu đẹp, thiện ác, pile ou face giữa hai sinh vật có tứ chi: người-chó, chó-người, một cách độc địa, úp mở, lộn ngầu giữa pile và face đến độ không ai đoán được đâu là người, đâu là chó.
Cún, quái thai mặt đẹp, thân dị dạng được lão Hạ ăn mày hốt lên từ miệng cống. Dưới con mắt chó thì Cún là người. Dưới con mắt "người" thì Cún là quái thai, chưa được làm người, mang tên chó. Nhưng trong cái thế giới tạm gọi là "người" ấy, từ nhà nghiên cứu văn học K, đẹp trai, thông minh, cô Diệu xinh đẹp, đến lão Hạ đói rách, nhìn dưới một góc độ nào đó, họ cũng... chó má không kém gì Cún: Lão Hạ thương Cún, cứu vớt và nuôi dưỡng Cún, dùng Cún như một dụng cụ nạo lương tâm kẻ qua đường bắt nó bài tiết ra vài xu bố thí. Cô Diệu đẹp nõn và ác khiếp, ngủ với Cún để chiếm cái "gia tài" của "thằng hình nhân mặt đẹp". Cái bào thai "sản phẩm tình yêu" hợp tác xã giữa cô Diệu-Cún, Cún-cô Diệu (người-chó, chó-người) lớn lên, làm "người", trở thành nhà nghiên cứu lý luận văn học thời danh K, *"ngọn roi" quất vào "con ngựa sáng tác văn học" giúp nó phi nhanh hơn và không trật đường*.
Tuyệt nhiên không thể phân biệt được đâu là "tính chó", đâu là "tính người", và dĩ nhiên là cả các thứ "tính" khác, rất thời thượng, rất "xã hội chủ nghĩa" mà Thiệp không nói ra. Cún, bào thai thui chột, vô chủ, bị sa thải trong bối cảnh nhớp nháp của phường cái bang tỉnh lỵ, giao hợp với điếm cơ hội, sản sinh ra loại trí thức *"am hiểu các vấn đề lý luận văn học ở ta"*. Ba đời lý lịch tốt. Cay độc. Khủng khiếp. Kinh hoàng.

***

"Văn chương là cuộc thám hiểm sức mạnh của ngôn ngữ", đúng như lời Todorov; cuộc thử nghiệm của Nguyễn Huy Thiệp chứng tỏ sức mạnh vạn năng của ngôn ngữ.
Qua những truyện ngắn, kể như đùa, như chơi, nhà văn có thể đặt những vấn đề cơ bản và nghiêm chỉnh nhất, từ chính trị, xã hội, đến nghệ thuật, văn hóa và tư tưởng: đào sâu đến tận rễ và khơi cao đến tận đỉnh.
Hầu như mỗi truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp đều là một hồ sơ khảo sát bệnh lý những vấn đề lớn của xã hội hiện hành, liệt khai những vi khuẩn phá hoại, giải phẫu ung nhọt. Tất cả khởi nguồn từ ngôn ngữ, và bằng ngôn ngữ.
Thay đổi ngôn ngữ! Nguyễn Huy Thiệp đề nghị một ngôn ngữ nặng cân, ngôn ngữ có nội dung, ngôn ngữ người nói với người. Nó dung tục, không văn hoa, bài bản, không trá hình lắp ghép như những định thức, khẩu hiệu, quyền ngôn. Ngôn ngữ ấy dẫn đến một tư duy trung thực, một tâm hồn lành mạnh, một phong cách tự trọng của những cá

thể mới, những tế bào mới, trong một xã hội mới. Xã hội ấy không ồn ào tự mãn nhất mình vì biết mình, biết nhìn sâu suốt đến cái xấu cực điểm của chính mình.
"Thay đổi ngôn ngữ" là một đề nghị của Mallarmé từ thế kỷ XIX. Gặp Nguyễn Huy Thiệp ở thế kỷ XX. Sự hội ngộ tư tưởng của các nhà văn vượt không gian, xuyên thế hệ, là điều bình thường nhất trong đời sống và là một đặc dị của văn chương.

Paris tháng 3-1994

Chú thích
(1) Nhưng truyện được lựa chọn để giới hạn bài viết này.

Phẩm tiết

Việc tìm ra ngôi mộ cổ ở vùng lòng hồ trong khu vực thủy điện sông Đà khiến tôi lại lên Tu Lý, huyện lỵ Đà Bắc. Ông Quách Ngọc Minh (bạn đọc đã làm quen với ông qua hai truyện ngắn Kiếm sắc và Vàng lửa của tôi) ngờ rằng ngôi mộ này là của bà Ngô Thị Vinh Hoa sống cách cây gần hai trăm năm. Truyền thuyết người Mường vùng này kể rằng bà đã lập ra dòng họ Quách. Hôm dời mộ từ khu vực lòng hồ lên Tu Lý, tôi đã đến xem. Mộ ở vuông đất hẹp, bằng phẳng, cách bờ sông Đà hai trăm năm mươi mét, ở độ cao mười sáu mét kể từ mặt sông. Bao nhiêu năm nay chưa bao giờ lũ sông Đà ngập đến chỗ này. Nhìn bề ngoài, ngôi mộ cổ trông không khác một gò mối lớn. Đào sâu ba mét thấy vỉa gạch.

Người chết táng theo lối xưa, trong quan ngoài quách. Quan tài làm bằng gỗ quý, ván dày tám phân, dăm gỗ nhỏ, đưa ra ngoài trời có màu mận chín. Quan tài chạm trổ đơn giản nhưng đẹp mắt. Khi bật nắp quan tài, thấy có một lớp vải lụa hồng. Dưới lớp vải lụa hồng, là một màng trong suốt như thạch, hiện lên hình một phụ nữ đẹp rực rỡ, khuôn mặt tươi tỉnh như người sống, trang phục xiêm y lộng lẫy. Đây là ngôi mộ kết. Tất cả chúng tôi thảy đều kinh hoàng. Thoắt cái, một làn sương mờ trên quan tài ùn lên phủ kín xung quanh. Mười phút sau, làn sương tan hết, trong quan tài chỉ còn một bộ xương đen như mun, lớp vải lụa hồng cũng không thấy nữa. Trong quan tài đầy vụn chè khô, lẫn ở đấy rất nhiều đồ trang sức quý giá. Ông Quách Ngọc Minh tự tay rửa sạch từng đốt xương bằng rượu quý và nước thơm, đặt vào vuông vải trắng trong tiểu sành. Tôi chưa bao giờ chứng kiến lần bốc mộ nào có ấn tượng mạnh như thế. Con gái ông Quách Ngọc Minh là Quách Thị Trình hỏi tôi có biết gì về người phụ nữ nằm trong ngôi mộ hay không? Tôi băn khoăn quá. Phải là người mơ mộng và nghiêm khắc mới hiểu rằng biết hoặc không biết, đều chỉ là những ước lệ mơ hồ, có tính lịch sử và hạn chế.

Câu chuyện này kể về người phụ nữ nằm trong ngôi mộ ấy.

Ngô Thị Vinh Hoa là con thứ mười của Ngô Khải. Khải là hậu duệ của Chương Khánh Công Ngô Từ, người đã sinh ra bà Ngô Thị Ngọc Dao, mẹ vua Lê Thánh Tông. Ngô Khải là bậc đại phú, nhà gần chùa Tiên Tích, chuyên buôn hàng tơ lụa. Nhà Khải kho đụn không khác gì phủ Chúa, đầy tớ vài trăm người. Khải giao du rộng, chơi với toàn người sang. Con gái họ Ngô đẹp nổi tiếng Kẻ Chợ, đời này qua đời khác nhiều người được tuyển vào cung. Khải có bảy người con gái thì sáu người đều là thiếp yêu ở phủ Chúa. Vinh Hoa là con gái út. Khải rất yêu chiều. Khi đẻ ra Vinh Hoa, trên nóc nhà bỗng có đám mây ngũ sắc bay đến, tỏa ra ánh sáng rực rỡ, khắp nơi hương thơm ngào ngạt. Trên cổ Vinh Hoa có bảy tràng hoa quấn cổ, xòe lòng tay ra thấy có viên ngọc...ở trong,

trên khắc hai chữ ☐thiên mệnh☐. Khải dựng tóc gáy, lập bàn thờ tạ trời đất. Có người bảo rằng: ☐Trời mượn cửa nhà ông gửi ngọc, liệu mà chăm chút☐. Vinh Hoa lớn lên, hát hay, đàn giỏi, đẹp lồ lộ nói câu nào thiêng câu ấy. Khải rất sợ. Tỉ như trời nắng chang chang, nàng buột miệng ☐ngày kia trời mưa☐, quả nhiên ngày kia mưa thật. Tỉ như có người đi qua, nàng bảo ☐mai ông này chết☐, quả nhiên người ấy không ốm đau bệnh tật gì hôm sau lăn ra chết. Trai gái lấy nhau thường dắt đến trước mặt nàng nhờ xem, nàng gật đầu là lấy được, nàng lắc đầu thì chịu, ba đầu sáu tay gì lễ cưới cũng không thành.

Nhà Ngô Khải có cửa hàng tơ lụa gần Hồ Gươm. Khi nào Vinh Hoa trông hàng, khách vào mua đông như hội. Ai trót tham, do vải thừa, trả tiền thiếu, khi về nhà nếu không bị chó cắn thì nhà cháy, đại để thế, tai họa không lường được. ở Kẻ Chợ có câu ca:

Biêí điều thì tránh Vinh Hoa

Quịt năm cắc bạc mất nhà như chơi.

Năm Kỷ Dậu (1789) Quang Trung Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc diệt Mãn Thanh xong, tìm cách an dân. Nghe theo lời Trần Văn Kỷ, nhà vua cho mời cơm các nhà danh giá thế phiệt trong thành, Khải cũng được mời.

Khi thiếp mời đưa đẹn nhà Khải, Khải cho gọi người quản lý tên là Sâm đến bàn. Khải nói:. ☐Ta không đi không được, Quang Trung là bậc anh tài, hào hùng lắm. Ta ăn lộc nhà Lê, nhưng cũng không bỏ lộc nhà Trịnh, gì thì gì cũng mang tiếng cơ hội. Bây giờ Quang. Trung mời đến, nên cư xử thế nào cho ☐phải☐ Sâm nói: ☐Đại nhân chớ băn khoăn về chuyện cơ hội hay không cơ hội. Điều ấy vô nghĩa. Có điều Quang Trung đang thịnh, lẽ đời là phải phù thịnh, đại nhân cứ thế mà làm. Ta không phù Quang Trung, sợ cơ ngơi này khó bảo toàn, lấy ai tiếp nối? Lính Tây Sơn chỉ cho mồi lửa, vu cho tàn quân Tôn Sĩ Nghị là xong, lúc đó ta biết kêu ai? Không nói gì đến đại nhân bị hại, bọn Sâm này cũng mất niêu cơm☐. Khải cười: ☐Mày ranh ma lắm. Ta nghe mày☐. Nói đoạn bảo Sâm chuẩn bị lễ vật đi dự tiệc.

Sâm là tên đểu cáng, xuất thân lái trâu, từ lâu có ý hại chủ. Chuẩn bị lễ vật cho Khải, Sâm cho vào rương hòm toàn những đồ vàng bạc giả còn vải lụa quý thì cho cắt vụn ra từng đoạn ngắn. Khải không biết gì, cứ thế cho đầy tớ mang vào cung.

Bữa tiệc của vua Quang Trung có đủ mặt mấy trăm gia đình giàu có ở Kẻ Chợ. Khải ngồi chiếu trên cùng. Vua Quang Trung nói: ☐Ta xuất thân áo vải cờ đào, vì nước xả thân, dẹp yên bốn cõi. Thời chiến ta lấy kẻ có sức lực làm điểm tựa, thời bình ta lấy kẻ có trí lực làm điểm tựa. Nay các ông đến đây, đều là những người có của, tức là những người có trí lực cả; ta cho ăn cho uống, xin các ông vì ta mà mở mang công nghệ, bán buôn, làm cho nước giàu dân mạnh☐. Bọn Khải lạy tạ, ai cũng vui vẻ hứa sẽ vi nước mà làm giầu.

ăn uống xong, nhân vui vẻ, vua Quang Trung hỏi thức ăn có vừa miệng không, Khải đang say, dại miệng nói rằng: ☐Ngon thì ngon nhưng chưa biết nấu, hơi ghê ghê, có vị lợm☐. Nhà vua cười nhạt, không nói năng gì. Khách dự tiệc lần lượt cho dâng vào các lễ vật mừng, đủ đồ ngọc ngà châu báu; sơn hào hải vị rất lạ. Vua Quang Trung đứng xem, trầm trồ thán phục. Đến lượt Khải, Khải cho đầy tớ khênh vào ba cái rương to, mở ra thấy đồ vàng bạc toàn đồ giả, vải lụa bị cắt ra từng mảnh vụn nhỏ. Khải thất sắc, mọi

người có mặt thảy kinh hoàng. Vua Quang Trung giận lắm, mắng rằng: ☐Thằng Khải kia, tài bằng cái đấu, khinh ta quá chừng! Trời cho mày sống, cướp không biết bao nhiêu lộc thiên hạ, ăn miếng ngon không biết đậy mồm, còn chê là lợm. May nhờ phúc tổ, có ít của chìm, như cái đuôi khô, tháng ba ngày tám mang ra gặm tưởng xênh xang ư?

Khải về nhà, căm tức tên Sâm lắm. Tên Sâm đã bỏ trốn. Đang hoang mang thì đà thấy tướng của Tây Sơn là Đặng Tiến Đông mang quân đến vây, bắt tịch biên gia sản. Khải khóc lóc kêu oan nhưng không sao được. Vinh Hoa từ trong lầu chạy ra, rẽ đám lính Tây Sơn, quỳ trước mặt Đặng Tiến Đông lạy rằng: ☐Tướng quân tha cho, việc này ở tên đầy tớ khốn nạn. Thân phụ thiếp hồn nhiên, lỡ phạm đến uy trời. Tướng quân vì thiếp mà xét phải trái, sao chỉ vì một gã buôn trâu mà gây oán hận?☐ Đặng Tiến Đông thấy Vinh Hoa xinh đẹp lạ lùng đánh rơi cả kiếm. Là người có học, Đông biết anh hùng và mỹ nhân ở đời đều hiếm, nông nổi phạm đến có tội với trời. Đông bảo rằng: ☐Tội của cha nàng đáng chết nhưng quyền tha không phải quyền ta. Nàng muốn giải tội cho cha, phải vào cung mà tâu bày☐. Nói rồi Đông quay ra cho lính bao vây dinh thự nhà Khải, còn tự mình dẫn kiệu Vinh Hoa vào cung.

Đặng Tiến Đông vào cung, tâu bày sự việc với vua Quang Trung. Nhà vua thấy Vinh Hoa, thốt nhiên rùng mình, hoa mắt, đánh rơi cốc rượu quý cầm tay. Vinh Hoa nói năng rành rẽ, đâu vào đấy, nhà vua thích lắm. Nhà vua hỏi gì, nàng trả lời điều ấy, nói thông cả buổi, kim cổ đông tây đủ cả. Bọn Trần Văn Kỷ ngồi nghe toát cả mồ hôi. Nhà vua bảo Vinh Hoa hát. Nàng gẩy đàn hát:

Mây ngũ sắc ứng điềm lành
Con Tạo xoay vần
Ai biết gặp nhau ở đâu
Mộng tưởng hão huyền
Muôn dặm đường trường
Khi cưỡi voi giục trống đánh thành.
Có nhớ ngày xưa...
Đom đóm lập lòe ở góc vườn không.
Có nhớ mẹ ta cậy nanh ở miệng không.
Mối sầu của ta chỉ có mặt trăng biết
Ngồi trên ngai cao còn biết sợ ai..
Ngọc tỷ cầm trên tay lo việc nước
Biết lo là được, còn thành bại ở trời
ở nơi người
Người ngoan không nên...
biện bạch có quỷ thần hay không có quỷ thần
Hay nhìn từng giọt đồng hồ rơi mà run sợ.

Tiếng đàn có khí lạnh, mọi người không ai dám thở. Vua Quang Trung hỏi nhỏ: ☐Vận Tây Sơn được mấy đời? ☐ Vinh Hoa bảo: ☐Sao không hỏi được bao nhiêu ngày.

Vua Quang Trung giữ Vinh Hoa lại trong cung, rồi sai Đặng Tiến Đông rút quân khỏi nhà Khải. Khi Đông đến nhà Khải thì Khải hổ thẹn đã treo cổ tự tử. Vua Quang Trung thương xót, hối lại thì đã muộn. Nhà vua đang đêm xõa tóc, đi chân đất, vừa đi vừa vấp, chạy vào báo cho Vinh Hoa việc Khải mất. Vinh Hoa lập bàn thờ ngay trong cung, thắp hương, tạ vong linh Khải rồi bảo: ☐Bệ hạ khỏi bận lòng. Phận nào phận ấy. Trời chỉ

nhờ cửa sinh, có ai giữ được bố mẹ sống một nghìn năm? Bệ hạ có thương, cho mở kho lấy một đấu vàng để trả đạo hiếu□. Nhà vua gật đầu. Khi đi ra gặp Trần Văn Kỷ, nhà vua bảo: Ta nóng nảy đã đành, ta có lý của ta. Còn cái lũ nhà giàu khốn nạn, chỉ biết mỗi thân mình, Khải bị hạn, sao không có đứa nào đứng ra kêu hộ một tiếng?□ Trần Văn Kỷ tâu: □Bệ hạ không hiểu bọn nhà giàu, chúng có thương xót ai bao giờ? Ta có câu: Có độc mới đủ, có phũ như chó mới giàu!...□ Nhà vua lại hỏi: □Khải khôn khéo thế, bình sinh cẩn thận, sao sơ suất đến nỗi bị tên đầy tớ kia lừa?□ Trần Văn Kỷ tâu: □Đời người ta có vận hạn, Khải không sợ trời, tính ích kỷ, giàu có mà đóng cửa ăn một mình; không biết giúp ai, không biết làm điều phúc, điều thiện, không biết chia lộc cho thiên hạ, trông thấy người hiền ngoảnh mặt đi; khi hạn đến, tránh sao kịp được? Nói chi đến mưu thằng buôn trâu, có khi chỉ vì con ruồi cũng làm tan nghiệp□ Nhà vua gật đầu, cho làm ma Khải rất hậu rồi lệnh truy nã tên Sâm.

Vinh Hoa ở trong cung, vua Quang Trung rất ân cần, thương xót. Từ quan tới lính, không ai không nể vì. Nàng ăn nói khoan hòa, cư xử thông minh, lịch lãm, bọn Ngô Văn Sở, Ngô Thì Nhậm, Đặng Tiến Đông, Vũ Văn Dũng, Trần Văn Kỷ... ai cũng quý trọng nàng. Nhiều việc triều chính nàng tham dự, mọi ý kiến luận bàn của nàng vua Quang Trung hết sức thán phục, làm gì cũng thành. Cũng có khi nàng múa hát cho mọi người xem. Vua Quang Trung nói: □Ta được Vinh Hoa như được báu vật, một Vinh Hoa bằng ba vạn người.

Tuy vua Quang Trung đối xử ân cần, hết lòng yêu thương chiều chuộng, song Vinh Hoa vẫn một mực không cho nhà vua thành thân. Mỗi khi nhà vua ngỏ ý, nàng đều khéo léo chối từ. Nhà vua rất lấy làm buồn. Tuy hàng ngày gặp nhau nhưng nhà vua vẫn không sao gần gụi được.

ổn định xong Bắc Hà, vua Quang Trung giao việc triều chính cho bọn Ngô Văn Sở rồi kéo quân về Phú Xuân, đưa cả Vinh Hoa theo. ít lâu sau nhà vua bỗng mất đột ngột. Khi lâm chung, có Vinh Hoa đứng hầu bên giường, nhà vua nhìn mãi Vinh Hoa mà không nhắm mắt. Cả triều đình thương cảm. Con trai nhà vua là Nguyễn Quang Toản vuốt mắt cho cha nhưng hễ buông tay ra mắt nhà vua lại mở trừng trừng. Đến cả Hoàng hậu Ngọc Hân cũng thế. Sau Vinh Hoa phải lấy ngón tay út của mình đặt lên hai mi mắt nhà vua thì mắt nhà vua mới nhắm lại được. Sau đấy, chỗ ngón tay út của Vinh Hoa đen như chàm, rửa thế nào cũng không sạch.

Từ khi vua Quang Trung mất, nội bô Tây Sơn rối ren, Nguyễn Quang Toản kéo quân vào Quy Nhơn đánh bác ruột mình là. Nguyễn Nhạc. Bọn tướng của Tây Sơn là Vũ Văn Dũng đánh nhau, chia năm xẻ bảy cơ nghiệp. Năm Tân Dậu (1810), vua Gia Long Nguyễn Phúc ánh chiếm Phú Xuân Nguyễn Quang Toản chạy ra Bắc, triều Tây Sơn sụp đổ. Khi chiếm Phú Xuân, tướng của Gia Long là Vũ Văn Toàn vào trước, kéo quân thẳng vào hậu cung, cướp được nhiều cung tần mỹ nữ, cướp được cả Ngô Thị Vinh Hoa. Quân hồi vô phèng, Toàn hốt rất nhiều vàng bạc. Toàn vốn xuất thân quản tượng, theo vua Gia Long nhưng thâm tâm có ý không phục. Khi vua Gia Long vào thành an dân, kiểm kê kho đụn Tây Sơn, thấy chẳng còn bao nhiêu. Nhà vua hỏi Toàn: □Của cải trong kho, không có cánh mà bay à?□ Toàn tâu: □Từ khi Nguyễn Huệ chết, Tây Sơn làm gì có của, chỉ có chuột□. Nhà vua hỏi: □Phi tần không còn ai ư?□ Toàn tâu: □Đàn bà trơn mà nhanh như rắn, động ổ là chuồn, biết đâu mà lần?□ Nhà vua nín lặng, không nói năng gì.

ít bữa sau, có người mật báo với vua Gia Long nhà Toàn chứa đầy gái đẹp với đồ vàng

bạc. Nhà vua giận lắm, đang đêm đến vây nhà Toàn, thấy Toàn đang ngủ trên giường bèn trói nghiến lại.

Tướng của vua Gia Long là Nguyễn Văn Thành soi đuốc dẫn nhà vua đi xem xét, quả nhiên thấy đúng như lời mật báo. Nhà vua gọi Toàn ra mắng: ☐Thằng khốn nạn theo voi ăn bã mía kia, đểu cáng chừng nào. Mày mượn danh ta để đi ăn cướp với chơi gái à?☐ Toàn lạy van: ☐Bệ hạ tha cho. Toàn theo bệ hạ từ thuở hàn vi, nằm gai nếm mật đắng cay. Nay nghiệp đã thành, muốn hưởng lạc riêng, thế gọi là trả giá đời sống☐. Nhà vua cười nhạt: ☐Mày tưởng công mày to ư? Mày ở gần ta mà không biết ta. Mày kể công với ta làm gì? Mày chỉ dự vào trò chơi của ta. Trò chơi nào chẳng vô công? Mày phạm luật thì mày chịu. Đừng trách ta ác☐. Toàn lại lạy van: ☐Bệ hạ! Bệ hạ! Bệ hạ nói gì vậy? Đẩy vạn con người vào cuộc binh đao là trò chơi sao? ☐ Nhà vua bảo: ☐Binh đao là trò chơi của trời. Sao mày lại hỏi ta? Ta chơi trò khác, chơi trò đế vương!☐ Toàn lại lạy van: ☐Bệ hạ thương tình! Vàng bạc trả lại bệ hạ! Phi tần trả lại bệ hạ! Chỉ xin bệ hạ ban cho Ngô Thị Vinh Hoa☐ Nhà vua nổi giận : ☐Thằng mặt xanh kia! Kề miệng lỗ còn dê ư? Ta cho cắt dái mày! Ta cho mày ăn cứt☐. Nhà vua vào phòng Ngô Thị Vinh Hoa. Mở cửa ra, thấy Vinh Hoa bị trói, trên người không có mảnh vải che. Gia nhân thưa rằng Toàn muốn làm nhục Vinh Hoa nhưng nàng không chịu, nhà vua rất thươngxót. Nhà vua đến gần, thấy Vinh Hoa đẹp quá, bỗng nhiên xây xẩm mặt mày. Nhà vua thở dài, ngã quay ra đất, ngất lịm đi.

Vinh Hoa ở trong cung được nhà vua hết sức vêu chiều. Dần dần nàng hồi tâm lại, đẹp mơn mởn y như lộc mùa xuân. Biết Vinh Hoa có tài múa hát, lại có tài đoán định việc trước sau, nhà vua thích lắm, muốn lấy làm vợ. Nguyễn Văn Thành can: ☐Bệ hạ! Bệ hạ! Vinh Hoa ở với Nguyễn Huệ bao năm mà Huệ không dám đụng vào thân thể. Thần xin bệ hạ giữ lấy mình rồng! ☐ Nhà vua bảo: ☐Thế là Huệ dại, Huệ trọng tinh thần mà bỉ thể xác☐. Thành hỏi: ☐Bệ hạ muốn dùng Vinh Hoa ở phần tinh thần hay phần thể xác?☐ Nhà vua bảo: ☐Làm đến đại tướng còn ngu. Bậc đế vương giữ nước là ở tinh thần, còn giữ mình là ở thể xác☐. Thành lắc đầu rồi lui ra.

Vua Gia Long vào cung, tìm Ngô Thị Vinh Hoa, nhà vua bảo nàng. ☐Ta muốn sở hữu nàng như nuôi con gà, con vịt trong nhà. Vinh Hoa tâu: ☐Bệ hạ muốn làm vua gà, vua vịt hay sao? ☐ Nhà vua thở dài: ☐Sứ mệnh đế vương thật là sứ mệnh khốn nạn, chỉ được quyền cao cả, không được quyền đê tiện☐.

Vinh Hoa tâu: Ai cũng phải thế. Nói rồi nàng ôm đàn hát:
Nước có còn không
Nước có mạnh không
Thiên tử là cái gôé lớn thiên hạ
Cây cao, bóng cả
Trùm lên muôn dân
Gió mây có biến hóa
Giữ chữ thường
Chính đạo thuần vương

Nhà vua nghe tiếng đàn, mơ màng, gục đầu xuống bàn ngủ thiếp đi. Khi tỉnh dậy, nhà vua không thấy Vinh Hoa đâu nữa, chỉ thấy trên bàn có ghi mấy chữ:

Thời lai phong tống tạ Đà giang
(Thời vận đến, gió đưa lại phía sông Đà)

Nhà vua sai tìm Vinh Hoa khắp nơi nhưng không thấy. ít lâu sau, ở vùng huyện lỵ Đà Bắc (thuộc phủ Hưng Hóa), người ta vớt được một xác phụ nữ quý tộc trôi trên sông, trên tay có bế một đứa bé con còn sống. Quan sở tại báo việc này về triều đình. Vua Gia Long cho người lên xem xét, nhận ra người chết giống hệt Ngô Thị Vinh Hoa. Nhà vua cho làm ma nàng rất hậu, bắt lập miếu thờ. Đứa bé con được những người dân Mường ở đây đón về nuôi. Trong miếu thờ có đôi câu đối của nhà vua ban, ghi rằng:

Sự nhị quân, vĩnh thủ trinh tâm
Lưu vạn cổ, bảo tồn phẩm tiết.
(Thờ hai vua, vẫn giữ lòng trinh
Lưu muôn thuở, còn nguyên phẩm tiết).

Nguyễn Huy Thiệp, sử quan trong văn chương

Thụy Khuê

Văn chương là gì?
Khi phải tìm một định nghĩa cho văn chương, người ta bối rối. Chữ *văn chương* theo nghĩa hiện đại mới chỉ xuất hiện ở Âu châu vào thế kỷ XIX và cho đến nay chưa ai dám khẳng định cái gì là văn chương và cái gì không phải là văn chương.

Todorov phân biệt hai thể loại chính: *Tưởng tượng* và *Thơ ca* và xác định văn chương như cuộc *thám hiểm sức mạnh của ngôn ngữ*. Nếu đem văn chương ra khám nghiệm, phân chất thì văn chương không thật, không giả. *Văn chương là sản phẩm tưởng tượng của con người*.

Roland Barthes đối chiếu *văn chương* với lời nói và không ngần ngại tố cáo tính chất *phát xít* của lời nói. Mọi phát ngôn đều có chủ đích truyền một lượng tin hay một mệnh lệnh nào đó (cho người nghe), và (người nói) *bắt buộc phải nói*. Do đó, tự bản chất, lời nói đã có tính chất vụ lợi, một chiều và độc đoán. Những tính chất ấy cũng lại tìm thấy trong huyết mạch của thế quyền (pouvoir). Do đó mà lời nói dễ trở thành công cụ của thế quyền, biến con người thành nạn nhân và thủ phạm. Văn chương ngược lại thuộc lãnh vực *tự do*: Không ai bị bắt buộc phải viết và người viết chỉ có cái quyền duy nhất là trình bày: nghe hay không nghe, đọc hay không đọc, thuộc quyền độc giả. Barthes xem văn chương là một sáng chế, một diệu kế, một sự lừa bịp lành mạnh của con người giúp cho tiếng nói vượt khỏi lãnh vực của *thế quyền* để bước vào địa hạt *ngoại quyền* (hors pouvoir). Nhìn theo hướng đó, thì những tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp là văn chương.

Sự xuất hiện của Nguyễn Huy Thiệp gây những tương phản dữ dội trong dư luận. Tại sao? Rất có thể là vì cho tới bây giờ, người ta chưa quen với một phong cách văn chương đa diện, đa âm như thế. Trên con đường một chiều, bạn đi dọc ngang, đa đoan, đa dạng, là loạn.

***
Nếu văn chương là "sự lừa bịp lành mạnh" (nói như Barthes), thì Nguyễn Huy Thiệp quả có bịp. Bản thân dạy sử, lạnh lùng tung ra bộ ba *Kiếm Sắc, Vàng Lửa, Phẩm Tiết* với những rào đón mô phạm: *"Tôi sưu tầm chỉnh lý những tư liệu cần thiết..."* Nguyễn Huy Thiệp đã lùa người đọc vào bẫy, lừa những nhà sử, nhà đạo đức nghiêm chỉnh nhất vào

tròng. Phản ứng chống đối mãnh liệt của một số người khi những tác phẩm này xuất hiện, chứng minh sự thành công của Nguyễn Huy Thiệp và làm lộ tính chất "lừa bịp" và tác dụng hý lộng của văn chương.

Văn chương là sản phẩm của tưởng tượng và nếu phải đối lập khoa học với văn chương, người ta chọn khoa học vì nó chính xác, chọn văn chương vì nó gần người. Sử là một khoa học nhân văn chính xác và gần người hơn tất cả những khoa học nhân văn khác, nhưng bộ mặt khô khan, nghiêm chỉnh, mô phạm, giam hãm sử trong lãnh vực giáo khoa và biên khảo, ít người chơi, chỉ khi nào người viết mở rộng tầm sử quan về phía xã hội và con người, đưa sử ra ngoài vòng kinh điển thì sử mới thực sự giao lưu với đời sống (như Tam Quốc Chí). Và Thành Cát Tư Hãn chỉ là cái cớ để Vũ Khắc Khoan viết kịch phi lý, đả phá bạo lực và chiến tranh. Huệ, Ánh, chỉ là cái cớ để Thiệp nói chuyện với đời, về chuyện đời xưa, đời nay.
Vấn đề ở đây là: Nguyễn Huy Thiệp có "bôi nhọ" lịch sử không? Và Quang Trung, Gia Long của Nguyễn Huy Thiệp có giống Quang Trung, Gia Long "thật" không? Về điểm thứ nhất: Ai chẳng biết lịch sử nhọ nhem tự muôn đời? Lịch sử biết nhiều hơn ai hết về thị trường tội ác của mình và không ai có thể bôi nhọ lịch sử bằng chính lịch sử. Về điểm thứ nhì: Chúng ta đang đọc những tác phẩm văn chương, vậy *thật giả, không có gì quan trọng.* Điều quan trọng là tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp có giá trị hay không? Mặc dù khó đọc, khó hiểu, tại sao các truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp vẫn có ma lực lôi cuốn độc giả?

***

Trước hết Nguyễn Huệ, Nguyễn Ánh của Nguyễn Huy Thiệp không nằm khô đét trên bài vị bàn thờ, không mốc meo trong sử viện, cũng không ăn vạ trong các bài sử lãnh cảm mà học trò không chịu học. Huệ, Ánh của Thiệp được *làm người*, nói thứ tiếng chúng ta đang nói, di động, gian trá, xảo quyệt, lừa bịp, nói tục và nhổ bậy... như chúng ta. Ở đây họ sống, trong sử họ chết. Ở đây họ là hiện tại, trong sử họ là quá khứ. Ở đây họ hèn như chúng ta, trong sử họ hùng không giống ta. Ở đây họ là người, trong sử họ là ma, và ở tha ma, họ chỉ là hài cốt, đôi khi còn bị đào mồ, sọ xương bị "kẻ thù" hành tội, xỉ nhục.
Hồi sinh là phù phép thứ nhất, giao lưu quá khứ với hiện tại là phù phép thứ nhì của văn chương.

Qua chân dung Nguyễn Ánh, con người nhìn thấy sự ích kỷ, đáng thương, đê tiện, bất lực và cô đơn của chính mình qua hình ảnh những lãnh tụ: họ cũng giống mình, ham sống, sợ chết. Qua sông gặp cá sấu, Ánh hỏi quần thần ai dám vì nước mà chết? Ánh hau háu lo chiếm được nhiều đất hơn anh em Tây Sơn. Khi Huệ chết, Ánh hăm hở đòi mở tiệc ăn mừng. Gia Long là *một khối cô đơn khổng lồ*, biết nước mình nghèo đói, biết triều đình thiển cận, biết bọn bầy tôi tráo trở, biết*vinh quang nào chẳng xây trên điếm nhục, biết sứ mệnh đế vương thật là sứ mệnh khốn nạn, chỉ được quyền cao cả, không được quyền đê tiện...* Biết Ánh chỉ là cái cớ để Thiệp mô tả não trạng của những lãnh tụ độc tài: *"Không tin ai, dùng người lấy chữ hiệp, chữ lễ làm trọng, không coi nhân nghĩa trí tín ra gì"*. Đối với địch: *"Khi nào ta thành nghiệp lớn, ta phanh thây nó, ta chôn ba họ nó."* Đối với văn học: *"ta chỉ ghét bọn chữ nghĩa thôi, chữ nghĩa chúng nó thối lắm, ngụy biện xảo trá tinh vi... Ta đến đâu đào hố đến đấy, chôn chúng nó xuống... Rửa đầu óc chúng nó mệt lắm".* Đối với nhân tài, con người không phải là một thực thể mà chỉ hiện hữu qua lý lịch: "N*gười ấy cha nó là Nguyễn Nhiễm - Anh nó là Nguyễn Khản"*. Để nắm vững sự tồn tại của chính quyền, lãnh tụ *không dám phá vỡ bất cứ quan hệ nào làm hại đời sống cộng sinh. Không tin học vấn có thể cải tạo giống nòi.*

Dưới con mắt ngoại quốc, ngoại cuộc, Phăng nhận xét: "*Vua Gia Long không đại diện cho ai, ông chỉ chịu trách nhiệm với mình. Đấy là điều vĩ đại nhưng cũng đê tiện khủng khiếp. Ông khủng khiếp ở khả năng dám bỡn cợt với tạo hóa, dám mang cả dân tộc mình ra lường gạt, phục vụ cho chính bản thân mình."*

Việc thống nhất đất nước dựa vào sức mạnh ngoại bang được đánh giá: *"Bệ hạ đẩy vạn con người vào cuộc đao binh là trò chơi sao?" - "Đã ai hiểu việc chúa công dùng Bá Đa Lộc, dùng người ngoại quốc? Chúa công còn phải mang tiếng ba trăm năm".* Gia Long chẳng qua chỉ là portrait robot của những lãnh tụ độc tài muôn thuở: Tất cả mọi phương tiện đều tốt, miễn là đạt được cực quyền, và mọi sự kiện lịch sử đều có mặt trái, kể cả kỳ công "thống nhất đất nước".

***

Nặng tay với Ánh bao nhiêu thì Thiệp đãi Huệ nặng tình chừng ấy. Đối với Thiệp: *"Huệ không có tội gì, chỉ là người tài bị trời hành"*. Về ý thức xã hội, Huệ hơn Ánh: Huệ thắng trong chiến tranh và không bại trong hòa bình, tỏ ra một lãnh tụ có biệt tài kinh bang tế thế: *"Thời chiến ta lấy kẻ có sức lực làm điểm tựa, thời bình ta lấy kẻ có trí lực làm điểm tựa"*. Đối với bọn địa chủ, Huệ thương lượng, cộng tác mà không cướp của, giết người như Ánh: *"Nay các ông đến đây, xin các ông vì ta mà mở mang công nghệ, buôn bán cho nước giàu dân mạnh"*. Về ý thức dân chủ bình đẳng và trách nhiệm lương tâm, Huệ cũng hơn Ánh: Huệ đãi Ngô Khải hậu, cho ăn tiệc, Khải chê: *"Ngon thì ngon nhưng chưa biết nấu, hơi ghê ghê vì có vị lợm"*. Khải phát ngôn như vậy mà Huệ chỉ cầm chổi phất trần quất, nhét cứt vào mồm, lột truồng rồi đuổi về. Đến khi biết tin Khải tự tử vì nhục, *Huệ đang đêm xõa tóc, đi chân đất, vừa đi vừa vấp, chạy vào báo tin cho Vinh Hoa*(con gái của Khải) *biết*.

Đến đây có lẽ cũng nên mở ngoặc về việc nói tục của Quang Trung và Gia Long. Hình như có nhiều người ngượng, bảo Thiệp phạm thượng. Có thể vì thế mà khi in thành sách năm 1989 đã phải sửa vài chỗ, so với bản in trên báo. Ví dụ, bản in trên Văn Nghệ (số 29-30) tháng 7-88, *Phẩm Tiết* có câu:
"Thằng mặt xanh kia! Kề miệng lỗ còn dê ư! Ta cho cắt dái mày! Ta cho mày ăn cứt!" Bản nhà xuất bản Trẻ - Sông Hương (1989) sửa lại là: "*Thằng mặt xanh kia! Kề miệng lỗ còn ham gái đẹp ư? Ta cho thiến mày!"*
Câu sửa yếu hơn câu nguyên bản.

Giả sử nếu muốn cho "lịch sự" hơn, hợp với "khẩu khí đế vương" hơn, sửa nữa thành: "Trẫm truyền cắt dương vật nhà ngươi" thì hóa buồn cười. Thì hỏng. Không ai chửi tục như thế. Đó là thứ ngôn ngữ chết, ngôn ngữ ghép chữ, mà chúng ta thường thấy trong cuộc sống: Ví dụ như ở một vị trí "trịnh trọng" khác, người ta dùng định thức: *"Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, năm thứ..."* (mà Nguyễn Huy Thiệp thường hóm hỉnh cho nhân vật mào đầu lời khấn -tức là nói chuyện với người chết), dụng ngữ này vừa khệnh khạng, đế vương, vừa vô nghĩa, bởi vì xã hội chủ nghĩa là một lý thuyết hoặc thực thể chính trị, có tính cách giai đoạn, nước Việt Nam là một thực thể phi chính trị, vĩnh viễn. Ấy là không kể các đảng phái, chủ nghĩa chính trị, không thể là nhãn hiệu của nước Việt Nam, chúng đến rồi đi, phần còn lại là đất nước và con người trường tồn, vĩnh cửu.
Thứ ngôn ngữ ấy là ngôn ngữ thế quyền mà Bertolt Brecht gọi là Quyền Ngôn (Le Grand Usage), Roland Barthes gọi là "la langue travaillée par le pouvoir", hợp kim của một chút tâm, một chút tà và rất nhiều đạo đức giả.

Nhân vật thứ ba là Ngô Thị Vinh Hoa. Vinh Hoa là ai? Có phải là công chúa Ngọc Hân, vợ Quang Trung, hay Ngọc Bình, em út của Ngọc Hân, được Lê Hiển Tông gả cho

Quang Toản mà sau này Nguyễn Ánh đưa vào Huế làm Thứ Phi, sinh ra Quảng Oai và Thường Tín Quận Công chăng? Không thể biết được. Vinh Hoa mang màu sắc huyền thoại, kỳ bí. Thiệp bịa. Vậy mà nếu muốn thật, thì chắc chắn nàng lại là nhân vật thật nhất, trong ba người:

- Vinh Hoa là một người đàn bà.
- Vinh Hoa đẹp.
- Vinh Hoa là vinh hoa.

Cả ba yếu tố đều thật 100%.

Là người đàn bà (phái yếu) Vinh Hoa mang bộ mặt của tầng lớp nhân dân, giai cấp bị trị, mà các thế quyền tranh cướp, hiếp đáp, vắt đến kiệt lực. Sống kiếp nô lệ qua hai triều, cuối cùng là cái chết trôi sông.

Vinh Hoa đẹp, cái đẹp biểu trưng nghệ thuật. Nghệ thuật làm sao có thể chung chạ với thế quyền? Khi bị thế quyền xâm phạm, làm nhục thì nghệ thuật chết. Phải chăng Vinh Hoa là định mệnh của Trương Chi thời Huệ-Ánh?

Nhưng ở đây, nhân cách Huệ cũng lại khá hơn Ánh: Huệ khao khát chiếm đoạt "nghệ thuật", nhưng không dám cưỡng hiếp. Lúc chết mắt Huệ vẫn mở trơ trơ vì chưa được chung chạ với "nàng". Khi "nghệ thuật" thương tình ban cho Huệ ngón tay út, người "anh hùng áo vải" mới nhắm mắt được. Nhưng khi ngón tay "nghệ thuật" chạm tới thế quyền, chỗ ấy (nhúng chàm) thâm lại, chỉ vất đi.

Ánh nham hiểm hơn: Không những chiếm đoạt nghệ thuật mà còn vắt chanh bỏ vỏ. Đứa con trên tay Vinh Hoa là sản phẩm của ai? Nguyễn Viết Thi hay Nguyễn Ánh? Con ai chăng nữa, nó cũng là chứng minh thư của sự cưỡng hiếp ô trọc: Nó là sản phẩm văn nghệ phục vụ thế quyền. Ban cho Vinh Hoa hai chữ Phẩm Tiết là tiền thân, quốc táng Trần Đức Thảo là hậu duệ của một "*quốc sách*" rất Việt Nam: xâm phạm tiết hạnh nghệ thuật rồi phi tang mà xưa nay cha truyền con nối, thế quyền nào cũng sử dụng.

Sau cùng có thể Vinh Hoa chỉ là *vinh hoa*: là cái bả mà con người từ thứ dân đến lãnh tụ đều bị mê hoặc. Vinh hoa không sờ mó được nhưng có uy lực trên con người. Vinh hoa là cặn bã mà thế quyền thải ra mà con người khát khao mơ ước, là mũ mã trạng nguyên, vì nó mà người ta uốn cong ngòi bút, vì nó mà có các quan văn nghệ, vì nó mà văn nghệ tố cáo văn nghệ, vì nó mà văn nghệ tuyệt tình với văn nghệ và cũng vì nó chúng ta có hàng kho chữ nghĩa mà lọc ra không được một bát ân tình.

Phăng là một khuôn mặt lạ lùng trong tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp. Phăng là một trong những người Pháp "giúp" vua Gia Long đánh "giặc" Tây Sơn. Không phải tình cờ mà Phăng rớt vào *Vàng Lửa*. Phăng vào với chủ đích. Phăng là con dao nhiều lưỡi, là sự nhập nhằng đen trắng, Phăng vừa sáng suốt, vừa độc ác, vừa thông minh, vừa tham lam, vừa là kẻ xâm lăng vừa bị tiêu diệt. Phăng như một tấm gương phản chiếu sự tương phản trong cùng một thực thể, giúp người đọc mở rộng tầm nhìn về tất cả mọi vấn đề: từ lãnh vực lịch sử, chính trị đến kinh tế, văn hóa... Phăng chính là sự *hoài nghi* mà con người đã đánh mất trong một cộng đồng bao cấp lâu ngày trở nên manh mục và có óc *nhất trí cao độ*. Người kể chuyện nhìn Phăng dưới một góc cạnh. Phăng tự thuật dưới một góc cạnh khác. Người Bồ Đào Nha nhìn Phăng dưới một lăng kính khác nữa. Phăng xét Nguyễn Du một cách. Gia Long tiếp nhận lời Phăng nói về Nguyễn Du một cách khác. Đến cái kết về Phăng cũng có ít nhất ba version, ba cách kết. Cuộc đời là một mớ bòng bong, mỗi người chỉ nắm một phần sự thật và nắm cả cái quyền nói dối. Nguyễn Huy Thiệp tung Phăng như một trái hoả mù cho mọi người cay mắt, để họ nhìn thấy cái đáng ngờ, cái hoài nghi trước bất cứ một dữ kiện gì. Dĩ nhiên dữ kiện lịch sử nằm trong hoài nghi đó. *Phăng triệt tiêu khả năng nhất trí tiên thiên trong xã hội chỉ đạo*. Phăng mở rộng lối nhìn nhiều chiều về sử quan cũng như nhân sinh quan trong văn chương Nguyễn Huy Thiệp.

Người đáng chú ý cuối cùng là Nguyễn Du: Nguyễn Du chỉ đứng vị trí lu mờ trong truyện của Nguyễn Huy Thiệp. Khía cạnh lu mờ ấy ít nhiều nói lên bản chất nhu nhược của Nguyễn Du con người, và của văn nghệ sĩ, trí thức xưa và nay:*"Thông cảm sâu sắc với nhân dân, đại diện cho nhân dân ở phần u uẩn nhất, trữ tình nhất nhưng cũng đáng thương nhất... Thông cảm với những đau khổ của các số phận đơn lẻ mà không hiểu nổi đau khổ của dân tộc... Tất cả đời sống vật chất của ông do những hoạt động cù lần mang lại, năng suất thấp, chỉ thỏa mản nhu cầu tối thiểu."* Với tâm cảm và lối sống đó, người làm văn nghệ không có khả năng phục vụ chính mình, cầu gì ở văn chương nghệ thuật? Cầu gì ở nghệ thuật độc lập với chính quyền? Họ là những thực thể riêng rẽ, chưa nhào nặn được sức mạnh để chống vững ngòi bút của mình. Chờ gì đến một thái độ tuẫn tiết: Có mấy ai thệ tuyệt với tác phẩm của mình nếu tác phẩm bị chính quyền sử dụng, như một Pasolini (1).
Bộ mặt văn nghệ sĩ phản ánh bộ mặt văn hóa, dân tộc: Đặc điểm lớn nhất của xứ sở này là nhược tiểu. *Đây là một cô gái đồng trinh bị nền văn minh Trung Hoa cưỡng hiếp. Nguyễn Du là đứa con của cô gái đồng trinh kia. Dòng máu chứa đầy điển tích của tên đàn ông khốn nạn đã cưỡng hiếp mẹ mình... Cộng đồng Việt là cộng đồng mặc cảm. Nó bé nhỏ xiết bao bên cạnh nền văn minh Trung Hoa, một nền văn minh vừa vĩ đại, vừa bỉ ổi, lại vừa tàn nhẫn.*

Thoát thai từ nền văn hóa "thiên triều" ấy, người Việt vẫn còn lưu luyến ân huệ thế quyền: Nhà nước mở những cuộc "thi tuyển quốc ca" và tác phẩm được nhận làm quốc ca là một vinh dự trọn đời cho nhiều nghệ sĩ.

***
Bộ ba *Vàng Lửa, Kiếm Sắc, Phẩm Tiết* chấm phá những hiện thực lịch sử.*Nguyễn Thị Lộ* mở quang lộ thi ca, xõa tấm thân gầy phủ lên hiện thực tha hóa của xã hội để đạt tới tình yêu. Tình yêu, một thực tại phi lịch sử, thiêng liêng và miên viễn.
Nguyễn (Trãi) hôm qua có phải là tiền thân, tự họa của Nguyễn (Huy Thiệp) hôm nay? *"gần như không có bạn, không có tri âm tri kỷ, dưới một bề ngoài bình thản mà rụt rè, Nguyễn giấu mình trong vỏ ốc"* mà Thị Lộ, là xương thịt, là lương tâm, là con đường, là vừng sáng, là ánh dương chiếu vào nội tâm con người trong nỗi cô đơn hiu quạnh của chính mình.

Nguyễn Thị Lộ, riêng rẽ trong tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp, xuất thần như một tự truyện của tác giả về nỗi đau, về tình yêu, về nghĩa vụ, về quyền lực, về bản ngã, về mối tương quan giữa những tâm hồn lớn với chính sự khủng hoảng và không tưởng của họ trong dòng đời. Ở đây sử quan đã lùi bước trước nhân sinh quan và vị thế của Nguyễn Thị Lộ đã chạm ngang tầm Nguyễn Trãi, *vừa độ lượng, vừa bao dung, vừa đầy kinh nghiệm*, nó là toàn bộ tri thức, văn hóa, lương tâm và nỗi đớn đau của con người *"cháy bùng như một ngọn đuốc dẻo dai, kiên cường cho đến chót"*.
Paris tháng 2/1994

Chú thích
(1) Pasolini chối bỏ ba cuốn phim của mình khi ông nhận thấy những tác phẩm ấy bị chính quyền Ý sử dụng.

Mưa Nhã Nam

ở Nhã Nam, tháng Tư có mưa.

Tôi sẽ kể chuyện này cho anh, vì anh, anh bạn bởi đến năm mươi tuổi sẽ thành ông lão.
Tôi sẽ kể chuyện này cho chị, vì chị, chị bạn ạ, bởi đến bốn mươi tuổi chị sẽ trở thành bà lão.
Tôi sẽ kể chuyện này cho cậu, cậu câm miệng , cậu còn trẻ quá, cậu là thằng ngốc.
Tôi sẽ kể chuyện này eho cô, vì cô sẽ đi lấy chồng. Lúc ấy chỉ toàn những nhọc nhằn thôi, không ai kể chuyện cho cô nghe cả.

ở Nhã Nam, tháng Tư có mưa. Chuyện thế này...
Một câu chuyện nhỏ về Hoàng Hoa Thám.

Tôi không chắc ông Hoàng Hoa Thám, tức Đề Thám, tức Hùm xám Yên Thế trong lịch sử có giống ông Đề Thám mà tôi kể không? Còn ông Đề hám như tôi biết (tôi biết rõ ông ta): ông ta là một anh hùng, cũng là một người nhu nhược.

Đấy là khoảng năm..., thời kỳ người Pháp giảng hòa với Đề Thám. Vốn hay đùa nhả trong chính trị, người Pháp thỉnh thoảng có mời Đề Thám về Hà Nội hoặc Bắc Giang chơi. Lần ấy, thống sứ Bắc Kỳ là ông Môren thông qua công sứ Bắc Giang có mời Đề Thám đến Bắc Giang dự một buổi tiếp tân.

Cả Dinh dẫn người đưa thư đến gặp Đề Thám.
- Có nên đi không? - Đề Thám hỏi các thủ hạ của mình.
- Đi chứ! - Những người già quả quyết.
Thế đấy, những người già! Với họ chẳng có việc gì là đáng kể. Trước mặt họ là cái chết. Những cơ hội tốt nhất trong đời họ bỏ lỡ cả rồi.
- Đi làm gì! - Cả Dinh, Cả Trọng, Cả Huỳnh cau có trả lời.

Thế đấy, các bác Cả! Các bác Cả thường rất khoảnh. Chúng ta thông cảm với họ, nếu chúng ta tự mình như họ, trần lực như họ, không có ai để bàn bạc, không có ai đáng bàn bạc, họ phải tự gánh lấy trách nhiệm của họ, nghĩa vụ của họ, giá trị của họ.

Thế còn bà? - Đề Thám hỏi bà Ba Cẩn. Bà Ba là người phụ nữ đáng kể nhất trong cuộc đời Đề Thám. Bà là người phụ nữ duy nhất có mặt nơi này, giữa những tên tuổi hào kiệt lừng danh của phong trào nông dân Yên Thế.
- ông nên làm điều có nghĩa, - Bà Ba trả lời rồi thở dài. Bà có tật như thế khi phải băn khoăn, lưỡng lự điều gì.

Đề Thám bảo mọi người lui ra để ông ngồi lại một mình. Ông nghĩ. Những ý nghĩ của ông bắt đầu phiêu lãng. Thường ý nghĩ của ông bắt đầu từ một vật gì đó cụ thể, tức thời đập vào mắt ông. Thí dụ từ bông hoa hồng.
Này bông hoa hồng
Giá trị của mày là khoảnh khắc
Ai biết mày khi đang hết nụ?
Ai để ý mày khi mày úa tàn?
Ôi hoa hồng, hoa hồng
Phút giây này thật tuyệt vời
May cho kẻ tình nhân gặp mày lúc này
Môi hồng của thiếu nữ cũng thua mày
Hương trầm kia sánh sao được
vị thơm nơi nhụy hoa?
Và những cánh mỏng mịn mà kia,
khiến tất cả vật khác thành phàm tục

Hoa hồng! Ôi hoa hồng!
Ta tiếc cho kẻ vô tình quên bẵng mày
Và giật mình ghen tị với kẻ vô danh nhanh tay
Không biết ai hái mày hôm qua
Kẻ ấy cư xử ra sao với mày?
Hắn có chôn mày trong tim không?
Trái tim ấy có rộng lượng không
có đủ chỗ cho mày ngụ không?
Trái tim ấy có đủ máu không?
Ước không có giông bão lọt vào đấy
Rồi mày cũng nát tan thôi, em ạ, cô em ạ,
Hắn không đáng kể gì, hắn không biết cách
Chơi hoa nào đã mấy người biết hoa...

Đề Thám không nghĩ như thế, dĩ nhiên rồi. Có điều, hôm ấy trong đồn Phồn Xương ông đã cầm lên tay một bông hoa hồng. ông nghĩ về điều khác. Ông đặt mình vào vị trí của Môren, vào vị trí của những người Pháp. ông cho rằng buổi tiếp tân chẳng quan trọng gì và sự có mặt hay không có mặt của ông đều chứa hiểm họa. ông sẽ mang tiếng hèn nhát nếu ông từ chối. ông sẽ thành lố bịch nếu ông có mặt. Thế lố bịch hơn hay hèn nhát hơn? - Đề Thám tự hỏi. - Thôi thì lố bịch còn hơn hèn nhát!

Tôi sẽ đi, đi một mình, đi ngựa...Sẽ ăn mặc như một chàng rể...- Đề Thám vừa nói với bà Ba Cẩn vừa đội lên đầu chiếc khăn xếp trứ danh thửa mãi tận phố Hàng Lọng Hà Nội, chiếc khăn quái đản: không thể dùng làm mũ, không thể dùng để lau mặt được.
- ông muốn đi ngựa thì đi...nhưng đến Bắc Giang tôi sẽ cho phu kiệu đón. - Bà Ba nói vậy rồi lại thở dài. Đề Thám bực mình: ông không thích người ta quan tâm nhiều quá đến mình. ông bảo:
- Đừng làm phiền tôi.
- Nhưng ông làm phiền mọi người. - Bà Ba bẻ lại.

Sự đời là thế. Bà Ba có lý của bà Ba, cũng như bà Cả có lý của bà Cả vậy.

Đề Thám giật cương, thúc con ngựa ô ra khỏi cổng đồn Phồn Xương. ông cho ngựa đi bước một, lang thang trong rừng. ông thích như thế.Đây là thiên nhiên: cành cây xòa trước mặt, tiếng chim hót, những giọt nước mưa đọng lại trên cây, mùi lá mục ẩm ướt, những con chim xanh, con chim đỏ, con chim vàng, những cánh mối ướt rụi, những con bọ nhảy, tiếng vượn kêu não nùng, bông hoa bé xíu...Tất cả hương vị, màu sắc của thiên nhiên đều chân thực, thanh khiết, đều khiến ta cảm động đến tận đáy sâu tâm hồn.

Đề Thám đi miết. Có thể ông nghĩ gì đấy về tuổi ấu thơ đắng cay tủi nhục, những ngày ông phải đi ở tận mãi Tiên Lữ, Hưng yên. Có thể ông nghĩ về Đề Nắm (Lương Văn Nắm), người đã trao quyền cho ông ở vùng Yên Thế, Nhã Nam này. Có thể ông nghĩ về cái mà ta vẫn gọi là □trường tranh đấu□, sự sống hoặc cái chết.

Đề Thám đi xuyên qua rừng mỡ, rừng dẻ, rừng lim và rừng nhội gai. ông trông thấy một cọn phượng hoàng bay qua trước mặt. ông nói:

- Nếu ta nhìn thấy mày hai mươi năm trước thì thích.

Đến giữa trưa thì Đề Thám rẽ vào nhà một người quen ở gần Kế. Đây là nhà ông đồ Hoạt. ông đồ Hoạt có nhà. Các ông đồ thường chẳng đi đâu cả: các ông ở trong bổn

phận mình, trong kiến thức của mình (thực ra là của những con thú to hơn), trong thành kiến của mình, trong giá trị của mình. Ông Đồ Hoạt là người hay chữ, hay thơ. Và như thế, nghĩa là ông chẳng giàu có gì. ở nhà ông đồ, Đề Thám được đón tiếp như người nhà. Thoắt cái, đã thấy bà đồ Hoạt bưng lên một mâm lòng lợn, có cả một đa phèo nõn nà. Mùi mắm tôm chanh, mùi rau húng thơm lừng. Bà đồ Hoạt cười bảo Đề Thám:
- Chị vẫn biết chú thích món này!
Ông đồ Hoạt nói:
- Bà gọi ông Lũy với thằng Hoạt ra đây cùng ngồi.

Ông Lũy là ông hàng xóm, người nổi tiếng về tài ăn trộm trâu bò của bọn hào lý trong vùng. Hoạt là con trai duy nhất của ông bà đồ, bị khoèo tay, tính tình e thẹn.
Bữa rượu vui vẻ, thân mật. Mọi người đều ca thán về nạn sưu thuế, thói những lạm, thái độ mất dạy của bọn quan liêu.

Thời dại chó má!
Mọi người đều thấy đúng là thời đại chó má.

Họ dốc vào họng thứ rượu nấu bằng sắn, thứ rượu mạnh đến nỗi có thể châm lửa đốt cháy được, để hòng làm dịu đi nỗi phiền muộn.
Đề Thám kể cho mọi người nghe chuyện bắt sống chủ bút tờ báo ☐L ávenir du Ton Kin ☐(1) mấy năm trước, chuyện trung tá Péroz đến đồn Phồn Xương thương lượng để ký khế ước ngừng chiến.

Đang câu chuyện, Đề Thám hỏi ông Lũy:
- ông có đủ thịt ăn không?
- Nhờ giời, - tay trộm trả lời, - không phải lúc nào cũng ăn thịt bò, nhưng thịt gà thịt vịt cũng ngon.

Đề Thám nói:
- Nếu ông ở chỗ tôi, tay Ba Biều sẽ nện cho ông một trận rồi tống ông vào trại. Tôi không thích trộm cắp vặt vãnh.

Ông Lũy bảo:
- Tôi không đến chỗ ông vì thế, tôi biết tôi chẳng ra gì vì vướng nợ đời. Tôi giành công bằng theo lối trâu bò gà vịt chứ không phải theo lối con người. Xin ông đừng khinh tôi.
- Tôi không khinh ông, - Đề Thám nói, - nhưng cũng chẳng trọng.
- Đa tạ ông. - ông Lũy đứng dậy chắp tay vái. - Ông và bác đồ cho tôi lỗi phép.

Ông Lũy đi ra. Mâm rượu còn lại ba người. Ông đồ Hoạt nói:
- Anh Đề ạ, cái đầu anh thật kiêu hãnh, thật đáng giá. Toàn quyền Đông Dương(2) thật hà tiện khi đặt giá đầu anh 30 ngàn quan.

Đề Thám cười:
- Bác vẫn làm thơ đấy chứ?
- Vẫn làm...Thế mới đê tiện. - ông Hoạt đỏ mặt. - Còn anh, anh cũng làm thơ theo lối của anh phải không?
Đề Thám nói:
- Không...Tôi không biết chữ.

Ông Đồ Hoạt lắc đầu:
- Mặc xác anh! Anh vẫn là một nhà thơ đáng kể nhất! Ai bảo anh sống thế? Anh là một

tên thi sĩ ma vương.! Anh làm sao tránh được danh hiệu đáng sợ ấy! Anh đã làm những điều mà bọn văn chương suốt đời thèm muốn. Chúng không làm sao biến được ngọn bút của chúng thành ngọn giáo hay cái câu liêm!
- Giáo hay câu liêm, thì tôi có thừa, - Đề Thám nói, -nhưng tôi khát khao điều ấy.
Điều ấy, nào, bác Cả
bác biết là điều gì không?
Đâu là giá trị tinh thần, vật chất nơi bác?
Chúng ta chỉ vẻn vẹn có mạng sống này thôi
Trăm năm là ngắn, một ngày dài ghê
Những con đường chúng ta đi qua
Tất cả đều xám xịt lầm bụi
Mỗi cung đường, mỗi vận hạn
đều xám xịt, lầm bụi
Mà vầng trăng kia xa lắc
Vầng trăng kia lơ lửng trên đầu
Có đôi mắt nào mở to trong tim ta
Và mỗi cái chớp mắt đều khiến ta nhói lòng
Sẽ phải khởi nghĩa thôi
phải tranh đấu cùng số phận
Trăm năm trước cũng thế
trăm năm sau cung vậy
Ta phải dấn thân, phải đốt lửa
Ngọn cờ ta phất lên là giá trị cuộc đời
Bác Cả, cuộc chiến này thật khốn nạn
Bác có chối cũng chẳng được
Làm người chỉ có một lần
làm người thật khó...

Đề Thám hỏi:
- Thằng Hoạt bao giờ lấy vợ?
- Chắc nó ở vậy. - ông đồ thở dài. - Không hiểu sao đàn bà chỉ thích những tên đàn ông nhăng nhít, dê cụ, khả ố, đểu cáng...Thằng Hoạt nhà tôi lại đứng đắn quá.

Đề Thám cười:
- Tôi nhớ tôi ăn lễ dạm hỏi ở nhà này rồi. Thằng Hoạt sẽ làm rể Chánh Trương cơ mà?
- Đúng vậy. - ông đồ gật đầu. - Tôi đã hỏi con bé Xoan cho nó. Trầu cau đưa rồi, cuối năm nay cưới nhưng Chánh Trương lại muốn chạy làng, định gả con Xoan cho lão nghị Trường. Lão ấy góa vợ, nhà giàu nứt đố đổ vách.
- Tôi biết nghị Trường, - Đề Thám nói. - Thằng già ấy lẩm cẩm lẫn lộn, khôn như cáo, nói chuyện với ai cũng chỉ gật đầu.
- Anh Đề! Anh hãy giúp đỡ chúng tôi. - ông đồ năn nỉ. - Anh vốn hào hiệp...Anh đừng để con trai tôi xổng con bé ấy.

Đề Thám nhìn Hoạt. Cậu thanh niên e thẹn thở dài. Ngoài cổng xôn xao, trông ra đã thấy Thống Luận, Bang Kinh và mấy phu kiệu thập thò đứng đón. Bà Ba Cẩn không quên lời hứa. Đề Thám biết rằng bà Ba đã đúng trong trường hợp này: Ông không thể vào dinh công sứ Bắc Giang như một phần tử cực đoan lãng mạn, ông buộc phải tiền hô hậu ủng như một đại diện cho nhiều người.

Đề Thám lên kiệu. ông bảo ông đồ:
- Tôi sẽ gắng làm hết sức.

Hoạt chào Đề Thám, đôi mắt chứa chan hy vọng.

Đề Thám nói với Bang Kinh:
- Mang con ngựa ô đi theo. Khi về tôi về bằ ng ngựa.

Bảy giờ tối, Đề Thám đến dinh công sứ Bắc Giang. Các quan chức và sĩ quan Pháp đi ra đón ông. Họ ngạc nhiên trước người anh hùng nổi tiếng, người được coi là □ đại diện cho tâm hồn An Nam□(3) trông y hệt một tay địa chủ nông thôn họ vẫn thường gặp: cũng khăn xếp đen, áo lương, quần trắng, đi giày Gia Định. Đề Thám khác người là ở thần thái, ở tinh thần tự chủ cao, nhãn quan bao quát rộng, nếu có kể thêm thì đấy là sự buồn nản thất vọng về phẩm cách con người nói chung thỉnh thoảng lộ ra ở khóe nhìn vô hồn nơi ông.

Đề Thám trông thấy đám quan chức người Việt đứng tụm lại thật hèn hạ. ông nhận ra nghị Trường, Chánh Trương và cả Xoan, con gái lão, người đã đính hôn với con trai ông đồ Hoạt. Tôi sẽ không kể gì về buổi tiếp tân này. Theo sử sách ghi chép thì người Pháp ở giới thượng lưu thời ấy đều nhẹ dạ, ngông cuồng, xa hoa; đa phần người Pháp □thực dân□ còn lại trong các guồng máy cai trị cồng kềnh, lại vừa ngu vừa ác. Bầu không khí tinh thần của thời □thuộc địa nửa phong kiến□ ấy đại để như sau: thói ham tiền hám của trộn lẫn với lòng thèm khát khoái lạc vui chơi, chế độ nô lệ tàn bạo bày ra trắng trợn ở các hầm mỏ, đồn điền; đám nha lại người Việt coi thuế là nguồn thu chủ yếu để xây lợp mái nhà Tổ quốc, có chỗ xây lợp bằng đá thật, có chỗ xây lợp bằng các tờ báo lá cải và chứng từ kế toán giả mạo, □con rồng tre An Nam□ tìm cách nhảy chồm lên trong tiếng tom chát ở các ổ chứa và tiếng vỗ tay trong các hội đoàn, thỉnh thoảng lại giật mình co lại bởi tiếng súng kíp hoặc súng hỏa mai tự chế ngoài biên giới...Việt Nam đầu thế kỷ XX là một đất nước nghèo nàn, gần như mọi rợ...

Buổi tiếp tân không làm Đề Thám thú vị chút nào. Lựa dịp thuận tiện, Đề Thám nói với Chánh Trương:
- Tôi muốn nói chuyệh với con gái ông.

Tôi không biết Đề Thám đã nói với Xoan những gì hôm ấy, chỉ biết rằng cô rất bối rối xúc động.

Cô gái, lời nói nào làm cô bối rối xúc động ?

Những lưỡi dao cứa vào sĩ diện cô ư ?
- Không phải!

Những lời tán tỉnh rườm rà hoa mĩ ư?
- Cũng không phải nốt!

Ngôn ngữ trở nên ghê tởm,
nhớp nhúa trên miệng bọn tiểu nhân
Tôi biết một thứ ngôn ngữ giản dị như đất
Thứ ngôn ngữ mộc mạc, thẳng băng
Tựa như tiếng tù và
Như tiếng kèn đồng
Như tiếng chuông vọng...

Có một thứ ngôn ngữ thức tỉnh con người
Buộc họ soi vào lòng mình
như soi mặt xuống lòng hồ
Có thứ ngôn ngữ của người anh hùng,
của người chính trực
Nó làm ta bối rối xúc động
Ta không trón được
Thứ ngôn ngũ không hề phù phiếm
cũng chẳng tân kỳ
Thứ ngôn ngữ của giống nòi lruyền lại
Thứ ngôn ngữ của lương tri
không bao giờ mất...

Đề Thám ra về trước khi buổi tiệc kết thúc.
Không có bất trắc gì xảy ra cho ông và các thủ hạ đi theo. Đề Thám chia tay với mọi người ở triền đê sông Thương, ông lên con ngựa ô rồi theo con đường mòn rẽ vào rừng, ở đấy có lối đi tắt về Nhã Nam. Đề Thám đến cửa rừng thì thấy Xoan đứng đó. Sự biến động trong tinh thần khiến khuôn mặt vốn trắng hồng của cô gái tái nhợt hẳn đi.

Xoan nói:
- Em van ông... Ông hãy cho em đi theo. Đi đâu cũng được...
- Cô phải về đi, - Đề Thám nói. - Cô phải chọn Hoạt.
- Không.. - Xoan nức nở.

Đề Thám đón Xoan lên con ngựa ô rồi thúc con ngựa vào rừng. Đêm trong rừng mênh mông và hư ảo lắm. Tiếng côn trùng rỉ rắc. Mùi hương rừng nồng nàn. Bóng tối sẫm đen trên các tán lá cây, sẫm đen nơi hốc đá, sẫm đen eả trên mặt đất. Rừng vô tình, vô cảm, thản nhiên, lạnh lùng, tàn nhẫn. Rừng muôn đời là thế. Thiên nhiên muôn đời là thế: vô tình, vô cảm, thản nhiên, lạnh lùng, tàn nhẫn. Tất cả đều đẩy con người về nơi tận cùng ý thức cá nhân chính nó. Con người tự co lại như con sâu, cái kiến, thúc thủ trong phần sinh linh vừa bé mọn, vừa cô đơn, vừa bất lực; nó chớp đôi mắt phấp phỏng lo âu trong tâm hồn nó và tự hỏi mình: là ai? đi đâu? thế nào? làm gì? tiến đến đâu? bao giờ thành tựu? bao giờ kết thúc?

Đề Thám và Xoan đến chỗ có hai ngả rẽ một vào căn cứ Hố Chuối và một về Kế thì mưa. Mưa tháng Tư là thứ mưa đầu mùa ở vùng nhiệt đới. Nhoằng một ánh chớp, một làn gió thoảng qua là mưa liền, không sao lường được. Bắt đầu tưởng là cơn mưa bóng mây không phải ngại gì, bỗng thoắt là mưa đá, sấm rền, sét nổ. Mưa như roi quất, tàn bạo, hung hãn. Mây đen cuồn cuộn, gió giật liên hồi rồi mưa như những thác nước trên cao đổ xuống ào ào. Con ngựa không thể đi được vào trong hẻm núi. Đề Thám gầm lên một tiếng như lời chửi rủa, cũng gần như lời than thở rồi thúc đầu gối vào ức phải con ngựa cho nó chạy xuống cánh đồng, ngả rẽ về Kế. Một lúc sau, hai người đã ở trong nhà ông đồ Hoạt.
- Ta đã biết mà, - ông đồ bảo Xoan. - Ta biết con sẽ là một con người con dâu thảo hiền, tín nghĩa...

Bà đồ cuống cuồng giục Xoan đi thay áo quần kẻo lạnh. Hoạt vung vẩy cánh tay khoèo, khuôn mặt tràn trề hạnh phúc.
- Anh Đề! - ông đồ nắm lấy vạt áo Đề Thám. - Anh hãy ở lại đến mai hãy về...

Không! - Đề Thám lắc đầu. Những giọt nước mưa mặn chát ướt đầm trên khuôn mặt

ông. ông nhảy lên ngựa rồi phóng thẳng vào trong màn mưa dày đặc, dày đặc.
Mưa như thế, bắt đầu từ lâu rồi
Trên mặt đất, những con bọ cử bò lổm ngổm
Tôi không biết con người khát khao
điều gì trong cõi sống này.
Hình như điều thiện bắt đầu từ
tình yêu phải không?
Điều thiện buồn tẻ vì nó nhạt nhẽo
Điều thiện tầm thường vì nó an toàn
Điều thiện tệ hại vì nó giết đi đam mê
Anh có sợ điều thiện không?
Chị có sợ điều thiện không?
Và em nữa?
Em có bao giờ ghê tởm điều thiện
bằng như điều ác?
Rồi mưu cùng với thời gian
sẽ xóa đi thôi, xóa hết
Xóa tất cả, rửa đi tất cả
Người ta sẽ rửa chúng ta đi
như rửa xương khi bốc mộ
Trong đêm không có ánh mặt trời
Chúng ta bị rửa đi như rửa xương khi bốc mộ
Tất cả xương người đều như thế.
Tất cả đều rời rạc, đen đúa, khô khan
Chúng ta bị rửa đi như rửa xương khi bốc mộ
Có cơn mưa nào.
Có đôi mắt nào nhòa ướt cho anh?

Đề Thám phóng ngựa vào rừng. Mưa quất vào mặt ông bỏng rát. ông bỗng òa khóc. ông òa khóc cho mình, cho người, cho tất cả những hữu hạn của chính mình, của mỗi người. Đề Thám sụt sùi như một người thường: một anh bán bánh đa mật ở chợ Kế, một viên công chức quèn, một chàng thợ bạc vụng về, một ông giáo nghèo... Ông khóc như một người nhu nhược nhất đời, một người suốt đời thỏa hiệp, không bao giờ dám bước qua lằn ranh bổn phận, nghĩa vụ, cương tỏa. Ông khóc như chưa bao giờ là một anh hùng, một người khởi nghĩa.

Đề Thám đi suốt đêm mưa trong rừng. Người ta kể rằng sáng sớm hôm sau ông cầm đầu một toán quân đánh dồn binh Pháp ở Kép, tất cả binh sĩ trong đồn đều bị giết sạch. Từ đấy chấm dứt thời kỳ hòa hoãn giữa ông và người Pháp.
Mấy năm trước tôi gặp bà cụ Xoan ở huyện lỵ Yên Thế gần đồn Phồn Xương, nơi bây giờ trở thành một phố chợ sầm suất. Bà cụ giờ 84 tuổi , tóc bạc trắng, trông rất hiền lành. Tôi hỏi bà cụ về cuộc đời bà cụ trải qua, bà cụ kể lể khống biết bao nhiêu những điều cơ cực nhọc nhằn xảy ra trong cuộc đời mình: nào người chồng tính nết dở hơi thô bạo, nào đói kém, nào con, nào cháu, nào tật bệnh, nào chiến tranh...

Tôi đứng trên quả đồi khô cằn toàn sỏi nơi bà cụ phát hoang để xây dựng cơ nghiệp cho gia đình mình, trong lòng vô cùng cảm động thương xót. Tôi hỏi điều gì đã làm bà cụ vượt qua được hết nhọc nhằn gian khó trong bao nhiêu nẫm tháng ấy, bà cụ cười móm mém để lộ hai hàm lợi không còn một cái răng nào rồi vạch áo cho tôi xem tấm ngực trần hom hem với đôi vú teo tóp răn reo. Bà cụ nói:
- Ông ấy muốn thế...Tôi không phụ lời tôi hứa... Ông ấy là nguồn an ủi cuộc đời tôi...

- Ông ấy là ai hả cụ?
- Ông ấy kia kìa...
Bà cụ chỉ về bức tượng xi măng cốt thép đứng trên đỉnh đồi ở gần di tích Phồn Xương.
- ông ấy chẳng hề nói năng gì cả...

Tôi biết Đề Thám đã không hề nói năng gì cả từ năm 1913, hơn 80 năm rồi...
Hôm tôi ở Nhã Nam trời cũng mưa, nhưng là cơn mưa bóng mây, một thứ mưa xoàng.

Tôi kể chuyện này đến đây là hết.

Vong bướm và sự tích chúa Chổm: Hai tác phẩm mới nhất của Nguyễn Huy Thiệp

Thụy Khuê

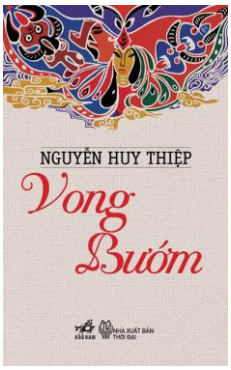

(RFI): Sự im lặng của Nguyễn Huy Thiệp trong tám năm qua là sự nhập thiền để ngộ mình trong một tình huống khác. Tình huống đó là chèo. Tại sao lại chèo? Bởi chèo tự thân đã mang khả năng cách mạng thường trực nghĩa là tác giả và diễn viên đều có quyền phản ứng lại hay quyền phản biện đối diện với hoàn cảnh hiện sinh và trực diện với khán giả trước mắt mình: Chèo là nghệ thuật có tính cách mạng cao.

Chừng tám năm nay, từ sau khi tiểu thuyết Tuổi hai mươi yêu dấu bị cấm in trong nước [1], cùng với dư luận "tẩy chay, ruồng bỏ" của một số người "có thẩm quyền" xác định tác phẩm này là một "thất bại hoàn toàn", Nguyễn Huy Thiệp bèn viết vài cuốn tiểu thuyết ba xu để tặng bọn -chẳng ai hiểu cóc khô gì như lời thằng Khuê trong Tuổi hai mươi yêu dấu- mà theo ông, chỉ đáng đọc tiểu thuyết ba xu.
Sau lẫy hờn đó là im lặng.

Điều kiện sức khoẻ và hoàn cảnh gia đình góp phần trách nhiệm vào sự im lặng này, nhưng lý do chính vẫn là sự chán nản toàn bộ danh vọng, chữ nghĩa và tình đời: Khi đã đạt tới "đỉnh cao", nhà văn phải trực diện với vực sâu trước mắt, bởi đỉnh nào không nằm bên vực?
Vậy, sự im lặng của Nguyễn Huy Thiệp trong tám năm qua là tất yếu và cũng là sự nhập thiền để ngộ mình trong một tình huống khác.
Tình huống đó là chèo.
Tại sao lại chèo?
Bởi chèo là hình thức văn nghệ cổ dân gian, tự do nhất và mang nhiều nghi nghiã nhất trong kịch bản, cách nói, hát và diễn tả:

- Về cốt truyện, tác giả chèo thường dựa trên những truyền thuyết cổ, rồi tự do vẽ rết thêm chân để tạo nên nhân vật của mình: Một danh nhân được coi là anh hùng vĩ đại kiệt xuất qua tay nhà trò, có thể trở thành một bù nhìn hình nộm nhất; một triều đại mở nước, liệt oanh, qua tay chèo, có thể trở thành một triều đại ma só, ma bùn...

- Về lời nói, cách hát, diễn viên cũng có thể tự do sáng tác ra những câu những lời (không có trong kịch bản) để đáp ứng với hoàn cảnh sống hiện tại và phản ứng khán giả. Sự tự do này có tự thời xưa, bởi kịch bản [2] chèo chỉ truyền khẩu chứ không được lưu giữ bằng văn tự.

Vậy chèo tự thân đã mang khả năng cách mạng thường trực nghiã là tác giả và diễn viên đều có quyền phản ứng lại, nói cách khác là quyền phản biện đối diện với hoàn cảnh hiện sinh và trực diện với khán giả trước mắt mình: Chèo là nghệ thuật có tính cách mạng cao.
Nguyễn Huy Thiệp cho biết những vai chính diện có tác dụng giáo hoá, lại thường do những diễn viên nghiệp dư, tức là "bọn tử tế" đảm trách, và "đất diễn" của họ không nhiều. Ngược lại, đám nghệ nhân chuyên nghiệp, tức những quan viên phường chèo, tức là "bọn xướng ca vô loài" thường giữ địa vị "quấy đảo để làm tăng vị chèo".
Tác giả muốn nói bọn dạy đời, bọn giáo dục quần chúng (tức bọn chính thống, bọn quyền thế) xuất hiện rất ít, chỉ giữ vai phụ, do những người tập tành học việc diễn.
Trong khi bọn bị khinh rẻ, chỉ được đóng vai phụ, lại là bọn nghệ sĩ đích thực "xướng ca vô loài", có tay nghề, có có khả năng khuynh đảo xã hội, có thể "nổi loạn" bằng cách sáng tác những lời văn, thơ không có trong nguyên bản, để tạo không khí và gây hậu quả, làm cách mạng thường trực.
Nhờ tính nghi nghiã và đa nghiã, chèolà một nghệ thuật mở, dù diễn tích xưa, nhưng luôn luôn tái tạo để phù hợp với đời sống hiện sinh, hiện hành, trong bất cứ môi trường nào, xã hội nào, thời đại nào.

*
Chèo Vong bướm, kể chuyện Điệp Lang, một chàng trai quê ra tỉnh tìm công danh, trót ký với Ma vương "giao kèo" bí mật: bán linh hồn mình để thoả mãn tất cả dục vọng trên đời... Sùng ông, cha chàng, đi tìm con, chỉ gặp được vong con.
Vong bướm kết hợp huyền thoại Trang Tử hoá bướm và bác sĩ Faust bán mình cho Quỷ, cùng tinh thần Văn tế thập loại chúng sinh của Nguyễn Du, để tạo ra một mô hình mới trong chèo: Vong.
Văn tế thập loại chúng sinh của Nguyễn Du mở đầu bằng những dòng trác tuyệt:
Tiết tháng bảy mưa dầm sùi sụt
Lọt hơi sương lạnh buốt xương khô
Não người thay bấy chiều thu
Ngàn lau khảm bạc, giếng khô rụng vàng

Từ thềm nhân ái, Nguyễn Du tạo một hoàn vũ cô hồn đến Quỷ cũng đáng thương: "Quỷ không đầu van khóc đêm mưa". Tố Như là hồn của chữ nhân sau khi thoát xác.
Hồn Nguyễn Du, ba trăm năm sau, vẫn còn vấn vương trần thế, ám vào đám vong người.
Từ ảnh hưởng Nguyễn Du, Nguyễn Huy Thiệp tạo thế giới vong thế kỷ XX, mà quỷ và người cùng sống chung trong ý thức.
Goethe giải thích cuộc quyết đấu cơ bản: "Có hai linh hồn sống trong ngực tôi. Cái nọ muốn muốn lìa cái kia. Một, với những bộ phận lành mạnh, bấu víu vào cuộc đời, trong niềm vui xác thịt; một hăng hái đứng lên và thoát ra từ cát bụi trong lòng đất để về với

những cánh đồng của tổ tiên". Đó là cuộc tranh đấu tay đôi thường trực trong nội tâm con người, giữa sống và chết, tốt và xấu. Faust và Méphistophélès là hai mặt của một mề đai.
Ma vương là hiện thân của Méphistophélès trong thế giới phương đông.
Nguyễn Huy Thiệp, từ thời Quỷ ở với người, đã chịu ảnh hưởng Goethe, qua kỹ thuật dàn dựng và cuộc chiến nội tâm.
Điệp Lang trong Vong bướm, là hiện thân của những người mải mê đi tìm danh vọng, bán linh hồn cho quỷ.
Mà vong lại là hồn và hồn bướm là hình tượng được Khái Hưng và Nguyễn Bính tái tạo trong Hồn bướm mơ tiên và Cô hàng xóm. Vậy Vong bướm của Nguyễn Huy Thiệp là tái tạo thứ ba, sau Khái Hưng và Nguyễn Bính:
"Vong là ngọn gió đa tình bay qua,
Vong ngoài sân, vong trong nhà,
Vong từ cung cấm, vong ra sân đình.
Vong này đích thực vong tình,
Xem ra vong Bướm ở mình, ở ta".

Sau thời kỳ "tham thiền" gần mười năm, Nguyễn Huy Thiệp nhìn lại đời mình, đời người, luận lại mọi lẽ, và ông đã tìm ra một triết lý mới của đạo Phật: Tất cả đều là vong (Xem ra vong Bướm ở mình, ở ta) hoặc sẽ trở thành vong. Bởi vong ở mình. Bởi tất cả rồi sẽ chết. Bởi ta mang cái chết trong mình.
Nhưng vong còn là sự suy vong, tận diệt, tự huỷ. Vong có trong ta, trong cuộc sống, là sự tranh đấu giữa hai thế lực tốt xấu trong ta.
Điệp Lang (Chàng Bướm) mang hình ảnh những kẻ đam mê danh vọng cung đình, bán mình cho Quỷ:
Lại những vong công hầu khanh tướng,
Nơi thâm nghiêm thì thụt vào ra.
Lăm le gánh vác sơn hà,
Bạn bè toàn những mãng xà diều hâu
Trường danh lợi biết đâu là đủ,
Danh càng cao thù oán càng cao,
Thác đi vênh váo được nào,
Văn thơ để lại vận vào tiếng nhơ!
Cũng nhiều vong bơ phờ hốc hác,
Tưởng như mình thiên chức tài cao.
Trường văn trận bút áo ào,
Viết hàng đống sách vứt vào lãng quên.

Điệp Lang là chàng trai quê lên tỉnh, giống như cô gái quê của Nguyễn Bính sau khi đi tỉnh về: Hôm qua em đi tỉnh về, hương đồng gió nội bay đi ít nhiều. Điệp Lang dấn cả cuộc đời trong gió bụi kinh thành, chàng thì thụt vào ra những nơi thâm nghiêm kín cổng, bạn bè toàn những mãng xà diều hâu. Đối diện với Điệp Lang là Ma vương:
"Ta là cô hồn, ta là tận thế,
Ta là bài ca tuyệt vọng cõi nhân sinh!
Ta là cơn lốc bất thình lình,
Ta ập đến trong sát-na, trong thời khắc!
Ta ký những giao kèo bí mật,
Ta ký trong thoả thuận tâm linh.
Ta ký giao kèo với các sinh linh..."

Khi mê, Điệp Lang không phân biệt được, đâu là ánh sáng, đâu bóng tối, nhưng khi tỉnh

lại, chàng đã thành vong, mới có cơ hội bay lên nhìn lại toàn cảnh đời mình, từ không gian vũ trụ:
Danh càng cao thù oán càng cao,
Thác đi vênh váo được nào,
Văn thơ để lại vận vào tiếng nhơ!

Để xây dựng nhân vật của mình, Nguyễn Huy Thiệp trích dẫn khá nhiều thơ Nguyễn Bính, nhưng ông tạo ra những cá tính, những tinh thần, những tình huống huyền hoặc của xã hội ngày nay, khác hẳn tinh thần lãng mạng xưa, trong cuộc tranh đấu một mất một còn giữa đô thị và thôn quê, giữa quyền lực và dân đen, giữa thối nát và trong sạch, trong bối cảnh nửa hiện đại, nửa cổ phong.

*
Truyền thuyết tìm Vua (hay là Sự tích chúa Chổm) thoạt nhìn là huyền thoại Chúa Chổm thế kỷ XVI, nhưng khảo sát kỹ hơn, vở chèo bao trùm nhiều thời điểm khác, nhiều giai đoạn lịch sử khác. Phần giáo trò, mở bằng những câu:
"Chuyện xảy ra thế kỷ mười sáu,
Nhà Lê suy vong, nhà Mạc truất ngôi
Mặc Đăng Dung khởi chuyện động trời
Giết Cung Hoàng, tiếm ngôi Hoàng đế
Công thần nhà Lê thảy đều phẫn chí
Theo Nguyễn Kim dựng ngọn cờ đào
Một phen nước lửa binh đao,
Một phen vận hội anh hào ra tay
Nam-Bắc triều cuộc chiến này,
Nồi da nấu thịt xương thây trắng đồng!

- Có câu rằng:
Nam Bắc Tây Đông,
Rối tinh canh hẹ, Nam Bắc Tây Đông!... (Chương 1)

Phần giáo trò (giáo đầu hay mở đầu) tóm tắt bối cảnh vở chèo: Chuyện xẩy ra khi Mặc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê. Nguyễn Kim, công thần nhà Lê lập bản doanh tại châu Sầm Nứa (Ai Lao) cùng con rể là Trịnh Kiểm đi tìm con út vua Lê Chiêu Tông, tên Duy Ninh, tức chúa Chổm, tôn làm vua, năm 1533, tức Lê Trang Tông. Đó là huyền thoại dân gian, chính sử không nói gì đến chúa Chổm [3]. Nhà Lê trung hưng lên từ đấy, nhưng đồng thời đất nước bắt đầu "rối tinh canh hẹ" trong những cuộc nội chiến tương tàn.

Vào chèo, đại thần Nguyễn Kim dấy cờ khởi nghiã, có Hề và ba quân (tiếng đế) phò tá. Nguyễn Kim là chủ soái nhưng Hề "giật dây", Hề mới là kẻ có thực quyền.
Nguyễn Kim và con rể Trịnh Kiểm, "tổ phụ" của hai "triều" Nam Bắc, đi tìm dòng dõi vua Lê để phò, tức là tìm Đạo, hay tìm Ngài Được Chọn (Kinh thánh gọi là Élu, tức là vị Chúa con được Chúa Trời tiền giao sứ mệnh thiêng liêng). Chữ Đạo này, ứng vào lịch sử Nam Bắc triều là Chính nghiã. Người ta đánh nhau vì chính nghiã, mà chính nghiã đối với hai bên tham chiến, thu gọn lại là chính quyền. Tất cả những sự "rối tinh canh hẹ" trong cuộc nội chiến trải dài ba thế kỷ (từ đầu thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XIX) giữa các họ Mạc, Trịnh, Nguyễn và Tây Sơn, núp dưới chính nghĩa phò Lê, để dành quyền chấp chính, tức là cướp chính quyền.
Còn vấn đề Ngài Được Chọn, ứng vào thế kỷ XVI, là tìm Chúa Chổm, người nối dõi tông đường của nhà Lê, đưa lên làm vua bù nhìn và biểu hiệu chính nghiã.

Có vua, họ Trịnh xưng chúa phía Bắc để hiếp vua; họ Nguyễn xưng chúa phía Nam, lấy cớ phò vua đánh Trịnh. Trịnh Nguyễn tranh chấp bá quyền trong 148 năm vì "chính nghiã" vua Lê; sau đó Tây Sơn tiếp nối đánh Nguyễn trong 24 năm nữa.
Ứng vào lịch sử cận đại, thời tiền khởi nghiã, thì Ngài Được Chọn là vị Chúa Nhất, được tôn vinh "cha già của dân tộc". Sau khi Chúa Nhất băng hà, người ta đi tìm con rơi của Người, để dựng chúa Chổm hiện đại. Các chúa con này được các thiền sư hồng giáo dục theo đúng nguyên tắc huấn Chổm: "Tửu, sắc, yên, đổ" [4]. Và nhà nước hồng triền miên dưới sự trị vì của các chúa Chổm thời danh từ giai đoạn tiền khởi nghiã đến ngày nay.
Vở chèo mở cửa cho chúng ta vào lịch sử thành lập triều đại hồng này.
Trống thúc, chạy cờ, Nguyễn Kim ra (có Hề theo sau) vạch đường chính nghiã:

"Hãy mau mau theo ta tìm vua tìm Đạo! Hãy theo ta tìm ra nòi giống vua Lê dựng nghiệp". Rồi truyền lệnh: "Hãy mời các tướng lĩnh ra đây bàn việc!".
4 tướng: 2 văn, 2 võ ra, chắp tay:" Trình lạy tướng công, Vô Dụng, Vô Đức, Vô Sản, Vô Nhân, có mặt!" (...)
Hề hỏi:
"Thế các ông theo tướng công ta bởi lẽ gì nào?
Vô Dụng: Vui thì theo thôi!
Vô Đức: Thấy người ta đi thì ta cũng đi!
Vô Sản: Đi thì may ra có cái ăn, còn ở nhà thì lấy gì mà ăn?
Vô Nhân: Cứ chỗ nào đông người thì đến đục nước béo cò!
Hề:" Thế thì xéo! Xéo ngay! Thời thế ngày nay đã khác xưa rồi, muốn vào doanh tướng công ta nay phải
có vàng mười đặt cọc!" (Xua đuổi, đánh, các tướng ôm đầu chạy).
Nguyễn Kim: (ngăn lại) Cũng phải giữ lại một người để bàn việc chứ?
Hề: Thôi thì ta giữ lão già này lại! (giữ Vô Dụng lại, 3 tướng chạy đi).
Vô Dụng: (Chắp tay) Trình lạy tướng công! Vô Dụng trình lạy tướng công.
Hề: Lão là Vô Dụng hay Ngô Dụng?
Vô Dụng: Lão là Vô Dụng, chứ nếu là Ngô Dụng như trong truyện Thủy Hử thì chết lâu rồi!
Hề: Sao Vô Dụng còn mà hữu dụng chết?
Vô Dụng: (bảo Hề) Cậu ơi, thế cậu có nhìn thấy cái cây to lớn bên đường kia không?
Hề: Có! Có phải cái cây cao bóng cả, cái cây lắm cành nhiều cội, cái cây lắm họ hàng hang hốc đấy
không?
Vô Dụng: Đúng rồi, cái cây vô dụng!
(vỉa) Gỗ của nó đóng quan tài thì quan tài mục,
Mang đóng thuyền thì thuyền chìm nghỉm mất toi!
Làm củi đun thì khói um giời!
Chim không làm tổ mà hoa quả thì cây này không có!
(nói) Chính vì vô dụng mà cái cây ấy sống trăm tuổi thành cổ thụ đấy cậu ạ! Chứ hữu dụng thì người ta
chặt nó lâu rồi!
Nguyễn Kim: Hay! Nay ngươi nói ra ta mới hiểu cái nghiã của sự vô dụng ở đời!
(hát cách) Này vô dụng! Hỡi vô dụng!
Nào ai hay vô dụng đắc thời!
Giở hay cũng bởi chữ thời,
Thị phi hai mặt ai người chớ quên!
Nhân tài do bởi chữ Duyên!"

Trích đoạn trên đây mở màn vào không gian và "triết lý" chính của vở kịch: vô dụng thì sống, hữu dụng tất chết. Chỉ với mấy dòng đối thoại, Nguyễn Huy Thiệp đưa ra tám chủ đề:
1- Tìm Vua tức là tìm Đạo.
2- Ý nghiã họ tên của bốn tướng: Vô Dụng, Vô Đức, Vô Sản, Vô Nhân.
3- Động lực dựng cờ "Hưng quốc" của bốn tướng họ Vô.
4- Cửa quyền: muốn vào dinh thì phải đút cửa Hề vàng mười.
5- Các họ Vô khác đều bị sa thải, chỉ giữ lại Vô Dụng.
6- Nguyễn Kim là chủ soái nhưng Hề nắm thực quyền.
7- Nguyên tắc cai trị: vô dụng thì còn, hữu dụng bị diệt.
8- Nguyễn Kim "ngộ" ra "nguyên tắc" tìm vua tức là tìm "Người Được Chọn" (dùng chữ Élu trong Kinh thánh) nói khác đi là tìm "kẻ vô dụng" để dựng "vua bù nhìn".
Tám chủ đề này bao trùm lên nhiều thời điểm lịch sử: thời Tiền khởi nghiã (tìm Chúa), thời Nam Bắc triều (Vô Sản lãnh đạo thành công: dãi thây trăm họ nên công một người), thời Thống nhất (Vô Dụng tồn tại, các họ Vô khác bị tiêu diệt như trong Thủy Hử, có danh ắt hại ba đời) và thời Hiện đại (vào dinh phải có vàng mười).

Chủ đề một: nhà nước chuyên chế nào cũng đồng hoá chính quyền (vua, đảng) với Đạo.
Chủ đề hai: Chỉ vì cái tên mà bốn tướng cột trụ Dụng, Đức, Sản, Nhân, bị Vô (hiệu) hoá dưới triều đại hồng.
Chủ đề ba: Lý do theo "kháng chiến": Vô Dụng:Vui thì theo thôi! Vô Đức: Thấy người ta đi thì ta cũng đi!
Vô Sản: Đi thì may ra có cái ăn, còn ở nhà thì lấy gì mà ăn? Vô Nhân: Cứ chỗ nào đông người thì đến đục nước béo cò!
Lời Dụng và Đức chả khác gì lời Phạm Duy, Tạ Tỵ, Hoàng Cầm... thốt lên về việc theo kháng chiến, nghiã là họ chẳng biết mô tê mù tịt gì về chủ nghiã nọ kia, thấy vui thì đi; bọn theo Nguyễn Kim ngày trước cũng thế.
Chủ đề bốn: Sự đút lót có từ thời dựng cờ Hưng quốc.
Chủ đề năm: "Hưng quốc" (cách mạng thành công) rồi, áp dụng quy luật "tiền nhân": các tướng có công bị loại, chỉ giữ lại Vô dụng.
Chủ đề sáu: Chủ soái chưa chắc đã có thực quyền, thực quyền nằm trong tay bọn hề.Chủ đề bẩy: Nguyên tắc thống trị của triều đại hồng: tiêu diệt những gì hữu dụng, chỉ để lại bọn vô dụng.
Chủ đề tám: Vị nguyên thủ "ngộ" ra chân lý: phải bù nhìn hoá các giá trị (ví dụ tự do, dân chủ), tức là viết thành chữ trong hiến pháp nhưng không thi hành.
Nguyễn Huy Thiệp vẫn kiệm lời, kiệm nhân vật, kiệm cử chỉ và kiệm cả hành động, nhưng mỗi nhân vật, mỗi cử chỉ, mỗi hành động đều ẩn nhiều ý nghiã, nhiều chủ tâm khác nhau, ví dụ, bốn tướng quan trọng nhất đều họ Vô, tên: Dụng, Đức, Sản, Nhân. Ba chữ Dụng, Đức, Nhân, biểu dương những đức tính tốt của con người, thường được cha mẹ Việt chọn làm tên cho con với kỳ vọng người con sẽ thực hiện được những gì mà cha mẹ hoài bão, nhưng ở đây, lại bị chữ Vô triệt hết, biến chúng trở thành: Vô Dụng, Vô Đức, Vô Nhân.

Yếu tố "ngoại lai" duy nhất lọt vào trong đám tướng này là Sản (tài sản, tiền bạc), nhập cảng từ bên ngoài, không có ý nghiã gì trong đạo đức truyền thống của người Việt, khiến cha mẹ dùng để đặt tên cho con. Chính cái Sản này, là thứ vi trùng ngoại lai, sẽ giữ vai trò chủ chốt trong việc tiêu diệt các đức tính: Nhân, Đức, của con người mà cha mẹ Việt ước muốn cho con. Sản (tiền tài, của cải) sẽ tiêu diệt Nhân, Đức, hoặc chuyển hoá Nhân và Đức sang cùng họ Vô với mình, để trở thành: Vô Nhân, Vô Đức, Vô Sản.

Sự chuyển biến này trong thời kỳ tiền khởi nghiã (tìm Chúa) có ý nghiã sau xa: Vô Sản tiêu diệt Nhân Đức, để nắm toàn quyền lãnh đạo, tạo nên cuộc Cách mạng Vô sản. Trong bọn tướng theo Nguyễn Kim có bốn cột trụ: Vô Dụng, Vô Nhân, Vô Đức, Vô sản. Vô Dụng được Hề giữ lại. Nhưng việc Hề so sánh Vô Dụng với Ngô Dụng có ý nghiã thâm thúy: Ngô Dụng, quân sư trong Thủy Hử (được ví như Gia Cát Lượng), phải tự vận chết, bởi khi hết loạn, nhà Tống tiêu diệt gần như toàn bộ nhóm anh hùng Lương Sơn Bạc về giúp triều đình. Ngoài ra, họ Ngô, trong thời điểm Nam Bắc phân tranh, còn gợi nhớ đến một họ cầm quyền ở phương Nam. Nghĩa gì chăng nữa thì họ Ngô tên Dụng ở đây, vẫn là một thứ "hữu dụng" và như cái cây, nếu nó hữu dụng thì bị người ta chặt ngay! Chỉ bọn vô dụng là đắc thời, đắc thế!

Cuối cùng, Hề núp sau, giật dây quyền lực. Hề ra lệnh "giết phăng lịch sử". Nhà nước hồng đã răm rắp thi hành bản án tử hình lịch sử này.
Chổm hiện ra trong màn 2. Mẹ Chổm ngày trước "bán rượu" ở kinh thành, một đêm, phận hèn may (hay rủi) gặp vua, xong "việc", vua trao cho nàng ấn tín xác nhận hành vi. Chẳng ngờ chuyện một đêm thành chuyện một đời: "Ai hay sinh hạ được nên giọt Rồng!". Nàng bèn: "Gửi con lên chốn núi Hồng", cho các vị thiền sư Hồng dạy Đạo. Chổm là đệ tử của sư Thạch Toàn. Chổm học gì? Chàng học được những trò "sớm đào tối mận", bởi "sư dạy toàn những thú ăn chơi đế vương thôi!". Sau 10 năm "tu luyện", Chổm quyết định "hạ sơn" đúng lúc đại thần Nguyễn Kim đang truyền lệnh tìm Đạo, tìm Người Được Chọn. Chổm lên ngôi vua. Mẹ Chổm mừng rỡ: "Ơn giời Long lại hoàn Long! Trứng Rồng lại nở ra Rồng. Liu điu lại nở ra dòng liu điu!". Rồi thoắt nhiên nàng hoá dại: "Chổm ơi là Chổm" "Mẹ hại con rồi!", mẹ Chổm ca:"Rồ rồ dại dại điên điên, vào trong cung cấm không điên mới tài".
Sự hoá dại của mẹ Chổm khi biết con mình sẽ thành vua, là điều bi đát nhất trong lịch sử, lịch sử hồng và lịch sử nhân quyền của một nước.

Paris Tết Nhâm Thìn, 2012

[1] Viết xong năm 2004. Bản dịch Pháp văn A nos vingt ans của Sean James Rose, do nhà Aube in ở Pháp 2005.
[2] Nguyễn Huy Thiệp sưu tầm và cho biết kịch bản tức thân trò hay tích trò chỉ truyền khẩu.
[3] Theo Long điền Nguyễn Văn Minh, trong bài nghiên cứu "Chúa Chổm là ai? Cấm Chỉ là gì?" thì huyền thoại Chúa Chổm và phố Cấm Chỉ ở Hà Nội không liên lạc gì với nhau. Về Chúa Chổm, ông viết: "Xét nhà Lê trung hưng từ năm Quý Tỵ (1533) đóng hành điện ở châu Sầm Gia (Ai Lao), sau Trịnh Kiểm thiên ra Vạn lại (Thanh hoá), mãi đến năm quý tỵ (1593) mới về được Thăng long, tức là cách 60 năm tròn. Trong 60 năm, trải bốn đời vua: Trang tông, Trung tông, Anh tông và Thế tông. Tháng 4 năm ấy, xa giá vua Thế tông mới tới Thăng Long: như vậy mà bảo Lê Trang tông là Chúa Chổm, thực không đúng. Vua Trang tông mất ở Vạn lại từ năm 1548, mà đến năm 1593 triều đình mới về được Thăng Long, cách nhau 45 năm trường". Về phố Cấm Chỉ, ông viết: "Lại xét địa đồ xưa, thành Thăng Long, ba phía đông, tây, bắc, mỗi phía có một cửa, duy phía nam có hai cửa: một cửa ở ngay vườn hoa Bách Việt bây giờ có con đường đi thẳng lên Cột cờ; một cửa nữa có lẽ vào phố hàng Đẫy (đại lộ Nguyễn Thái Học bây giờ) khoảng nhà thương Saint Paul. (Theo bản đồ phác hoạ (schéma) Hà Nội năm 1876, trong quyển "Hanoi pendant la période héroique (1873-1888) của André Masson, in 1929, do nhà Librairie orientaliste Paul Geuthne). Vậy có lẽ xưa lúc thiết đại triều ở Kính thiên, tất phải cấm dân chúng đi lại gần cửa Nam để tiện giữ trật tự, vì thế mà có lệnh cấm từ con đường ngang cách Cửa Nam một quãng, do đó thành tên là con đường ngang Cấm Chỉ. Như thế, Cấm Chỉ có từ xưa, đời nhà Lý, chứ không phải có từ đời Lê trung hưng.".

Còn về cái tên Chúa Chổm, ông lập luận: "Chúa Chổm, dẫu là thực danh hay xước danh của một nhân vật nào, tất cũng phải từ sau năm quý tỵ (1593) tức là sau thời kỳ Trịnh Tùng xưng chúa". (Tập san Nhân Loại số 16 ra ngày 9 và 30/11/1953, Sàigòn).
[4] Rượu chè, trai gái, ma tuý, cờ bạc.

***

Phụ đính I :

Có thật đa số các nhà văn Việt Nam đều vô học, các nhà thơ đều lưu manh hay là "hội chứng chửi có thưởng" thời nay?

Trần Mạnh Hảo

Những đặc tính có vẻ kém hay kia được gán cho hầu hết các nhà văn, nhà thơ thuộc Hội nhà văn Việt Nam (HNVVN) và gán cho những nhà thơ Việt Nam (VN) kể từ Nguyễn Trãi, Nguyễn Du trở xuống... không phải của người viết bài này, mà chính là lời của nhà văn Nguyễn Huy Thiệp (NHT, cũng là một hội viên của HNVVN) trong bài Trò chuyện với hoa thủy tiên và những nhầm lẫn của nhà văn in liên tục trên 3 số báo Ngày Nay (cơ quan ngôn luận của Hiệp hội UNESCO Việt Nam) gồm các số: số 4 ngày 15/2/2004, số 5 ngày 1/3/2004 và số 6 ngày 15/3/2004. Chúng tôi sẽ lần lượt trích dẫn cụ thể những lời nói ngang ngược của nhà văn NHT, sau khi trình bày vài cảm nghĩ của mình về nhà văn này.

1. Thử lý giải hiện tượng Nguyễn Huy Thiệp

Bản thân người viết bài này vốn từng rất quý trọng văn tài của nhà văn NHT. Nhà văn này đã góp cho nền văn học nước nhà ngót 10 cái truyện ngắn thật hay. Văn của anh Thiệp tuy là lối văn cũ nhất thế giới kiểu Truyện Tàu xưa, nhưng cái quý là chỗ anh đã biết dồn nén dung lượng đời sống vào nhân vật, vào ngôn ngữ như nén thuốc pháo, lại theo một góc nhìn lật mặt trái tấm huân chương... nên phần nào có thể làm mới được lối văn rất cũ này. Trước NHT, nhiều nhà văn VN đã viết theo lối văn xưa của Tàu, mà người thành công nhất là ông Vũ Hạnh. Hãy đọc lại **truyện ngắn Bút máu**, một tuyệt tác của Vũ Hạnh viết trước NHT gần 30 năm, ta sẽ thấy những Kiếm sắc, Vàng lửa, Phẩm tiết... của anh Thiệp có vẻ như là mô phỏng lối viết, lối nhìn, lối suy nghĩ, lối dùng ngôn từ cộc, gằn, chát, đắng, đau... với vẻ lạnh lùng khá tàn nhẫn mà Vũ Hạnh đã dùng trong Bút máu, in năm 1958 thời Ngô Đình Diệm...

Cách đây 18 năm, nhờ công cuộc đổi mới văn học do Đảng và Nhà nước chủ trương, một loạt truyện ngắn của NHT đã được in trên báo Văn Nghệ (tờ báo của HNVVN) tạo thành một hiện tượng văn học thật sự. NHT xuất hiện lúc đó quả tình như một cái van xả xú-báp của tâm lý xã hội, góp phần giải tỏa bao ức chế bị dồn nén của chiến tranh, nên được đông đảo người đọc đón nhận. Truyện ngắn có dư luận của anh Thiệp đầu tiên xuất hiện trên Văn Nghệ là truyện Tướng về hưu, rồi tiếp một loạt truyện mô tả một hiện thực khác là mặt trái xã hội, giống như cuộc tiểu phẫu các vết thương chiến tranh còn sót lại trong tâm hồn con người và trên cơ thể xã hội chưa chịu thành sẹo, còn mưng mủ hòa bình. Anh Thiệp đã xuất hiện đúng lúc để gãi ngứa cho giai đoạn ăn da non của vết thương chiến tranh thời hậu chiến. Vốn có thực tài, lại xuất hiện đúng lúc, trong mấy năm đầu công cuộc đổi mới văn học, cần phải ghi công NHT, bằng hội chứng

văn học gãi ngứa, đã góp phần làm mau lành các loại vết thương buổi giao thời ấy. NHT sau gần một chục truyện ngắn xuất sắc, đã để lại sau lưng một vệt các nhà văn trẻ thi nhau mô phỏng lối viết của anh. Khi bạn đọc trong nước đã cảm thấy có phần bội thực văn NHT, thì một loạt các đài báo, các nhà xuất bản của người Việt ở nước ngoài bắt đầu biểu diễn hội chứng đói Thiệp đến mức nhá hết cả thượng vàng hạ cám của nhà văn này, mà vẫn thấy kiến còn bò trong bụng. Khi đời sống xã hội trong nước đã khá lên nhờ cơ chế thị trường, các loại vết thương chiến tranh thời hậu chiến đã qua giai đoạn ăn da non, không còn cần công nghệ gãi ngứa vật chất và gãi ngứa tinh thần nữa. Nhưng NHT không nhận ra điều đó. Anh vẫn tiếp tục sản xuất văn chương gãi ngứa vết thương. Nhà văn này chừng như cố tình không nghe lời ta thán của độc giả: rằng cái ông này đùa dai, người ta đã hết ngứa từ lâu, mà sao hễ cứ nhìn thấy vết sẹo nào lộ thiên là ông lại lao vào gãi mãi thế? Những vết sẹo không còn ngứa nữa thì mình gãi làm gì, chỉ tổ cào rách miệng vết thương xưa thôi! Hay là ông nhà văn này bị bệnh đói các vết thương? Đây chính là bi kịch của văn tài NHT: khi cái thiên tài gãi ngứa của mình không còn hợp thời nữa, không còn đắc dụng nữa, anh bèn sinh ra nghề lập thuyết, viết lý luận dạy đời và chơi cả tiểu thuyết trên mạng Internet... Nhưng dù sao, chúng tôi cũng vẫn phải thầm cám ơn tờ báo Văn Nghệ: ngót 20 năm về trước đã khai sinh ra nhà văn NHT.

2. Văn hóa không dung nạp thói vô ơn và trò chơi "chửi có thưởng"!

Chúng tôi rất hoan nghênh tiêu chí của NHT in trên phần đầu bài báo đã dẫn trên Ngày Nay số 4-2004, tr.17, cột 2, dòng 10 kể từ dưới lên: "Nhà văn bắt buộc phải trở thành một nhà văn hóa, một nhà nghiên cứu". Có lẽ NHT muốn chứng tỏ mình đã trở thành nhà văn hóa như thế nào, bằng cách nào, nên anh đã gọi ngót 800 người đang là hội viên HNVVN ra mà nặng lời trên báo Ngày Nay số 6-2004, bài đã dẫn, tr.15, cột 2, dòng thứ 3 kể từ trên xuống:

"Nhìn vào danh sách hơn 1000 hội viên Hội nhà văn Việt Nam người ta đều thấy đa số đều chỉ là những người già nua không có khả năng sáng tạo và hầu hết đều... "vô học", tự phát mà thành danh. Trong số này có tới hơn 80% là nhà thơ tức là những người chỉ dựa vào "cảm hứng" để tùy tiện viết ra những lời lẽ du dương phù phiếm vô nghĩa nhìn chung là lăng nhăng, trừ có dăm ba thi sĩ tài năng thực sự (số này đếm trên đầu ngón tay) là còn ghi được dấu ấn ở trong trí nhớ người đời còn toàn bộ có thể nói là vứt đi cả".
Tự dưng đa số hội viên HNVVN bị anh Thiệp gán cho là vô học, lại cẩn thận để chữ vô học trong nháy nháy: "vô học". Dù anh có để trong nháy nháy đi nữa thì nội hàm của từ này vẫn không có gì thay đổi, vẫn tuân thủ định nghĩa của từ điển: "vô học": (Người) không có học thức, không được giáo dục: Đám trẻ vô học. Đồ vô học. (tr.1826, Đại từ điển Tiếng Việt- Bộ GD&ĐT- Trung tâm Ngôn ngữ & Văn hóa Việt Nam xuất bản 1998). Anh Thiệp nỡ lòng nào mắng cả HNVVN là đồ vô giáo dục, mắng các nhà thơ là phù phiếm, vô nghĩa, lăng nhăng, lưu manh, vứt đi cả...? Nên nhớ là trong số các hội viên HNVVN bị anh Thiệp nặng lời kia, chí ít cũng phải có đến 1/3 số người bị đụng chạm có cảm tình với các truyện ngắn NHT. Cả làng văn vốn lành tính không ai chòng ghẹo gì anh, không ai bắt trộm gà qué của anh, sao anh lại giãy lên đành đạch như đỉa phải vôi mà đứng chống nạnh xỉa xói làng nước thế? Chúng ta thử hình dung trong một làng có ngót 800 hộ dân vẫn hằng sống tử tế với nhau, bỗng sáng sớm có một ông hàng xóm cha căng chú kiết không hề mắc bệnh tâm thần, đường đột đến từng nhà, rồi mắng như tát nước vào mặt những người cùng làng vốn không hề gây thù chuốc oán với mình rằng: các anh là đồ vô học, đồ vô giáo dục, đồ lăng nhăng, phù phiếm vô nghĩa, lưu

manh, đồ vứt đi... thì cái ông vua chửi này chưa chắc đã còn đường trở về nhà mình! Xem ra, mới biết nhà văn, nhà thơ nước ta hiện nay còn lành hơn cả đất!
NHT tiếp tục nâng cấp "bài ca" trên lên hàng thượng thừa, dám "dí" cả con chuột vi tính vào các thần linh thơ, kể từ Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương trở xuống, như sau:

"Giai thoại có một nhà thơ nói về tình cảnh thơ ở trong bài thơ sau đây (tôi đã đưa truyện này vào trong tiểu thuyết của tôi vì nó quá hay) khá tiêu biểu cho thực tế đó: "Vợ tôi nửa tỉnh nửa mơ/ Hôm qua nó bảo: Dí thơ vào l.../ Vợ tôi nửa dại nửa khôn/ Hôm nay lại bảo: Dí l... vào thơ!". Mặc dầu đã có "Ngày thơ Việt Nam", tôi cũng không phủ nhận cảm tình của nhân dân đối với thơ nhưng quả thực ở trên thực tế CÁI DANH NHÀ THƠ là một thứ nhìn chung chỉ là nhăng nhít, hữu danh vô thực, chẳng ai muốn dây vào nó: NHÀ THƠ ĐỒNG NGHĨA VỚI sự chập cheng, hâm hấp, quá khích, vớ vẩn, thậm chí còn lưu manh nữa"...
Chúng tôi xin mở cuốn Đại từ điển Tiếng Việt tr.1077 đã dẫn, xem cho rõ nhẽ nội hàm của từ "lưu manh" mà anh Thiệp vừa gán cho các nhà thơ VN: "Lưu manh: Hạng người chuyên lừa đảo, trộm cắp, làm ăn phi pháp: trừng trị bọn lưu manh. Bắt gọn toán lưu manh côn đồ".
Việt Nam là một dân tộc, một đất nước Thơ. Dân tộc ta vốn có 2 truyền thống chính để tự hào: một là ĐÁNH GIẶC, hai là LÀM THƠ. Nếu ta chỉ có những Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa mà thiếu Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương thì coi như dân tộc chỉ biết có cơ bắp, biết có thanh gươm mà thiếu tâm hồn, thiếu vẻ đẹp tinh thần, thiếu lãng mạn, thiếu thẩm mỹ. Những lời thóa mạ nguyền rủa THƠ CA một cách vô tiền khoáng hậu trên của NHT dành cho không chỉ các nhà thơ thời nay, mà còn cả các nhà thơ trong quá khứ. Nên nhớ rằng chúng ta mới có văn xuôi từ thuở chữ Quốc ngữ thông dụng vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX ở Nam Kỳ; còn hơn 9 thế kỷ, cả nền văn học dân tộc đều đồng nghĩa với THI CA. Hồn Thơ của ca dao, của thơ Lý Trần, của Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Gia Thiều, Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Du, Nguyễn Huy Tự, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Tản Đà, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Xuân Diệu, Huy Cận, Nguyễn Bính... kia có thể ví như BÀ MẸ TINH THẦN CỦA DÂN TỘC. Việc làm trên của một người tự nhận là nhà văn, là một nhà văn hóa, một nhà nghiên cứu như NHT, có thể ví như hành vi của đứa con dám hắt nước vào chính mặt mẹ mình (!). Tờ báo Văn Nghệ vốn là nơi chôn nhau cắt rốn nghiệp văn NHT, giống như bà mẹ tinh thần của anh, anh đã không hề biết ơn, lại còn coi khinh như mẻ "cái máng cỏ" đã khai sinh ra văn minh thế? Văn hóa không hề dung nạp thói vô ơn, thói qua sông đấm bút vào sóng, dù đó là ông trời đi chăng nữa.
Không phải chỉ dân tộc ta, mà hầu như tất cả các dân tộc khác trên thế giới đều dạy trẻ thơ muốn thành con người đúng nghĩa phải có lòng nhân ái, yêu giống nòi, nhân loại, ghét thói gian tà, kiêu ngạo, hống hách, hung ác... biết yêu trẻ kính già. NHT đặc biệt khinh rẻ các nhà văn, nhà thơ cao tuổi, gọi "các cụ" là "đám giặc già" như sau: "Văn học, đối tượng của nó là những người trẻ tuổi. Nó không phải là sân chơi của đám giặc già lăng nhăng thơ phú". Đạo Thiên Chúa giáo coi khả năng phạm tội của con người nằm trong ba trạng thái: tư tưởng, lời nói và việc làm. Vô cớ nguyền rủa đồng loại, vu oan giá họa cho đồng loại là một trọng tội có thể bị sa địa ngục đấy! Bằng bài báo vừa dẫn, NHT như muốn bước ra khỏi những giới hạn luân lý, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc và loài người.

Đọc xong bài báo này của anh Thiệp - một nhà văn chúng tôi từng yêu mến, kính trọng mà bàng hoàng suốt mấy ngày liền, hỏi tại sao anh Thiệp lại hành xử với đồng nghiệp như vậy? Hay là anh bị hội chứng Freud? Hay do anh lao tâm khổ tứ sáng tạo, tìm cách

leo trèo lên đỉnh "Linh Sơn" của Cao Hành Kiện, đặng hi vọng chinh phục cánh cửa sau của Hoàng Gia Thụy Điển mà bị stress toàn phần chăng?

Nhưng qua Email và dây nói với bạn bè Hà Nội, chúng tôi biết anh Thiệp vẫn tỉnh như sáo, không hề có dây thần kinh nào bị rắc rối cả. Suy đi ngẫm lại, chúng tôi thấy việc xuất hiện bài báo trên của anh Thiệp là không hề bất bình thường, mà rất hợp với tính cách và những bước đi có tính toán của anh. Anh Thiệp đã là nhà "chửi học" số một Việt Nam từ lâu, chứ không cần đợi đến bài báo này mới lộ ra thiên tài của anh. Chúng tôi từng theo dõi hầu như tất cả các buổi trả lời phỏng vấn các đài nước ngoài phát tiếng Việt của NHT, ít nhất trong vòng 15 năm qua, thì mới thấy "HỘI CHỨNG CHỬI" của anh là có hệ thống, có cân nhắc tính toán hẳn hoi, chứ không phải là việc "nổi điên" do rượu chè quá chén, hay bốc đồng văng mạng chửi đổng chơi như có nhiều bạn bè lầm tưởng. NHT trong rất nhiều lần trả lời phỏng vấn, trò chuyện với thính giả trên các làn sóng phát thanh nước ngoài và in trên các báo chí, khi đề cập các vấn đề trong nước, thường thấy anh lặp đi lặp lại những chữ sau: "đểu cáng", "vô học", "lưu manh", "cứt", "phù phiếm", "khốn nạn", "điếm", "chó má", "nôn mửa", "tởm", "ngu như lợn", "thê thảm", "xỏ lá", "lừa bịp", "xỏ xiên", "lọc lõi", "lỗ mãng", "nham nhở", "nhảm nhí", "tiểu nhân", "ngụy quân tử", "phàm phu tục tử", "suy đồi"...

Chúng tôi thấy một hiện tượng được lặp đi lặp lại nhiều lần thành quy luật: là mỗi lần NHT mở 1 "chiến dịch chửi" ở đâu đó xong, thế nào một thời gian sau anh cũng được trọng thưởng: nhận được vài ba lời mời đi du lịch nước ngoài không phải mất tiền, dưới danh nghĩa trao đổi văn hóa, giao lưu văn học. Với lần tung chiến dịch lớn này trên báo Ngày Nay, rồi ta sẽ thấy NHT gieo "hạt" trong chỉ vài ba tháng là sẽ có một mùa bội thu "sáng tác" ngay. Chắc rồi đây anh lại hơi bị bận vì sắp phải sang Âu-Mỹ trao đổi văn hóa? Mới biết "chửi" thời nay cũng là một nghề hay đấy! Khi việc này đã được định hướng theo công nghệ CHỬI CÓ THƯỞNG, giống như chuyện đố vui có thưởng, đi họp có thưởng, vật nhau có thưởng, đặt vòng có thưởng... thì nhà văn ơi, xin phục người sát đất.

Trần Mạnh Hảo vs Nguyễn Huy Thiệp

Trần Nghi Hoàng

Thông Biện Tiên Sinh lúc
"..xuống tóc"
qua nét hí hoạ của
NGÔ VƯƠNG TOẠI

KHAI TỪ

Văn học Việt Nam sau gần ba thập niên phân ranh quốc nội và lưu vong, hiện đang ở trong một tình trạng thập phần can qua căng thẳng mà giữa hai lằn ranh "quốc nội", "lưu vong" lại sản sinh ra không ít những lằn ranh tế nhị khác. Những lằn ranh giữa văn học "quốc nội" với "quốc nội". Những lằn ranh giữa "lưu vong" và "lưu vong".
Cách đây vài hôm, tôi tình cờ nhận được hai bài viết từ trong nước:
Một: của Nguyễn Huy Thiệp với tựa: Trò Chuyện Với Hoa Thủy Tiên Và Những Nhầm Lẫn Của Nhà Văn (Gồm 3 bài được gom thành 1).
Hai: Bài của Trần Mạnh Hảo đáp lễ Nguyễn Huy Thiệp, được đặt một cái tựa dài ngoằng: Có Thật Đa Số Các Nhà Văn Việt Nam Đều Vô Học, Các Nhà Thơ Đều Lưu Manh - Hay Là 'Hội Chứng Chửi Có Thưởng' Thời Nay. (Cả hai bài sẽ lần lượt được đăng lại trên tuần báo Lẽ Phải tuần này, số 247 ngày 2 tháng 4, 2004 và 248 ngày 9 tháng 9, 2004. Xin mời đọc để tham khảo và để tiện bề thông tỏ hơn khi đọc những bài Văn Học Việt Nam Thời "Nhầm Lẫn" Và Trò Chơi Chữ Nghĩa này của tôi trong mục Bên Tách Cà Phê Buổi Sáng báo Văn Nghệ.)
Hai bài viết của hai cây bút đương đại tên tuổi nhất nhì trong nước có vẻ như rất tận tình phản bác đối đầu nhau. Nhưng sự thật nội tình là như thế nào mà ra nông nỗi? Nguyễn Huy Thiệp đúng hay Trần Mạnh Hảo hợp lý hơn? Tôi sẽ làm những công việc như sau:

BÀI MỘT: Phân tích bài Trò Chuyện Với Hoa Thủy Tiên Và Những Nhầm Lẫn Của Nhà Văn của Nguyễn Huy Thiệp.

BÀI HAI: Phân tích bài đáp lễ Nguyễn Huy Thiệp của Trần Mạnh Hảo: Có Thật Đa Số Các Nhà Văn Việt Nam Đều Vô Học, Và Các Nhà Thơ Đều Lưu Manh - Hay Là "Hội Chứng Chửi Có Thưởng" Thời Nay.

BÀI BA: Tổng luận về hiện tình Văn Học Quốc Nội.

VĂN HỌC VIỆT NAM THỜI "NHẦM LẪN" VÀ TRÒ CHƠI CHỮ NGHĨA

Mở đầu với tiểu đề :"Cái Khó Của Nghề Văn Thời Nay", Nguyễn Huy Thiệp (NHT) bằng giọng văn nghe qua rất là tích cực như sau:
"Trong khoảng hơn một thập kỷ đổi mới, xã hội Việt Nam đã tiến những bước nhảy vọt. Về nhiều mặt, VN đã hòa nhập được với nhiều nước ở trong khu vực và trên thế giới. Quá trình toàn cầu hóa đang diễn ra trên nhiều lĩnh vực như chính trị, kinh tế và tri thức bất chấp những tư tưởng cục bộ và "sô vanh" bất hợp tác. Về văn học, những cố gắng trong và ngoài nước đã làm cho nhiều nhà văn "thức thời" ở ta nhận ra được con đường gian khó nhưng cũng nhiều triển vọng ở trong nghề nghiệp của mình. Khi xã hội phát triển, nhu cầu hưởng thụ và làm ra những sản phẩm văn học nghệ thuật có phần nào tưởng như dễ dàng nhưng lại khó vô cùng. Tôi rất ngạc nhiên và không thích thái độ kỳ thị và xem thường việc xây dựng nên những công nghệ ở trong lĩnh vực giải trí, trình diễn như ca nhạc, tạp kỹ v.v.. Việc đào tạo, đánh bóng nhằm tạo ra những ngôi sao ca múa nhạc tạp kỹ hoặc thể dục thể thao v.v.. là cần thiết. Ngay trong lĩnh vực văn học, đáng lẽ cần phải khuếch trương, xây dựng thành một công nghệ đào tạo nhà văn mới thì vài năm trở lại đây lại có ý kiến bỏ đi trường Viết văn Nguyễn Du. Bỏ thì dễ nhưng xây thì khó."

Chẳng biết NHT khi viết là *"VN đã tiến những bước nhảy vọt. Về nhiều mặt, VN đã hòa nhập được với nhiều nước v.v..."*, ông đã vì thói quen "rào dậu" để "phân ưu" hay do chỉ tiếp cận được với những thông tin sai lạc từ Nhà Nước của ông? NHT lại không phân biệt được sự khác nhau (một cách rất trầm trọng) giữa *"những công nghệ ở trong lĩnh*

vực giải trí, trình diễn như ca nhạc, tạp kỹ v.v..", (nằm trong lãnh vực Văn Hóa) và Văn Học (nên hiểu là văn chương thi ca nghiên cứu...). Tôi cũng không thể hiểu NHT muốn biểu hiện hai chữ "công nghệ" trên ý nghĩa như thế nào? Những hình thái nghệ thuật như "ca múa nhạc tạp kỹ hoặc thể dục thể thao" tôi chưa từng bao giờ nghĩ đó là thuộc về "công nghệ".
"Ca múa nhạc tạp kỹ thể dục thể thao" rất cần những trường ốc chuyên môn để đào tạo những tài năng hay chuyên viên, tôi đồng ý với NHT về điều này. Nhưng về cái trường viết văn Nguyễn Du thì theo tôi nên bỏ đi là phải!
Lý do? Tôi xin nêu những lý do từ những suy nghĩ của tôi: "Ai là những thầy dạy, những giảng viên của cái trường viết văn Nguyễn Du? Những nhà văn hay những cán bộ văn hóa nào? Mục đích của trường là dạy cho học viên Viết Văn hay chỉ dạy cho học viên cái Đường Lối để viết văn như thế nào cho vừa lòng Nhà Nước và hợp với chủ trương của Đảng?" Và trên tất cả, Viết Văn không phải là một hình thái "công nghệ", có thể đào tạo hàng loạt những tay chuyên môn chuyên viên ưu tú theo kiểu đào tạo kỹ sư cầu cống kỹ sư chế tạo vũ khí hay thợ tiện thợ hàn!
Ở phần tiếp sau đó, NHT bất ngờ đưa ra một thực trạng về cái lực lượng chủ đạo nòng cốt của nền "văn học" Việt Nam hiện đại:
"Nhìn vào danh sách hơn 1000 hội viên Hội Nhà Văn VN người ta đều thấy đa số đều chỉ là những người già nua không có khả năng sáng tạo và hầu hết đều... "vô học", tự phát mà thành danh. Trong số này có hơn 80% là nhà thơ tức là những người chỉ dựa vào "cảm hứng" để tùy tiện viết ra những lời lẽ du dương phù phiếm vô nghĩa nhìn chung là lăng nhăng, trừ có dăm ba thi sĩ tài năng thực sự (số này đếm trên đầu ngón tay) là còn ghi được dấu ấn ở trong trí nhớ người đời còn toàn bộ có thể nói là vứt đi cả. Giai thoại có một nhà thơ nói về tình cảnh thơ ở trong bài thơ sau đây (tôi đã đưa truyện này vào trong tiểu thuyết của tôi vì nó quá hay) khá tiêu biểu cho thực tế đó: "Vợ tôi nửa tỉnh nửa mơ / Hôm qua nó bảo: Dí thơ vào lồ.../ Vợ tôi nửa dại nửa khôn / Hôm nay lại bảo: Dí lồ... vào thơ!" Mặc dù đã có "Ngày Thơ VN", tôi cũng không phủ nhận cảm tình của nhân dân đối với thơ nhưng quả thực ở trên thực tế cái danh nhà thơ là một thứ nhìn chung chỉ là nhăng nhít, hữu danh vô thực, chẳng ai muốn dây vào nó: nhà thơ đồng nghĩa với sự chập cheng, hâm hấp, quá khích, vớ vẩn, thậm chí còn lưu manh nữa."

NHT có thể đã nhìn ra từ lâu hiện trạng bi đát và khôi hài của Hội Nhà Văn, của "bè nhóm đại diện" cho nền văn học đương thời dưới sự chỉ đạo của Nhà Nước mà ông đang sống, trong một xã hội băng rã và tan nát từ trong ra ngoài. Nhưng vấn đề là nguyên do nào xui khiến NHT đã cho nổ trái bom sự thật ngay giây phút này mà không trước không sau đó.
Tuy nhiên, những điều NHT vừa tiết lộ bên trên không phải là những bí mật quốc phòng hay thâm cung bí sử chi của chế độ Cộng Sản VN, vì dường như ngoài NHT, có rất nhiều những người khác cũng đã nhìn ra "vấn đề" từ lâu lắm. Nhưng mọi người hầu như không hẹn mà cùng nhau chọn cái thái độ "ngậm tăm" mũ ni che tai cho phải đạo. Nhắm mắt làm ngơ trước một nền "văn học phải đạo" thì hẳn nhiên là vô cùng phải dạo!!!
"Tôi biết sẽ có nhiều phản ứng lại điều tôi nói "trắng phớ" ra như thế nhưng ở đây nó là thực tế. Tôi chỉ nói ra một thực tế "tàn nhẫn" mà mọi người vẫn tránh né hoặc "không nỡ" nói ra mà thôi. Đã đến lúc người ta phải nhìn vào thực tế để thúc đẩy văn học cũng như thúc đẩy xã hội phát triển."
Mọi người vẫn tránh né hoặc không nỡ nói ra vì sao? Điều này tưởng không cần thiết phải lý giải gì thêm, người ta chỉ cần hồi ức lại vụ án Nhân Văn & Giai Phẩm như là một thí dụ vừa ghê gớm vừa ghê tởm.

Hội Nhà Văn của một quốc gia, của một cái Đảng chủ nghĩa với hơn 1000 hội viên mà hầu hết đều... "vô học"!!! Với hơn 80% là bọn nhà thơ, tức là cái lũ *"đồng nghĩa với sự chập cheng, hâm hấp, quá khích, vớ vẩn, thậm chí còn lưu manh nữa*"...
NHT, người mà trong một cuộc phỏng vấn ở hải ngoại đã tự nhận là mình "khôn ngoan" hơn Dương Thu Hương, nhưng "ít can đảm" hơn Dương Thu Hương, và ông còn nổi tiếng là một nhà văn "cẩn trọng", chỉ hay dùng "ẩn dụ xa gần" lại đi nghiêm túc hạ bút viết xuống, lật ra cái "lá bài tẩy" bất khả tư nghị kia thì quả là một cái gì kinh khủng!!! Nhưng nguyên do hà căn vì đâu mà ra cớ sự thì tôi vẫn chưa có một dữ kiện chứng cớ nào để lý luận.
Từ bao lâu nay tôi vẫn thấy có sự "ngu dốt", "một chiều" hoặc "nhai lại thuộc bài" của đa số những cây bút trong nước. Nhưng tôi vẫn cho đó là bởi do sự chỉ đạo, gò ép của Đảng và Nhà Nước. Bây giơ,ø qua NHT tôi vừa biết ra căn bản là do sự "vô học" của các nhà văn nhà viết này!
Ngoài nguyện vọng muốn bảo tồn trường viết văn Nguyễn Du, NHT tỏ ra hết sức lưu tâm đến ngành viết lách của đất nước Việt Nam, ông xem viết văn và đào tạo nhà văn giống như làm ruộng hay chăn nuôi lợn bò, một thứ "công nghệ" sản xuất dựa trên những trường sở hay những công xưởng... đào tạo:
"Trên kia tôi đã nói đến việc xây dựng một công nghệ đào tạo nhà văn, tôi ủng hộ ý kiến nên xây dựng một vài khoa viết văn ở các trường Đại Học ở ta. Viết văn phải trở thành một nghề nghiệp, một nghề nghiệp chuyên nghiệp chứ không thể nghiệp dư, tùy hứng được. Những nhà văn dược đào tạo trong nền công nghệ đó phải có những tiêu chuẩn và trình độ chuyên môn nhất định..."

Tôi không biết NHT muốn "đào tạo sản xuất" công nghệ nhà văn theo những tiêu chuẩn "hàn lâm" kiểu như thế nào? Nhưng kế hoạch của NHT làm tôi lo sợ nếu nó thành sự thật sẽ là một thứ công thức văn phiệt robot Đức quốc xã thập phần nguy hiểm và rất đáng lưu tâm...
Tuy nhiên, những quan ngại của NHT cho một nền giáo dục về văn học của VN chẳng hải là hoàn toàn vô nghĩa lý:
"Trong xã hội phát triển, văn học rất thường nhưng để vượt lên, trở thành một cái gì đó ngoại hạng là rất khó. Hình mẫu thiên tài văn học ngày nay khác trước rất nhiều. Trong SGK (sách giáo khoa?) văn học người ta thấy rõ văn học đã bị đông cứng lại, cũ kỹ và "phản động", nó cứ ê a mãi những "song viết" (?) và "song kiết", học sinh chỉ nghiên cứu và học tập "những thây ma cũ" hoàn toàn không được "tiếp máu" bởi những sinh lực văn học cường tráng và lành mạnh.
Nếu như khoảng 20 năm đến 30 năm nữa danh sách Hội Nhà Văn ở ta có tới hơn 80% nhà văn (chứ không phải nhà thơ) ở khoảng độ tuổi từ 25 đến 50 tuổi thì đấy mới là việc hợp quy luật. Ở ta vẫn có câu: "Ốm tha, già thải". Văn học, đối tượng của nó là những người trẻ tuổi. Nó không phải là sân chơi của "đám giặc già lăng nhăng thơ phú". Trước Tết Nguyên Đán tôi có ngồi dự một bữa tiệc tất niên ở nhà kỹ sư Đào Phan Long với nhiều tên tuổi văn nghệ sĩ khá lừng danh trên đất kinh kỳ. Nhà thơ Trần Ninh Hồ đọc một bài thơ phóng dật trong đó có câu: "Ông lão lục tuần đi trong sương gió / Sương gió không biết ông lão lục tuần". Hay thì hay thật nhưng tôi cũng hơi sờ sợ những ông lão lục tuần... gân quá!"

Tôi từng viết bài có nêu lên vấn nạn là theo một luật tắc tự nhiên và hợp lý, thì giới viết lách đúng ra càng lớn tuổi, càng về già thì phải viết càng hay hơn. Ba Kim của Trung Quốc 93 tuổi viết Tùy Tưởng Lục, Alberto Movaria của Ý hơn 80 vẫn viết khỏe và sâu sắc... Rất nhiều những nhà văn nhà thơ trên thế giới ngoại trừ Việt Nam, càng về sau tác phẩm đầu tiên, càng có những sáng tác giá trị và những nhận thức về đời sống, về

con người tinh tế thâm trầm hơn nhờ kinh nghiệm sống, sự cẩn trọng gạn lọc và sự nhuần nhuyễn của bút pháp chữ nghĩa...
Chỉ đặc biệt văn học Việt Nam chẳng những ở trong nước, mà ngay cả ở cộng đồng Việt lưu vong hải ngoại, hầu như và hầu hết các người cầm bút càng lớn tuổi, càng về già thì lại càng cùn mẳn mòn hao và chỉ "đẻ' ra những đứa con, những tác phẩm èo uột, ngắc ngoải thiếu chất sống và đúng là .... "thiếu máu" (theo NHT).
Với nhiều quốc gia trên thế giới, lục tuần chưa thể gọi là ông lão! Nhưng với Việt Nam, chỉ ngũ tuần là người ta đã biến thành một bô lão khả kính và khả nghi để có thể tham dự những Hội Nghị Diên Hồng!!!
NHT bước qua tiểu đề "Trên Con Đường Văn Học" với ít nhiều bi quan, mặc dù ông vốn là người khá thành công và dường như có vài thành tựu trên con đường đó:
"Thực ra, trên con đường văn học thì có rất nhiều lối đi khác nhau "mọi con đường đều dẫn đến thành Roma", có người đến trước, người đến sau, người đứt gánh giữa đường, người đến đích hăm hở, người đến đích thân tàn ma dại, có người đến đích vinh quanh, có người đến đích với cả bầu đoàn thê tử v.v… Tạo hóa tuyệt vời và rộng lượng sẵn lòng mở ra cơ hội cho tất cả mọi người không trừ ai cả. Những cảnh giới văn học ở mỗi hạng cũng khác nhau và sự phong phú có vẻ như vừa dân chủ vừa mất dân chủ ấy đã làm nên sự hấp dẫn chết người của văn học. Tôi không hề coi những ý kiến của tôi là chân lý, tôi chỉ nêu ra những suy nghĩ "nhầm lẫn" để mọi người trong giới văn hoc5 xem xét mà thôi. Văn học tác động đến xã hội bằng con đường ngầm, "phi chính phủ" và rất trực tiếp. Khi một nhà văn "phát sóng", những độc giả có cùng tần cố "bắt sóng" ấy, tiềm năng trong họ được đánh thức và giời mới biết họ làm gì."

Trước đây NHT từng có viết một tiểu luận với tựa là "Nhà Văn Và Bốn Trùm Mafia' đưa ra hình ảnh nhà văn luôn bị bao vây bởi những kẻ tử thủ và tử thù chung quanh. Tôi không còn nhớ rõ Bốn Trùm Mafia của nhà văn theo NHT là những ai. Nhưng với riêng tôi, những kẻ tử thủ hay những tay bảo thủ sẽ xét nét rình rập nhà văn xem có giữ đúng khuôn sáo "trung, nghĩa, lễ, trí, tín" hay những gia huấn ca của cửa Khổng sân Trình. Còn những kẻ tử thù là những bạn đồng nghiệp luôn lấm lét so đo tài năng danh tiếng với nhau, và rất ít khi những tay này bận tâm về những thành quả sáng tạo của nhau. Sự "hấp dẫn chết người" của văn học chính là cánh của "tử sinh" của những người cầm bút. NHT đã nhìn ra và đưa ra được sự "hấp dẫn tử sinh" này, nhưng lại nông cạn hay sao đó khi muốn dựng ra cái mà ông gọi là "công nghiệp" để đào tạo hàng loạt những nhà văn, những người cầm bút (đồng dạng và đồng phục?) cho tương lai văn học Việt Nam.
Những lý lẽ tham luận mà NHT tự gọi là những suy nghĩ "nhầm lẫn" quả tình có những điểm hết sức "nhầm lẫn". Cái nhầm lẫn cũng "chết người" chẳng kém chi sức "hấp dẫn chết người" của văn học mà NHT đã ngộ ra.
Tôi hoàn toàn đồng ý với NHT con đường văn học chân chính tất nhiên là "phi chính phủ". Như vậy NHT nghĩ sao về "con đường văn học" của Xã Hội Chủ Nghĩa Cộng Sản trong hơn ba phần tư thế kỷ qua? Đó là một nền văn học (nếu miễn cưỡng gọi "cương" như vậy!) mà ai cũng thấy là tùy thuộc lệ thuộc và phục vụ cho "Nhà Nước và Đảng Cộng Sản Việt Nam" và chẳng bao giờ trực tiếp đến được với độc giả. Tất cả những sản phẩm văn học dưới chế độ Cộng Sản Việt Nam đều đã qua những quá trình kiểm soát và kiểm duyệt cũng như chỉ đạo của Nhà Nước và Đảng Việt Cộng!
Những "phát sóng" của nhà văn trong chủ nghĩa Việt Cộng đương nhiên mang mễnh nhiệm vụ "phát sóng" cho Nhà Nước và Chủ Nghĩa Đảng. Độc giả cũng có nhiệm vụ tiếp nhận và tiếp cận những "phát sóng" với một tần số mà Nhà Nước và Đảng đã đề ra cho hợp với khẩu vị của Chính Trị Bộ. Như thế, còn trách cứ gì đôi vai còm cõi của một nền văn học thiếu "dưỡng khí", thiếu "dinh dưỡng" thì hệ luận tất nhiên phải là… "thiếu máu"!

NHT lại than vãn:
"Trong Hội Nghị Lý Luận Văn Học ở Tam Đảo năm 2003, chẳng thấy có một tham luận nào dành cho văn học thực sự. Không còn ai cứu trẻ con nữa. Tất cả những người "hành nghề văn học" ở ta đều muốn "dĩ hòa di quý", đều muốn có những cuộc chơi đèm đẹp, chơi có thưởng, không ai muốn "hy sinh" nữa. Trong chuyến đi về nước năm ngoái, nhà văn Phạm Thị Hoài nhận xét: "Ở trong nước, những người viết văn hiện nay sống sướng quá, nhà nước, xã hội yêu chiều, cưng chiều họ quá. Ở nước ngoài khó khăn khổ sở hơn nhiều." Tôi nhận ra sự ngậm ngùi trong nhận xét của Phạm Thị Hoài. Nhận xét đó không hẳn đã đúng nhưng cũng là một ý kiến đáng để cho những nhà văn có long tâm ở ta xem lại."

NHT phải chăng đã xem lại và rốt ráo ông đành hạ bút "lật lá bài tẩy" mà thực ra chẳng lấy gì làm bí mật tôn nghiêm cho lắm của nền văn học "nô lệ" Nhà Nước và Đảng Việt Cộng bấy lâu nay! Rồi cuối cùng, NHT lại gỡ gạc bằng chiêu thức rất Việt Nam Việt Cộng:
"Trong truyền thống, văn học đồng nghĩa với sự thanh đạm."
Xin hiểu nghĩa hai chữ "thanh đạm" ở đây là "nghèo khổ"! Cái truyền thống của "năm nghìn năm văn hiến văn hóa" nô lệ và tan nát từ trong phế phủ mà xem ra chưa có món thần dược nào khả dĩ có thể "cứu tử hoàn sinh". NHT lại quãng diễn tiếp:
"Văn điêu, văn ma, phò nịnh, "nên thơ" .v.v.. là thứ rất dễ ngộ nhận. Có nhiều tác phẩm, người ta vẫn phải đọc, vẫn phải chấp nhận mặc dầu ai nấy đều cũng có "cảm giác" là nó thối tha, song - như tôi đã nói, thời đương đại bao giờ cũng có "không khí" suy đồi, cần phải có một thời gian rất dài thì những cái xác suy đồi mục nát ấy mới mất hết đi cái mùi ô uế của nó.
Biết làm sao được?"

Biết làm sao được? Cái xác nặng mùi ô uế nhất, tiêu biểu nhất đang nằm ở quãng trường Ba Đình trong tình huống bất khả lay chuyển cho đến chẳng biết bao giờ!
Ngày Tết, NHT đi mua giò hoa thủy tiên và về ngã ngửa ra rằng tất cả giống hoa thủy tiên đều được nhập từ Trung Quốc. Ông chua chát viết:
"Trong văn học, không còn cần những cuộc thí nghiệm giống như chuyện làm ra máy bay trực thăng. Để biết văn học đổi mới, chỉ cần dịch sách Trung Hoa xem là đủ. Nó cũng giống như gò hoa thủy tiên kia, nhập vào với giá rẻ như bèo chẳng phức tạp gì, thả sức chơi "te tua" trong thời gian Tết.
Này hoa thủy tiên, ước chi đây là giống hoa của người VN trồng ra trên đất VN. Vệ Tuệ, Miên Miên, Cửu Đan… ước gì đấy sẽ là những tên tuổi của các nhà văn VN?
Xã hội VN đang ngày càng phát triển phong phú và đa dạng. Luôn có những cơ hội dành cho tuổi trẻ (và cả những người tuổi không còn trẻ nữa. TNH). Trong lĩnh vực văn học cũng vậy. Vấn đề là phải có tình yêu với nó. Không có tình yêu thì chẳng làm gì được cả.
-Và với "một mẩu bánh mì con con" nữa chứ?
-Tất nhiên rồi!"

NHT đang làm công việc "gọt" một giò hoa thủy tiên VN theo tuyệt kỹ của riêng của VN chăng? Chẳng biết giò hoa thủy tiên VN ấy tìm thấy ở đầu ghềnh cuối bãi VN nào và cách gọt tuyệt kỹ đã lưu truyền qua "truyền thống" của nền văn hóa nào của Lạc Việt?…

LẠI LỤC SÚC TRANH CÔNG hay là "HỘI CHỨNG CHỬI CÓ THƯỞNG
Cuộc "trò chuyện với hoa thủy tiên" của Nguyễn Huy Thiệp (NHT), thật sự có làm không ít những người đọc và viết ở hải ngoại giật mình. Giật mình không phải vì những điều NHT tiết lộ hay nhận định trong ba bài viết! Vì hầu như những tiết lộ hay nhận định của

NHT chẳng có gì là lạ lùng bí mật đáng ngạc nhiên. Rất nhiều những người ở hải ngoại đã "biết" và cũng đã có những nhận dịnh ít nhiều tương đồng với NHT qua các lăng kính và ngôn ngữ tất nhiên khác với NHT.
Người ta ngạc nhiên là vì những tiết lộ và nhận định "nổi loạn, gây hấn", mà cách dùng chữ ngắn gọn của chế độ Việt Cộng gọi là "phản động" như thế kia, lại từ NHT, nhà văn tên tuổi cả trong lãnh vực viết văn lẫn sự e dè cẩn trọng trong đời sống và hành xử văn chương hằng ngày.
Cuộc "trò chuyện với hoa thủy tiên" của NHT là một cú lật bài "vô tiền khoáng hậu" phe ta "hại" phe mình, chắc chắn đang đặt HNVVN trong tình thế "dầu sôi lửa bỏng". Và người lên tiếng tiên phong tất nhiên phải là Trần Mạnh Hảo (TMH).
Chẳng phải TMH từ bấy nay và vẫn hiện đang giữ "nhiệm vụ" một tay cầm còi, một tay cầm sổ phạt - chuyên kiểm soát và viết ticket cho những tên khách lữ hành trên con đường văn học nghệ thuật của Xã Hội Chủ Nghĩa VN sao? Xem chừng TMH hết sức hằn học và nổi giận, nên sau cái tựa "Có Thật Đa Số Các Nhà Văn VN Đều Vô Học, Các Nhà Thơ Đều Lưu Manh - Hay Là Hội Chứng Chửi Có Thuởng Thời Nay?" TMH đã tức thì nhập đề như sau:
"Những đặc tính có vẻ kém hay kia được gán cho hầu hết các nhà văn, nhà thơ thuộc HNVVN và gán cho những nhà thơ VN kể từ thời Nguyễn Trãi, Nguyễn Du trở xuống... không phải của người viết bài này, mà chính là lời của nhà văn Nguyễn Huy Thiệp (cũng là một hội viên của HNVVN) trong bài "Trò Chuyện Với Hoa Thủy Tiên Và Nhữnh Nhầm Lẫn Của Nhà Văn" in liên tục trên ba số báo Ngày Nay (cơ quan ngôn luận của Hiệp hội UNESCO Việt Nam) gồm các số: số 4 ngày 15/2/2004, số 5 ngày 1/3/2004 và số 6 ngày 15/3/2004. Chúng tôi sẽ lần lượt trích dẫn cụ thể những lời nói ngang ngược của nhà văn NHT, sau khi trình bày vài cảm nghĩ của mình về nhà văn nay."

Vốn là tay "bạc bịp" chuyên nghiệp, mới vào cuộc TMH đã ra tay... ăn gian tức thì! Đọc toàn bộ ba bài viết của NHT, tôi chỉ thấy NHT bình luận, thẩm định về cái gọi là HNVVN và đặc biệt là những nhà thơ trong HNVVN này. NHT chẳng hề đả động đến những Nguyễn Trãi, Nguyễn Du... Cách "động thủ" ra chiêu này của TMH, tôi suy nghĩ và thấy rằng có ba cách để lý giải như sau:
1-Thoạt đầu, dường như TMH được biết đến như là một Nhà Thơ nhiều hơn là một Nhà Văn hay một Nhà Lý Luận... TMH đã từng viết hai, ba cái trường thi ca ngợi lãnh tụ, ca ngợi chiến tranh và dĩ nhiên, ca ngợi "chủ nghĩa" thánh thần Cộng Sản! NHT miệt thị những "nhà thơ của HNVVN", làm chạm nọc TMH!

2-TMH dùng "gậy ông đập lưng ông", giả vờ "nhầm lẫn", kiểu nhầm lẫm "chết người" là gán cho NHT cái "tội tày đình" ... dám "đội lên đầu" những nhà thơ VN kể từ Nguyễn Trãi, Nguyễn Du trở xuống, tức là bao gồm cả "thi sĩ" Hồ Chí Minh - những "điều kém hay"... là *chập cheng, hâm hấp, quá khích, vớ vẩn, và đặc biệt lưu manh.*

3-TMH "mượn dao... giết người", mượn cớ NHT miệt thị HNVVN rồi mập mờ đánh lận, viết bài như để "tranh luận" công khai và công bình với NHT để bênh vực HNVVN. Nhưng thực chất là TMH đã cố tình "bóp méo" những câu nhận định của NHT để chửi Đảng và Nhà Nước một cách đậm đà và tích cực. TMH mượn lời NHT rồi vung tán càn ra chửi. TMH chửi, nhưng "kẻ chịu tội" sẽ là NHT. Cái cách "vừa ăn cướp, vừa la làng" của TMH tuy rất gian và chẳng khó khăn gì để nhận ra được, nhưng lại cũng hết sức hiệu quả với tình huống văn học trong nước hiện nay.
Sau khi "nhập đề" một cách khơi khơi nhưng đã tuyệt chiêu gài tội NHT một cách tận tình, TMH bắt đầu từ tốn tiếp tục đâm trên, chém dưới lý giải về hiện tượng NHT:
"Bản thân người viết bài này vốn từng rất quý trọng văn tài của nhà văn NHT. Nhà văn này đã góp cho nền văn học nước nhà ngót 10 cái truyện ngắn thật hay. Văn của anh

Thiệp tuy là lối văn cũ nhất thế giới kiểu truyện Tàu xưa, nhưng cái quý là ở chỗ anh biết dồn nén dung lượng đời sống vào nhân vật, vào ngôn ngữ như nén thuốc lào, lại theo một góc nhìn lật mặt trái tấm huân chương... nên phần nào có thể làm mới được lối văn rất cũ này. Trước NHT, nhiều nhà văn VN đã viết theo lối văn xưa của Tàu, mà người thành công nhất là ông Vũ Hạnh. Hãy đọc lại truyện ngắn "Bút Máu", một tuyệt tác của Vũ Hạnh viết trước NHT gần 30 năm, ta sẽ thấy những "Kiếm Sắc', "Vàng Lửa", Phẩm Tiết"... của anh Thiệp có vẻ như là mô phỏng lối viết, lối nhình, lối suy nghĩ, lối dùng ngôn từ cộc, gằn, chát, đắng, đau... với vẻ lạnh lùng khá tàn nhẫn mà Vũ Hạnh đã dùng trong "Bút Máu", in năm 1958 thời Ngô Đình Diệm...

Những nhận xét về văn NHT của TMH chẳng phải không căn cứ. Tôi vẫn nói TMH có ít nhiều khả năng văn học nhưng chỉ phải cái tội "sớm đầu tối đánh", thay đổi "màu da" quan điểm chính trị văn học như loài tắc kè, rất gần gũi với một nhân vật của Kim Dung: "Du Tẩm Nê Thu, Hoạt Bất Lưu Thủ"… Tuy nhiên, TMH không phải là người đầu tiên trong nước có những nhận xét "đi ngược" quần chúng đám đông về văn tài NHT. Trước TMH, Nguyễn Hoàng Đức đã có lên tiếng về NHT. (Xin đọc: Góp Ý Với Nguyễn Hoàng Đức Về Thực Chất Văn Phẩm Của NHT, cũng trên mục Bên Tách Cà Phê Buổi Sáng, trong một số báo Văn Nghệ trước đây). Và cá nhân tôi cũng đã từng dẫn ra là văn NHT chẳng có gì khác với "Lĩnh Nam Chích Quái" hay "Nam Hải Dị Nhân"… với lối dùng ngôn từ mà TMH gọi là: *cộc, gằn, chát, đắng, đau.…*
Khám phá của TMH về trường hợp văn Vũ Hạnh và văn NHT là một thích thú! Cái ý kiến ngộ nghĩnh gọi văn NHT là "văn học gãi ngứa vết thương chiến tranh đang ăn da non" là một thích thú khác! Tuy nhiên, sau khi khen: *"Anh Thiệp đã xuất hiện đúng lúc để gãi ngứa cho giai đoạn ăn da non của vết thương chiến tranh thời hậu chiến",* TMH lại đưa ra một nhận xét tinh tế khác (tôi đã từng bảo là TMH có ít nhiều văn tài và nội lực!):
"Khi bạn đọc trong nước đã cảm thấy có phần bội thực văn NHT, thì một loạt các đài báo, các NXB của người Việt ở nước ngoài bắt đầu biểu diễn hội chứng đói Thiệp đến mức nhá hết cả thượng vàng lẫn hạ cám của nhà văn này, mà vẫn thsấy kiến còn bò trong bụng.
Khi đời sống xã hội trong nước đã khá lên nhờ cơ chế thị trường, các loại vết thương chiến tranh thời hậu chiến đã qua giai đoạn ăn da non, không còn cần công nghệ gãi ngứa vật chất và gãi ngứa tinh thần nữa. Nhưng NHT không nhận ra điều đó. Anh vẫn tiếp tục sản xuất văn chương gãi ngứa vết thương. Nhà văn này chừng như cố tình không nghe lời ta thán của độc giả: rằng cái ông này đùa dai, người ta đã hết ngứa từ lâu, mà sao cứ nhìn thấy vết sẹo nào lộ thiên là ông lại lao vào gãi mãi thế? Những vết sẹo không còn ngứa nữa thì mình gãi làm gì, chỉ tổ cào rách miệng vết thương xưa thôi! Hay là ông nhà văn này bị bệnh đói các vết thương? Đây chính là bi kịch của văn tài NHT: khi cái thiên tài gãi ngứa của mình không còn hợp thời nữa, không còn đắc dụng nữa, anh bèn sinh ra nghề lập thuyết, viết lý luận dạy đời và chơi cả tiểu thuyết trên mạng internet…"

Cái mà TMH gọi là "hội chứng đói Thiệp" của hải ngoại, tôi đã từng gọi là "hội chứng thời thượng của trí thức miền Nam". Hội chứng này một số khá đông các nhà "trí thức" của miền Nam trước 1975 đã thiết lập và tận tình mang mễnh lưu vong sang tận các chân trời ở hải ngoại. Họ, một số trí thức hải ngoại đang phát triển hội chứng này, bây giờ chẳng những "đói Thiệp", mà còn "đói Lê Đạt", "đói… bất cứ món văn chương" nào từ trong nước "xuất khẩu ra", để họ có dịp thắp hương chiêm bái và cùng nhau hát đồng ca suy tôn cật lực không mệt mỏi! Họ suy tôn những "văn tài" trong nước, để chứng tỏ mình là người "trí thức thời thượng", thông hiểu văn hóa không phân biệt ranh giới và gì gì đó! Nhưng điều đáng ngại và đáng trách là họ luôn cố tình "vờ" đi những văn tài đang

cùng sống ở hải ngoại, thậm chí lắm nhà "trí thức thời thượng" còn tỏ ra "tị hiềm" với một số những cây viết ở hải ngoại ra mặt.
Điều cần lưu ý ở đây, những nhà văn "nhà trí thức hải ngoại" suy tôn khấn vái những "văn tài" trong nước ì sèo ra đó thì chẳng sao. Cùng lắm và lần đầu tiên mới bị một nhà văn trong nước là TMH mắng là "đói Thiệp". Nhưng cứ thử tưởng tượng bất kỳ một nhà văn nhà thơ nào ở hải ngoại được giới "trí thức" trong nước suy tôn khấn vái thì sự thể sẽ ra sao? Trước hết là đối với cộng đồng văn học và không văn học ở hải ngoại. Sau đó là những phản ứng của giới văn học và giới cầm quyền tại VN. Sự thể sẽ chẳng đơn giản tí nào nếu không nói là vô cùng phức tạp khó lường!
Vết thương chiến tranh VN đã ăn da non và đang trên đà lành lặn? Tôi nhận ra vết thương này vẫn còn mưng mủ nhức nhối không phải do người ở hải ngoại vẫn nuôi dưỡng sự căm thù thua mất sau biến cố 1975! Vết thương vẫn mưng mủ nhức nhối vì nhan nhãn trên các báo của Đảng và Nhà Nước Việt Cộng vẫn đầy dẫy những truyện ngắn, những bài viết nhắc nhở đến "cuộc chiến thắng đánh Mỹ đuổi Ngụy" với những bà "mẹ chiến sĩ đói nghèo" và những "liệt sĩ thân tàn ma dại".
Người Cộng Sản VN chưa thể quên cuộc chiến tranh, vì cái mà họ gọi là "chiến thắng" dường như không có thực! Người Cộng Sản VN sau khi "chiếm được đất", họ đã "không dành được dân" miền Nam. Mà sự thể ngày càng rõ ra là tập đoàn Cộng Sản VN luôn loay hoay biến chất và họ đánh mất dần dà một con số lớn rất đáng ngại những đảng viên và nhất là người dân miền Bắc. Những người dân đã từng nuôi dưỡng Đảng Cộng Sản và Quân Đội Bắc Việt trong suốt thời kỳ máu lửa.

Tôi thấy khi NHT mắng "nguyên cả một cái HNVVN" có 80% vô học là NHT đã cố tình nhân nhượng! Một chế độ mà lãnh tụ chóp bu từng có tay vô học kiểu như Đỗ Mười .v.v… thì những nhà văn, nhà thơ cung đình có được đi học mới là điều không hợp lý! Những kẻ nắm quyền lực mà vô học, chẳng thể nào sử dụng những tay chân có học một cách bình thường! Tận cùng trong đáy lòng những kẻ quyền lực vô học, sự khiếp sợ kiến thức học vấn là điều tất nhiên. Những người có học dưới tay những kẻ quyền lực vô học, chỉ là những công cụ nhất thời cần thiết không thể tồn tại lâu dài!
Bi kịch văn tài NHT cũng là bi kịch văn tài của hầu hết những nhà văn có chút "tài" khác của VN. Tôi đã rất nhiều lần viết về điều này: Các nhà văn trên thế giới, thường theo một định luật hợp lý là càng viết nhiều, càng có tuổi thì càng viết hay hơn, sâu sắc hơn, dễ có tác phẩm lớn hơn… Nhờ viết nhiều nên ngòi bút càng nhuần nhuyễn, nhờ sống nhiều nên càng phong phú chất liệu và kinh nghiệm… Nhưng định luật này hầu như là một nghịch lý với đa số nhà văn Việt Nam! Đa số các nhà văn VN chỉ xuất hiện đình đám với một hai tác phẩm đầu, rồi sau đó là bế tắt, là chìm… xuồng và chỉ còn tự tồn tại qua các loại sinh hoạt văn chương nghệ thuật kiểu "quan, hôn, tang, tế".
Qua tiểu đề "2. Văn Hóa Không Dung Nạp Thói Vô Ơn Và Trò Chơi ‘Chửi Có Thưởng’ ", TMH sau khi màu mè lý luận, vẫn không bào chữa hóa giải được gì hết cái sự: *"… người ta đều thấy đa số chỉ là những người già nua không có khả năng sáng tạo và hầu hết đều… "vô học", tự phát mà thành danh"* của NHT đã đưa ra về HNVVN. Cái định nghĩa mà TMH trích dẫn từ trang 1826, Đại Tự Điển Tiếng Việt do Bộ GD & ĐT - Trung Tâm Ngôn Ngữ & Văn Hóa VN xuất bản 1998 không cần thiết! Vì ai nấy, những người VN từ già đến trẻ, từ có học đến… vô học đều hiểu hai chữ "vô học" có nghĩa như thế nào. Chữ "vô học" có bỏ trong ngoặc kép (mà TMH và các cây bút trong nước gọi là ‘nháy nháy’) hay chỉ viết khơi khơi, ý nghĩa của nó chẳng có chi thay đổi!
TMH sau khi "rao" đoạn nói lối (như trong cải lương, trước khi xuống câu mùi để phựt đèn màu!) nào là: "Anh Thiệp nỡ lòng nào mắng cả HNVVN là đồ vô giáo dục, mắng các nhà thơ là phù phiếm, vô nghĩa, lăng nhăng, lưu manh, vứt đi cả…", bèn dở ngón "tố tụng ăn gian":

"NHT tiếp tục nâng cấp "bài ca" trên lên hàng thượng thừa, dám "dí" cả con chuột vi tính vào các thần linh thơ, kể từ Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, HỒ Xuân Hương trở xuống, như sau: "Giai thoại có một nhà thơ nói về tình cảnh thơ trong bài thơ sau đây (tôi đã đưa truyện này vào trong tiểu thuyết của tôi vì nó quá hay) khá tiêu biểu cho thực tế đó: *"Vợ tôi nửa tỉnh nửa mơ / Hôm qua nó bảo: Dí thơ vào lồ… / Vợ tôi nửa dại nửa khôn / Hôm nay lại bảo: Dí lồ… vào thơ!"… Mặc dầu đã có "Ngày Thơ VN", tôi cũng không phủ nhận cảm tình của nhân dân đối với thơ nhưng quả thực ở trên thực tế CÁI DANH NHÀ THƠ….*
. . . . . .
VN là một dân tộc, một đất nước Thơ. Dân tộc ta vốn có hai truyền thống chính để tự hào: Một là đaĐÁNH GIẶC, hai là LÀM THƠ. Nếu ta chỉ có những Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa mà thiếu Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương thì coi như dân tộc chỉ biết cơ bắp, biết có thanh gươm mà thiếu tâm hồn, thiếu vẻ đẹp tinh thần, thiếu lãng main, thiếu thẩm mỹ. Những lời thóa mạ, nguyền rũa THƠ CA một cách vô tiền khoáng hậu trên của NHT dành cho không chỉ các nhà thơ thời nay, mà còn cho cả cac1 nhà thơ trong quá khứ. . . . . Hồn *Thơ của ca dao, của thơ Lý Trần, Nguyễn Trãi,… Tản Đà,… Chế Lan Viên, Xuân Diệu, Huy Cận, Nguyễn Bính… kia có thể ví như BÀ MẸ TINH THẦN CỦA DÂN TỘC. Việc làm trên của một người tự nhận là nhà văn, một nhà văn hóa, một nhà nghiên cứu như NHT, có thể ví như hành vi của đứa con dám hắt nước vào chính mặt mẹ mình (!)…."*

Ngón ruột của TMH và cũng của "đại đa số" người Việt Nam Cộng Sản và Không Cộng Sản đã được giở ra: *VN là một đất nước Thơ*!!!! Rồi lại*Truyền Thống*: Truyền Thống Đánh Giặc và Truyền Thống Làm Thơ!!! Một dân tộc mà chỉ biết có Đánh Giặc với Làm Thơ và chẳng biết gì khác cả, thử hỏi tương lai dân tộc đó sẽ đi về đâu chả cần phải suy nghĩ đắn đo nhiều chúng ta đã biết: Tụt Hậu, Chậm Tiến, Ngu Dốt, U Mê v.v.. TMH đã cố tránh né không chỉ danh nhà thơ Hồ Chí Minh ra là có mục đích: Cái mục đích rất thâm độc đánh xoáy vào "Điều Cấm Duy Nhất", "Điều Bất Khả Xâm Phạm" của Đảng và Nhà Nước Việt Cộng: Thần Tượng Huyền Thoại Hồ Chí Minh. TMH không kê khai tới tên "NGƯỜI", nhưng ai ai cũng biết Hồ Chí Minh từng được suy tôn là một nhà thơ Lớn của dân tộc? Ngón đòn này của TMH giáng xuống NHT quả nhiên kỳ tuyệt!
NHT mà qua những dòng viết, tôi chỉ thấy là nhắm vào cái HNVVN và thực tại văn học VN: "… Trong số này có tới hơn 80% là nhà thơ tức là những người chỉ dựa vào những "cảm hứng" để tùy tiện viết ra những lời lẽ du dương phù phiếm vô nghĩa nhìn chung là lăng nhăng, trừ có dăm ba thi sĩ tài năng thực sự (số này đếm trên đầu ngón tay) là còn ghi được dấu ấn ở trong trí nhớ người đời còn toàn bộ có thể nói là vứt đi cả…" thì có mắc mớ gì đến những Nguyễn Trãi, Nguyễn Du hay nền Thi Ca của Dân Tộc? NHT đã minh xác là trong hầu hết những "nhà thơ" lăng nhăng chuyên viết những lời du dương phù phiếm, có *"trừ ra dăm ba thi sĩ có tài năng thực sự (số này ghi trên đầu ngón tay) là còn ghi được dấu ấn ở trong trí nhớ người đời…".* Như vậy, NHT đâu có phủ nhận Thơ Ca, phủ nhận những "tài năng thực sự"… và rốt ráo là NHT chỉ đang nói, đang viết về cái HNVVN, và rộng hơn một chút là tình hình văn học VN hiện đại. TMH đã chơi ăn gian, vo tròn bóp méo, thay mận đổi đào ý nghĩa câu văn của NHT. TMH viết:
"NHT đặc biệt khinh rẻ các nhà văn, nhà thơ cao tuổi, gọi "các cụ" là "đám giặc già" như sau: 'Văn học, đối tượng của nó là những người trẻ tuổi. Nó không phải là sân chơi của đám giặc già lăng nhăng thơ phú'. Đạo Thiên Chúa Giáo coi khả năng phạm tội của con người nằm trong ba trạng thái: tư tưởng, lời nói và việc làm. Vô cớ nguyền rũa đồng loại, vu oan giá họa cho đồng loại là một trọng tội có thể bị sa địa ngục đấy!. . . .
Đọc xong bài báo này của anh Thiệp một nhà văn tôi từng yêu mean, kính trọng mà bàng hoàng suốt mấy ngaỳ liền, hỏi tại sao anh Thiệp lại hành xử với đồng nghiệp như vậy? Hay là anh bị hội chứng Freud? Hay do anh lao tâm khổ tứ sáng tạo, tìm cách leo

lên đỉnh "Linh Sơn" của Cao Hành Kiện, đặng hi vọng chinh phục cánh cửa sau của Hoàng Gia Thụy Điển mà bị stress chăng?. . . . Suy đi ngẫm lại, chúng tôi thấy xuất hiện bài báo trên của anh Thiệp là không hề bất bình thường, mà rất hợp với tình cách và những bước đi có tính toán của anh. Chúng tôi từng theo dõi hầu như tất cả các buổi trả lời phỏng vấn các đài nước ngoài phát tiếng Việt của NHT, ít nhất trong vòng 15 năm qua, thì mới thấy "HỘI CHỨNG CHỬI" của anh là có hệ thống, có cân nhắc tính toán hẳn hoi, chứ không phải là việc "nổi điên" do rượu chè quá chén, hay bốc đồng văng mạng. . . . khi đề cặp đến các vấn đề trong nước, thường thấy anh lập đi lập lại những chữ sau: "đểu cáng", "vô học", lưu manh", "cứt", "phù phiếm", "khốn nạn", "điếm", "chó má", "nôn mửa", "ngu như lợn".v.v.v…Chúng tôi thấy một hiện tượng được lập đi lập lại nhiều lần thành quy luật: là mỗi lần NHT mở một "chiến dịch chửi" ở đâu đó xong, thế nào một thời gian sau anh cũng được trọng thưởng: nhận được vài ba lời mời đi du lịch nước ngoài không phải mất tiền, dưới danh nghĩa trao đổi văn hóa, giao lưu văn học…"

Tôi lại thấy NHT chẳng những cố tình mắng các anh lãnh tụ văn hóa già nua của chế độ Việt Cộng, mà cái chính là NHT hàm ý tới "đám giặc già" trong Chính Trị Bộ, trong guồng máy của Nhà Nước Việt Nam hiện nay! Còn việc nếu NHT có lao tâm khổ trí để muốn trèo lên đỉnh "Linh Sơn" tức là đoạt cái giải Nobel hòa bình, thì âu đó cũng là điều tốt lành chẳng có chi đáng chê trách của một nhà văn! Cho dù những "trận" chửi của NHT là có mưu đồ để được đi du lịch, để được "có thưởng" đi chăng nữa, vậy thì những trận "chửi Đông chửi Tây" để đội đít Đảng và Nhà Nước của TMH, thì sau đó TMH đã được những ân sũng gì? Tôi chắc chắn là phải có gì gì đó!
Tôi lại thấy là ngôn ngữ mà NHT dùng để "mô tả" những "đặc thù" dân tộc dưới chế độ chủ nghĩa Cộng Sản Việt Nam, chẳng có gì là quá đáng, mà nó thật chính xác và bất khả thay thế: … "ngu như lợn", "thê thảm", "tiểu nhân", "ngụy quân tử", "phàm phu tục tử", "suy đồi", "vô học", đểu cáng" v.v…
Vì đó là thực thể của một nước Việt Nam hiện nay!

VĂN HỌC NHẦM LẪN: CON ĐƯỜNG VÒNG QUANH CHIẾC CỐI XAY!!!
Bài "Trò Chuyện Với Hoa Thủy Tiên và Những Nhầm Lẫn Của Nhà Văn" của NHT quả nhiên đã gây ra những chấn động lớn cho tình hình văn học trong nước! Trần Mạnh Hảo đã lên tiếng đầu tiên (dĩ nhiên!). Trên báo Công An Nhân Dân số 41 (1824) thứ Bảy ngày 3 tháng 4 năm 2004, một giáo sư tên Hoàng Trinh (HT), được giới thiệu là "nhà nghiên cứu, lý luận phê bình văn hoc5 lâu năm" cũng đã lên tiếng. (Xem bài này đăng lại trên tuần báo Lẽ Phải số 249, 15 tháng 5 năm 2004). Những tên tuổi được liệt kê "đã lên tiếng", trong nước, dĩ nhiên là theo những hiểu biết về tình hình văn học rất giới hạn của tôi, người viết bài này).

Theo giáo sư HT thì: *"Tôi chắc rằng NHT không có ý đó. Vì nếu có thì thật đau buồn vì một nhà văn có tiếng tăm như anh Thiệp lại phải bán rẻ tất cả để lấy một chuyến đi nước ngoài".*
Điều này thật khó nói, vì trong những truyện ngắn của Dương Thu Hương (dường như trong tập Chuyện Tình Kể Lúc Rạng Đông), nhân vật "tôi" có một ông chú vì ước vọng "đi nước ngoài", đã đành tâm từ bỏ mối tình với người con gái mà anh ta yêu, vì cô này thuộc thành phần "lý lịch phản động, không được Đảng chấp nhận". Ông chú của nhân vật "tôi" phải về quê cưới một cô vợ già xấu dốt nát, thuộc thành phần nông dân bần cố để được "credit" của Đảng…
Một mối tình, mà theo trong truyện của Dương Thu Hương, đã đeo đẳng ông chú của nhân vật "tôi" đến già và có tín hiệu là sẽ mãi mãi, còn bị từ bỏ dù với nhiều đau đớn! Thì những thứ khác xem ra… chẳng có gì mà chẳng bỏ được!

Những danh thủ cao thủ và cửu lưu tam giáo theo đóm ăn tàn trong và ngoài nuóc cũng sẽ lên tiếng về sự vụ "Trò Chuyện Với Hoa Thủy Tiên" của NHT. Xem ra, sự vụ lần này của NHT chưa biết là "kiếp nạn" hay là "hội long vân" cho con cá chép NHT vượt Vũ Môn?
Tháng Năm, 1988, Trần Dần (TD) vô chơi Huế. Đây là lần thứ hai TD đến Huế. Lần đầu nào năm 1946, TD 21 tuổi và đó là chuyến "tìm" Huế cho tình yêu.
Tôi muốn trích ở đây một đoạn có tựa "Gặp Gỡ Trần Dần - Đối Thoại Mất Ngủ" do Hoàng Phủ Ngọc Tường thực hiện, in trong tuyển tập Trăm Hoa Vẫn Nở Trên Quê Hương do nhà xuất bản Lê Trần ấn hành năm 1990, tại California:
"Vừa đến Huế trong một tuần lễ, TD đã tiếp xúc với công chúng hai lần, ở Hội Văn Học Nghệ Thuật Bình Trị Thiên và ở Nhà Văn Hóa Thanh Niên Thành Đoàn Huế. "Ở cả hai nơi đó, TD thú nhận - lúc đầu tôi cảm thấy rét vì phải đối diện với đám đông, sau đó lại quá xúc động vì tính chất thẳng thắn của những câu hỏi đặt ra cho tôi. Cả hai cuộc đối thoại sau đó đều làm tôi mất ngủ". Tôi (HPNT) để ý thấy trong lúc nói chuyện, TD thường dừng lại đột ngột và gõ "cộp... cộp" vào micro, dù nó vẫn hoạt động tốt; hóa ra là từ ba chục năm nay anh không hề biết tới cái micro, và bây giờ thỉnh thoảng anh chợt thấy im bặt, không nghe được tiếng nói của mình."
(THVNTQH, Lê Giang xb, bài HPNT trang 446)

Số phận TD dường như chẳng khấm khá gì hơn số phận Nguyễn Hữu Loan (NHL) sau vụ Nhân Văn Giai Phẩm (NVGP). Trong một chế độ mà nhà văn - người cầm bút sáng tạo, hay những trí thức -người dấn thân cho tình yêu đất nước - đã phải bị đọa đày như TD, NHL, Nguyễn Hữu Đang (NHĐ) ... trong nhiều thập niên qua, thì đó quả xứng danh là một Nền Văn Học Nhầm Lẫn!
Trong Historial Materialism, trang 411 chương nói về Socialism and Religion, Marx đã viết rằng "tôn giáo là ma túy, thuốc phiện làm hại con người."
Nhưng chính chủ thuyết Cộng Sản lại là rập khuôn của một thứ tôn giáo cuồng tín với những giáo điều bịt mắt che tai tẩy não nhồi sọ môn đồ!
NHĐ sau 37 năm tù, vì đã có công tận lực quyên góp tiền của nhân dân cho Đảng, dựng kỳ đài cho Hồ Chí Minh đăng đàn tuyên bố "độc lập cướp chính quyền" v.v.. Khi được ra tù, NHĐ sống lây lất đói khổ nơi bờ tre bụi trúc, vẫn cho là do ơn mưa móc của Đảng. NHĐ không lo đến bữa ăn chốn ở của chính ông. NHĐ lại mày mò toan dịch toàn bộ các sách của Lenin hay Marx gì đó…
TD từ 30 năm đã không biết đến cái *micro*! Câu văn này của HPNT còn cho tôi một thông tin khác (đương nhiên là không ở hậu ý của HPNT) là TD đã 30 năm qua không còn có tiếng nói, đã không khi nào được nghe mình được nói!
Và HPNT ghi tả lại cuộc trò chuyện với TD ở lần gặp gở thứ ba trong tuần. Lần gặp gỡ "chỉ có đám anh em văn chương với nhau":
"Lần thứ ba trong tuần, chúng tôi gặp lại TD trong một cuộc rượu bảy tám anh em văn chương ở nhà Ngô Minh nơi dốc Bến Ngự, gần khu vườn cũ của Phan Bội Châu. Chúng tôi quyết định cuộc đối thoại với thi sĩ, trên những vấn đề gợi mở từ hai cuộc gặp gỡ trước…
HPNT: (mở đầu) Thưa anh, con người sống ai cũng cần có nhân cách, nhà văn lại càng phải có nhân cách. Theo anh, nhân cách nhà văn quan trọng nhất ở chỗ nào?
TD: Nhân cách *nhà văn chính là* văn cách *của anh ta. Tôi không thấy mô-đen nào cho văn cách cả. Văn cách không chung cho ai. Văn là mình, không thằng nào giống thằng nào. Nó phải tự khẳng định cái tôi của nó, và không lùi một ly…*
Nguyễn Quang Lập (NQL): Xin hỏi thật anh: Qua thời Nhân Văn*, anh tự thấy anh được cái gì nhiều nhất?*

TD: Được cái hoạn nạn. (Thi sĩ chợt im lặng, và tất cả chúng tôi cùng im lặng trong nỗi xúc động. Rồi anh tiếp): Do được hoạn nạn nên được không dưới ba chục tác phẩm trong ba mười năm….
NQL: (tiếp) Có dư luận cho rằng các anh làm dự báo tốt. Nhưng văn cách thì các anh chưa thành công, theo tôi. Vì bạn đọc chưa hâm mộ như trường hợp "Bác sĩ Jivagô".
TD: (một chân bị liệt cơ lại phải ngồi trên đòn, đứng dậy vịn ghế cho đỡ mỏi). Ngay độc giả của mình cũng chưa biết mình (đọc giả - chú thích của TNH) muốn cái gì. HoÏ nói thế, nhưng họ xác định bằng cái gì? Tiền chiến chỉ quan trọng khi họ chưa biết chúng tôi là ai. Tôi chưa có độc giả. Tác phẩm của chúng tôi sẽ đảm bảo công chúng tôi.".
(sđd THVNTQH. Trang 447).

TD đã khẳng định cái mà ông được nhiều nhất sau vụ Nhân Văn là "cái hoạn nạn"! Và nhờ cái hoạn nạn mà ông có được 30 tác phẩm trong 30 năm qua. Vấn đề rốt ráo ở đây là 30 tác phẩm đó của TD là những gì? Lê Đạt (LĐ) sau vụ Nhân Văn im hơi lặng tiếng một thời. Xuất hiện lại với Trường Ca Bác Hồ và loại thơ mà theo Thụy Khuê là thơ Tạo Sinh. NHĐ toan dịch lại toàn bộ những tác phẩm của chủ nghĩa Cộng Sản, và điều tất nhiên là NHĐ chưa biết rằng chủ nghĩa này đã sụp đổ tàn tệ ở ngay tại cái nôi Mạc Tư Khoa của nó, rồi Đông Đức, Ba Lan, Tiệp Khắc v.v… TD để lại Ghi và những vần thơ… tôi chưa được đọc hết. Tuy nhiên, ở TD tôi vẫn còn rất nhiều những ký vọng. TD là người muốn xóa bỏ cái cũ thật sự.
Nhưng chẳng biết TD có quyết tâm xóa bỏ ngay cả cái văn học "nhầm lẫn" mà biết đâu ông đã có lúc bị lạc vào, do sự thiếu thông tin thế giới và do những "hoạn nạn" mà ông đã từng gặp phải…
Tôi đi
Không thấy phố hấy nhà
Chỉ thấy mưa sa
Trên màu cờ đỏ
……
(Trần dần, Tôi Đi Giữa Phố Sinh Từ)
Muốn xóa bỏ một quá khứ văn học nhầm lẫn, phải xóa bỏ trước tiên là cái màu cờ Đỏ khát máu đã đưa TD, NHL, Phúng Quán, Lê Đạt. . v.v… và cả một đất nước đi vào chẳng những một nền "văn học nhầm lẫn", mà là cả một "xã hội nhầm lẫn" tang thương!
Trên tạp chí Sông Hương, trả lời một cuộc phỏng vấn, Hoàng Cầm (HC) vẫn bản tính "bảo toàn" nhưng lại đưa ra được một thông tin đáng biết:
"PV: Tình hình văn nghệ hiện nay theo anh như thế nào?
HC: Vẫn còn đang ngổn ngang cái mới cái cũ. Tôi mong mỏi những anh em đang còn vướng torng neap tư duy cũ sớm suy nghĩ lại, để nhanh chóng hòa nhập vào công cuộc đổi mới. Mới như Maiakovski: "Tranh nhau vinh dự làm gì!"
(sđd, THVNTQH in lại. Trang 456)

Vinh dự có thể không cần thiết để tranh nhau. Nhưng quyền lợi và sự tin cậy của Đảng và Nhà Nước thì lại là một "vấn đề" khác!
Khi NHT tung ra cuộc "Trò Chuyện Với Hoa Thủy Tiên…", biết đâu ông đang muốn thực sự làm một cuộc "cách mạng toàn diện" cho mặt mũi lẫn xương da máu thịt của nền văn nghệ văn hóa Việt Nam?
Viên thuốc đắng xem chừng không dã tật. Mà cái tật biết đâu đó sẽ đè bẹp viên thuốc đắng. Và như vậy, cơn bệnh sẽ trở thành nan y và sẽ đâu lại vào đấy! Nền "văn học truyền kỳ" gò ép che mắt làm ngu dân tiếp tục con đường "nhầm lẫn" của nó!
Với TMH và những HT. Sẽ còn nhiều TMH em út và HT em út khác. Người ta sẽ lý luận thế nào về một NHT hội viên HNVVN dám công bố là 80% những hội viên HNVVN là "vô học", và đa số là những nhà thơ?

Hóa ra Thơ dễ làm và chỉ đặc biệt dành cho những kẻ "vô học"? Tôi không nghĩ NHT có ý này! Mà tôi cho rằng NHT đã tận lực tung một cú thôi sơn vào sự vụ "Việt Nam là đất nước Thơ. Dân tộc Việt Nam là một dân tộc của Thi Ca".
Lối tự hào tự an ủi kiểu "Ả Q" của Lỗ Tấn, sau khi đã thua cuộc đời hằng trăm những vố cay đắng là: "Chúng mày chửi tao thì cũng như chửi bố chúng mày. Chúng mày đánh tao thì cũng như đánh bố chúng mày. Đó là cách cư xử của chúng mày, cư xử của con cái với bố đẻ… Đó là văn hóa truyền kỳ và truyền nhiễm v.v.v…"
TMH đứng đầu cuộc tự hào "Ả Q" sau khi đã thử lửa làm cuộc "Ly Thân" xem ra không ổn và đã "Tái Hôn" với Đảng và Nhà Nước!
Phong trào đổi mới, cởi trói của Việt Nam Cộng Sản từ năm 1986, cho đến năm 1989 đã đẻ ra nhiều những văn thư nghị định và tiêu chí này nọ. Rốt ráo vào ngày 14 tháng 2 nắm 1989, một bản "*kết luận của bộ chính trị về mấy vấn đề trước mắt trong công tác tư tưởng"* đã được trịnh trọng đăng trên Sài Gòn Giải Phóng, rất dài, nhưng tôi tin rằng chỉ cần trích đoạn sau đây cũng đủ nói lên tinh thần của toàn bộ văn bản "kết luật":
"Giữ được bí mật cho cách mạng. Ngăn ngừa và uốn nắn những biểu hiện lợi dụng dân chủ, công khai để xuyên tạc sự thật, để phủ định thành quả cách mạng, đả kích vào sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của nhà nước, vì những động cơ cá nhân không tốt. Phải cảnh giác không để kẻ thù lợi dụng khoét sâu vào những sơ hở, sai sót của cách mạng để phá hoại sự nghiệp đổi mới, chống chủ nghĩa xã hội.
Để đảm bảo mở rộng tính dân chủ, tính công khai, cần xây dựng luật báo chí, luật xuất bản, luật cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ, các quy chế mới về mở rộng dân chủ trong sinh hoạt của quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp, trong sinh hoạt đảng và sinh hoạt các doàn thể cách mạng."
(sđd, THVNTQH in lại. Trang 459).

Cách mạng, ý nghĩa đầu tiên của nó là một công cuộc đổi mới, mang phúc lợi cho tất cả mọi người. Vậy thì, cách mạng có gì bí mật mà phải "ngăn ngừa uốn nắn những biểu hiện lợi dụng dân chủ"? Nếu một thể chế "dân chủ" mà vẫn còn nằm trong sự "ngăn ngừa và uốn nắn" của Đảng và Nhà Nước", thì chúng ta nên gọi là nền dân chủ loại gì?
Phải nói là khi một "sự thật" bị "công khai", Đảng và Nhà Nước bèn "xuyên tạc". Bởi vì mục đích của "sự thất" đó nhằm "để phủ định thành quả cách mạng, đả kích vào sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của nhà nước", thì "sự thật" đó phải bị "ngăn ngừa và uốn nắn"!!! Còn những "sơ hở và sai sót" của cách mạng (Đảng và Nhà Nước Việt Cộng) thì trùng điệp ra đó, là nguyên do của những "phá hoại sự nghiệp đổi mới".
Đổi mới làm sao được? Làm sao được đổi mới khi mà Đảng và Nhà Nước luôn kềm kẹp, triệt tiêu "Tính Công Khai". Không có "Tính Công Khai", không bao giờ thực hiện được "đổi mới" và "dân chủ".
Dân chủ là gì? Nếu Dân Chủ không là người dân trong nước phải được biết cái Đảng, cái Nhà Nước đang nắm quyền sẽ đưa sinh mệnh người dân về đâu?
Và hơn hết, một nền dân chủ sơ khai còn chưa có tín hiệu, thì làm thế nào có sự việc "đảm bảo mở rộng tính dân chủ, tính công khai…"
Chưa dám đương đầu với "tính công khái", thì chẳng thể nào già mồm nói đến hai chữ "dân chủ". Xây dựng các luật báo chí, luật xuất bản, luật cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ… Là xây dựng như thế nào? Ra làm sao? Hay "xây dựng" những thứ luật trên chỉ là để hoàn thành cái việc "bình mới, rượu cũ" cho tiện bề gian lận!
Gian lận bởi vì tất cả những thứ luật pháp trên dù có được thành văn bản, thì ở mỗi địa phương trong đất nước Việt Nam sẽ sử dụng cái "văn bản luật pháp" đó theo tính "ông thần, cây đa" và "phép vua thua lệ làng" của từng ngài "phó vương" đã được sự thông qua và che dù cũng như đỡ lưng của "chính trị bộ".
Trừ phi Đảng và Nhà nước Việt Cộng dám xuất bản, hay công khai công bố cho người Việt ở hải ngoại về Việt Nam xuất bản một tờ báo, đảm bảo đăng tất cả các bài của tất

cả các khuynh hướng chính trị khác với chủ nghĩa Cộng Sản Việt Nam, và không làm công việc chỉ đạo hay kiểm duyệt… Thì lúc đó hãy nói tới "tính dân chủ" và "tính công khai". "Tính công khai" là Tính Đầu Tiên dẫn tới "Dân Chủ".
80% những hội viên trong HNVVN không cần "tính công khai" cũng như "tính dân chủ"! Nói theo NHT, họ, "đa số là những người già nua không có khả năng sáng tạo và hầu hết đều… "vô học"! Và rốt ráo, "họ" đa số là những "nhà thơ"…
Và chỉ vì cái loại thơ do những tay "già nua không có khả năng sáng tạo và hầu hết đều… vô học" này, mà NHT lại đem bài thơ dưới đây để chứng nghiệm, thì quả tính là NHT chẳng biết tôn trọng cái "lồ…", NHT đã sỉ nhục cái "lồ…" một cách vô tội vạ:
Vợ tôi nửa tỉnh nửa mơ
Hôm qua nó bảo: Dí thơ vào lồ…
Vợ tôi nửa dại nửa khôn
Hôm nay lại bảo: Dí lồ… vào thơ

Và, hãy nghe Nguyễn Đình Thi (NĐT), một trong những cây đại thụ của nền văn học "dí lồ… vào thơ" thể hiện "Tính Công Khai":
PV: Người ta nói đến chế độ bao cấp không những trong kinh tế mà cả trong văn nghệ. Ý kiến anh như thế nào?
NĐT: Trước đây HNVVN được xếp vào loại cơ quan sự nghiệp hành chính bao cấp. Các nhà văn, nói chung, làm việc trong các cơ quan, hoặc chuyên sáng tác, đều lĩnh long Nhà nước, theo tháng long hành chính. Tác phẩm của nhà văn được coi là phục vụ công tác tư tưởng, nên không tính đến kinh doanh. Tôi đã từng trả lời phỏng vấn, rằng giá một quyển tiểu thuyết dày đại thể bằng một bát phở. Tiền nhuận bút chỉ coi là thu nhập phụ…"
(sđd, THVNTQH in lại, trang 480)

"Tiền nhuận bút" của Nhà Văn chỉ là "thu nhập phụ". Và "thu nhập" chính của nhà văn là "đồng lương công chức hành chính". Công việc "văn chương sáng tác", cũng là "một công việc" nằm trong "những công việc" của Đảng và Nhà Nước" giao phó. Như thế, tất nhiên những sáng tác của các "nhà văn công chức hành chính", phải đúng theo tiêu chí tiêu chuẩn và đề cương đề luận mà Đảng và Nhà Nước đã đưa ra là điều chẳng thể luận bàn!
Thơ, trong trường hợp này, nếu không là những khẩu hiệu cắc bùm tuyên truyền "gãi ngứa" (mượn chữ của TMH) Đảng và Nhà Nước, thì cũng chỉ là những câu kệ ê a ca ngợi liệt sĩ mẹ chiến sĩ v.v.. của thời kỳ chiến tranh. Hay cùng lắm về sau này là những vần điệu ngu ngơ cố làm ra vẻ đổi mới để "Tạo Sinh" một cách vô hại vô tội vạ của Lê Đạt; hoặc bí hiểm cầu kỳ vô duyên vô nghĩa kiểu Hoàng Hưng…
Các nhà văn nhà thơ Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà Nước, đang làm công việc của đoàn người tay cầm bút cắm vào chiếc cối xay, và chân thì cứ bước đều kẻ trước người sau cùng một tốc độ không chậm không nhanh cố sản sinh ra những thứ chữ nghĩa đã bị nghiền nát giống nhau từ màu sắc đến độ nhuyễn nhừ.
Tóm lại, nền văn học của chủ nghĩa Cộng Sản Việt Nam sau hơn nửa thế kỷ rốt ráo chỉ là một nền văn học nhầm lẫn! Đây không là những Nhầm Lẫn của Nhà Văn theo như NHT. Mà theo tôi toàn bộ sự Nhầm Lẫn này là của một chủ nghĩa không có kết luận - giao hợp cùng cái Tính Tự Hào Dân Tộc bị bóp méo vo tròn một cách tàn bạo không thương tiếc của "bản sắc Việt Nam".

Trần Nghi Hoàng
Virginia, Apr 12/2004

Nguyễn Huy Thiệp: những chuyện huyền, kỳ, núi, sông và nước ...

Nguyễn Vy Khanh

1.

Tác giả Nguyễn Huy Thiệp đến với người đọc, đã sớm gây chú ý ngạc nhiên chỉ với một số ít truyện ngắn. Truyện và kịch của ông đã được đăng báo, in thành nhiều tuyển tập trong và ngoài nước và được dịch ra ngoại ngữ. Nhà văn vừa tài tử vừa chuyên nghiệp qua tài năng, nhưng gây hiện tượng và tác phẩm của ông đã và đang được nhiều người nghiên cứu, phân tích, được coi như là những tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam trong thập niên qua.

Khía cạnh nổi bật trong các truyện của nhà giáo sử từng sống nhiều năm giữa những đồng bào Mường và Thái đen ở vùng thượng du Tây Bắc là những chủ đề huyền thoại, truyền kỳ và lịch sử. Trong nhiều tác phẩm, ông muốn lôi xuống với đời thường những đỉnh cao của lịch sử và văn học, trần tục hóa các vua Gia Long, Quang Trung và các nhân vật lịch sử Nguyễn Thái Học, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Thị Lộ, vv. Thật và giả. Đứng đắn và hoang chơi. Anh hùng lịch sử là của quá khứ, họ đã để lại vết tích đâu đó trong đất, núi và sông, nhưng qua những hạt cát bụi của trí nhớ người hôm nay mà họ vẫn sống, sẽ sống. Lịch sử biến thành dã sử, truyền kỳ, chuyện dân gian. Hôm nay thành hôm qua. Và chuyện dân gian thành những huyền thoại. Và lãng mạn biến thành thô tục như trong truyện Trương Chi.

Huyền thoại là những chuyện xa xưa, những mảng rời cấu thành lịch sử nhưng không là lịch sử thuần lý. Huyền thoại giúp cắt nghĩa chuyện tại sao mà có, mà sinh thành; cắt nghĩa nguồn gốc một dân tộc, một xã hội, tập thể. Huyền thoại không chỉ có trước, mà khi đã có lịch sử vẫn tiếp tục cấu kết, trở thành cốt lõi cho lịch sử. Trong khi đó truyền kỳ thường là những chuyện lạ hay có liên hệ đến lịch sử được lưu truyền lại. Nguyễn Huy Thiệp xử dụng cả hai thể loại.

Huyền thoại có tính cách lạc quan, tin ở con người, nhân bản tự tại; không cần đến lý trí, lý luận. Thể huyền thoại giúp tác giả khai thác những tiềm ẩn, tiềm thức, siêu thức. Từ Claude Lévi-Strauss của Nhiệt Đới Buồn Thiu (Tristes Tropiques, 1955), huyền thoại đã giúp cắt nghĩa, thông hiểu nhiều hiện tượng, kể cả lịch sử, văn minh. Đi sâu, vượt thực tế, lên cái không cùng. Dĩ nhiên, huyền thoại không có nghĩa là phi lý hay vô lý; huyền thoại có cái trật tự luận lý của nó, có cả một hệ thống luận lý bên trong hay với những nguyên tắc nhất định. Huyền thoại tiến hóa theo chiều sâu vũ trụ thay vì chỉ là ý thức tiến hóa.

Dùng huyền thoại, tác giả muốn người đọc thông hiểu thay vì lý luận, phán xét. Cảm nhận bằng trực giác, kinh qua, cá nhân, tư riêng, thay vì lý trí cái phải đưa đến một kết luận chung, hợp lý, hợp biện chứng hay đưa đến một sự thực phổ quát mà trong thực tế và lịch sử, đã sản xuất những Lý Tư, Tôn Ngô, Machiavel, Descartes, Hegel, Marx, tư bản, cộng sản, vv. Thể huyền thoại không chứa phổ quát, không có chân lý, có chăng là chân lý tự tại hay những giá trị đối với cá nhân, với tôi; ai có khả năng hoặc thiên khiếu cảm nhận, sẽ đọc được cái sứ điệp của tác giả. Lỗ Tấn trong tập Cố Sự Tân Biên (Truyện Xưa Viết Lại) lấy chuyện xưa nói chuyện thời ông hồi đầu thế kỷ XX, lộ chân tướng giáo dục, răn đe và làm chính trị. Nguyễn Huy Thiệp cũng tỏ ra luân lý, dạy đời nhưng có thể nói ông khác Lỗ Tấn, ít tham vọng hơn dù truyện và kịch ông thường có một thông điệp, những ước ao, như được làm người. Văn Lỗ Tấn thường hiện thực trong khi Nguyễn Huy Thiệp huyền ảo, thơ mộng dù nội dung có khi nặng nề, nhức nhối.

"Con tôi ! Tôi sẽ nuôi dạy cho nó nên người. Phải. Nó sẽ thành thi sĩ! Thành anh hùng! Thành bác học! Nó sẽ tiến hành các âm mưu, sẽ nổi loạn, sẽ tiêu diệt... Nó sẽ thành tựu, sẽ ngạo nghễ, sẽ tự do. Nó sẽ đau khổ và hạnh phúc! Nó sẽ gian trá và rộng lượng! Sẽ yêu thương và căm thù! Sẽ hủy diệt và xây dựng... Nó sẽ đứng giữa trời và đất, nó phải được quyền yêu ghét, quyền chọn lựa, quyền được định đoạt giữa sinh và tử, quyền được nhảy múa trên cả vinh quang cũng như điếm nhục..." (Hoa Sen Nở Ngày 29 tháng 4, tr. 726)(1)

Huyền thoại có thể trần tục hóa những thần thánh, danh nhân lịch sử, gở bỏ vầng hào quang, giản đơn hóa những ngôi sao có khi đã được chiếu sáng nhân tạo, đưa các ngài từ những đỉnh núi cao xuống đồng bằng sống với người hai bửa cơm chạy gạo. Rồi phải đối phó với những nhức nhối, phải giải quyết những nát lòng, tục lụy. Nơi không còn chổ đứng cho những chân lý muôn đời, khuôn mẫu duy lý, cái phải đi lên, đi thẳng !

Trong các truyện và kịch của Nguyễn Huy Thiệp, nhân vật là những người như chung quanh ta: thiếu phụ lái đò về bến Tầm Xuân, cô gái dở hơi, tên tướng cướp, những người thợ xẻ, lão đồ tể, ông thợ hớt tóc, người đẩy xe ba gác, ông tướng về hưu trơ trụi lý tưởng chết đứng trước những tầm thường thường nhật trong gia đình con dâu nuôi heo với nhau đem ở bệnh viện về và trước những khốn cùng chốn đồng quê hay một diễn viên quèn. Đời thường như huyền hoặc, huyễn ảo; các nhân vật như có một tâm hồn trong sạch, nguyên sơ lẫn những khôn ngoan của người thường, những khôn ngoan chín từ những khốn nhục của cuộc đời. Niềm tin nơi cái Thiện hiếm hoi, nơi luật nhân quả, nơi con người :
"Ông Diễu dừng lại sững sờ. Loài hoa tử huyền cứ ba chục năm mới nở một lần. Người nào gặp hoa tử huyền sẽ gặp may mắn. Hoa này màu trắng, vị mặn, bé bằng đầu tăm, người ta vẫn gọi hoa này là muối của rừng. Khi rừng hết muối, đấy là điều báo đất nước thanh bình, mùa màng phong túc" (Muối Của Rừng, tr. 107-108)

Và những oan ức như của Ngô Thị Vinh Hoa. Nhưng cũng có những cái ác hay bất thường của Nguyễn Ánh, Nguyễn Huệ, Những cái oan và ác của hôm nay đầy rẫy, của một xã hội tha hóa, không trọng nhân phẩm, một xã hội bất bình thường ! "Bản tính người Việt là hay trông ngóng, nhiều khi quên gốc ở ngay chính tim óc mình" (Chút Thoáng Xuân Hương, tr. 184)

Mặt khác, Nguyễn Huy Thiệp huyền thoại hóa một số nhân vật và đề tài lịch sử. Huyền thoại, cảm nhận lịch sử khác đi, đương đại hóa cái quá vãng hay đã được đặt trên bệ thờ, đúc tượng khắp công viên. Một nỗ lực vượt thoát cái nhìn tập thể, bình thường, vượt lên trên cái trật tự xã hội, cái áp đặt bằng nhiều chiến thắng và xương máu, vượt thoát thiên kiến, cái đặt để kiêng húy. Cái nhìn của đứa con dám cãi mẹ cha bất lương, tàn độc, cái ly khai của con cừu chán ngấy những tiếng loa nhàm và nhảm, cái kiểm thảo tự giác, bất vụ lợi, cái tự vấn của đáy lòng trước khi vào tòa giải tội hay sám hối tập thể. Như muốn nhắc nhở cái hôm nay là hệ quả của những hệ thống, danh nhân và lịch sử, vẫn phải thấy nghe mỗi ngày hoặc tưởng đã chìm khuất. Nhưng Nguyễn Huy Thiệp phê phán những ảo tưởng, những huyền thoại dựng đứng một cách nhân tạo, bá quyền. Đó là lý do ông đã bị các quan văn nghệ kết án đã dám "bắn súng lục vào quá khứ" hoặc đi xa hơn, coi ông bị bệnh tâm thần - may mà ông không sống thời Staline và Nhân Văn Giai Phẩm !

Nguyễn Huy Thiệp đã là hiện tượng phải chăng vì chữ viết giữ vai trò quan trọng, nhất là đối với một xã hội đề cao lý luận, ý thức hệ, một xã hội tự cho không giai cấp nhưng

đầy dẫy giai cấp, phe đảng, lý lịch. "Văn chương là thứ bỉ ổi bậc nhất! (...) Nó gây ra sự nổi loạn trong cuộc đời thường. Cuộc đời trôi đi đơn giản. Day đi dứt lại làm gì ?" (Chút Thoáng Xuân Hương, tr. 203). Lévi-Strauss từng nhìn ra cái tác oai tác quái của chữ viết : "Hiện tượng duy nhất hình như lúc nào và khắp nơi liên hệ đến sự xuất hiện của chữ viết, đó là sự tạo thành những xã hội giai cấp hóa, những xã hội gồm có chủ và nô lệ, những xã hội lợi dụng một phần dân chúng lao động cho phần kia hưởng, hiện tượng đó không chỉ có ở vùng Trung đông mà cả ở Trung Hoa thời nguyên sử và cả ở vùng châu Mỹ những nơi mà dấu vết chữ viết xuất hiện trước khi lục địa này được khám phá" (Entretiens avec Claude Charbonnier).

2.

Tướng Về Hưu : huyền thoại anh hùng chiến tranh: "đường ra trận mùa này đẹp lắm" (tr. 49); huyền thoại "người cha đã chết", người cha vắng nhà và những đứa con mồ côi, đi hoang. Chiến tranh trường kỳ, để sinh tồn, con người xoay sở, cả lấy nhau thai nhi đem về nhà nuôi chó và lợn ! Một bức tranh xã hội suy đồi phong hóa, đạo đức! Nỗi bất lực của người hùng trong đời thường, giá trị "người hùng" trong một xã hội kinh tế nhắm thị trường !

Trong Kiếm Sắc, Nguyễn Huy Thiệp đem Nguyễn Huệ và Nguyễn Phúc Ánh ra khỏi sách sử chính thức của các lịch triều, của cả chế độ xã hội chủ nghĩa thường chỉ đề cao anh hùng áo vải. Vua Gia Long ở đây là người "đa mưu, túc trí, tính kiên trì, không tin ai, dùng người lấy chữ hiệp chữ lễ làm trọng, không coi nhân, nghĩa, trí, tín ra gì. Thỉnh thoảng Ánh vào sâu trong đất Thuận Quảng, xuất quỷ nhập thần. Người Đàng Trong sợ Ánh hơn là thích Ánh. Ánh đi đến đâu nghe nói cũng có mây đen cuồn cuộn bay đằng trước, dân cứ thấy có mưa là biết Ánh vừa đi qua" (tr. 281). Qua nhân vật Đặng Phú Lân, ông viết về họ như được nghe dân giả nói về họ, truyền tụng về họ. Huyền thoại theo nghĩa đồn đãi, ghi nhận bởi tứ phương thiên hạ.

Phẩm Tiết với hình tượng Ngô Thị Vinh Hoa hiện thân của cái đẹp tuyệt đối. "Khi đẻ ra Vinh Hoa, trên nóc nhà bỗng có đám mây ngũ sắc bay đến, tỏa ra ánh sáng rực rỡ, khắp nơi hương thơm ngào ngạt. Trên cổ Vinh Hoa có bảy tràng hoa quấn cổ, xòe lòng bàn tay ra thấy có viên ngọc ở trong, trên khắc hai chữ "thiên mệnh". Khải dựng tóc gáy, lập bàn thờ tạ trời đất" (tr. 305). Vinh Hoa được tiến cử vào cung vua Quang Trung khi ông ra Bắc hà thu phục dân và sĩ phu ở đây. Vua về lại Phú Xuân và mất đột ngột, chết nhưng mắt mãi nhìn Vinh Hoa không nhắm được dù vua con là Quang Toản đã vuốt. Nguyễn Ánh chiếm Phú Xuân, chiếm cả người đẹp Vinh Hoa nhưng nàng tự trầm
"Thờ hai vua, vẫn giữ lòng trinh
Lưu muôn thuở, còn nguyên phẩm tiết" (tr. 315)

Vàng Lửa đoạn mở đưa người đọc vào cõi mơ hồ của các biến cố lịch sử. Kế, dùng bút ký của một kẻ xa lạ tên Phrăng-xoa Pơ-ri-ê để nói về con người vua Gia Long, một "khối cô đơn khổng lồ" (tr. 293) nhưng "khủng khiếp ở khả năng dám bỡn cợt với Tạo hóa, dám mang cả dân tộc mình ra lường gạt, phục vụ cho chính bản thân mình" (tr. 296), về những tự nhiên bất lực của nhà vua đối với "đời sống nghèo khó và những trì tệ của dân tộc ông". Ông không tin học vấn có thể cải tạo giống nòi (...) vì thói hủ nho và thủ dâm chính trị sẽ không bao giờ tạo được những quan hệ trong sáng" (tr. 297). Gia Long được phản huyền thoại hóa, còn Nguyễn Du được huyền thoại hóa là người "đại diện cho nhân dân ở phần u uất nhất, trữ tình nhất nhưng cũng đáng thương nhất". Quan hệ giữa chính trị và nghệ thuật cần phải đánh giá lại, như là điều kiện để xây dựng lại đất nước sau chiến tranh.

Một Nguyễn Du nòi tình, thương dân "thông cảm với những đau khổ của các số phận đơn lẽ mà không hiểu nổi nỗi đau khổ lớn của dân tộc" (tr. 295) đối chọi với một Gia Long có bổn phận "làm cho lịch sử sinh động hẳn lên", sẽ là sức đẩy của khối toàn dân, nếu không có sức đẩy này, "cả cộng đồng sẽ mọc rêu, mùn nát" (tr. 296-297). Nhưng một Nguyễn Du "đứa con của cô gái đồng trinh kia (nước Việt), dòng máu chứa đầy điển tích của tên đàn ông khốn nạn (Trung Quốc) đã cưỡng hiếp mẹ mình. Nguyễn Du ngập trong mớ bùng nhùng của đời sống, còn vua Gia Long đứng cao hơn hẳn ngoài đời sống ấy. Người mẹ của Nguyễn Du (tức nền chính trị đương thời) giấu giếm con mình sự ê chề và chịu đựng với tinh thần cao cả, kiềm chế. Phải ba trăm năm sau người ta mới thấy điều này vô nghĩa" (tr. 296). Ôi trí thức !

Với ba đoạn kết, nhưng không một kết cục lịch sử của các sách sử! Tất cả đã nằm trong sự phỏng đoán huyền hoặc ! Lịch sử rọi sáng cho hiện tại. "Triều Nguyễn của Vua Gia Long lập ra là một triều đại tệ hại: ... triều đại để lại nhiều lăng" (tr. 302). Triều đại nào? Thời nào ?

Ba truyện vừa nói trên tiếp nối nhau qua nhân vật Quách Ngọc Minh, một người Mường ở Đà Bắc, người đã kể các truyện ấy cho tác giả. Ba truyện như một điều nghiên lịch sử qua gia phả và truyền tụng, qua ngõ ngách của gần-như-thật. Cả ba truyện vẫn bị giới phê bình trong nước đặt nhiều nghi vấn, hồ nghi Nguyễn Huy Thiệp viết với quan niệm coi thường "những nhân vật chiếm vị trí đặc biệt trong lịch sử và tình cảm dân tộc" (2), dám coi anh hùng và kẻ cướp như nhau, cái làm cho khác là "lý tưởng", nhưng đôi khi lại mù mờ.

Con Gái Thủy Thần tên Mẹ Cả, nhận vật huyền ảo. Chuyện một cuộc kiếm tìm huyền ảo trong một đời thực khốn khó. Ảo và thực, ảo hay thực ? Ảo: "Thuyền chòng chành sắp ụp, mọi người đành vứt trống xuống cho Mẹ Cả. Mẹ Cả ngồi trên mặt trống đánh thùng thùng. Thế là sấm tan mưa tạnh. Mẹ Cả ôm trống lặn xuống đáy sông" (tr. 110). Thực : "Phép biện chứng, theo tôi là sự tiến lên, bất chấp khó khăn, đại để giống như giấc mơ của tôi cày Gò mả ngụy. Quy luật phủ nhận, tôi nghĩ nó giống như trận đòn thù đê tiện của bọn đô Thi, tôi căm ghét nó, nó thành quy luật thì phải trả thù, phải nện đau hơn nó đã nện mình. Tôi học lịch sử, hoàn toàn lẫn lộn về cách phân kỳ" (tr. 119).

Những Ngọn Gió Hua Tát, chùm mười chuyện trong bản nhỏ : một loại ký ức tập thể. "Thung lũng Hua Tát ít nắng. Ở đây quanh năm cứ lung bung một thứ sương mù bàng bạc nên nhìn người và vật thì chỉ nhìn thấy những nét nhòa nhòa đại thể mà thôi. Đây là thứ không khí huyền thoại. (...) Hua Tát là một bản nhỏ cô đơn. Người dân ở đây sống giản dị, chất phác. Công việc nương rẫy nhọc nhằn vất vả. Cả việc săn bắt cũng thế. Tuy nhiên người dân ở đây lại rất rộng lòng mến khách. Đến Hua Tát, khách sẽ được mời ngồi bên bếp lửa, uống sừng rượu cần với xeo thịt rừng sấy khô" (tr. 433). Không khí huyễn ảo của âm dương không biên giới, một nơi con người nay "đã biến thành đất bụi và tro than cả. Tuy vậy linh hồn họ vẫn bay thấp thoáng trên các "khau cút" nhà sàn" (tr. 434). Nàng Bua, một người đàn bà nghèo và lang chạ chín đứa con không cha khi đào được hũ vàng phúc chốc trở thành giàu và được quý mến. "Đáng lẽ ra Bua sẽ sinh với người chồng được thừa nhận của mình một đức con nữa, đứa con thứ mười, nhưng người đàn bà ấy không quen sinh nở trong sự đầy đủ và nền nếp cổ truyền. Nàng đã chết khi trở dạ đẻ giữa đống mền chăn ấm áp" (tr. 445)

Trương Chi thanh nhã trong truyền kỳ trở thành con người thô tục, từ đầu đến cuối truyện chỉ biết nói "cứt" "đái". Và một kết truyện cũng khác: "Tôi biết giây phút rốt đời

Trương Chi cũng sẽ văng tục. Nhưng đấy không phải là lỗi ở chàng. Mỵ Nương sống suốt đời sung sướng và hạnh phúc. Điều ấy vừa tàn nhẫn, vừa phi lý. Lẽ đời là thế." (tr. 342).

Chảy Đi Sông Ơi : truyện đời, thế sự. Lão Thịnh, người của nhiều thời hay không thời nào cả. Truyện ấu thời chạy theo ảo ảnh thấy trâu đen. Và tiếng hát bên kia sông :
"Chảy đi sông ơi
Băn khoăn làm gì ?
Rồi sông đãi hết
Anh hùng còn chi ?" (tr. 16)
Nơi bến Cốc đó, cô Thắm cứu nhiều người chết đuối, nhưng cuối cùng khi cô bị đuối thì chẳng ai cứu cho, phải chết.

Nguyễn Thị Lộ người tình của Nguyễn Trãi, công thần nhà Lê. Sau chiến tranh, Nguyễn cô đơn không bạn, không tri âm tri kỷ. Thị Lộ trở thành kẻ tâm đầu: "Con người hành hạ nhau, lăng nhục nhau. Nàng nhận ra mối quan tâm của Nguyễn là to lớn. Ông là một nhà duy mỹ, trước hết là nhà duy mỹ. Đạo đức duy mỹ chất chứa hiểm nguy, chất chứa phiêu lưu nhưng nó sâu sắc, không bịp bợm, hẳn nó giá trị gấp triệu lần thứ đạo đức duy lý trắng trợn của trật tự bầy đoàn" (tr. 321). "Nàng biết ông đang chạy tế lên phía trước trong hệ thống tư tưởng đương thời, vừa hung hãn, vừa tuyệt vọng" (tr. 327). Khi đã trao thân cho nhau, Nguyễn mới nhận ra ông "cháy bùng như một ngọn đuốc dẻo dai, kiên cường cho đến trót đời. Nguyễn Trãi đã trải qua không biết bao nhiêu thăng trầm, bao nhiêu đau đớn, bất hạnh, bao nhiêu niềm vui, nỗi buồn, bao nhiêu vinh quang kể từ ngày ấy. Không một người thường nào có được số phận lạ lùng như ông trong 500 năm nay. 500 năm, tức năm thế kỷ." (tr. 329).

Mưa Nhã Nam : chuyện anh hùng Đề Thám. "Hùm thiêng Yên Thế" của Nguyễn Huy Thiệp là "một anh hùng, cũng là một người nhu nhược" (tr. 403). Anh hùng cũng có những cái hữu hạn. "Đề Thám phóng ngựa vào rừng. Mưa quất vào mặt ông bỏng rát. Ông bỗng òa khóc. Ông òa khóc cho mình, cho người, cho tất cả những hữu hạn của chính mình, của mỗi người. Đề Thám sụt sùi như một người thường; một anh bán bánh da mật ở chợ Kế, một viên công chức quèn, một chàng thợ bạc vụng về, một ông giáo nghèo... Ông khóc như một người nhu nhược nhất đời, một người suốt đời thỏa hiệp, không bao giờ dám bước qua lằn ranh bổn phận, nghĩa vụ, cương tỏa. Ông khóc như chưa bao giờ là một anh hùng, một người khởi nghĩa. Đề Thám đi suốt đêm mưa trong rừng. Người ta kể rằng sáng sớm hôm sau ông cầm đầu một toán quân đánh đồn binh Pháp ở Kép, tất cả binh sĩ trong đồn đều bị giết sạch. Từ đấy chấm dứt thời kỳ hòa hoãn giữa ông và người Pháp "(tr. 417).

Chút Thoáng Xuân Hương : chuyện Hồ Xuân Hương và Tổng Cóc. Tổng Cóc ham mê tình dục nhưng cũng hay chán chường "ông ngờ ngợ bà to lớn hơn ông, bà mạnh mẽ hơn, sống có dũng hơn" (tr. 186). Với Ấm Huy, Xuân Hương "gieo ở lòng chàng một nỗi kính phục và sợ hãi" (tr. 189). Chỉ Xuân Hương mới thật sự là một con người lớn, cao. Ông phủ Vĩnh Tường mất, mọi người quanh bà "chỉ là nhân chứng cho sự tồn tại của một con người : nàng Hồ Xuân Hương mặc áo xô gai đang nức nở khóc cho nỗi cô đơn mênh mông của cõi đời..."(tr. 196).

Trong một số tác phẩm, khung cảnh câu chuyện và cái đẫy đưa có tính cách cổ tích. Tác giả như muốn nhắc nhở để duy trì, phát huy những phong tục tập quán hoặc luân lý tuy cổ nhưng phổ biến, vẫn cần cho xã hội đương đại của ông. Cổ tích luân lý là ở trong thể loại này.

"Ngôn ngữ trở nên ghê tởm, nhớp nhúa trên miệng bọn tiểu nhân
Tôi biết một thứ ngôn ngữ giản dị như đất
Thứ ngôn ngữ mộc mạc, thẳng băng
Tựa như tiếng tù và
Như tiếng kèn đồng
Như tiếng chuông vọng...
Có một thứ ngôn ngữ thức tỉnh con người
Buộc họ soi vào lòng mình như soi mặt xuống lòng hồ
Có thứ ngôn ngữ của người anh hùng, của người chính trực
Nó làm ta bối rối xúc động
Ta không trốn được
Thứ ngôn ngữ không hề phù phiếm, cũng chẳng tân kỳ
Thứ ngôn ngữ của giống nòi truyền lại
Thứ ngôn ngữ của lương tri không bao giờ mất..." (Mưa Nhã Nam, tr. 413-414).

3.
Nhờ thể huyền thoại, Nguyễn Huy Thiệp có những đoạn truyện như là thơ, một thứ thơ dân gian, xa chốn văn minh giả tạo và dối trá. Truyện và kịch ông hay xen kẽ những đoạn thơ mà tác giả coi như là một phương tiện diễn tả dễ dàng hơn văn truyện. Như để tả nỗi lòng Trương Chi :
"...Nỗi buồn của ta ơi
Như cục đá
đè nặng tim ta
Nào ai thấu ?
Phía xa kia là quê nhà
Tuổi trẻ mờ sương
Những ký ức mờ sương..." (tr. 330)
Hay đề cao chốn thôn quê:
"Hãy dừng lại đi, dừng tất cả
Dẹp mọi âm thanh cuộc sống xô bồ
Dừng một chút
Lắng nghe sự tĩnh lặng tuyệt đối..." (Những Bài Học Nông Thôn, tr. 262)

Đất, núi và nước là những yếu tố sinh động làm nên đất nước. "Thiên nhiên không hề dối trá !" (CTXH, tr. 193). Đất là lẽ sống; muốn sống cần phải sản xuất. Không gian núi rừng là nơi con người phát triển. "Rừng vô tình, vô cảm, thản nhiên, lạnh lùng, tàn nhẫn. Rừng muôn đời là thế: vô tình, vô cảm, thản nhiên, lạnh lùng, tàn nhẫn. Tất cả đều đẩy con người về nơi tận cùng ý thức cá nhân chính nó. Con người tự co lại như con sâu, cái kiến, thúc thủ trong phần sinh linh vừa bé mọn, vừa cô đơn, vừa bất lực, nó chớp đôi mắt phấp phỏng lo âu trong tâm hồn nó và tự hỏi mình : là ai? đi đâu? thế nào? làm gì? tiến đến đâu? bao giờ thành tựu? bao giờ kết thúc?" (Mưa Nhã Nam, tr. 415). Núi rừng bao phủ cả 10 chuyện Những Ngọn Núi Hua Tát.

Nước là nhu cầu sống còn của con người và muôn vật như trong Chảy Đi Sông Ơi, Con Gái Thủy Thần. Nước không vui không buồn; bắt cá là để sống mà uống nước thì phải nhớ nguồn. Nhưng nước cũng là tai họa cho con người, làm chết đuối nhiều người, làm chết cả cô Thắm, người đã cứu nhiều người chết đuối (Chảy Đi Sông Ơi). Con Gái Thủy Thần từ biển nhập vào đời trần, còn tôi "Trước mặt tôi là dòng sông. Sông chảy ra biển, biển rộng vô cùng. Tôi chưa biết biển... Thế mà tôi sống nửa cuộc đời rồi đấy. Thời gian cũng thao thiết trôi. Chỉ ít năm nữa đến năm 2000" (tr. 138). Hạn hán, không mưa, con người và thiên nhiên cũng không thể sống : "Con sống trung thực, dầu biết trung thực

bao giờ cũng chịu đau khổ thiệt thòi. Tuy nhiên, nếu lòng trung thực chuộc được tội lỗi và mang tình yêu đến được cho thế gian này, xin trời mưa xuống..." (Những Ngọn Gió Hua Tát, tr. 450).

Đạo làm người, trung đạo, là đạo đứng giữa Trời và Đất trong vị thế Tam Tài, là đạo khó. "Đàn ông thằng nào có tâm thì nhục. Tâm càng lớn càng nhục" (tr. 46). Khó vì "Trong thiên hạ không phải chỉ có người đâu, có các thánh nhân, có yêu quái" (Thương Nhớ Đồng Quê, tr. 380). Qua các truyện đã kể, làm người khó và khó! Khi đất ở lắm người nhiều ma, nói như Nguyễn Khắc Trường (1990), khi thổ ngơi cùng khốn khiến những đứa trẻ phải chết già, như Nguyễn Bình Phương đã phác ghi năm 1994!

4.

Người đọc Nguyễn Huy Thiệp như chìm đắm trong không khí truyền kỳ của Lĩnh Nam Chích Quái và Việt Điện U Linh Tập mà đa số như những cắt nghĩa văn hóa về nguồn gốc dân tộc Việt, về ý niệm quốc gia hay về con người trên mảnh đất văn hiến này. Trả lời một phỏng vấn ở Seattle, Nguyễn Huy Thiệp đã xác nhận: "Khi viết văn tôi luôn luôn tìm lại những giá trị truyền thống. (...) Tôi nghĩ một nhà văn phải bắt đầu từ những kinh nghiệm nguyên thủy nhất của dân tộc mình. Tóm lại, phải đi từ con người Việt Nam nguyên thủy, con người Việt Nam từ nguồn gốc, từ đó lần về sau" (3).

Truyện và kịch của Nguyễn Huy Thiệp huyền thoại mà rất "đời" và "tục". Ông có tài làm người đọc chìm đắm trong thế giới hoang dã, bịa đặt, đồng thời gây thích thú, tâm đắc; ông tự đáp ứng một nhu cầu hình như không khác người đọc. Có thể ông có ẩn ý hạ bệ thần tượng và quá khứ như nhiều người vẫn phê bình, dù sao cũng có thể hiểu ông muốn đưa ra trước ánh sáng những oan khuất, sai lầm. "Nói rằng một xã hội có tôn ti là một điều tự nhiên, nhưng nói rằng tất cả mọi cái trong xã hội đó đều trật tự chạy việc là một điều phi lý" (C. Lévi-Strauss, Anthropologie structurale).

Huyền thoại, Nguyễn Huy Thiệp không muốn theo lối mòn nhị nguyên, có ác thì tất phải có tốt. Ông phác họa cái xã hội sơ nguyên, có khi thô sơ, hoang dã. Buổi sơ khai, tâm tình nguyên thủy, với tiềm thức và bản năng của thời đại. "Phải là người mơ mộng và nghiêm khắc mới hiểu rằng biết hoặc không biết, đều chỉ là những ước lệ mơ hồ, có tính lịch sử và hạn chế" (Phẩm Tiết, tr. 304). Nếu Lan Khai và Tchya thời tiền chiến đưa người thị tứ đến thám hiểm những nơi rừng núi và dùng cái nhìn của người thị thành để quan sát, thì Nguyễn Huy Thiệp đưa người đến đó và ở lại đó. Đồng thời ông lạnh lùng với cái ác, với tai ương, nhất là khi cái ác ở ngay chính bản thân mỗi người. Nhảy một bước, Nguyễn Huy Thiệp xen vào chính trị. Những thần tượng, "thần thánh" được nghiêm khắc xét đoán. "E biết, những người dũng cảm sẽ mãi mê với sự nghiệp của mình" (NNGHT, tr. 447). Nguyễn Huy Thiệp hạ cấp một số thần tượng lịch sử vì ông coi họ là tương đối và thời nào cũng có, đồng thời ông trần tục hóa họ, mặc cho họ cái áo vải tầm thường của con người đầy sân si, như Nguyễn Phúc Ánh ăn nói tục tằn "Thằng mặt xanh kia! Kề miệng lỗ còn dê ư? Ta cho cắt dái mày! Ta cho mày ăn cứt ! "(Phẩm Tiết, tr. 313). Và cũng tàn nhẫn, dâm ô và háo sắc không thua gì Nguyễn Huệ!

Ông có cái nhìn luân lý, dạy đời, nhưng cũng có khi lững lơ, ai hiểu sao đó cũng được. Có thể ông tỏ ra muốn đóng vai Tư-mã Thiên ghi chép chuyện đời kẻo sẽ bị mai một, xuyên tạc, như lời ông phủ Vĩnh Tường ; "Dân ta cực khổ. Tôi trông vào đâu cũng thấy xót xa. Phải lấy lý lẽ văn chương và sự công bằng pháp luật hướng đạo dân mình... Tôi muốn sĩ phu và bậc cha mẹ con dân phải hiểu...". Trong khi đó có người như tri huyện Thặng "coi quan trường là nơi kiếm sống (...), ăn no ngủ kỹ, làm tròn bổn phận đối với triều đình" (CTXH, tr. 191). Còn người trí thức? Trong Những Bài Học Nông Thôn,

người quê mùa dân giả mất lòng tin nơi giới có học: "... sự ngu dốt của bọn có học tai hại thế nào, vừa phản động, nó vừa nguy hiểm, lại vừa mất dạy. Sự ngu dốt của bọn có học tởm gấp vạn lần so với ở người bình dân (...). Vì chúng giả hình. Chúng nhân danh lương tâm, đạo đức, mỹ học, trật tự xã hội, thậm chí nhân danh cả dân tộc nữa. Chính trị không cao siêu sẽ nhầm lẫn" (tr. 264). Trong Không Có Vua, lão Kiền kết luận "Quân trí thức bây giờ toàn phường phàm phu tục tử". Khảm bênh "có thực mới vực được đạo" liền bị lão hỏi "Bọn chúng mày bây giờ thì vực Đạo gì ?" (tr. 76).

Huyền thoại trong nội dung câu chuyện và trở thành một nghệ thuật ngôn từ, chữ nghĩa: "Về sau, Bình ngã nước, râu tóc rụng hết, gầy tọp đi, da vàng như nghệ, chỉ nằm chờ chết. Bình có một thanh kiếm gia truyền, sắc như nước, sống kiếm đỏ chì, sức chém khủng khiếp...." (KS, tr. 281). Huyền thoại là con đường hợp lý và văn khác sử ở chỗ có thể khai thông những bế tắc lý luận. Nửa sự thật không là nửa ổ bánh mì, nói như một nhà văn khác cùng thời. Nhà văn của thời Đổi Mới, hơn cả thập niên xa thời chiến tranh bom đạn, thời "đạo" của chế độ và chủ nghĩa lung lay, Nguyễn Huy Thiệp tha hồ phạm tội "kỵ húy, sử thi"; cư xử như người "ngoại đạo" bên cạnh một đa số "phải đạo" với sứ mạng và bổn phận, với những vinh quang đang lùi dần vào bóng tối nhường chỗ cho đô-la, Coca Cola và những đồ phế thải của văn minh kỹ nghệ người. Ông có cái may mà những nhà văn nghệ chuyên nghiệp hay được trả lương, tem phiếu không có hay không dám có. Thể huyền thoại khiến Nguyễn Huy Thiệp hay úp mở, gợi tưởng tượng. Hay không thật sự kết thúc, vì không có kết; hay kết cũng huyền hoặc như dẫn đưa của đầu và thân truyện. Nguyễn Huy Thiệp có những kết truyện đặc biệt như trong Vàng Lửa, ba kết thúc khác nhau như thường thấy ở những chuyện truyền kỳ. Và cũng có những cái kết mở ra chân trời rộng lớn, như trong Con Gái Thủy Thần. Hoặc kết thúc văng tục chửi đời như nói giùm "nghệ sĩ" Trương Chi.

5.
Huyền Thoại Phố Phường : những con người trần tục, những thù tạc và diêm dúa hình thức. Nhân vật Hạnh mò cả cái rãnh đầy bùn bẩn, lỏng bỏng cả phân người, để lấy lòng tin của gia đình người bị mất nhẫn. Hai thế giới giàu và nghèo, đạo đức và tham vọng, chung quanh chiếc vé số. Thương Nhớ Đồng Quê : Nguyễn Huy Thiệp dùng biểu tượng để nói đến xã hội đương đại của ông. Chuyện nhà quê, ô nhiễm bởi đời sống mới, người tỉnh thành. Nguyễn Huy Thiệp đã dị thường hóa cái xã hội đương đại đó, một xã hội Đổi Mới Cởi Trói trên lý thuyết nhưng đầy gò bó, tầm thường, khó khăn, đầy tương phãn và tàn nhẫn. Ông bôi đen bức tranh xã hội với một ngòi bút truyền kỳ, như nói chuyện thời khác. Ở đây, người nghệ sĩ Nguyễn Huy Thiệp là sản phẩm, phản ánh xã hội ông sống, ông tỏ ra bất lực dù đầy thiện chí.

Bên cạnh có những truyện có tính cách hiện thực nhưng cũng lọt vào trong lược đồ luân lý, như Không Có Vua với Đoài trí thức tha hóa thực dụng đến bỉ ổi ép vợ đi xin tiền đứa em trai dù vợ đã hỏi ngược lại "Anh bắt tôi làm điếm à? Hiến thân cho nó à?" (tr. 517). Một gia đình mất hết tôn ti vì tiền như cái xã hội chẳng ra gì. Làm cha như lão Kiền, độc ác, dâm bôn. Tên sáu đứa con là những quẻ dịch Cấn, Đoài, Khiêm, Khảm, Tốn trong khi con dâu lại là Sinh, là cái đinh của sự sống tình cảm và thể xác của cả đám cha con, tụ điểm âm của mọi dương lực đến chỗ thụ thai mà không biết con của ai. Truyện sau viết lại dưới dạng kịch với tựa Quỷ Ở Với Người rồi đổi lại là Gia Đình.

Từ huyền thoại bước sang truyện dị thường chỉ là một bước nhỏ, khi tác giả phải nói đến thực tại và đời thường hôm nay. Dị thường vì quá tầm với của con người và dị thường vì có dụng công của tác giả muốn gây suy nghĩ nơi người đồng thời và cả xã hội đang giao động! Nếu huyền thoại thường lạc quan thì thể loại dị thường là tột cùng của

bi quan đến độ mất cả xúc cảm, tư duy! Truyện dị-thường thường có một hình thức quá đà căn bản, nó đang lấn đất, chiếm hữu thực tại để dễ buộc thực tại nhận chân sự bất lực, bó tay cũng như những yếu điểm, vết rạn - là những điểm mà hình ảnh quá đà, những hình ảnh không thể tả sẽ hiện rõ! Truyện dị-thường mở ra với cái rỗng không, một vắng mặt mà các tác giả của chúng chỉ tìm cách làm trầm trọng thêm. Truyện gây ảo tưởng về một thế giới mà tác giả chúng không còn tin tưởng.

Người viết vì chủ đích dị thường, gây suy nghĩ, xét lại, có thể có vẻ vi phạm luật tự nhiên hay thông thường của kiếp sống, kể cả phạm thượng, xúc phạm người xưa như Gia Long, Quang Trung, Nguyễn Du trong Vàng Lửa, Phẩm Tiết,và Kiếm Sắc, Đề Thám trong Mưa Nhã Nam, hoặc người trên, người cha đã chết (Tướng Về Hưu). Truyện này cũng như Con Gái Thủy Thần, Những Người Thợ Xẻ ... đã mở rộng thế giới dị thường đồng thời đẩy con người vào vực tối của lý trí. Tối tăm mặt mày vì dị thường ở chỗ đáng ra phải bình thường, ấm ức, khôn nguôi và những tại sao! Cứ viết về những siêu nhiên tuyệt vời như xưa, những trăm trứng, Trọng Thủy Mỵ Châu, ..., hình như chỉ làm con người thật và chốn thật chậm đến, nhất là những con người xấu xa và những chốn tối tăm tiềm ẩn trong mỗi chúng ta, những con người hình như quá đẹp mã và lịch sự! Ông tướng, Mẹ Cả, Thị Lộ, Đề Thám, anh linh lịch sử, ... đáng sợ; nhưng chính những con ma này đến để giải phóng những hãi sợ tập thể có khi đã thành nếp, khiến hãi sợ đối đầu, tranh đấu! Như trong Thương Nhớ Đồng Quê, huyền thoại trở thành dị thường vì con người bất lực mà hiện thực thì tàn bạo!

Truyện dị-thường đã và đang là một kinh nghiệm văn chương mới, báo hiệu thời văn chương hậu hiện đại - thời phê phán chủ nghĩa hiện thực cổ truyền nhưng đồng thời tìm cách vượt xa những phạm trù phổ quát thời đại bằng cách tra vấn, bằng những vô định và đặc thù địa phương. Cái từng được xem đã giải quyết xong, văn chương mới sẽ lôi ra đặt vấn đề thay vì chỉ khiêm tốn để giữa hai ngoặc đơn. Cái thực tại, cái dĩ nhiên sẽ trở nên mơ hồ và khả dĩ. Để đặt vấn đề rõ hơn, tra vấn dễ hơn, làm bộc phát mạnh hơn. Tác giả mới thay hiện thực bằng một siêu thực có ý nghĩa hơn, xứng đáng hơn. Truyện dị-thường không còn phải biện hộ cho xác-thực, cũng không phải bảo vệ gia tài văn hóa nào. Chúng bơi lội trong môi trường văn hóa, chúng xác tín cái đáng tin, cái rất người! Muốn khỏi áp dụng luật hình thức, lấn đất mọi luật lệ. truyện dị-thường trở nên môi trường giải phóng cho mọi công việc chữ nghĩa. Truyện dị-thường có tính thời đại, có vấn đề đưa ra như những mệnh đề mới cho tư duy trên đường đi đến một bản ngã văn hóa nhân loại. Phía Tây phương, Guy de Maupassant đã là những phô diễn truyện dị-thường có thẩm mỹ học cuối cùng. Những tưởng phân tâm học đến sau đó đã phá nát thành trì thơ mộng dị-thường. Nhưng không, văn chương thế giới đã thấy truyện dị-thường phục hưng trở lại. Nay phân tâm tập thể, tìm cho ra tính lịch sử của đời sống, của mỗi hay mọi sát-na, của cuộc chơi làm con người! Tác giả có thể mơ mộng thiết tha hay nghiêm khắc lạnh lùng, cái chủ quan của tác giả vẫn có thể động đến nhiều người. Truyện hư cấu hay giả định nhưng phải là kinh nghiệm của tác giả!

6.

Sau khi đến với người đọc một loạt sáng tác nhờ gặp thời Cởi Trói, những truyện bình thường về tiêu cực, hủ hóa, đổi mới như Vết Trượt (Văn Nghệ 40, 4-10-1986), truyền kỳ như Những Chuyện Kể Bất Tận Của Thung Lũng Hua Tát (Văn Nghệ số Tết Đinh Mão 1-1987), Nguyễn Huy Thiệp thành hiện tượng với truyện Tướng Về Hưu (Văn Nghệ 20-6-1987). Nhưng thời bỉ cực chỉ chậm đưa đến thị trường, chuyên chính vẫn là chuyên chính; lối thoát thái lai hãy còn xa trong bụi mờ. Dù đã nổi tiếng, vẫn nghèo, có khi ông phải gửi truyện dự thi để có tiền. Năm 1994, bỏ viết, ông mở quán Hoa Ban, lại nhờ thời

kinh tế "xã hội chủ nghĩa quá độ", rồi ông Mỹ du. Hành trình văn nghiệp của ông không khác huyền thoại, như những ngọn gió !

Huyền thoại, ngụ ngôn cũng như dị thường là những thể văn đặc biệt. Tuy nhiên trong một xã hội mà nhà văn phải dùng đến các thể nói trên để nói chuyện hiện thực hình như có cái gì trục trặc, không ổn thỏa. Nếu tổ tiên ta vì sự sống còn của nòi giống đã dùng huyền thoại để truyền một số ý nghĩa văn hóa, khôn ngoan lại cho con cháu thì việc người hôm nay phải xử dụng đến hình thức đó có cái gì không tự nhiên. Cũng như cách mạng, 80 năm sau, 41 năm sau, đã trở thành một dĩ lỡ, sai lầm./.

10-11-1997

Chú thích :
(1) Để đơn giản, trong bài viết, các truyện và kịch đều trích dẫn từ tập Như Những Ngọn Gió (Hà Nội:
Nxb Văn Học, 1995. 732 trang) là tuyển tập đầy đủ nhất và được tác giả sửa bản in, gồm 24 truyện ngắn và 5 kịch bản.
(2) Nguyễn Văn Bổng, Văn Nghệ 3-9-1988.
(3) Mary Thiên Yên Lê. "Phỏng vấn nhà văn Nguyễn Huy Thiệp".
Thế Kỷ 21 số 93, 1-1997.

Đọc “Tiểu luận” của Nguyễn Huy Thiệp

Đỗ Ngọc Thạch

(người đầu tiên văng cứt vào văn học Việt Nam một cách trắng trợn, hiệu quả và day dứt nhất….
Văn chương phải bất chấp hết. Ngập trong bùn, sục tung lên, thoát thành bướm và hoa, đấy là chí thánh”(2). …Chính vì NHT đã chọn cách “diễn đạt nông dân” ….) trích dẫn trong bài của Đỗ Ngọc Thạch,
VCV không thể tán thành thứ văn chương *cứt* và xem thường nông dân của tác giả, nếu có…NHvcv

Nguyễn Huy Thiệp (NHT) có cuốn *Giăng Lưới Bắt Chim* (1). Cuốn sách ngay sau khi được phát hành đã gây dư luận trái chiều, người thì bảo NHT không biết làm phê bình, kẻ lại nói “đó là cuốn phê bình văn học đáng đọc nhất trong văn nghệ 30 năm đổi mới”. Quả là NHT đã “đại náo” diễn đàn Lý luận-Phê bình văn học!

GS, nhà Lý luận, Phê bình văn học Hoàng Ngọc Hiến cho rằng: “Mỗi nhà lý luận nhân văn đều có một cách giải thích khác nhau về tác phẩm. Lý luận chẳng qua chỉ là những huyền thoại. Những huyền thoại mới đến sẽ thế chỗ và loại trừ những huyền thoại cũ. Rồi sau đó, những huyền thoại tương lai lặp lại quá trình với những huyền thoại hiện tại”. “Tôi thành thật chúc mừng Thiệp. Thiệp có tặng tôi *Giăng lưới bắt chim* với lời đề tựa: “Đây là một cuốn sách nhảm nhí, có nhiều nhầm lẫn”, song chính nó đã làm tôi thức tỉnh. Bản thân là nhà PBLL nhưng tôi tự thấy mình chưa làm được điều gì thật sự sâu sắc cho PBLL. Đọc Thiệp xong, tôi thấy mình phải thay đổi”. “Chúc mừng Hội Nhà văn Hà Nội đã tìm đúng tác phẩm để trao giải. Bởi trong tình trạng cả tác giả lẫn độc giả cả nước đều đang nửa tỉnh nửa mê như hiện nay thì sự xuất hiện của *Giăng lưới bắt chim* là vô cùng quan trọng”. Giáo sư Hoàng Ngọc Hiến: “Đọc Thiệp xong, tôi thấy mình

cần phải thay đổi…Trong tình trạng của tác giả lẫn độc giả cả nước đều đang nửa tỉnh nửa mê như hiện nay thì sự kiện “GLBC” đoạt giải thưởng là vô cùng quan trọng”.

Năm 2004, bài viết “*Trò chuyện với hoa thủy tiên và những nhầm lẫn của nhà văn*”của NHT đăng trên Tạp chí Ngày nay - là cơ quan của tổ chức UNESCO VN - (ba kỳ vào cuối tháng 2 đầu tháng 3 năm 2004) đã tạo ra những tranh luận gay gắt trong giới văn chương một thời gian dài trên Báo Tuần báo *Văn nghệ* của Hội Nhà văn VN và một số trang mạng tại VN.

Tại sao NHT lại làm phân hóa giới văn nghệ (và cả công chúng văn nghệ) mạnh mẽ như vậy và thực ra những bài viết gọi là “Phê bình, Tiểu luận” của NHT là gì? Tôi đặc biệt chú ý đến hai ý trong những nhận định vừa dẫn trên của GS Hoàng Ngọc Hiến - người đã nổi tiếng với khái quát “Chủ nghĩa hiện thực phải đạo” ở thời kỳ “Tiền đổi mới” -, đó là: 1/ “Đọc Thiệp xong, tôi thấy mình phải thay đổi” và 2/ “Bởi trong tình trạng cả tác giả lẫn độc giả cả nước đều đang nửa tỉnh nửa mê như hiện nay thì sự xuất hiện của *Giăng lưới bắt chim* là vô cùng quan trọng”.

*

Theo như lời giới thiệu lần xuất bản thứ nhất thì *“Giăng lưới bắt chim”* là một tập hợp những bài tạp văn, tiểu luận, phê bình, giới thiệu và ghi chú của NHT đã đăng rải rác trên các báo và tạp chí trong nước từ năm 1989 đến 7-2003. Khi mới xuất hiện, những sáng tác của NHT đã gây nên một cuộc tranh luận văn học sôi nổi. Những bài viết chủ yếu nhất trong cuộc tranh luận này đã được nhà nghiên cứu, phê bình văn học Phạm Xuân Nguyên tập hợp trong cuốn *Đi tìm Nguyễn Huy Thiệp* (NXB Văn hóa Thông tin Hà Nội 2001).

Tập sách này trước hết bao gồm 5 bài tiểu luận quan trọng được NHT viết trong khoảng thời gian đang xảy ra cuộc tranh luận văn học về mình (1988-1992). Bẵng đi tới gần 10 năm, kể từ năm 2000 trở đi, NHT mới lại viết những bài báo dưới dạng tạp văn (ký tên Dương Thị Nhã) in rải rác trên các báo Tiền Phong, Nông nghiệp Việt Nam, Phụ nữ TP. Hồ Chí Minh v.v... Gần đây, danh chính ngôn thuận NHT lại ký tên thật và bắt đầu dè dặt giới thiệu một số người như Đồng Đức Bốn, Vi Thùy Linh, Phan Huyền Thư, v.v.. trên một số báo và tạp chí. Những ghi chú trong truyện ngắn của NHT cũng đã từng được giới thiệu như một phụ lục trong một vài tuyển tập gần đây. Lần này, những người làm sách đã sưu tầm và bổ sung thêm với hy vọng rồi đây sẽ tập hợp được cả những bài nói và viết của NHT ở nước ngoài để bạn đọc có thể có được một cái nhìn toàn diện về nhà văn Nguyễn Huy Thiệp.

Trước khi “có được cái nhìn toàn diện” về NHT, tôi đặc biệt chú ý đến bài viết khá “độc đáo” về NHT của Đặng Thân: “Để kết thúc bài viết nhỏ nhẹ về một Nguyễn Huy Thiệp “cởi quần” để “đổi mới” xin được nhắc tới một thành quả văn học có tính độc sáng của người “cởi quần” mà không ai có thể quên được: anh là người đầu tiên văng cứt vào văn học Việt Nam một cách trắng trợn, hiệu quả và day dứt nhất. Từ "Trương Chi", "Phẩm tiết" cho đến "Còn mãi một tình yêu" hay "Chuyện ông Móng"…, cứt hiện lên với mọi hình thái cao quý, hiên ngang, phũ phàng, bộc trực, chân thực, phản kháng, khủng bố và đầy nhân tính của nó. Chính nhờ thế mà anh có một hỗn danh đầy vinh dự mà hình như phải là người thấu hiểu Phật tính mới dám nhận - nhiều người gọi anh là Thiệp “cứt”.Phải chăng đó chính là nền tảng cho tuyên ngôn bất hủ của anh về sáng tạo văn chương: Văn chương phải bất chấp hết. Ngập trong bùn, sục tung lên, thoát thành bướm và hoa, đấy là chí thánh”(2). Nếu quả NHT là “bậc chí thánh” như Đặng Thân nói thì cần phải bình tĩnh xem lại…Vì thế mà có bài viết này.

*

Trong bài Một góc sơ xuất trong thế giới nội tâm nhà văn, NHT viết: “Tôi có may mắn là thời thơ ấu tôi gắn bó với nông thôn. Mẹ tôi là nông dân. Còn tôi sinh ở nông thôn.... Những người nông dân Việt Nam cách đây ba chục năm rất thực thà. Tôi được họ dạy bằng thứ ngôn từ thiết thực kiểu như sau: - Cu ai nấy đái; - Trâu thì lấy dây mà dắt, người thì lấy c. mà lôi; - Mặt nào ngao ấy ; - Sướng con cu mù con mắt. Sau này khi đọc thứ văn chương bác học tôi không tìm thấy thứ ngôn từ thiết thực ấy nữa. Tôi rất phân vân: giữa cách diễn đạt nông dân kia với cách diễn đạt bác học thì nên lựa chọn cách diễn đạt nào?”. Có vẻ như NHT đã chọn “cách diễn đạt nông dân” nên đã chê Mắcxim Gorki khi khuyên các nhà văn trẻ, đã “trở nên lắm lời kinh khủng. ông yêu cầu họ phải học tập cẩn thận kho tàng văn học dân gian, đọc thật nhiều sách, am hiểu hội họa, kiến trúc, lịch sử... tóm lại là toàn bộ thế giới tri thức”, và nhận xét M. Gorki rằng “niềm khát khao học vấn của ông chân thành đến mức đáng thương”. Rồi NHT tung ra một “ẩn số”: “Đa số con người bị cuốn theo chiều gió, kiến thức mà họ thâu lượm được ở trong cuộc đời phụ thuộc vào cái gì đó hết sức bí mật và chớ có hoài công đi tìm các quy luật giác ngộ”.

Trở lại sự lựa chọn của NHT. Ta thường thấy hầu hết các nhà văn lớn khi được hỏi đã học ở đâu để thành tài như vậy thì đều khiêm tốn trả lời rất “dân gian” là đã học ở những người nông dân hay đại loại là người lao động cực khổ. Hẳn là NHT cũng vậy và anh tỏ ra rất thích thú với “cách diễn đạt nông dân”: không màu mè và có vẻ thô tục nhưng gọi đúng tên sự vật. Ở nông thôn VN, khi tỏ thái độ miệt thị ai, người ta thường nói “Đồ mặt L.”. Khi không ưng cái gì, người ta nói “Dí L. vào”, có cả “Dí C. vào” nữa! Muốn chửi ai, người ta nói: “Mày ăn L. bà!”…Nói chung, ở nông thôn, nói ra mồm những thứ đó là chuyện thường ngày, gọi là “Nói tục”! Phải thấy rằng “diễn đạt theo cách nông dân” là sở trưởng của NHT nên trong bài Trò chuyện với hoa thủy tiên và những nhầm lẫn của nhà văn (bài 3) NHT viết: “Giai thoại có một nhà thơ nói về tình cảnh thơ ở trong bài thơ sau đây (tôi đã đưa chuyện này vào trong tiểu thuyết của tôi vì nó quá hay) khá tiêu biểu cho thực tế đó: "*Vợ tôi nửa tỉnh nửa mơ/ Hôm qua nó bảo: Dí thơ vào l…/ Vợ tôi nửa dại nửa khôn/ Hôm nay lại bảo: Dí l… vào thơ!",* tôi cũng không phủ nhận cảm tình của nhân dân đối với thơ nhưng quả thực trên thực tế cái danh nhà thơ là một thứ nhìn chung chỉ là nhăng nhít, hữu danh vô thực, chẳng ai muốn dây vào nó: nhà thơ đồng nghĩa với sự chập cheng, hâm hấp, quá khích, vớ vẩn, thậm chí còn lưu manh nữa”.

Chính vì NHT đã chọn cách “diễn đạt nông dân” (và phải nói là NHT là người học trò xuất sắc của “người thầy Nông dân”) cho nên dù có nhiều người phải “bịt tai, che mắt” trước những cách diễn đạt nông dân với những hình ảnh sinh động “rất NHT” cũng phải thừa nhận NHT rất hài, rất hóm và có một “ma lực” lôi cuốn khi NHT “nói trắng phớ” ra mọi chuyện: “Tôi biết sẽ có nhiều người phản ứng lại điều tôi nói "trắng phớ" ra như thế nhưng ở đây nó là thực tế. Tôi chỉ nói ra một thực tế "tàn nhẫn" mà mọi người vẫn tránh né hoặc "không nỡ" nói ra mà thôi. Đã đến lúc người ta phải nhìn vào thực tế để thúc đẩy văn học cũng như thúc đẩy xã hội phát triển”. Điều gì ở diễn đạt theo cách nông dân có sức lôi cuốn nhất? Đó chính là chất Tiếu lâm, kiểu nói Trạng đã lưu truyền từ bao đời cho đến nay. Và NHT đã tung hoành khá thoải mái với công cụ hữu hiệu này. Chỉ có điều, NHT đã quá lố khi sử dụng công cụ này. Có câu “Thái quá bất cập”, phải nói ngay rằng NHT đã bất cập!

Phần lớn những sự phê phán NHT đều lấy những tiêu chuẩn rất bài bản của một bài Lý luận, Phê bình ra để so sánh, đối chiếu với kiểu viết “vô chiêu” đậm chất dân gian, tức “diễn đạt theo cách nông dân” của NHT cho nên cũng giống như hai người bất đồng ngôn ngữ nói chuyện với nhau, sẽ chẳng bao giờ hiểu nhau cả! Từ ngày NHT xuất hiện

trên văn đàn, những bài viết về NHT đều là của những "đại gia" của Làng Văn với bằng cấp đầy mình (3) - ca ngợi hết lời và phê cũng hết ý, - nhưng NHT không những không hề "tâm phục, khẩu phục" những sự phê phán mà còn nói họ vu cáo ngoài văn học và "trả đòn" bằng những "độc chiêu" như với nhà phê bình văn học Bùi Việt Thắng.

Nói về những bài "Tiểu luận, Phê bình" của mình, NHT đặt trước cửa "Nhà Lý Luận NHT " câu nói của Phật tổ: "Phật tổ đã nói: "Mở miệng là đã sai rồi". Chúng ta luôn luôn sống trong những sự nhầm lẫn đan cài nhau. Bản chất cuộc sống, chân lý rốt ráo trong cuộc sống chính là sự nhầm lẫn". Và "Tôi không phải là nhà nghiên cứu. Nhưng chiêm nghiệm từ bản thân và những người Việt Nam khác thì thấy chúng ta luôn luôn nhầm lẫn trong mọi thứ, trong tình yêu, trong cuộc sống. Nhiều khi tưởng là tình yêu thì lại không phải tình yêu. Tưởng công việc phù hợp thì lại không phải". Và rồi NHT nói "ỡm ờ" rằng "… tôi chỉ nêu ra những suy nghĩ "nhầm lẫn" để mọi người trong giới văn học xem xét mà thôi …".

Rõ ràng là NHT đã đùa cợt trong những bài viết, phát biểu trên báo chí của mình, trong khi đó, những người muốn "đối thoại" với NHT thì lại rất công phu, trịnh trọng và "bài bản". Chẳng hạn như Trần Mạnh Hảo (TMH) đã công phu theo dõi hầu như tất cả các buổi trả lời phỏng vấn các đài nước ngoài phát tiếng Việt của NHT, ít nhất trong vòng 15 năm, và nhận xét : "HỘI CHỨNG CHỬI" của NHT là có hệ thống, có cân nhắc tính toán hẳn hoi, chứ không phải là việc "nổi điên" do rượu chè quá chén, hay bốc đồng văng mạng chửi đổng chơi như có nhiều bạn bè lầm tưởng. NHT trong rất nhiều lần trả lời phỏng vấn, trò chuyện với thính giả trên các làn sóng phát thanh nước ngoài và in trên các báo chí, khi đề cập các vấn đề trong nước, thường thấy anh lặp đi lặp lại những chữ sau: "đểu cáng", "vô học", "lưu manh", "cứt", "phù phiếm", "khốn nạn", "điếm", "chó má", "nôn mửa", "tởm", "ngu như lợn", "thê thảm", "xỏ lá", "lừa bịp", "xỏ xiên", "lọc lõi", "lỗ mãng", "nham nhở", "nhảm nhí", "tiểu nhân", "ngụy quân tử", "phàm phu tục tử", "suy đồi"...Rồi, khi "bút chiến" với NHT, TMH đã phí hoài công sức khi phải đi "tra từ điển" từng chữ NHT đã dùng mà quên rằng những từ ngữ mà NHT dùng đều rất tùy hứng, "đa nghĩa" và cả do ngẫu nhiên lượm được trong "dân dã" mà các nhà làm từ điển chưa kịp bổ sung!

*

Tôi thấy trong một bài trả lời phỏng vấn VnExpress, khi được hỏi: *"Ông nghĩ sao về việc trở thành nhà phê bình chuyên nghiệp trong một tương lai gần?",* NHT đã nói rõ: "Không. Nhất định là không. Tôi là người sáng tác chứ không phải nhà phê bình. Tôi cũng biết thân biết phận. Lý luận là vũ khí của người khác, không phải vũ khí của tôi". Vậy "vũ khí" của NHT là gì? Và NHT đã sử dụng "vũ khí" này ra sao?

Xin trả lời ngay cho câu hỏi vừa nêu ra: sẽ hoài công nếu muốn tìm ra "vũ khí" lý luận, phê bình của NHT, bởi như đã nói ở trên, NHT đã chọn "phương pháp luận" của mình là "diễn đạt theo cách nông dân", mà "Trí tuệ dân gian vốn thực tế", tức "Liệu cơm gắp mắm" chứ không bày binh bố trận bài bản gì cả!

Tôi đặc biệt chú ý đến cảm giác về "Lý luận, phê bình" kiểu NHT của VnExpress khi phỏng vấn NHT: "Cách lập luận của *Giăng lưới bắt chim* có quá nhiều mệnh đề chỏng lỏn, mới nghe thì hay kinh người, song ngẫm kỹ một chút thì cũng sai lệch kinh người". Đây là một nhận xét rất tinh và bài viết này của tôi được "gợi cảm hứng" từ nhận xét đó! Vì thế phần tiếp theo của bài viết về "Tiểu luận" của NHT chủ yếu sẽ gồm hai phần chính là "Hay kinh người" và "Sai lệch kinh người"! Xin nói ngay là tác giả bài viết chỉ làm công việc tuyển chọn còn phần bình luận xin nhường lại cho bạn đọc - vị quan Tòa công minh nhất phán xét. Tuy nhiên, trong quá trình phân loại, tôi lại thấy có những "cái" không thể xếp vào mục "Hay kinh người" cũng như "Sai lệch kinh người"? Chợt nhớ NHT đã từng nói "cả thế giớihỗn độn chứ đâu chỉ riêng tôi" và nhiều lúc "giải thích lung

tung", "suy nghĩ nhầm lẫn"cho nên đành xếp những "cái" này vào mục "Vừa hay vừa sai lệch" có lẽ là hợp lý nhất. Vì thế, phần tiếp theo của bài viết sẽ có ba phần: 1/ "Hay kinh người"; 2/ "Sai lệch kinh người" và 3/ "Vừa hay vừa sai lệch".

1/ "Hay kinh người":

-Văn chương phải bất chấp hết. Ngập trong bùn, sục tung lên, thoát thành bướm và hoa, đấy là chí thánh.
- Chúng ta đang sống trong một môi trường cay đắng đầy những thành kiến ràng buộc. Mọi hành động của chúng ta đều bị trực tiếp kiểm soát, gián tiếp kiểm soát và tự kiểm soát.
-Trong khu vực văn chương ở ta, trừ đôi ba người thực sự xuất chúng, còn nhìn chung văn thơ của các cụ ta ngày xưa và những nhà văn hiện đại ngày nay so với nhiều dân tộc khác, phải thừa nhận là kém cỏi.

-Nhân dân đã chán ngấy những cuốn sách thuyết giảng thứ đạo đức giả. Họ cũng chán ngấy các sách mua vui rẻ tiền và những sách gợi cảm giác mạnh. Thậm chí đến cả những sách ca ngợi tinh thần dân tộc trong các cuộc chiến tranh vệ quốc nữa, bây giờ cũng trở nên lạc lõng. Nhân dân đang cần những cuốn sách tự vấn, những cuốn sách giúp họ tự nhận thức lại mình. Làm được điều đó là một công lao to lớn của nhà văn hiện đại.

-Từ xưa đến nay ở ta đã hình thành nên một tâm lý quá yên tâm đối với văn học. Tôi tiếc chưa có một nhà văn nào đủ một nội tâm mạnh mẽ để có thể khinh bỉ văn học rồi từ đó làm lại từ đầu.

-"...Nhìn vào danh sách 1000 hội viên Hội Nhà văn Việt Nam người ta đều thấy đa số đều già nua không có khả năng sáng tạo và hầu hết đều..."vô học", tự phát mà thành danh. Trong số này có tới hơn 80% là nhà thơ tức là những người chỉ dựa vào "cảm hứng" để tùy tiện viết ra những lời lẽ du dương phù phiếm vô nghĩa nhìn chung là lăng nhăng, trừ có dăm ba thi sĩ tài năng thực sự (số này đếm trên đầu ngón tay) là còn ghi được dấu ấn ở trong trí nhớ người đời còn toàn bộ có thể nói là vứt đi cả..."
-"Văn học, đối tượng của nó là những người trẻ tuổi. Nó không phải là sân chơi của đám giặc già lăng nhăng thơ phú"..

-"Chân lý của cuộc sống là sự hỗn độn, cả phương Đông hỗn độn, cả thế giới hỗn độn chứ đâu chỉ riêng tôi…Còn trẻ, ai cũng tôn trọng trật tự, càng già đi, người ta càng có xu hướng chấp nhận sự hỗn độn cao hơn. Vì thực ra, mọi giá trị cũng luôn biến đổi, nên cái hay của ngày hôm nay chưa chắc đã sống đến ngày mai, còn cái dở có lúc lại lên ngôi và được ca tụng. Chính vì thế, lầm lạc, ngu dốt là chuyện thường tình".

 -"Văn học Việt Nam gần đây mất đi khả năng tưởng tượng, lãng mạn, mơ mộng và nhiệt huyết sống. Nó trở nên thực dụng, ê chề, lọc lõi, oái oăm, đôi khi đểu cáng?... Sinh hoạt văn học (nói rộng ra là cả sinh hoạt tính thần) ở ta - ít nhất là ở Thủ đô - theo tôi hiện nay là thảm hại, chẳng có gì đáng để người ta quan tâm, say sưa"... "Có nhiều tác phẩm, người ta vẫn phải đọc, vẫn phải chấp nhận mặc dù ai nấy đều cũng có cảm giác là nó thối tha...".

-Tôi đã nói nghề văn là nghề rất là khó khăn và để đi xa được thì lòng ham mê, những ước mơ, khao khát về nghề nghiệp rất lớn. Đây là nghề nghiệp ảo, chứ không phải nghề nghiệp thật. Trong suy nghĩ của mọi người tôi xuất hiện với tư cách là một nhà văn

viết truyện hư cấu. Mà nhà văn viết truyện hư cấu thì những vấn đề anh ta đưa ra là ảo. Và ai có thể sống được với những điều ảo tưởng như nhân vật ảo, câu chuyện ảo, vấn đề ảo, suy nghĩ ảo như thế mãi được. Tôi nghĩ người nào đi theo con đường văn chương thì niềm đam mê phải rất lớn, với những khát khao, những ước vọng lớn đặc biệt là trí tưởng tượng phải rất lớn. Thành ra khi đọc những tác giả trẻ tôi chú ý đến trí tưởng tượng của người viết, đọc sáng tác của người nghèo trí tưởng tượng tôi luôn luôn có cảm giác nhói tim và biết rằng họ chọn nhầm nghề hoặc là họ đi không đúng hướng. Trí tưởng tượng với những cây bút trẻ rất quan trọng, nó có thể đẩy con người ta đi xa thêm trong nghiệp văn học, chứ không chỉ là quằn quại, giữ riệt lấy cái hiện thực cuộc sống trần trụi…

-Cuộc sống càng khắc nghiệt, hiện thực càng ghê gớm, miếng ăn manh áo trở thành vấn đề riết róng thì văn học càng phải nâng đỡ con người ta, nó đòi hỏi trí tưởng tượng, đòi hỏi con người phải bứt phá. Tôi đi được trên con đường văn học hơn hai mươi năm qua xét một khía cạnh nào đó thì tôi là một người sống ảo, sống trong mộng mị rất nhiều. Nghề văn là một nghề luôn luôn đặt người viết trong tình trạng để tình cảm của mình ở trong hoàn cảnh hiểm nghèo. Nguyên liệu chính của người viết văn không phải là anh hiểu cái này, biết cái kia, nhưng sự rung động của anh trong những tình huống hiểm nghèo như thế nào thì nó quan trọng hơn cả.

- Có người coi việc dấn thân trong văn học là những người biết uống rượu, hiểu biết trai gái, rồi những thứ nọ kia. Trong cuốn *Giăng lưới bắt chim* tôi có nói rằng dấn thân có nhiều kiểu khác nhau…Bản thân tôi đã phải trải qua rất nhiều nghề khác nhau, những tình huống khác nhau, tôi phải sống ráo riết với bản thân mình đồng thời phải biết cách tổ chức cuộc sống cho gia đình. Nếu không biết cách dấn thân, không biết cách tổ chức cuộc sống nhiều khi chỉ mang họa cho ta, cho những người thân xung quanh. Những cây viết trẻ bây giờ, coi việc thử thuốc lắc, đi vào các bar, ngủ với những người đàn ông, đàn bà để viết ra những truyện như của Viên Miên, Vệ Tuệ viết. Tất nhiên mỗi người một kiểu nhưng quan niệm dấn thân của tôi lại khác, và tôi rất buồn khi một vài người khi nói về văn học mặc dù họ mới bắt đầu viết văn nhưng họ không có những khát vọng hay không có sự kính trọng với nghề nghiệp, công việc mình theo đuổi. Có người nói với tôi, cháu viết truyện này viết truyện kia có nghĩa là cháu nôn mửa vào văn học. Khi mà nghe điều đó tôi thấy buồn lắm. Cho đến giờ mặc dầu đã lăn lộn với nghề văn, cũng ê chề với nó, cũng vui buồn với nó suốt hai mươi năm nhưng tôi vẫn nghĩ văn học có một giá trị và mình cần phải tôn trọng, chính vì thế mà nó tồn tại.

-…Tôi nghĩ là trong thế hệ của tôi có những nhà văn giỏi, thậm chí rất giỏi nhưng nếu không biết chớp lấy cái thời đó, hoặc không biết cách thức xuất xử thì cũng bại. Trong cuộc sống cũng như trong văn chương, chẳng phải bây giờ đâu mà từ xưa vấn đề xuất xử là quan trọng, lúc nào cần ra mắt, lúc nào cần huyền, cần nhu. Thời thế nói chung và cũng là tình hình chính trị, xã hội của đất nước nói riêng ở trong mỗi một lúc một khác chứ không phải lúc nào một anh nhà văn, một anh nghệ sĩ cũng giương giương tự đắc mình là chúa tể, là số một, là tất cả để mà giễu võ giương oai, để mà vây vo này nọ. Không phải chỉ nhà văn mà nghề nào cũng vậy, nghề văn cũng như hàng ngàn vạn nghề khác trong thiên hạ, lúc thế nọ, lúc thế kia. Thời kỳ 1986 trở đi, khi mà luồng gió đổi mới, xã hội thay đổi thì đó là điều kiện để người ta có thể bày tỏ được nhiều điều, nhưng sự đổi mới của đất nước mình cũng không phải là một ngôi nhà mở cửa là mở toang, lúc mở ra từ từ, lúc khép lại, khi mưa gió phải che bớt đi, nên việc công bố một tác phẩm cũng phải tùy lúc.

- Thời thế tạo anh hùng mới đúng với số phận của nhà văn vì trong một nước nhược tiểu, yếu tố khách quan là chủ yếu, yếu tố chủ quan chỉ là phù trợ. Nhưng chất của văn học ViệtNam hiện đại là chất cay đắng. Nhà văn Việt Nam đi sau thời thế đến mươi, mười lăm năm. Còn nước Việt Nam đi sau thế giới có đến 50 năm.

- Mọi sự diễn ra một cách ngẫu nhiên. Mọi sự phụ thuộc vào thời thế.

- Nhà văn là kẻ mơ mộng giữa thế gian phàm tục và thời thế phàm tục. “Vấp phải đời phàm tục, chiếc thuyền tình vỡ tan”.

-“Xông vào văn học, cái được thì không thấy, nhưng cái mất thì quá nhiều… Bởi quá trình sống đâu phải là cuộc gặt hái mà là hành trình xuống cấp, càng sống con người ta càng già đi, tồi tệ đi, suy sụp, đểu cáng, hư đốn hơn và đích cuối cùng là cái chết. Còn lúc đầu, khi mới sinh ra, con người đều là sự trong trẻo, thánh thiện cả”.

- Khi xem xét thế giới nội tâm của mình đa số nhà văn có lương tri đều ngượng. Các sự kiện thảy đều vụn vặt, chắp vá, nhem nhuốc, những suy luận duy tâm duy vật đan kẽ nhau thậm chí bỉ ổi, còn điều mà chúng ta gọi là tri thức thì được ủ bọc trong trạng thái giống như phôi, thai, đúng hơn là ở trạng thái khả năng.

-Nỗi cô đơn ở trẻ nhỏ là chỗ đất tốt cho những tâm hồn mơ mộng. Nếu được nuôi dưỡng bằng truyện cổ tích, đa số những đứa trẻ ấy lớn lên thường rất biết điều. Tác dụng lớn lao ở truyện cổ tích là khả năng khuyên răn người đọc nó phải thụ động, nếu lười nhác được thì cứ lười nhác, chớ nên cựa quậy vì trong cuộc sống có những con thú rất mạnh...Kho tàng truyện cổ ở ta đầy rẫy những thằng ngốc, thằng khù khờ nhưng rốt cuộc đều ăn nên làm ra, những anh hùng thì bị chém cổ mà phụ nữ thì đức hạnh tuyệt vời. Giữa cái thế giới người trong truyện cổ và thế giới người của đời thực gây nên một sự hoang mang dịu ngọt. Chắc câu hỏi: Ta là ai? đã đến với nhiều người ngay từ thuở thiếu thời, khi còn lê la đất cát và mặc quần thủng đít.

- Những nghệ sĩ lớn, những nhà văn thiên tài luôn luôn bận rộn với thiên mệnh lớn lao, họ làm mọi việc lấy lệ cho xong chuyện bởi họ còn bận tâm ở đâu đấy. Tôi hình dung đấy là những con người rất buồn bã, hễ ai hỏi chuyện thì họ sẽ cau có phụt ra một câu ngắn gọn kiểu như của A.Puskin: lao động thường xuyên thiếu nó sẽ không có cái thực sự vĩ đại hoặc kiểu như của Hô-nô-rê đờ Ban-zăc luôn luôn hướng về cái tuyệt mỹ. Nói xong thì họ quay đi.

-Sẽ chẳng có một tác phẩm văn học nào giá trị có thể kéo dài cuộc đời thực của người viết ra nó. Đây cũng là điều hết sức chua xót. Thế giới nội tâm của anh xét cho cùng cần cho ai nếu như nó không giúp cho anh sống ráo riết trong từng giây phút một. Tôi nghĩ có lẽ sức truyền cảm cô đúc trong các con chữ ở các nhà văn lương thiện chính là sự ráo riết ở ý nghĩa từng con chữ ấy. Đây chính là cái Đẹp vì từ lâu người ta đã coi cái Đẹp là sự sống và sự giản dị là điều kiện thiết yếu của nó.

-Khi văn học chưa đạt được tới ngưỡng của tri thức văn hóa của thời đại nhà văn đang sống thì văn học không thể có sức mạnh được. Muốn gì thì gì, cuối cùng trên từng trang viết nhà văn phải dần dần tạo cho mình một quan niệm tín ngưỡng ít nhất ra cũng với mình. Tín ngưỡng đó hướng về đấng tối cao của sự sống. Đấng tối cao nào của sự sống thì tùy anh lựa chọn.

Như tôi đã nói ban đầu, xem xét thế giới nội tâm nhà văn là một việc làm thậm chí vô nghĩa. Những điều tôi diễn đạt ở trên chỉ là phần sơ xuất nhất trong thế giới nội tâm của anh ta. Chỉ trên từng tác phẩm cụ thể những phần khác nhau trong thế giới nội tâm nhà văn mới dần lộ rõ. Nhưng tác phẩm dù hay ho đến đâu chăng nữa, nhà văn cũng sẽ hiện ra trước mắt chúng ta như một người nông nổi, một người nông nổi hết sức đáng thương, một kẻ bất hạnh nhưng tốt bụng.

Người ta cũng đã từng vẽ hình ảnh Chúa với những nét hao hao như thế.

- Đối tượng của văn học là con người. Văn học là khoa học về con người. Tôi không tin những nhà văn không có những lý lẽ xác đáng về con người có thể viết hay được. Song*những lý lẽ xác đáng* ấy ở ngay những nhà văn vĩ đại nhất cũng vụn vặt, đầy thành kiến và bị giới hạn.

Các nhà tư tưởng phương Đông coi tính bản thiện là hạt nhân cơ bản tạo nên con người. Điều ấy sâu sắc không chỉ bởi tính chất nhân văn đơn thuần. Khi con người sinh ra, họ tự yên tâm về mình. Điều ấy có sức nâng đỡ cho cả cuộc đời. Có lẽ, điều kiện giúp cho mọi người đạt tới chính danh chỉ đơn giản có vậy thôi, chẳng thừa mà cũng không thiếu. Tất cả truyền thống phong nhã trong giáo dục phương Đông đều cùng lưu tâm đến việc dạy cho trẻ nhỏ ý thức thương người và biết cách phân biệt giữa nghĩa và lợi. Làm việc nghĩa, đấy là vô thượng mệnh lệnh, làm mà không vì gì cả, biết chẳng được mà cứ làm, biết thất bại mà cứ làm, kết quả ở mệnh chứ không phải ở tiền bạc hoặc sự lừng danh. Thực ra, sự lừng danh nào cũng tê buốt. Trí tuệ dân gian vốn thực tế - đã đo danh bằng đơn vị vật chất: *Mua danh ba vạn.*

- Khác với phương Tây, truyền thống chính trị phương Đông chưa hề bao giờ có sự tôn trọng đúng mức các nhà văn, các nhà tư tưởng. Các bậc đế vương trước kia thường chỉ sử dụng các nhà văn, các nhà tư tưởng như những mưu sĩ. Truyền thống ấy được bảo toàn cho đến bây giờ và chúng ta luôn nghe thấy các nhà văn hiện đại hỏi nhau: Này, dạo này bác có mưu gì? Điều ấy thật sự buồn cười.

Gạt sang bên sự nhếch nhác của hiện thực, nhặt ra những mảnh vụn sang trọng trong tư tưởng nhà văn, cưu mang nó, đấy chính là tiến bộ. Loài người đã nhích từng tí một đến chân lý nhờ những hạt vàng tư tưởng ấy.

- Có lẽ chưa bao giờ dân tộc Việt Nam lại cần đến những nhà văn có tư tưởng sáng suốt như trong thời điểm hiện nay. Chỉ vài năm nữa đến năm 2000. Chúng ta cần phải tỉnh táo nhận ra rằng tình trạng hiện nay của dân tộc ta là thê thảm. Tôi không muốn nói đến tình trạng thiếu thốn vật chất mà muốn nói đến thế giới tinh thần của họ. Những ràng buộc nặng nề của các tư tưởng lạc hậu cũ kỹ khiến cho hàng triệu số phận con người đau khổ. Họ mê man trong các công sở và trong các tổ quỷ gia đình, trong các lũy tre xanh và các khu tập thể đông hộ. Tôi đã thấy sự nghèo đói nhưng tôi không sợ. Tôi đã thấy những sai lầm trong những công việc ở nhiều nơi nhưng tôi không sợ. Tôi chỉ sợ khi con người không còn sự tôn trọng lẫn nhau, không còn lòng dũng cảm, không còn đức tính trung thực và như thế sẽ không đào đâu ra được tình yêu với những giá trị tuyệt đối. Dân tộc Việt sẽ khó mà khá lên được.
Với lòng mong muốn của mình, tôi tin là những năm tới sẽ xuất hiện hàng loạt các nhà văn xuất sắc.
Nhân dân đã chán ngấy những cuốn sách thuyết giảng thứ đạo đức giả. Họ cũng chán ngấy các sách mua vui rẻ tiền và những sách gợi cảm giác mạnh. Thậm chí đến cả những sách ca ngợi tinh thần dân tộc trong các cuộc chiến tranh vệ quốc nữa, bây giờ

cũng trở nên lạc lõng. Nhân dân đang cần những cuốn sách tự vấn, những cuốn sách giúp họ tự nhận thức lại mình. Làm được điều đó là một công lao to lớn của nhà văn hiện đại.

-Từ sâu trong thâm tâm, bản chất của nhân dân là vô thần. Việc nhấn mạnh tính chất vô thần ấy trên cách trang sách nghĩa là tưới dầu vào lửa. ý thức tín ngưỡng hướng thượng khác với mê tín dị đoan. Tôi đã thấy những thành kiến tôn giáo làm cho các tư tưởng các nhà văn ở ta thấp kém đi như thế nào. Những nhà văn tiến bộ không ủng hộ thần quyền nhưng cũng không giữ thành kiến tôn giáo. ý thức tín ngưỡng, hướng thượng, vươn lên sự cao cả, chân lý, cái đẹp, sự tuyệt đối phải là những hòn than ủ đỏ trong tác phẩm nhà văn.

-Cuối cùng, vì là một bộ môn nghệ thuật, văn học không thể xem nhẹ giá trị thẩm mỹ. Điều này, những bậc thầy cổ điển đã nói rất hay. H.Banzắc nói: *Luôn luôn hướng về cái tuyệt mỹ*. L.Tônxtôi nói: *Sự giản dị là điều kiện thiết yếu của cái đẹp*. Ở ta, tôi nghĩ rằng phải hết sức chú ý yếu tố chính xác trong các giá trị thẩm mỹ văn chương. Chính xác ở ngôn từ thể hiện. Chính xác ở bản thân sự kiện. Chính xác ở tư tưởng. Thậm chí chính xác ở thể loại. Chính xác ở chức năng văn học. Văn học ở ta mới hình thành chưa được 100 năm. Đã đến lúc văn học phải bước những bước chính xác trong cuộc hành trình gian khổ của nó. Chính xác cũng là một điều kiện thiết yếu của cái Đẹp.

- Đa số nhà thơ chẳng ra gì, điều ấy thực, bởi một phần do lối nói quá lên và đặc tính xảo ngôn (nghệ thuật tu từ) của thể loại. Thiên tư mơ mộng ở nhà thơ và lối thể hiện uốn éo (hoạn quan hoặc pê-đê) những thiên tư ấy đã chứa ẩn suy đồi. Một số (rất ít) thoát khỏi sự tầm thường phải là người có thiên nhãn. Song, những nhà thơ như thế thì người bình thường không ai chịu nổi: cách luyện công của họ na ná như trò làm loạn. A.Rimbô (là một người như thế) nói: *Thi sĩ làm cho mình thành người có thiên nhãn bằng sự gây rối loạn lâu dài, rộng khắp và có suy tính tất cả các giác quan*. Tất cả các nền chuyên chính quân chủ, chuyên chính cộng hòa, chuyên chính dân chủ khi nghe A.Rimbô nói vậy đều cau mặt xiết tay lại: họ không cần đến thứ công dân như thế. Ta nên lưu ý đến câu suy tính tất cả giác quan mà A.Rimbô nhấn mạnh. Điều ấy là gì nếu không phải là ý thức kiểm soát chặt chẽ mọi nhận thức? Vậy, sự gây rối loạn ở nhà thơ khác hẳn sự gây rối loạn phàm phu tục tử. Dù cho A.Rimbô có thời đi buôn vũ khí nhưng ông chưa bao giờ là người chủ trương bạo động xã hội. Các nhà thơ nếu có bắn thì bắn chỉ thiên: đó cũng là một lầm lỗi nữa ở trong thiên tư của họ tinh thần cải lương (hóa giải) với địch! Tôi rất khó chịu với những câu thơ đầu môi chót lưỡi về lòng nhân từ bản năng, tính thiện bản năng hoặc là trò ngâm ngợi thứ lòng tốt nhỏ kiểu từ thiện xã hội. Tác giả của nó mới chỉ la liếm ở vành ngoài của tính thiện. ở vành ngoài của tính thiện bao giờ cũng nhơ bẩn: nó là máu me, là những cuống nhau sót lại của bà mẹ ác. Chỉ có đối mặt thẳng thắn, lý giải nó bằng triết học, nhà thơ mới tìm ra được một giải pháp tương đương, có tính chất toàn bộ nhằm chống chọi và giữ được thế cân bằng với cái ác trong bản chất sự sống. Thực ra thiện ác cũng chỉ là nhất nguyên thể (*Bởi chưng hay ghét cũng là hay thương*). Vậy thì nhà thơ phải đứng cao hơn điều mình viết. Y bắt buộc phải thấm nhuần ý tưởng siêu thiện ác nếu như y muốn trở thành một người đáng kể.

Phải thừa nhận rằng hầu như tất cả những ai làm công việc sáng tạo (viết văn, làm toán, xây dựng, làm chính trị) đều chịu ơn thơ. Thơ giữ vai trò người mẹ lẩm cẩm, người mẹ lẫn lộn cho công việc sáng tạo.

-Khi ai đó nói thơ là kinh nghiệm thì đây chắc chắn phải là kinh nghiệm tâm linh chứ không có kinh nghiệm gì khác. Kinh nghiệm tâm linh tột cùng nằm ở nơi kết thúc các sự kiện, nằm ở sự chết của sự kiện. Con người xông pha trong cuộc đời (đuổi theo danh vọng, tình ái, tiền bạc, thậm chí danh dự (!), làm cách mạng gia đình (!) với ý niệm cho rằng ta có thể tìm được hạnh phúc ở ngoại giới (!) (thực sự là một ý định kiếm chác phàm phu), lúc nào cũng nghĩ rằng mình gần đạt được điều mình mong muốn. Họ chỉ dừng chân khi nào họ bị cuộc đời hắt hủi, chơi cho một búa. Những cú pan ấy, những nhát búa triết học ấy có ít chất thơ nhưng làm tăng nhanh số người điềm đạm. ở một xã hội điềm đạm dễ chịu hơn nhiều so với một xã hội cuồng nhiệt hăng say. Đây không phải nhận xét cá nhân mà là bài học về lịch sử văn minh nhân loại.

Tôi nghĩ thơ là kết quả của trạng thái sáng tạo trong đó Sự Thật biểu hiện. Quan niệm ấy na ná như một quan niệm tôn giáo nhưng thật ra không thể hiểu khác được. Quan niệm ấy về khía cạnh nào đó sẽ dị ứng với yêu cầu xã hội hóa. Muốn gì thì gì, thực tại thế giới bên ngoài vẫn tồn tại vô cùng tàn nhẫn giữa thiện một bên và ác một bên, hư và thực, tử tế và đểu cáng, địch và ta. Nhà thơ đứng ở ranh giới giữa hai làn đạn để làm một việc là biểu hiện sự Thật mà thôi.

Tôi không dám khẳng định rằng một dân tộc đi đâu cũng thấy tiếng thơ véo von là một dân tộc suy đồi nhưng bất hạnh là chắc chắn.

- Nhà thơ, nhà nghệ sỹ đáng quý hay không đáng quý? Không biết. Nhưng theo phân tích tâm lý của Nitsơ thì đây là kẻ tự bản chất có thể thiết yếu là một người đa dục, xúc động trước tất cả mọi sự kích thích và những gì gợi ra sau sự kích thích này. Nhưng dưới ảnh hưởng của sứ mệnh hắn, của ý chí đi tới tự chủ của hắn, hắn thường tiết độ nghĩa là trinh khiết.

Trinh khiết giữa cuộc đời ô trọc và phàm phu, hướng tới sự sống, tuyệt giao với mọi biểu hiện suy đồi theo tôi, đấy chính là đạo đức rồi.
Chỉ cần một thứ để làm nên bất tử thôi: Tác phẩm.

Con đường của nhà thơ thật dài.

- Khi tôi nhận ra rằng văn học là một thế giới hoang tưởng của người viết thì không có nghĩa là tôi hạ thấp giá trị văn học. Tôi chỉ vạch ra khía cạnh vô bổ, vô nghĩa của văn học mà thôi. Tôi cũng đã cảnh tỉnh để người viết dè chừng khả năng bị tha hóa về mặt tinh thần, đạo đức khi cầm bút viết. Văn học có khả năng thôi miên. Thôi miên bạn đọc, nó còn thôi miên chính người viết. Những bi kịch đầy rẫy trong cuộc đời các nhà văn chứng minh điều ấy. Tôi không muốn dẫn chứng bởi vì không phải ai cũng thông cảm được.

Khi phân tích về bản chất con người, Nitsơ rất có lý khi chỉ ra rằng cái khuynh hướng lười biếng, rụt rè, sợ sệt đã ngự trị tất cả. Chỉ có ít nhà văn thành công mới dám đương nhiên công nhận rằng bản thân họ cũng hèn hạ, nhăng nhố, đôi khi bợm bãi. Họ công nhận điều ấy không phải để cầu xin sự cảm thông của người đời. Những nhà văn ấy với lòng tự trọng và sự lịch lãm sẵn có, dám đứng ra trả giá cho những đam mê của mình, quá hiểu rằng con người làm sao có thể cảm thông cho nhau được? Ai cũng là người khác. Mỗi người là một hiện hữu, một vật thể, một linh hồn, một bản ngã, một duy nhất không lặp lại. Việc công nhận những khuyết tật của mnh chỉ là một hnh thức tự phê phán, tự trục độc, một lối phân thân u sầu nhằm cảm nhận hết nỗi nhục mà nhà văn phải trải qua, phải chịu đựng, đã thấy được.

Tôi rất sợ cách quan niệm thô sơ về nhân cách nhà văn, đánh đồng nhân cách với đạo đức và phép nước.

- Khi Nitsơ phân tích về bản chất con người, ông đã thật sự dũng cảm, thật bác ái khi chỉ cho chúng ta rằng thực chất tình trạng sống của chúng ta vẫn là súc vật, chỉ là súc vật. Chỉ khi nào chúng ta cảm nhận hết sự nhục nhã và đau đớn trước tình trạng súc vật ấy, chúng ta mới có cơ may vươn lên thành người. Công việc của nhà văn phần nào giống công việc của các bậc thánh tức là sản xuất ra những người cao thượng, những tình cảm cao thượng. Đấy là lý tưởng cao cả của người cầm bút. Văn học có giá trị là thứ văn học có khả năng sản xuất ra những người cao thượng và những tình cảm cao thượng. Tóm lại nó là văn hóa. Một mặt khác, văn học còn là thước đo trình độ trí tuệ, trình độ học vấn của giới trí thức trong thời đại đó. Một tác phẩm văn học gây nên một sự khó hiểu nào đó không có nghĩa là không giải thích được mà là chưa giải thích được.

-Tôi không nghĩ rằng mục đích cuộc sống của các nhà văn là tiến tới thành bậc thánh nhân. Đa số đều ưa một khuôn mẫu trưởng giả mang tinh thần philistanh. Đấy là một môi trường hết sức an toàn, không phải cố gắng gì lớn, chẳng phải chuẩn bị gì, chẳng phải tốn công tổ chức. Điều thiện bao giờ cũng phải được chuẩn bị và tổ chức công phu. Đấy cũng là một điều cay đắng trong thời đại văn minh hiện đại. Chỉ có điều ác mới hồn nhiên và dễ dàng như thò tay vào túi lấy đồ vật.

Luôn luôn có những trở ngại trong việc hóa thánh mà trong đó nhà văn là một sức ỳ, môi trường xã hội dung tục cũng lại là một sức ỳ khác. Câu nói nổi tiếng được nhiều kẻ thích thú: Những gì của con người đều không xa lạ gì với tôi xét cho kỹ cũng cực kỳ ghê tởm. Đấy cũng là một lối nói biện minh nhằm tránh sự lố bịch, một thứ dầu nhờn bôi trơn cho trò chơi xấu.

Cô đơn, cô đơn, cô đơn hơn nữa - đấy là lối mòn bậc thánh nhân. Họ tách mình ra theo đuổi lý tưởng vô vọng của họ, không màng đến sự thông cảm hay không thông cảm. Bao giờ họ cũng tiến về phía trước.
Hình như đặc điểm dễ nhận thấy nhất ở bậc thánh nhân là tính ưa nhàn. Khả năng thu mình, hạn chế biểu hiện của họ trái ngược với tinh thần hăng say của kẻ phàm tục. Nhàn ở đây chứa ẩn một nỗi đau đời sâu sắc và ở đấy cũng nén thầm một tiếng thở dài về sự vô nghĩa của dòng luân thế. Thời gian chẳng thương ai cả, đấy là chân lý.

Lối mòn cô đơn của bậc thánh nhân có phần hào hứng của một lối sống giang hồ. Giang hồ sót lại mình tôi câu thơ của Nguyễn Bính xưa cay cú với bạn văn đương thời đã thoát hiểm về được môi trường an toàn trong cảnh sống trưởng giả và tinh thần philistanh chăng?

Không biết. Nhưng giang hồ cũng là một ước mơ thầm kín của biết bao người viết. Họ ghê tởm thứ trật tự cổ truyền, khao khát tự do, dầu biết rằng trước sau cũng chẳng thể nào thoát khỏi thiên la địa võng.
Tôi vẫn nghĩ rằng ngay cả các thiên tài hiền minh nhất cũng không tự mình lột xác hóa thánh được, nếu không bị buộc phải rơi vào cái bẫy của một trật tự thế giới nào đó (hoặc là tinh thần hoặc là vật chất). Rất có thể chính Giêxu Crix đã dở khóc dở cười bởi người tự giác bị đẩy lên ngôi Chúa. Các tông đồ của Người đã luận bàn xong vị trí ngôi Chúa.

Đám đông vẫn thắng cá nhân bởi sự an toàn của đám đông cần thiết hơn vạn lần sự tiến bộ của một trí tuệ. Đấy là bi kịch chung của các cá nhân trí thức.

Nhà văn là gì? Chẳng là gì cả. Nó chỉ là một linh hồn nhỏ đầy lỗi lầm và luôn tìm cách sám hối vượt khỏi những lỗi lầm ấy. Nó là con vật nhạy cảm hết sức đáng thương với các thói xấu của cả bầy đoàn. Nó viết không phải vì nó, nó viết để cả bầy đoàn rút ra từ đấy một lợi ích công cộng, một lợi ích văn hóa.

Chúng ta đã quá tự tin, vô thần khi coi nhẹ mặt tâm linh trong đời sống con người. Điều ấy thật khủng khiếp: ô trọc và vô văn hóa sẽ ngự trị khắp nơi.

Từ thâm tâm tôi vẫn nghĩ là có các bậc thánh nhân. Trong những con người bình thường cũng có những tình cảm thánh nhân. Hình như nhà văn chỉ có thể khẳng định được mình khi anh trở nên chí thánh? Còn những trang viết, nó có ý nghĩa gì đâu.

- Một câu văn hay cũng khác, không thể biền ngẫu như là ngày xưa. Yếu tố mới lạ của ngôn ngữ được đưa vào tác phẩm hiện đại theo tôi phải là yếu tố số một cho việc đánh giá một tác phẩm văn học giá trị. Sự biến hóa của ngữ pháp, việc sáng tạo ra những cấu trúc phù hợp với cách cảm, cách nghĩ của Việt Nam hiện đại cũng là một tiêu chí phải xem xét.

-Việc tìm ra một câu văn cho phù hợp đòi hỏi một cường độ suy nghĩ, cân nhắc hơn người: đấy chính là thứ "lao động nhân văn" chết người, nhọc nhằn và gian khó không phải ai cũng làm được.

-Khoảng hơn chục năm trở lại đây, ở Việt Nam không có những nhà văn có phong độ, khí phách lớn. Đến ngay cả nỗi buồn cũng không phải là những nỗi buồn lớn. Thái độ hời hợt của xã hội với văn học, cách tiếp nhận của xã hội đối với các giá trị văn học cũng làm mất đi cảm hứng ở nhiều nhà văn nhiệt thành. Đấy là chưa kể đến sự tráo trở và lạnh lùng của cơ chế thị trường vẫn chẳng nể nang gì ai cả.

- Văn học hiện đại rất coi trọng "cảm giác". Không có cảm giác thật thì chẳng làm được gì cả. Cảm giác là thứ không thể truyền lại được. Kinh nghiệm của cảm giác là thứ rất khó ấn chứng giữa người này với người kia. Kinh nghiệm viết văn thực ra chỉ là kinh nghiệm của cảm giác. Cảm giác - đó là một thứ văn học mà văn học hiện đại đặt thành tiêu chí hàng đầu.

-Đến đây bật ra câu hỏi: ai sẽ là người có quyền cảnh tỉnh đe nẹt văn chương? Chẳng ai hết cả, đấy là bốn trùm mafia tồn tại hết mọi thời: chính trị, ái tình, tiền bạc và tôn giáo. Bốn thế lực này giăng bẫy khắp nơi, hành hạ con người. Văn chương giúp cho con người nhận thức về mình, nhận chân sự hiểm nguy trong đường đời. Cuộc chiến tranh nhận thức diễn ra liên tục, khi quyết liệt, khi hòa hoãn và thường người cầm cờ ở mọi thời bao giờ cũng là một gã nhà văn bất hạnh được thời thế và lịch sử chọn lựa. Gã đang đi trên đường kia, bút và giấy trong túi, tiền bạc không, chẳng có bổng lộc gì, trái tim tan nát...

2/“Sai lệch kinh người”:

-Phật tổ đã nói: "Mở miệng là đã sai rồi". Chúng ta luôn luôn sống trong những sự nhầm lẫn đan cài nhau. Bản chất cuộc sống, chân lý rốt ráo trong cuộc sống chính là sự nhầm lẫn.

-"Bản chất của cuộc sống, chân lý rốt ráo trong cuộc sống chính là sự nhầm lẫn!".

- "... trong Hội nghị Lý luận phê bình văn học ở Tam Đảo năm 2003, chẳng thấy có một tham luận nào dành cho văn học thực sự...".

- Không nên phân biệt văn chương đích thực và văn chương không đích thực. Không có văn chương nào là không đích thực cả. Mỗi một tác phẩm được viết ra đều có một giá trị nào đó. Vấn đề là anh có biết làm cho nó có giá trị không thôi. Không thể coi cốc sinh tố tại nhà hàng sang trọng là có giá trị còn củ khoai củ sắn bán rong ngoài kia thì không. Tất nhiên, giá trị của chúng khác nhau. Viết được một tác phẩm gây xôn xao, gây chấn động dư luận không phải là dễ. *Bóng đè*, *Cánh đồng bất tận* rồi *Vết sẹo và cái đầu hói*… đều là những tác phẩm tạo dư luận nhưng cái gì có giá trị, độc giả họ sẽ tự nhận ra.
- Tất cả những người "hành nghề văn học" ở ta đều muốn "dĩ hoà vi quý", đều muốn có nhưng cuộc chơi đèm đẹp, chơi có thưởng, không ai muốn " hy sinh" nữa. Sinh hoạt văn học (nói rộng ra là cả sinh hoạt tinh thần) ở ta - ít nhất là ở Thủ đô - theo tôi hiện nay là thảm hại, chẳng có gì đáng để người ta quan tâm, say sưa.

- Độc giả có kinh nghiệm văn học rất dễ nhận ra những khuôn mặt ngụy quân tử trong các tác phẩm của các nhà văn. Dối trá, đạo đức giả - người ta chỉ đọc có vài ba trang là nhận ra liền. Không phải tự dưng mà các nhà văn cổ điển luôn luôn nói về sự trung thực ở nhà văn và trong lao động văn học. Thế nào là trung thực? Trung thực với mình, với người, với xã hội, với chữ nghĩa. Văn điêu, văn ma, phò nịnh, "nên thơ" v.v… là thứ rất dễ ngộ nhận. Có nhiều tác phẩm, người ta vẫn phải đọc, vẫn phải chấp nhận mặc dầu ai nấy đều cũng có "cảm giác" là nó thối tha, song - như tôi đã nói, thời đương đại bao giờ cũng có "không khí" suy đồi, cần phải có một thời gian rất dài th́ những cái xác suy đồi mục nát ấy mới mất hết đi cái mùi ô uế của nó.

- Khoảng hơn chục năm trở lại đây, ở Việt Nam không có những nhà văn có phong độ, khí phách lớn. Đến ngay cả nỗi buồn cũng không phải là những nỗi buồn lớn. Thái độ hời hợt của xã hội với văn học, cách tiếp nhận của xã hội đối với các giá trị văn học cũng làm mất đi cảm hứng ở nhiều nhà văn nhiệt thành. Đấy là chưa kể đến sự tráo trở và lạnh lùng của cơ chế thị trường vẫn chẳng nể nang gì ai cả.

- Ở Việt Nam, mấy năm gần đây văn học bị đưa ra đùa rỡn nơi công cộng và xem thường. Nhà văn bị ngờ vực. Việc biểu dương một số nhà văn trẻ "trong tầm tay" có một cái gì giả tạo. Văn học luôn tránh né một vấn đề nan giải khó nói nhất trong xã hội: không phải khó khăn kinh tế, không phải sex, không phải là tình cảm chiến tranh… Nó là vấn đề nhân tính. Văn học Việt Nam gần đây mất đi khả năng tưởng tượng, lãng mạn, mơ mộng và nhiệt huyết sống. Nó trở nên thực dụng, ê chề, lọc lõi, oái oăm, đôi khi đểu cáng.
- Tôi không hiểu tại sao xã hội lại đi đòi hỏi nhà văn nhiều sứ mệnh lớn lao đến nỗi trừ phi phải thế nào đấy thì mới tải nổi, chứ nếu là người bình thường thì tôi chắc không sao chịu được. Tôi đã suy nghĩ nhiều điều đó và tôi thường ngờ rằng chuyện này có bàn tay chính trị nhúng vào. Trong đời sống tất cả sự nhạy cảm mà bọn nhà văn tưởng bở nhìn chung chẳng ăn nhằm gì so với sự nhạy cảm ở nhà chính trị.
Thực ra đa số nhà văn cũng hiếu danh và việc đứng ra đảm nhiệm sứ mệnh lớn lao mà xã hội giao phó cũng làm lòng họ run lên vì vui sướng. Câu ca dao: Ra đường võng giá

nghênh ngang, về nhà hỏi vợ: cám rang đâu mày? Cám rang tôi để cối xay. Hễ chó ăn hết thì mày với ông vẽ được hình ảnh kẻ sĩ khá chân thật.

Cùng với việc giao phó sứ mạng lớn lao thường các cơ chế chính trị đặt ra một loạt các ta-bu, các quy định kiêng kỵ với người cầm bút. Các nhà văn vướng vào các ta-bu, các quy định kiệng kỵ ấy như gà mắc tóc. Nhìn chung, thân phận nhà văn giống như anh hề là ở chỗ này đây: khi gà đã mắc tóc rồi thì mọi cử động của chú gà dễ bật cười lắm.

- Cuộc đấu tranh giành giật miếng ăn để sinh tồn, để tiến tới một đời sống vật dục có văn hóa cao diễn ra trong xã hội lộn xộn và ngẫu nhiên hết sức. Đấy là xét về mặt từng đơn vị cá nhân con người. Người ta hoài công đi tìm các quy luật, tìm ra nó thì sung sướng tự đắc, ít lâu sau hiểu ra đã bé cái nhầm thì lại im thin thít. Rất nhiều nhà văn tham gia vào quá trình phát hiện quy luật ấy và chính từ thực tiễn đắng cay của bản thân mình họ đi đến kết luận trong hầu hết tác phẩm viết ra bằng câu sau đây: Trăm đường không ra khỏi số. Tôi công nhận kết luận ấy là hay, là sâu sắc, thậm chí còn dí dỏm nữa. Song cũng có lúc tôi thầm tự hỏi: Nếu chỉ đi đến kết luận như thế thì việc quái gì mất công viết lách cho mệt?

- Mối quan hệ chính trị với văn nghệ suy cho cùng là mối quan hệ giữa cộng đồng xã hội với cá nhân nghệ sĩ. Tôi có một người bạn hiền, khi mới biết nhau người ấy giao hẹn: Anh làm thế nào thì làm, anh phải giữ được sự tôn trọng ở tôi. Tôi về nằm một mình trong xó tối nghĩ ngợi và đau đớn nhủ thầm: Thế là hết, nghĩa là toàn bộ đời sống mình phải đặt lên mặt bàn, tất cả chẳng chừa lại tí gì. Để có sự tôn trọng ở con người nếu là nhà văn thì cách duy nhất là anh ta phải quăng thân vào gió bụi đánh cho hết vốn đấy là nói cho nên thơ thôi chứ thực tiễn chua xót lắm. Thực tiễn bao giờ cũng ráo riết, bạc bẽo, lại khoác lên mình bộ cánh bóng nhẫy chi chít những khuôn phép của đạo đức xã giao, những ước lệ văn minh, những sự kiện vụn vặt có ý nghĩa và đông hơn những sự kiện vụn vặt không có ý nghĩa.

- Như vậy, trong thế giới nội tâm nhà văn đã từng xảy ra không ít hơn ba điều ngộ nhận quái gở: sự ngộ nhận chính trị có ý nghĩa con người xã hội là sự ngộ nhận khủng khiếp, sự ngộ nhận giới tính có ý nghĩa con người tự nhiên là sự ngộ nhận đau đớn, sự ngộ nhận về cái chết có ý nghĩa chung cho cả con người xã hội lẫn con người tự nhiên là sự ngộ nhận tàn nhẫn. Khủng khiếp, đau đớn, tàn nhẫn, đó là vài ba điều mà nhà văn nào cũng phải tự rút ra cho mình trong quá trình sống và sáng tác. Cũng có thể kể thêm những sự ngộ nhận khác nữa nhưng với chỉ ba điều ấy cũng đủ làm tan xác một đời người.

3/ “Vừa hay vừa sai lệch”:

- Khi nói đến con người tự nhiên và con người xã hội, tìm hiểu nó, lý giải nó, nhà văn bị đẩy vào thế hiểm nghèo giữa hai thế lực: một là Tạo hóa khôn cùng và hai là những thành kiến ràng buộc trong lịch sử và luật lệ của thể chế chính trị đương thời. Những kẻ đểu cáng nhất trong số các nhà văn đương thời thường bất chấp Tạo hóa, bất chấp tự nhiên, giày xéo lên bản tính người để tìm kiếm danh lợi ở cơ chế chính trị trước mắt. Những nhà văn trẻ, chất phác hơn nhưng do đó ngu ngốc hơn, cả tin nồng nhiệt ở Tạo hóa và tự nhiên, chĩa ngòi bút của mình vào xã hội. Tôi thấy kẻ bị thương bởi những ngòi bút ấy thường chẳng ai khác mà đa số là vợ con và những người thân của họ. Hình như chỗ giỏi của các nhà văn thiên tài là bằng lòng tốt và ngòi bút bất lực của mình, anh ta kéo được sức mạnh của Tạo hóa tự nhiên cùng với sức mạnh của thể chế chính trị xã hội đương thời xích lại gần nhau. Làm được điều này, nhà văn không được

khoan nhượng với cả hai thế lực ấy, anh ta phải tự lớn lên để trở thành thế lực thứ ba. Tạo hóa vô tâm, cũng như cơ chế chính trị xã hội đương thời cũng vô tâm nốt, không cần đến trai điếm, gái điếm, nô lệ, một mặt vì nó quá nhiều điếm và nô lệ, một mặt điếm và nô lệ không sử dụng phương tiện tư tưởng mà sẽ sử dụng các dụng cụ khác đơn giản hơn nhiều.

- Xét đến tận cùng, đa số các nhà văn thuộc loại người thất bại chủ nghĩa. Tinh thần bi quan phản ánh tâm trạng bất lực của anh ta khi nguyện vọng và những hoài bão lớn lao không thực hiện được. Chẳng sao cả. Vẻ buồn man mác trong các tác phẩm văn học lừng danh sống lâu hơn năm tháng đời người. Tôi rất ngạc nhiên đã có thời lý luận phê bình văn học ở ta phản ứng gay gắt với nỗi buồn trong các tác phẩm văn chương. Sự hớn hở của nhà văn thường chỉ chứng tỏ việc nhà văn bỗng dưng biến hóa thành nhân vật chính trị tầm thường dung tục mà thôi. Quả thật, những nụ cười hớn hở ấy đôi khi trông cũng dễ thương, ngắm kỹ ai tinh ý sẽ nhận ra vẻ tội nghiệp trong đó. Cơ chế chính trị xã hội đương thời mạnh đến nỗi có thể mạo danh Tạo hóa biến đổi con người mà chính người đó chẳng hề hay biết, họ đành đổ bừa cho số phận (!).

- Trong khu vực văn chương ở ta, trừ đôi ba người thực sự xuất chúng, còn nhìn chung văn thơ của các cụ ta ngày xưa và những nhà văn hiện đại ngày nay so với nhiều dân tộc khác, phải thừa nhận là kém cỏi. Song, danh hiệu nhà văn được nhân dân hết sức tôn trọng, thậm chí còn làm mờ cả nhiều chân dung chính trị, làm mờ cả quân hiệu quân hàm trên trang phục quân nhân lòe loẹt mọi thời. Vậy thì trong đoàn người đi miên man trên đường kia nhà văn phải là một kẻ ra sao mới được mọi người tôn trọng chứ? Tôi đã suy nghĩ nhiều và ngỡ rằng điều ấy chỉ có thể giải thích bởi lòng yêu chuộng chân lý của nhân dân mà thôi. Nói đến chân lý thì ngay cả các nhà văn thiên tài cũng nói sai nhưng thật ra nhiệm vụ của các nhà văn không phải là nói ra chân lý mà là thức tỉnh ý thức hướng về chân lý hoặc chí ít cũng là thức tỉnh tình cảm về phẩm giá con người trong họ. Một bộ phận nhân dân thậm chí còn đặt kỳ vọng được nhà văn dẫn dắt và bênh vực khi họ bị đẩy vào các tình huống trớ trêu nào đấy, lúc họ bị các cơ chế chính trị đương thời bỏ rơi hoặc đánh đập. Thường trong trường hợp này, các nhà văn khôn ngoan hoặc bất tài đều cùng chỉ tay vu vơ lên trời.

Sự hiểu biết dân tộc theo lối một nhà tư tưởng đòi hỏi nhà văn một sức làm việc phi thường, một lòng dũng cảm phi thường, một nghị lực phi thường, một sức chịu đựng phi thường. Sự cám dỗ của Thượng đế ở thiên đường và sự cám dỗ của Quỷ sứ ở địa ngục đều rất hấp dẫn. Đến ngay ở những nhà văn tài năng nhất, đôi khi họ cũng vừa tìm cách lấy lòng Thượng đế vừa tìm cách lấy lòng Quỷ sứ. Nguy cơ lừa mị trong văn chương nằm ở chỗ này. Hình như đây chính là chỗ mà các nhà phê bình văn học sáng suốt phải lưu tâm cảnh giới. Trong lịch sử văn học nước ta, cả dân tộc đã vài lần bị một hai con ranh con hoặc vài ba chú mục đồng thôi miên bởi thứ văn chương ỡm ờ nửa thiên thần nửa quỷ sứ. Biết làm sao được? Hình như trong việc này có sự đóng góp của một số nhà lý luận phê bình văn học nào đó. Số này nếu không đểu cáng thì chắc chắn phải là thiển cận.

- Ở Việt Nam, mấy năm gần đây văn học bị đưa ra đùa rỡn nơi công cộng và xem thường. Nhà văn bị ngờ vực. Việc biểu dương một số nhà văn trẻ "trong tầm tay" có một cái gì giả tạo. Văn học luôn tránh né một vấn đề nan giải khó nói nhất trong xã hội: không phải khó khăn kinh tế, không phải sex, không phải là tình cảm chiến tranh… Nó là vấn đề nhân tính. Văn học Việt Nam gần đây mất đi khả năng tưởng tượng, lãng mạn, mơ mộng và nhiệt huyết sống. Nó trở nên thực dụng, ê chề, lọc lõi, oái oăm, đôi khi đểu cáng.

- Để có một nhà văn có giá trị nhân đạo cao phải dựa trên rất nhiều yếu tố. Người ta vẫn quen nghĩ rằng đó là do những nỗ lực cá nhân và chỉ là những nỗ lực cá nhân mà thôi. "Văn hay do cùng". Lối nghĩ đó vẫn phổ biến trong xã hội. Nó là lối đi tự phát, rèn luyện mà thành, lập nghiệp từ không chuyên, ỷ nhiều vào "năng khiếu". Có lẽ đã đến lúc người ta phải nghĩ đến một "typ" nhà văn khác: lớp nhà văn trí thức của một xã hội phát triển. Họ viết văn có bài bản, có lý luận, lý lẽ chứ không mò mẫm. Trước đây, ở Việt Nam hầu như chưa có những điều kiện xã hội để xuất hiện "typ" nhà văn này.

- Khi ta đang sống (đương đại) nghĩa là ta đang tiếp cận, đang tiếp cận cái chết (sự suy đồi ghê rợn nhất). Nghệ thuật đương đại, xét cho cùng chính là nghệ thuật suy đồi. Thời gian qua đi, những kinh nghiệm của cảm giác giá trị nhất sẽ còn lại, trở thành cổ điển, kinh điển, thành "văn hóa", đóng khung lại trong các bảo tàng nghệ thuật và trong trí nhớ người đời. Các nghệ sĩ sống trong thời hiện tại không thể tránh được sự dung tục, nhảm nhí, không thể tránh được bọn tiểu nhân, bọn phàm phu tục tử, lưu manh, philistanh, ngụy quân tử v.v. Kiểu gì thì kiểu, ngay cả những nhà văn danh giá nhất đôi khi vẫn cứ phải chung lưng đấu cật, "ba cùng", vẫn cứ phải đối thoại, đùa cợt, chơi bời với các đồng nghiệp bất đắc dĩ của họ, cùng lý tưởng nhưng khác hạng" (chữ của Victor Hugo). Không khí dung tục suy đồi "đương thời" cũng chính là không khí sống, không khí sáng tác - mặc nhiên là thế - bởi vậy nếu từ chối đối thoại nghĩa là anh tự làm cho mình khó thở, tự giam cầm mình.

- Chưa bao giờ văn học ở nước ta có những cơ hội lớn như bây giờ nhưng cũng chưa bao giờ khó như bây giờ. Xã hội cũng phải thấy rõ sự đóng góp về mặt tinh thần, vật chất của nhà văn để ghi công cho họ. Trong một phát biểu gần đây, nhà sử học Dương Trung Quốc cho rằng: "Văn học tác động vào xã hội để ảnh hưởng đến chính trị. Sử học thì tác động vào chính trị để ảnh hưởng đến xã hội". Đấy cũng là một ý kiến đáng suy nghĩ. Một đất nước văn minh không thể không có văn học và sử học được. Trong thời hiện đại, công việc đào tạo nhà văn là rất cần thiết, cần phải xây dựng thành công một công nghệ. Nó cũng từa tựa như công việc đào tạo các cầu thủ bóng đá chuyên nghiệp và các vận động viên thể dục có thành tích cao. Không thể trông chờ vào việc ăn may, trời cho để Việt Nam có một đội ngũ nhà văn đẳng cấp thế giới. Ngay cả việc có một "tốp" nhà văn cô chiêu cậu ấm để đối thoại hoặc làm những việc "hậu trường" cũng là cần thiết. Việc phải nâng cấp cho trường đại học viết văn Nguyễn Du để nó gần với thiên nhiên hơn, gắn bó với xã hội hơn là rất cần thiết (chứ không phải là nhốt nó trong một ngôi nhà chật hẹp giữa Thủ đô). Các giá trị văn học đương thời (thực sự có giá trị) cũng phải được biểu dương đúng mực. Trong bóng đá, người ta cũng đã phong thánh cho Pêle, Marađôna, Beckham… Ở Việt Nam, hình như truyền thống…đánh truyền thống, đố kỵ, dè bỉu, ghen tỵ, chê bai… vẫn thấy nhiều hơn ở trong sinh hoạt văn học so với việc hân hoan khi có một tác phẩm mới ra đời.

- Ngay trong lĩnh vực văn học, đáng lẽ cần phải khuyếch trương, xây dựng thành một công nghệ đào tạo nhà văn mới thì vài năm trở lại đây lại có ý kiến bỏ đi trường viết văn Nguyễn Du. Bỏ thì dễ nhưng xây thì khó. Nhìn vào danh sách hơn 1000 hội viên Hội Nhà văn ViệtNam người ta đều thấy đa số đều chỉ là những người già nua không có khả năng, sáng tạo và hầu hết đều… "vô học", tự phát mà thành danh. Trong số này có tới hơn 80% là nhà thơ tức là những người chỉ dựa vào "cảm hứng" để tùy tiện viết ra những lời lẽ du dương phù phiếm vô nghĩa, nhìn chung là lăng nhăng, trừ có dăm ba thi sĩ tài năng thực sự (số này đếm trên đầu ngón tay) là còn ghi được dấu ấn ở trong trí nhớ người đời còn toàn bộ có thể nói là vứt đi cả.

Trên kia tôi đã nói đến việc xây dựng một công nghệ đào tạo nhà văn, tôi ủng hộ ý kiến nên xây dựng một vài khoa viết văn ở các trường đại học ở ta. Viết văn phải trở thành một nghề nghiệp, một nghề nghiệp chuyên nghiệp chứ không thể nghiệp dư, tùy hứng được. Những nhà văn được đào tạo trong nền công nghệ đó phải có những tiêu chuẩn và trình độ chuyên môn nhất định. Nó không phải là toàn bộ chân dung văn học trong xã hội đó. Khi hòa nhập với thế giới bên ngoài luôn luôn có những sự trao đổi hợp tác giữa các nhà văn các nước. Lớp nhà văn cũ không còn phù hợp: họ không biết ngoại ngữ, không biết vi tính, họ chỉ có quá khứ, họ không thể trò chuyện và đối thoại "tay đôi" được với bên ngoài về những vấn đề của thời hiện tại.

Trong xã hội phát triển, văn học rất thường nhưng để vượt lên, trở thành một cái gì đó ngoại hạng là rất khó. Hình mẫu thiên tài văn học ngày nay khác trước rất nhiều. Trong sách giáo khoa văn học người ta thấy rõ văn học đã bị đông cứng lại, cũ kỹ và "phản động": nó cứ ê a mãi những "song viết" và "song kiết", học sinh chỉ nghiên cứu và học tập "những thây ma cũ" hoàn toàn không được"tiếp máu" bởi những sinh lực văn học cường tráng và lành mạnh.

- Trong Hội nghị Lý luận văn học ở Tam Đảo năm 2003, chẳng thấy có một tham luận nào dành cho văn học thực sự.

- Tất cả những người "hành nghề văn học" ở ta đều muốn "dĩ hòa vi quý", đều muốn có nhưng cuộc chơi đèm đẹp, chơi có thưởng, không ai muốn " hy sinh" nữa.

- Trong truyền thống, văn học đồng nghĩa với sự thanh đạm. Sinh hoạt văn học (nói rộng ra là cả sinh hoạt tinh thần) ở ta - ít nhất là ở Thủ đô - theo tôi hiện nay là thảm hại, chẳng có gì đáng để người ta quan tâm, say sưa. Tất nhiên trên thực tế, ở đâu có một cuốn sách hay, một bài viết hay những người quan tâm đến văn học đều cố tình đọc qua không bỏ sót. Rõ ràng văn học vẫn có cách tồn tại riêng của nó và vẫn âm thầm "đi những bước sấm đông rền" (Goethe) trên con đường hẹp, con đường định mệnh gian khó dành riêng cho nó. Văn học giá trị bao giờ cũng đề cao nhân tính. Một xã hội không có những tác phẩm văn học hay, không có những tác phẩm văn học giá trị nghĩa là nhân tính mất đi. Trách nhiệm đó không phải chỉ ở một người nào mà nó ở toàn xã hội.

- Độc giả có kinh nghiệm văn học rất dễ nhận ra những khuôn mặt ngụy quân tử trong các tác phẩm của các nhà văn. Dối trá, đạo đức giả - người ta chỉ đọc có vài ba trang là nhận ra liền. Không phải tự dưng mà các nhà văn cổ điển luôn luôn nói về sự trung thực ở nhà văn và trong lao động văn học. Thế nào là trung thực? Trung thực với mình, với người, với xã hội, với chữ nghĩa. Văn điêu, văn ma, phò nịnh, "nên thơ" v.v… là thứ rất dễ ngộ nhận. Có nhiều tác phẩm, người ta vẫn phải đọc, vẫn phải chấp nhận mặc dầu ai nấy đều cũng có "cảm giác" là nó thối tha, song - như tôi đã nói, thời đương đại bao giờ cũng có "không khí" suy đồi, cần phải có một thời gian rất dài thì những cái xác suy đồi mục nát ấy mới mất hết đi cái mùi ô uế của nó.

- Khi tôi nhận ra rằng văn học là một thế giới hoang tưởng của người viết thì không có nghĩa là tôi hạ thấp giá trị văn học. Tôi chỉ vạch ra khía cạnh vô bổ, vô nghĩa của văn học mà thôi. Tôi cũng đã cảnh tỉnh để người viết dè chừng khả năng bị tha hóa về mặt tinh thần, đạo đức khi cầm bút viết.

Văn học có khả năng thôi miên. Thôi miên bạn đọc, nó còn thôi miên chính người viết. Những bi kịch đầy rẫy trong cuộc đời các nhà văn chứng minh điều ấy. Tôi không muốn dẫn chứng bởi vì không phải ai cũng thông cảm được.

Khi phân tích về bản chất con người, Nitsơ rất có lý khi chỉ ra rằng cái khuynh hướng lười biếng, rụt rè, sợ sệt đã ngự trị tất cả. Chỉ có ít nhà văn thành công mới dám đương nhiên công nhận rằng bản thân họ cũng hèn hạ, nhăng nhố, đôi khi bợm bãi. Họ công nhận điều ấy không phải để cầu xin sự cảm thông của người đời. Những nhà văn ấy với lòng tự trọng và sự lịch lãm sẵn có, dám đứng ra trả giá cho những đam mê của mình, quá hiểu rằng con người làm sao có thể cảm thông cho nhau được? Ai cũng là người khác. Mỗi người là một hiện hữu, một vật thể, một linh hồn, một bản ngã, một duy nhất không lặp lại. Việc công nhận những khuyết tật của mình chỉ là một hình thức tự phê phán, tự trục độc, một lối phân thân u sầu nhằm cảm nhận hết nỗi nhục mà nhà văn phải trải qua, phải chịu đựng, đã thấy được.

- Nhà văn là gì? Chẳng là gì cả. Nó chỉ là một linh hồn nhỏ đầy lỗi lầm và luôn tìm cách sám hối vượt khỏi những lỗi lầm ấy. Nó là con vật nhạy cảm hết sức đáng thương với các thói xấu của cả bầy đoàn. Nó viết không phải vì nó, nó viết để cả bầy đoàn rút ra từ đấy một lợi ích công cộng, một lợi ích văn hóa.

Chúng ta đã quá tự tin, vô thần khi coi nhẹ mặt tâm linh trong đời sống con người. Điều ấy thật khủng khiếp: ô trọc và vô văn hóa sẽ ngự trị khắp nơi.

Từ thâm tâm tôi vẫn nghĩ là có các bậc thánh nhân. Trong những con người bình thường cũng có những tình cảm thánh nhân. Hình như nhà văn chỉ có thể khẳng định được mình khi anh trở nên chí thánh? Còn những trang viết, nó có ý nghĩa gì đâu.

Xác chết của các nhà văn đã chất thành núi trên thế gian này. Người ta vẫn bới tìm ở đấy những mẩu vụn của con người, về con người.

- Phê bình văn học, bình luận văn học là một lĩnh vực khó chơi, khó nhằn vì nó đòi hỏi sự công bằng, chưa nói gì đến dũng khí nhưng chí ít người làm việc đó phải không hèn. Ngoài ra, tính chuyên nghiệp phải được đề cao như một phẩm chất số một. Trên văn đàn, số nghiệp dư và tỉnh lẻ thời nào cũng có và đông như kiến(!). Thói to mồm, tính chất bảo hoàng hơn cả nhà vua và đủ kiểu văn hay khác có thể giết phăng, giết tươi những người có ý định tử tế muốn làm việc này. Việc tranh đấu với những con ngợm văn chương (chữ của người Pháp dùng để chỉ đám quần cộc trong văn học) là bất khả. Không ai hoài hơi đi làm việc ấy (*mãnh hổ bất địch quần hồ*) nhưng việc nhận dạng ra nó để không dây vào, không chơi, không đánh đu là việc rất cần thiết với các nhà văn trẻ và những người cầm bút có ý thức chuyên nghiệp.

Có thể việc sống và làm việc như mọi người của nhà văn là hay nhưng cũng có thể sống "điên điên" một chút là hay. Điều cần thiết và quan trọng đối với nhà văn là ở chỗ có được tác phẩm và tác phẩm đó có được chất lượng giá trị văn học hay không. Về chất lượng giá trị văn học thì đây là thứ tưởng là dễ định nhưng lại khó định nhất. Chúng ta đã biết chuyện bao nhiêu đồ cử lên mây hết trên văn đàn thời Tú Xương. Thời nay cũng vậy, rất có thể 99/100 tác phẩm được in ra rồi sẽ lên mây hết. Cứ phải đợi đến giờ phán xử cuối cùng nhưng trước mắt, chúng ta có thể nhận ra tín hiệu về chất lượng giá trị thực sự của văn học qua nhận định của những người viết trẻ, của các nhà văn trẻ. Họ là những làn sóng xanh, là những tác phẩm tuổi xanh, là tương lai của văn học và lương tâm của văn học. Đương nhiên, trong số những người viết trẻ ấy họ rồi cũng sẽ giống như các lớp đàn anh đi trước. Họ cũng sẽ lại "điên điên".

- Thơ là một phép màu, một kiểu trị liệu mơn trớn lòng ích kỷ, sự lười biếng, thói hoang tưởng mơ mộng và dục vọng ở người ta. Thường khi yêu đấy là trạng thái dễ nảy sinh ra thơ nhất, bởi vậy người xưa nghiêm khắc từng cho thơ là biểu hiện của sự dâm đãng và tính dục.

- Khi thơ quá phát triển, quá lạm phát, người đời cũng có phần nào cảm thấy ghê ghê các nhà thơ. Nhà nho theo nghiệp thi cử đã từng coi trọng người giỏi phú và văn sách hơn người làm thơ; người hay thơ từng bị coi là hạng phóng dật, thiếu đứng đắn. Khi có nhiều thơ quá thì thậm chí người ta coi đấy là dấu hiệu của phong hóa suy đồi (nghĩa là đạo đức xã hội có phần đi xuống).

- Hầu hết các nhà văn hồn nhiên viết lách ban đầu chỉ đơn giản vì cái lẽ tham sân si ở đời mà thôi. Thật xấu hổ, những bài thơ đầu tiên của các nhà thơ như ta biết, hầu hết động cơ chỉ là để tán gái. Ngay cả A.Puskin vĩ đại cũng vậy, còn những người như H.Hainơ thì đầy rẫy. P.Nêruđa viết tới 100 bài thơ tình gửi cho vợ bé và ông già dê cụ này đã làm cho cả thế giới trầm trồ vì dục vọng nên thơ của ông ta.

- Những nhà văn thiên tài hầu hết đều phải trải qua những tình huống hết sức oái oăm trong số phận mình. Những khát khao đều phải trả giá. Những khát khao của cá nhân nhà văn phù hợp với những khát khao của nhân loại thì nhà văn sẽ làm lễ đăng quang cùng nhân loại. Ngược lại những khát khao của cá nhân nhà văn bệnh hoạn thì bệnh hoạn sẽ làm ma hậu hĩ cho anh.

*

Theo tôi, đọc Nguyễn Huy Thiệp (cả sáng tác và phê bình, tiểu luận) không nên đọc với tâm thế của *fan* hâm mộ, cũng không thể đọc với "cái búa phê bình" lăm lăm trong tay muốn chém một búa chết tươi, mà phải "lạnh lùng khách quan" như một vị Quan Tòa công minh. Muốn được như thế thật khó, song cuối cùng thì vẫn phải là: trước một hiện tượng văn học phức tạp, "đa thanh", "đa nghĩa", phải lý giải nó một cách khoa học. Hy vọng các nhà nghiên cứu văn học sẽ có sự lý giải thỏa đáng. Ở đây, tôi chỉ muốn "tóm lại" bằng suy nghĩ nhỏ: quả là Nguyễn Huy Thiệp có nhiều ý tưởng sắc sảo, bất ngờ…cả về cuộc đời cũng như văn chương. Và cũng có "Con mắt xanh" khi viết về thơ Vi Thùy Linh, Phan Huyền Thư và đặc biệt là thơ Đồng Đức Bốn và Bảo Sinh… Nhưng khi đụng đến những vấn đề có tính khái quát của lý luận văn học thì do thiếu "nghiêm túc" nên đã "đùa cợt" quá trớn, và một khi đã "đùa cợt" quá trớn thì "nhầm lẫn" và "giải thích lung tung" là tất yếu. V. Bi-ê-lin-xki và nhiều "đại gia" tư tưởng đều nói, đại ý: Thiên tài là người biết xóa bỏ những sai lầm của mình! Nếu quả Nguyễn Huy Thiệp là một thiên tài, một bậc "chí thánh" của văn học Việt Nam hện đại (hình như văn học trung đại chỉ phong thánh cho Cao Bá Quát?) thì chúng ta sẽ có được một cuốn Phê bình, tiểu luận hoàn hảo chứ không như cuốn "Giăng lưới bắt chim", dù nó đã được trao giải thưởng thường niên về Lý luận - Phê bình của Hội Nhà văn Hà Nội**.**

Sài Gòn, tháng 12-2010

Chú thích:

(1) Nguyễn Huy Thiệp: *Giăng lưới bắt chim*, lần xuất bản đầu Văn Mới- 2003, tái bản:

Đông A - NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2006. Ngày 10/10/2006, Hội Nhà văn Hà Nội đã

chính thức trao giải thưởng thường niên về Lý luận-Phê bình cho *Giăng Lưới Bắt Chim.*

(2) Xin xem: Hình như là... | *Đặng Thân* (viet-studies.info).

(3) Theo sự thống kê của Đặng Thân ở bài viết vừa dẫn thì danh sách các "đại gia" khá dài: Hoàng Ngọc Hiến, Đặng Anh Đào, T. L. Filimonova, Greg Lockhart, Lại Nguyên Ân, Đỗ Văn Khang, Văn Tâm, Nguyễn Văn Lưu, Vương Trí Nhàn, Nguyễn Đăng Mạnh, Đỗ Đức Hiểu… Nguyễn Vy Khanh, Trương Hồng Quang, Thụy Khuê hay Đoàn Cầm Thi…

(hết)

***

Phụ đính II :

Những người muôn năm cũ

"Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ..."
Vũ Đình Liên

Cách đây hơn 30 năm tôi dạy học ở Bâm là một xóm núi khỉ ho ? cò gáy ở tỉnh N. cách xa Thủ đô vài trăm cây số. Hồi ấy, tôi 20 tuổi vừa mới tốt nghiệp ra trường tâm hồn còn rất ngây thơ.

Bạn đồng nghiệp cùng phòng với tôi là Doanh, giáo viên dạy Toán. Doanh lớn gấp đôi tuổi tôi, anh từng có vợ và con.

Doanh nói:

"Tôi là một giáo viên bị kỷ luật nên mới bị đày đọa lên đây. Còn cậu, nghiệp chướng gì mà cậu cũng phải rút vào xó này?"

Tôi nói với Doanh rằng tôi tình nguyện lên miền núi dạy học rằng đó là nhiệt tình của tuổi trẻ, rằng...

"Hiểu rồi" Doanh cười, "Cậu đã nuốt trọn gói thuốc đắng của nền giáo dục nhà trường. Thanh niên là vậy! Răng các cậu rất khỏe, các cậu có thể nhai vỡ cả sỏi."

Tôi hỏi Doanh xem anh bị kỷ luật gì. Doanh nói:

"Chẳng qua là chuyện sướng con cu, mù con mắt. Tôi không nghĩ là tôi sai lầm."

Tôi không hỏi gì thêm chuyện đó nhưng về sau chính Doanh đã bô bô kể lại. Đấy là một chuyện cũng khá nực cười (nhìn chung, tất cả những chuyện trai gái đều nực cười).

Trường tôi và Doanh dạy học là môt trường Bổ túc văn hóa được tổ chức có phần lỏng lẻo và lượm thượm. Hiệu trưởng là một sĩ quan quân đội chuyển ngành tên là An, tính tình nghiêm khắc và cô độc, rất thích vào rừng săn bắn. Bà vợ của ông An nấu cơm cho "hội đồng giáo viên" gồm có bốn người: ngoài tôi và Doanh còn có hai giáo viên người Thái đều có vợ con trong bản, thường mỗi tuần họ chỉ ăn cơm ở trường có ba bữa trưa là những hôm họ có những giờ dạy học buổi chiều. Học viên đến học ở trường là những người ở lâm trường và nông trường trồng chè. Họ có hơn ba chục người chia làm hai lớp. Chúng tôi phải làm sao trong hai năm trời nhồi nhét cho họ có những kiến thức cơ

bản của chương trình phổ thông trung học, sau đó cấp cho họ một văn bằng tốt nghiệp.

"Tất cả nền giáo dục của chúng ta," Doanh nói, "là nhắm làm sao chứng tỏ mọi sự có lý. Các chứng minh hình học, các quy tắc vật lý, các bài học lịch sữ... tất cả đều nhằm mục đích khiến cho người ta tưởng bở rằng mọi người đang sống trong một thế giới có trật tự tổ chức hoàn hảo. Tất cả đều láo khoét, vô lý! Thực ra toàn bộ thế giới được xây dựng trên sự ngẫu nhiên lộn xộn không có quy tắc nào cả. Con người vốn dĩ yếu đuối, họ tự phỉnh mình bằng những lập luận có lý để có ảo tưởng tự tin hòng sống qua kiếp người gian khổ trầm luân."

Bà Hinh, vợ ông An nói:

"Dào ôi, cậu Thiềm (Thiềm là tên tôi) xin cậu bịt tai lại! Cậu đừng nghe cái tên lang sói ấy, nó chẳng có lương tâm gì đâu! Cậu cứ dạy tốt vào cho tôi!"

Doanh bảo:

"Dạy tốt! Cậu có nghe con mẹ mù chữ này nói gì không? Dạy tốt cho ai cơ? Cái lũ ngốc đến đây học, cứ tưởng thứ họ học là văn hoá, là ánh sáng, có nó thì mọi việc sẽ tốt đẹp hơn... Họ học những thứ chẳng để làm gì. Cậu hãy hình dung bà vợ ông An đây, bà ta sẽ lương thiện và nấu ăn ngon khi còn mù chữ... Còn nếu được học hành, tôi xin thề với cậu là đừng hòng bà ta chịu làm như thế, bà ta sẽ để mặc chúng ta chết đói."

Bà Hinh bảo:

"Không có chuyện ấy đâu nhé! Tôi chỉ biết phục vụ chồng con và nấu cơm với chăm sóc cho các cậu thôi! Nghề của tôi mà!"

Doanh bảo:

"Thật là ngu hết chỗ nói! Con mẹ này hạnh phúc trong sự tăm tối. Bà ta lương thiện trong đêm đen."

Do thiếu giáo viên, tôi gần như phải dạy tất cả các môn. Tôi phải tự học và việc soạn các bài giảng đã chiếm khá nhiều thì giờ của tôi. Còn Doanh, anh chẳng bao giờ soạn các bài giảng của mình. Tuy nhiên, tôi để ý thấy học viên đều rất sợ anh và họ cũng thích khi anh lên lớp.

Doanh bảo:

"Tôi nói với họ rằng các anh chẳng cần đại số với hình học làm gì. Có dạy các anh cũng không hiểu nổi. Bản thân tôi, tôi cũng chẳng hiểu quái gì. Nhưng tôi luôn kể chuyện người ra đã làm ra đại số và hình học thế nào. Tôi kể về Pi-ta-go và Ơ-clít. Tất cả lũ ngốc ấy đều nghĩ rằng nếu có cơ hội thì chúng sẽ biến thành Pi-ta-go hay Ơ-clít hết."

Doanh bảo:

"Học vấn có điều nguy là khiến người ta có ảo tưởng thay đổi bản thân và hoàn cảnh là điều vốn dĩ không bao giờ làm được. Trên thực tế người ra chỉ chuyển dịch từ một hoàn cảnh thối tha này sang một hoàn cảnh thối tha khác mà thôi... Ở yên một nơi thì ít bi kịch đau khổ."

Ông An hiệu trưởng gần như không tham gia vào chuyện của chúng tôi. Bà vợ ông nói:

"Dào ôi... cái lão ấy nào có biết gì... Nghề của lão ấy là giết người, bây giờ chuyển ngành rồi thì đi săn chim bắt thú... cũng may là lão ấy không bao giờ bắn trúng được một con gì..."

Tuy nhiên có một lần ông An bắn chết được một con khỉ nặng chừng tám cân, ông bắn được vì nó đã què sẵn. Bà Hinh xót xa:

"Trời ơi... Nó hệt như đứa bé con hai tuổi. Đồ bất nhân! Sao lại đi bắn nó kia chứ... Trông hai con mắt của nó đang mở thô lố ra kìa!"

Bà Hinh nhất định không cho làm thịt mà phải mang chôn con khỉ. Ông An không biết phải làm thế nào.

"Phải làm thế nào?" Doanh bảo, "chúng ta mang nó vào rừng. Tôi sẽ cử hai đứa học trò nghỉ học nấu nướng cho chúng ta ăn."

Bà Hinh bảo chồng:

"Nếu ông ăn thịt nó thì ông cút ngay đi! Ấn thịt nó có khác gì ăn thịt người. Chỉ có loài cầm thú mới ăn như thế..."

Doanh bảo:

"Các bậc vua chúa và thủ trưởng như Tề Hoàn Công hay Tấn Văn Công ngày xưa cũng ăn thịt người... Chẳng hề gì! Còn ông An, ông không ăn thì cũng chẳng đáng là người đi săn, cũng chẳng đáng là thủ trưởng nữa..."

Món thịt khỉ được nấu như món thịt chó nhựa mận. Thịt khỉ rất ngọt nhưng vị khá tanh. Chúng tôi phải ăn bốc trong rừng vì bà Hinh nhất định không cho mượn bát đũa... Ông An uống rượu, trở nên vui vẻ, kể chuyện bắn con khỉ như bắn một tên thổ phỉ:

"Nó rất cáo già" ông An nhắc đi nhắc lại, "Nó là khỉ nhưng rất cáo già!"

Doanh bảo:

"Thế thì gọi nó là đồ khỉ cáo già!"

Ông An cười ngất gật đầu. Nụ cười của người say rượu thật sảng khoái vô tư!

Thường dịp mưa xuân, bà Hinh hay bắt chúng tôi đi đào măng về để trữ thức ăn. Măng tươi luộc lên trắng ngần, nấu thành món canh với nước luộc gà, cho vào một ít hành hoa, mỡ gà nổi lên nhấp nhánh như những ngôi sao nhỏ nhiều cánh màu vàng chanh. Bà Hinh còn tích măng khô để dịp nghỉ phép bọn chúng tôi mang về làm quà.

Doanh bảo:

"Cái thứ quà măng khô với mấy cái lông nhím lông gà rừng nó gây ảo tưởng cho gia đình tôi tưởng rằng tôi đang sống ở trong xứ sở thần tiên chứ không phải ở trong địa

ngục."

Bà Hinh bảo:

"Nếu thế thì cậu đừng mang về nữa."

Tuy nói thế nhưng khi Doanh về phép bà Hinh vẫn cho măng và Doanh cũng vẫn nhận.

"Chúng ta phải luôn luôn đầu hàng hoàn cảnh và phong tục" Doanh bảo, "Như thế để chứng tỏ ta có giáo dục, có văn hóa, có tâm. Khốn nạn thật! Sao mà tôi ước ao có được sức mạnh của con đười ươi sống đơn độc trong hang núi kia!."

Trên hang núi gần trường có một con đười ươi đực, nặng phải tới gần trăm cân. Những hôm nắng, nó ra ngoài cửa hang phơi nắng. Chiều tối đến, nó hú lên những tiếng hú âm thầm man rợ y hệt như tiếng người. Chúng tôi đã nhiều lần trông thấy nó đứng trên mỏm núi nhìn xuống sân trường và làm những cử chỉ rất tục tĩu.

"Đấy là một cách nó bình luận về nền giáo dục của chúng ta" Doanh bảo, "Tôi thấy nó có lý."

Ông An bực mình:

"Cậu Doanh! Sao cậu lại nói thế? Người ta vẫn nhốt vào tù những thằng nói nhăng như cậu."

Doanh bảo:

"Thì chúng ta vẫn sống cùng nhau đấy thôi!."

Ông An bảo tôi:

"Cậu Thiềm! Cậu phải biết cách tự bảo vệ mình. Còn thằng Doanh, tôi thấy nó nham hiểm thế nào... Cái câu "chúng ta vẫn sống cùng nhau" là có ý gì?."

Bà Hinh bảo:

"Còn ý gì nữa? Tức là nó bảo chúng ta cũng đang ở tù, thế là "sống cùng nhau" chứ gì?."

Vợ chồng ông An có cô con gái tên là Xuân đang học Đại học ở tận dưới xuôi, mùa hè thường ghé về nhà. Khi cô về, không khí ở chỗ chúng tôi như thay đổi hẳn. Khi cô đi, tất cả trở nên thẫn thờ, sự hiu quạnh buồn tẻ trước đây không ai nhận thấy bây giờ bỗng nhiên biểu hiện ra rõ ràng quá, cay đắng quá!

"Cái ghế này con bé Xuân nhà tôi hôm trước vẫn ngồi" bà Hinh nói với chúng tôi, " Xin các cậu đừng để dây nhọ nồi vào đấy! Cậu Thiềm, cậu có thấy mỗi lần con bé về nó lại xinh hơn ra không?."

Doanh bảo:

"Nó càng ngày càng có vẻ khiêu dâm hơn thì có! Đấy là kết quả của việc tiếp thu văn

minh đô thị. Bà mẹ tội nghiệp ạ, bà đang mất dần con gái bà đấy! Học vấn và tiện nghi sẽ làm móng vuốt của nó sắc nhọn ra, nước bọt của nó biến thành thuốc độc, tâm hồn của nó giăng như lưới nhện... Tôi thích cái bàn tay hái chè của nó ngày xưa, móng tay trụi thùi lụi, các ngón tay mòn đi chỉ bằng một phần ba ngón tay người thường, dưới lớp da "trần bì" khá dày của nó có rất nhiều lương tâm với lòng chẳng nỡ, còn bây giờ không cẩn thận là toàn vi trùng..."

Bà Hinh tức điên lên:

"Đồ đểu! Tại sao miệng lưỡi mày độc ác thế hả Doanh?."

Doanh bảo:

"Thôi thôi! Tôi không nói nữa. Chân lý bao giờ cũng trắng trợn nên khó nghe... Ừ thì con bà xinh, ừ thì con bà đẹp..."

Bà Hinh bảo:

"Chứ không à? Cứ trông dáng đi của nó xem có kiêu sa không nào... Nó học ở thành phố là tốn kém lắm, tôi cho nó bao nhiêu tiền tôi cũng chẳng tiếc..."

Bà Hinh nhớ con đến ngơ ngẩn người, như mất cả hồn, không để ý nên bữa ấy nấu cơm sống. Ông An bỏ cơm xách súng vào rừng đi săn.

Bà Hinh hỏi tôi:

"Cậu Thiềm! Cậu có thấy con bé nhà tôi thông minh không?."

Doanh bảo:

"Đàn bà mà thông minh sẽ khó lấy chồng mà lấy chồng thì khó hạnh phúc..."

Bà Hinh bảo:

"Chỉ mong nó được yên ổn..."

Doanh bảo:

"Đấy đấy! Cái đấy mới cần! Yên ổn thì chẳng cần thông minh làm gì... Thế lần này nó đi, ông bà cho nó được bao nhiêu tiền?."

Bà Hinh bảo:

"Có bao nhiêu tiền đưa cho nó hết nhưng chị chàng có vẻ không được bằng lòng... Bố mẹ nghèo thì con cái cũng bị thiệt thòi có phải không nào?."

Doanh bảo riêng tôi:

"Tội nghiệp bà mẹ thực thà! Cậu có để ý đôi mắt trắng dã của con bé ấy không! Cô công chúa Lọ Lem này là người quyết liệt lắm đây! Cứ chờ đấy rồi nó báo hiếu!."

Cuộc sống ở xóm núi hẻo lánh trôi đi đơn điệu, buồn tẻ. Khi chiều về, tiếng mõ trâu lốc cốc khua vang ở dưới chân núi xa xôi, lẫn lộn với khói lam chiều, rồi chìm lịm đi ở cuối vực sâu cùng với bóng tối lúc đầu còn rón rén ở những bụi cây lúp xúp màu tím nhạt, rồi lảng vảng chuyển sang màu xám tro viền trên các ngọn cây cao, rồi cuối cùng phũ phàng đen kịt trùm lên toàn bộ núi rừng. Tiếng chim xao xác gọi đàn. Con đười ươi lại hú lên thê thảm, cứ ba tiếng một, ba tiếng một cho đến lúc chẳng có tiếng nào.

Tôi và Doanh ngồi ăn cơm âm thầm trong bóng tối. Cả hai chả nói năng gì. Bà Hinh ngồi bên bếp lửa khe khẽ hát bài hát ru con:

"À ơi... cầu tre lắc lẻo khó đi...
Ví dầu...
Mẹ đưa con đi trường học... Ẩu ơ...
Mẹ đi trường đời...".

Doanh nói:

"Này Thiềm! Cậu thử nghĩ câu mẹ đi trường đời nó có vẻ khuất tất tái tê thế nào đấy không? Cái "trường đời" của người đàn bà nó ỡm ờ mù mịt vô cùng... Bà mẹ trẻ hát ru ở đây có vẻ học nhiều ở nơi chợ búa, bến xe, nhà hàng... ở giảng đường này, các bậc giáo sư dạy dỗ cho bà mẹ trẻ những chân lý gì không biết?"

Cơm xong, tôi và Doanh lầm lũi đi về phòng nghỉ. Căn phòng rộng 12 mét vuông, cửa ở giữa, hai bên kê hai cái giường nhỏ, đầu giường mỗi người có một cái tủ đựng sách vở, quần áo. Những hôm rét quá, giữa nhà chúng tôi đốt một đống lửa, ấm thì ấm thật nhưng khói không sao ngủ được, thế là đến nữa đêm lại phải thức dậy để rút củi đi. Khoảng tháng Mười Một là mùa sương muối, khí hậu ban ngày khô hanh rất khó chịu nhưng ban đêm buốt giá vô cùng. Sáng ngủ dậy, sương muối đọng li ti trắng xóa ở trên mặt cỏ xác xơ. Sương muối làm chết nhiều cây, đến ngay cả những cây chuối xum xuê cũng khô hết lá. Những thứ rau trồng trong vườn cũng chết lụi cả, chỉ trừ có loại rau cải Mèo là thứ rau đặc biệt của người Hmông trồng là còn sống sót nhưng phải tưới nước liên tục và che chắn suốt cả đêm ngày.

Nhiều đêm chúng tôi bỗng choàng tỉnh dậy vì nghe thấy tiếng nổ lép bép râm ran như trời đang sụp. Chạy bổ ra ngoài, nhìn lên lưng núi thấy một vệt lửa chạy dài đang cháy rừng rực. Ánh lửa trên núi hắt xuống khuôn mặt của mấy giáo viên chúng tôi, trông ai cũng thấy hốc hác đăm chiêu. Không nói ra, chúng tôi đều biết khi đã cháy rừng ở đây nghĩa là vô phương cứu chữa. Sợ nhất khi những tàn lửa trên rừng gặp gió bốc cao rơi xuống trường học. Như thế nghĩa là mất hết, ngày mai sẽ không còn gì! Tất cả sẽ trần thùi lụi.

Mùa mưa trong năm thường vào hai dịp. "Mưa chiêm" là khoảng tháng Tư khi trời bắt đầu vào hạ. Mây đen kéo đến từ cuối chân trời, sấm sét rền vang đến suốt mấy tiếng đồng hồ, gió thổi chồn cuộn biến thành những cơn lốc, cuốn đầy bụi rác. Thế là mưa! Mưa rào ào ào trút xuống, thoắt cái vừa đến lại đi ngay! Rồi nắng lên, rồi nắng chói chang, rồi nắng cứ liên miên đến vài ba tháng. Những con lợn thả rong uể oải đi tìm chỗ râm mát nằm thở phì phò. Sang tháng Bảy, tháng Tám mới là "mưa mùa", mới vào mùa mưa chính thức. Mưa như dập như vùi, dai dẳng, mưa như điên như cuồng, như tra tấn. Nước lũ đổ về cuồn cuộn, cuốn trôi đất cát, trôi cả nhà cửa. Những con rắn, con

trăn đi tìm chỗ tránh mưa, nhiều khi rúc cả vào chăn màn, vào tủ đựng quần áo. Mùa mưa kéo dài đến khoảng tháng Chín. Rồi mãi sang Xuân mới lại có mưa...

Có một năm cũng vào mùa mưa thì xảy ra một chuyện thế này.

Hôm ấy khoảng 5 giờ chiều, anh Thanh là một trong hai giáo viên người Thái hớt hải chạy đến, người ướt như chuột lột. Anh Thanh nhờ chúng tôi giúp anh đưa người vợ đang đau đẻ đến ngay bệnh viện.

Chúng tôi hỏi ra mới biết ở đây có tục vẫn để cho người phụ nữ đẻ một mình. Sắp đến ngày đẻ, người ta dựng một cái lán nhỏ ở một góc vườn hay ở trong rừng rồi để người phụ nữ chui vào đấy, tự mình làm lấy mọi việc. Phụ nữ vẫn thường đẻ đứng chứ không đẻ nằm, người nào sức yếu có khi băng huyết dẫn đến chết người.

Chúng tôi nghe nói mà rùng cả mình, lạnh toát cả người. Bệnh viện cách chỗ chúng tôi hơn 40 cây số. Vợ anh Thanh vào lán đẻ đã hơn 5 tiếng đồng hồ. Chúng tôi bàn nhau sẽ đưa chị đến lâm trường gần đó nhờ họ giúp đỡ.

Khi chúng tôi đến nơi thì mưa rất to. Nước lênh láng xung quanh cái lán đỏ ngầu. Chị vợ anh Thanh đã lịm đi bất tỉnh. Chúng tôi khênh chị đi nhưng những người nhà anh Thanh giữ lại không nghe. Ông An vác súng ra chĩa vào họ, ông bắn nhưng như thường lệ đạn vọt lên trời... Ầy thế mà chị vợ anh Thanh cũng sống, sinh con ra "mẹ tròn con vuông"... Thằng bé về sau đã được đặt tên là May để kỷ niệm lần sinh nở man rợ đó.

"Trong hoàn cảnh tự nhiên" Doanh nói, "mọi sự vẫn được tự nhiên chọn lọc kỹ càng, sức đề kháng trong tự nhiên rất lớn. Sống trong tăm tối và hiểm nguy, chúng ta vẫn sống như vậy nhưng có người ý thức được mà thôi. Nhưng kiểu gì kết cục vẫn như nhau cả: tức là cái chết sẽ đến sớm hay muộn với mỗi một người. Vẫn là cái chết trắng trợn, phũ phàng không ai tránh được!."

Tôi cũng không nhớ với sức mạnh nào, với thói quen và sự chịu đựng nào (có lẽ chỉ là thói quen và sự chịu đựng mà thôi) khiến chúng tôi đã sống, đã vượt qua mà chẳng hề phàn nàn trong những điều kiện gian khổ, khó khăn như thế.

Năm tháng qua đi, không biết bao nhiêu niềm vui, bao nhiêu nỗi buồn đã đến với tôi trong mấy năm trời tôi sống ở Bâm. Có lẽ hồi ấy tôi còn trẻ tuổi, tôi rất hay quên, tôi còn vô tư nhẹ dạ, niềm vui đến với tôi không lớn, nỗi buồn chạm đến tôi không đau, tôi không có những kỷ niệm gì thật sâu sắc nên những trang đời ấy đã bị xếp xó vào một góc sâu ở trong ký ức từ lâu, tưởng như không bao giờ sẽ còn nhớ lại.

Sau này, tôi đã đi nhiều nơi, làm nhiều nghề, nghề dạy học tôi cũng chỉ theo đuổi được một thời gian rồi thôi. Tôi luôn luôn cảm thấy bất an trong lòng, cũng có thể bởi những khát vọng trong tôi thúc giục hoặc bởi số phận đã bắt buộc tôi làm thế. Tôi chỉ ở Bâm hơn hai năm trời rồi lặng lẽ bỏ đi. Tôi không biết những gì sẽ chờ đợi tôi phía trước nhưng tôi không thể chôn vùi cuộc đời của tôi ở nơi ấy được... Hôm tôi rời Bâm, mọi người mọi việc cũng giống như mọi ngày thường. Không ai biết (cả tôi cũng không biết được) rằng tôi sẽ đi một mạch đến hơn 30 năm sau mới quay trở lại.

Hôm ấy tôi đi bộ vào rừng giống như mọi bận vẫn đi lấy củi hoặc đi dạo chơi một mình. Qua khỏi thung lũng, tôi trèo lên đỉnh núi Đười Ươi trông ra đằng xa. Núi tiếp núi như những vỏ mít ken dày, vỏ mít xếp lại. Cuối chân trời có một ngôi sao lấp lánh đang dần

bị ánh sáng ngày lấn lướt muốn xóa chìm đi. Thế là tôi đi về phía ấy... Tôi không muốn để ngôi sao kia lụi tàn...

Tháng Chín năm ngoái tôi có dịp quay trở lại Bâm. Khi đến ngã ba rẽ vào trường học, nhác trông thấy ngọn núi Đười Ươi, lòng tôi run lên vì cảm động. Bây giờ là đầu mùa Thu, mùa hoa cúc dại nở vàng. Bướm trắng bay phấp phới từng đàn dọc hai bên đường. Mùi hoa cúc dại ngai ngái vương vấn tưởng như vừa quen vừa lạ. Ngày xưa tôi đã ở đây, đi trên đường này và từng mơ ước, tôi đã định ra bao nhiêu kế hoạch cho cuộc đời tôi.

Ngôi trường cũ không còn nữa. Cảnh vật giờ đã khác xưa. Một dãy phố mới mọc lên với chừng gần chục ngôi nhà bê-tông. Tôi hỏi thăm mãi mới tìm thấy được một người quen. Cậu bé May ngày nào nay đã trở thành một chủ tiệm cơm bình dân.

"Gần như không còn ai ở trường cũ nữa. Bố cháu mất năm ngoái," May nói với tôi, "Ông An với bà Hinh thì mất lâu rồi, mộ ở trên núi Đười Ươi. Nếu chú muốn viếng mộ họ thì chú cho thằng bé chột mắt kia hai nghìn, bảo nó dẫn đường cho chú lên núi."

May bảo:

"Cháu có đọc báo, nghe nói chú đã trở thành nhà văn, đi Mỹ đi Pháp, lại giàu có nữa. Ngày xưa ở đây, nghe nói chú chẳng hề nói một câu nào!"

May lại bảo:

"Thế nghề nhà văn là nghề gì mà giàu nhanh thế? Ông Doanh (à, chú còn nhớ ông Doanh không?), ông Doanh vẫn còn sống đấy! Ông ta bỏ vợ dưới xuôi, lấy một bà góa người Thái, bây giờ sống ở trong núi nhưng nghiện thuốc phiện. Nếu chú muốn thăm thì chú cũng cho thằng bé chột mắt kia hai nghìn bảo nó dẫn đường cho chú vào thăm."

Tôi cám ơn May, tặng anh một món quà nhỏ rồi theo thằng bé chột mắt nhờ nó dẫn đường vào thăm nhà Doanh và đi lên núi viếng mộ những người quen cũ.

Doanh ở trong một ngôi nhà lụp xụp tận cuối bản Hẻo. Tôi đến gần, không thể nhận ra ông già gầy gò, râu bạc, tóc bạc, da dẻ trắng bạch như suốt đời chỉ sống trong một xó tối là Doanh hồi nào.

"Không nhớ, tôi không nhớ..." Doanh nói thều thào, "Nếu có tiền thì cho... Để mua thuốc phiện chứ để làm gì... Tôi không biết Thiềm... không biết ai cả... Buồn lắm... Dạy học cho ai... có hiểu gì mà học..."

Ông già tội nghiệp quay mặt vào tường, rấm rứt khóc. Tôi để lại cho vợ Doanh một món tiền rồi đi. Thằng bé chột mắt dẫn tôi lên núi Đười Ươi.

"Khoảng vài năm trước cũng có một bà sang trọng đến thăm những ngôi mộ này" Thằng bé chột mắt bảo tôi, "Bà ấy khóc một lúc lâu rồi cho cháu năm nghìn."

Tôi đứng tần ngần nhìn hai ngôi mộ xếp đá, xung quanh cỏ mọc um tùm. Ngày xưa ông An thích nhất nơi này.

Tôi thắp hương cho ông An, bà Hinh, cầu mong cho linh hồn những người giản dị trung

hậu ấy an nghỉ thanh thản.

Tôi xuống núi trả tiền thuê thằng bé chột mắt. Giống như cái bà sang trọng mà tôi thầm đoán là Xuân, tôi cũng cho thằng bé năm nghìn.

Cún

I
Trong số người quen của tôi, tôi rất nể phục nhà nghiên cứu văn học Z.. Anh am hiểu các vấn đề lý luận văn học ở ta (lĩnh vực mà thú thực tôi không hiểu gì mấy). Những bài viết của Z. có thời được nhiều người ví như "ngọn roi" quất vào "con ngựa sáng tác văn học" giúp nó phi nhanh hơn và không trật đường.
Z. đẹp trai, thông minh, đặc biệt nhạy cảm với những cái gì đau đớn, tủi cực. Nhiều lần đi chơi với anh, tôi thấy Z. thường lảng tránh những nơi có người ăn mày hoặc người tàn tật. Trường hợp không lảng tránh được, Z. rất bối rối, tôi thấy mặt anh tái đi, anh dốc hết túi cho người ăn mày hoặc người tàn tật đó.
Với tôi và các nhà văn trẻ thuộc thế hệ tôi, Z. rất nghiêm khắc. Z. đòi hỏi cao điều mà anh gọi là tính người: tinh thần làm việc, đức hy sinh, lòng tận tụy, chữ □tâm"... và dĩ nhiên cả văn phạrn nữa. Sự nghiêm khắc ấy làm cho tình bạn của hai chúng tôi không phải không sóng gió. Tuy nhiên, tôi khâm phục Z.. Nhiều khi lẩn thẩn, tôi nghĩ rằng phải có một lý do nào thật sâu xa lắm mới rèn lên được một người như Z.. Có lần tôi gặng hỏi mãi, Z. tự dưng buột miệng:
- Cha tôi là Cún. Cả cuộc đời ngắn ngủi của ông chỉ có độc một khát vọng thành người thế mà không được... Từ câu nói ấy của Z., tôi viết câu chuyện này..

II
"Cún biết cái chết sẽ đến với Cún chỉ vài phút nữa. Chân Cún đã lạnh, cái lạnh từ chân cứ thế ngược lên, bao giờ cái lạnh ngấm đến đỉnh đầu là hết, là vĩnh biệt con người, vĩnh biệt cuộc sống... Cún há miệng. Khát, khát... Cún thấy cổ họng mình se lại. Cảm giác bị dồn, bị đè bao phủ toàn thân. Cún biết lần này Cún không thể thoát nó. Nó đấy! Nó thò cái lưỡi vô hình, đen như đêm tối liếm vào đôi mắt Cún rồi...
Hơn chục năm trước, người ta thấy Cún ở một cái cống bên con sông đào ngoại ô thành phố. Con sông đen ngòm nước thải, đầy rác, giấy vụn và những đám bèo Tây lá đầy bụi bặm. Cái cống xi-măng vỡ nằm ngang con đường đất nhỏ, hứng gió cả ở bên phía bờ sông, cả ở bên phía cánh đồng. Cún nằm trong đống tã rách hôi hám, cả đầu cả chân tím ngắt vì gió. Chẳng hiểu sao Cún không chết ngay khi ấy? Chắc vì lão Hạ. Nếu Cún không gặp lão Hạ, chắc Cún đã chết ngay rồi - Lão Hạ là lão ăn mày ở chợ. Hôm ấy, không hiểu sao lão Hạ lần ra cống. Đứng trên đường, lão nghe thấy tiếng khóc. Tiếng khóc như từ dưới đất vọng lên, như từ âm phủ vọng lên. Lão rùng mình hãi sợ. Chiều đang xuống, nắng đã tắt, ráng mây mỡ gà ở phía chân trời hắt xuống mặt đất một vệt ánh sáng lạ nh lẽo và kinh dị. Gió bấc đuổi nhau hun hút quanh các lều chợ lụp xụp không một bóng người. Lão Hạ run cầm cập. Quang cảnh này hồn ma rất dễ hiện hồn. Đây là thời khắc xuất hiện ma quỷ. Gần cả đời người, lão Hạ sống nhưng không sợ người, người chỉ làm lão yêu hay lão ghét, thích hoặc không thích, lão Hạ chỉ sợ cái gì không phải là người.
Lão Hạ sợ quá, bủn rủn hết cả chân tay. Tiếng khóc ngằn ngặt đúng là có thật. Lão giỏng tai nghe. Đúng là tiếng khóc trẻ con. Lão Hạ cuống cuồng chạy xuống vệ sông. Lão vừa chạy vừa ngã. Tiếng khóc níu lão lại. Lão nhìn bên đường và nhận ra đứa bé nằm ở trong cống. Lão Hạ dần dần hoàn hồn. Hóa ra chẳng có quỷ ma nào cả! Hú hồn

hú vía! Ma quỷ đã bỏ mất một cơ hội để rình chộp lão. Lão Hạ bò về phía cống, thò tay kéo đứa bé ra. Chân tay đứa bé lạnh buốt. Lão Hạ ôm đứa Đé về lều chợ. Lão đặt tên nó là Cún. Cún là tên chó không phải tên người. Đứa bé này thật cũng không phải là người, nó kỳ hình dị dạng, đầu nó to tướng, hai chân tay mềm oặt như chẳng có xương, chỉ hơi lệch trọng tâm là người nó ngã kềnh ra đất. Điều kỳ lạ là Cún có khuôn mặt đẹp lạ lùng. Cún ở cùng lão Hạ. Cún không chết bởi nó có hai khả năng kỳ quặc. Một là đôi mắt, đôi mắt của nó làm cho tất cả mọi người xung quanh đều sợ hãi. Họ đi qua Cún mà không bỏ một đồng hào vào cái nón rách thì không an lòng. ánh mắt Cún ám ảnh họ, hành hạ họ suốt đêm ngày. Khả năng thứ hai của Cún là khả năng chịu đựng tuyệt vời: nó chịu được đói, được rét, nó sống trơ trơ như thân thể nó được tạo bằng thứ nguyên liệu siêu phàm. Lão Hạ đâm quý thằng bé tàn tật. Có nó, lão kiếm tiền được dễ dàng hơn. Lão mang thằng bé đi khắp đó đây kiếm ăn. Chỉ trong một hội Phủ Giày, lão kiếm được bằng mấy năm lão đi ăn xin một mình. Cách làm của lão thật đơn giản. Lão cứ đặt Cún nằm ngửa một chỗ với cái nón mê giữa đám đông người. Thế là xong chuyện. Cún sẽ cựa quậy và mắt nó sẽ làm việc, mắt nó sẽ hỏi mọi người:
- Này ông, này bà, ông bà là người, hãy nghĩ đến tôi là kẻ chưa được thành người...
Lão Hạ nấp ở đâu đấy, khi thấy nón đã khá tiền thì ra thu về. Thỉnh thoang lão đút cho Cún mấy miếng bánh đúc ngô tựa như người ta đút cho những con gà mang bán ở chợ. Lão Hạ coi Cún như con. Tuy nhiên, lão cũng chẳng quan tâm nhiều lắm đến thằng bé. Lão có bao nhiêu việc phải làm. Con người của nghề nghiệp khác có bao nhiêu việc ở đời thì việc của lão ăn mày cũng nhiều như thế. ở trong thế giới ăn mày, thân phận một đứa bé con què quặt chẳng đáng kể gì. Lão Hạ chẳng hề áy náy vì những lần để Cún đói lả, run người trong những trận sốt mê man để đi uống rượu hay đi đánh bạc. Bản thân lão cũng đã bao lần bị đói, bị ốm, bị rét như thế. Trong thế giới ăn mày, người ta có thể sử dụng một đứa bé con trong vài ba tháng để làm cớ ăn xin. Khi đứa bé chết, người ta vứt nó ra ngoài đống rác như vứt một thứ vật hỏng bình thường, như cái rổ, cái rế... Việc kiếm ra một đứa bé không khó. Chỉ cần vài ba đồng bạc, một sái thuốc phiện, một bộ quần áo cũ là xong. Đời còn đói rét. Đói rét bất chấp tất cả, cả đạo lý, cả tình người. Cún lớn dần lên, Cún dần ý thức được thân phận mình, buộc phải ý thức về hoàn cảnh mình.
Năm ấy, bấy giờ đang có chiến tranh, nhiều người chết đói. Trời rất lạnh. Cún và lão Hạ nằm cuộn mình trong hai cái bao tải ở một hiên nhà cách chợ Mới ngoại ô thành phố chừng trăm mét. Lão Hạ ho dồn. Lão yếu lắm, đã mấy ngày nay lão không dậy được, thỉnh thoảng lại ho ra máu.
- Cún này, mày đã lớn rồi... Tao sắp chết rồi... Mày sắp mất tao, mất chỗ dựa rồi... - Lão Hạ thều thào bảo Cún. □ Thực ra tao cũng chẳng phải chỗ dựa của mày. Cả tao và mày cùng sống... Sống như con giun, con dế, như con ong, cái kiến... - Lão ho sù sụ rồi khóc. - Con người sống khác... Trời ơi, sao trời hành hạ chúng con như thế? Chúng con muốn sống như mọi người thôi mà sống không được...
Cún lắng tai nghe. Cún mặc kệ lão Hạ nức nở rền rĩ một mình. Cún chẳng nói gì. Cún quen với cảnh này rồi. Cún lấy tay co cái bao tải rách che bụng. Cún thở dài... Cún mệt mỏi rã rời. Hơn chục năm nay, Cún đi ăn mày, Cún cũng chẳng lạ gì cuộc sống con người... ăn mày là ai, ăn mày là ta... Đói cơm rách áo hóa ra ăn mày... Cuộc sống con người đầy bất trắc và vô nghĩa, họ sống cũng như Cún, như lão Hạ, như con giun, con dế, như con ong, cái kiến... Cún chỉ đau đớn vì Cún khuyết tật. Cún chưa phải là người, cái gì mọi người làm được thì Cún đều thấy khó quá. Càng lớn, Cún càng thấy việc Cún đứng vững ở trên mặt đất thực chẳng dễ gì. Cún cứ lẩy bẩy, cứ đi ba bước là lệch trọng tâm, cứ thế ngã quay ra đất. Hai chân hai tay của Cún không tuân theo được ý mình. Gần đây, Cún tự dưng lo sợ, lo sợ một cái gì đấy vô hình. Cũng chẳng hiểu sao Cún lại hay nhớ, hay mơ đến Diệu, cô chủ nhà mà Cún và lão Hạ nằm ở hiên này. Cô Diệu bán hàng ở chợ, người lúc nào cũng thơm nức nước hoa, băng phiến. Cô Diệu có đôi mắt

nhỏ và hai cánh mũi mỏng dính phập phồng. Tính cô hay dùa, hay cười. Cô hay gọi Cún là "Thằng hình nhân mặt đẹp".
- Này Thằng hình nhân mặt đẹp! Cho mày một hào, sáng mai mày ra đón cửa cho tao. Mày như ngôi sao Hóa Lộc ở cái nhà này. Hôm nào đi chợ gặp mày là người thiên hạ xô vào mua bán như tranh như cướp...
Cún cười bẽn lẽn. Cún cúi xuống nhặt đồng hào nhưng lại chúi người ngã quay ra đất. Đồng hào cách bàn tay Cún ba hàng gạch. Cún nhổm dậy lấy một đầu gối làm trụ để giữ trọng tâm, Cún giơ tay với nhưng không giữ được, lại ngã nghiêng người sang phải. Đồng hào còn cách Cún một hàng gạch nữa. Cô Diệu cười nắc nẻ trên bậc thềm nhà:
- Cái Thằng hình nhân mặt đẹp này ngộ quá chừng...! Cố lên! Cố lên lần nữa xem nào!
Cún thích chí cười. Trời ơi, Cún đã làm cho cô Diệu thích. Cún thấy sung sướng. Cún nhỏm dậy, cố gập hai đầu gối. Được rồi... Thế, thế... Chỉ cố thêm một tí nữa và nghiêng người sang trái là chạm vào được đồng hào. Cún thở hổn hển, mồ hôi toát ra. Cún ước lượng. Cún cười. Đúng lúc Cún bật nghiêng người lên thì Diệu nhảy thụp xuống nhặt đồng hào để nhích sang một hàng gạch bên cạnh. Diệu ré lên cười. Cún bị mất đà ngã xuống nền gạch. Cún đập trán xuống nền gạch, máu trong miệng Cún trào ra nhưng Cún mặc kệ. Cún hít vội vàng cái mùi đàn bà quyến rũ. Chưa bao giờ Diệu lại ở gần Cún như thế. Cún cười sằng sặc. Nếu Cún biết hát thì Cún sẽ hát...
Lão Hạ ngồi yên trong góc tường vỡ thương hại nhìn Cún. Lão nhổm dậy chậm chạp đến chỗ đồng hào, lão lẳng lặng nhặt đồng hào cho vào túi mình. - Thằng già khốn nạn! - Diệu bặt nụ cười, môi mím lại đanh đá. - Đồng hào không phải cho mày đâu dấy! Rồi lại đi nướng vào rượu cho xem. Lão Hạ đứng im ủ rũ như người có lỗi, vai lão so lại như chờ người đánh, Diệu đi khuất vào nhà, lão Hạ mới ngồi hụp xuống lau máu cho Cún rồi xốc nách Cún dìu về phía chợ... Cô Diệu ấy len vào đời Cún dần từng ngày một. Cún cứ miên man suy nghĩ. Cún hình dung thấy cô Diệu đi lại, nói cười, Cún chẳng để ý gì đến những tiếng kêu ú ớ nghẹn ngào của lão Hạ nằm bên cạnh. Mãi sau, lão Hạ hộc lên, những ngón tay sần sùi của lão bấu vào mặt Cún rất đau Cún mới bừng tỉnh. -Cún mở mắt ra. Cún giật mình thấy mặt lão Hạ biến dạng hẳn đi, mặt lão trắng bệch như sáp, nhân trung lệch sang một bên. Từ miệng lão, máu đen trào ra ồng ộc. Lão cố ú ớ nói gì đó. Bàn tay lão cố ấn vào tay Cún một cái túi con nằng nặng. Cún bò nhổm dậy. Cún đã hiểu ra sự việc: cái chết đang hiện ra bằng xương, bằng thịt ở trước mặt Cún. Nó đấy. Nó nấp trong tròng mắt sâu hoắm và không thần sắc của lão Hạ đây. Cún khóc nức nở, thế là Cún đã mất đi một chỗ dựa rồi, chỗ dựa để Cún khỏi lệch trọng tâm ở trên mặt đất mà chính Cún cũng chỉ hiểu rất lờ mờ...
Sau cái chết của lão Hạ, số phận Cún cũng chẳng đổi thay mấy. Vẫn đói và rét. Trong cái mùa đông khủng khiếp năm ấy, Diệu đi lấy chồng. Chồng Diệu là một gã trai đưa hàng. Gã có đôi mắt khô ráo hoảnh. Mắt gã chẳng hề xúc động một điều gì. Cún theo dõi từng ngày cuộc sống của người con gái. Cún linh cảm thấy rồi cô sẽ chẳng được sung sướng gì.
Linh cảm không đánh lừa Cún. Ba tháng sau ngày cưới, gã chồng cô Diệu cuỗm sạch tài sản của vợ mới cưới trốn đi Nam Bộ với cô tình nhân mới. Cô Diệu như kẻ hóa rồ. Chỉ vì nhẹ dạ cả tin mà cô mất hết. Cô ốm đến hơn tháng trời, có lúc cô định tự vẫn. Ngày cô Diệu khỏi ốm, bắt đầu ăn giả bữa được là một ngày hè nắng dịu dàng. Cô ngồi trong buồng trông ra ngoài phố. Nắng lung linh trên vòm lá bàng, cả vòm lá sấu và vòm lá đinh lăng nữa. Nhà cô đi vắng hết, chỉ có tiếng mọt nghiến gỗ gai gai cứ người kêu ở góc chiếc tủ hàng rỗng không. Cô Diệu nhớ chợ, nhớ cửa hàng xén của mình.. Liệu đến bao giờ cô mới có được cửa hàng như thế?
Cô Diệu buồn bã trông ra ngoài phố. Cô chợt thấy Cún ngồi ngay thềm cửa nhà mình. Cún đang đưa tay thu thu cái gì trong túi. Cô quỳ xuống ngó ra cửa sổ, Cún đang giở bọc vải lão Hạ cho Cún, cái bọc vải gụ, khâu chỉ đen, bé xíu như cái mề gà. Cô Diệu bỗng giật thót mì nh vì thấy trong lòng tay Cún lóng lánh mấy chiếc nhẫn vàng. Cô thấy

lạnh toát sống lưng. Chân tay cô run bần bật. Một ý nghĩ bất chợt chớp trong óc cô.
- Này Thằng hình nhân mặt đẹp! - Cô vội hé cửa ngồi thụp bên Cún. - Mày có cái gì trong tay mày đấy?
Cún ngẩng mặt lên, Cún xòe tay ra rồi nói bằng giọng khoe khoang hồn nhiên như đứa trẻ dại: - Nhẫn đấy! Đây là nhẫn vàng lão Hạ cho Cún... Vàng thật hay là vàng giả?
Cô Diệu chộp tay Cún; tay cô có ba chiếc nhẫn, mỗi chiếc dễ đến hai đồng cân vàng.
- Để tao xem thử nào?
Cô Diệu cầm chiếc nhẫn, khẽ để rơi trên nền đá. Cô lắng tai nghe. Cô soi ra ánh sáng. Cô cho vào miệng cắn. Cô xuýt xoa rên rỉ: Trời ơi, vàng thật đây rồi... Cả một gia tài đấy nhé... Cái Thằng hình nhân mặt đẹp này thật là giàu...
Cô tái mặt đi, cô cười, cô đấm thùm thụp vào người của Cún.
- Thực vàng chẳng phải thau đâu... Đừng đem thử lửa mà đau lòng vàng... Thằng chó con này! Sao đến bây giờ tao mới biết mày?
Cô Diệu hổn hển:
Có... - Vào đây... vào đây... Cái thằng chó con giàu
Cô Diệu khép cánh cửa lại, ấn người Cún xuống ghế. Cô lồng nhẫn vào ngón tay rồi chắp hai tay ra phía đằng sau. Cô đứng sát trước mặt Cún, người hơi ưỡn ra phía trước như một cây cung...
- Thế nào? Tao mặc cả nhé! - Cô Diệu vừa nói vừa cười, ý nghĩ của cô rạch nhanh như những tia chớp trong đầu. - Mày hãy cho tao ba cái nhẫn này, mày không có nó cũng không sao... Mày vẫn là đứa ăn mày... Thế nào? Có đồng ý không? Mày muốn gì tao cũng nghe mày... Cún gật đầu, hai khóe mắt Cún đầy lệ. Cún chỉ thấy sung sướng. Cún đã làm cho cô Diệu thích. Cô Diệu đã bình phục. Cô Diệu đã khỏe rồi. Cún như mê ngủ. Như người trong mộng. Thế nào? - Cô Diệu cúi người cọ trán của cô vào trán của Cún.
- Làm gì mà thần mặt ra thế?
Cô cười sằng sặc.
- Nói đi...
Bây giờ mày muốn Cún đưa tay lên, Cún không chủ động được những sợi gân chằng ở trong cánh tay, cánh tay Cún vẽ một cử chỉ vu vơ trong khoảng không. Những người châm hương trước bàn thờ cũng có cử chỉ vu vơ như thế...
- Hiểu rồi... Tao hiểu rồi. - Cô Diệu ngồi xuống bên Cún vuốt ve. - Mày cũng là thằng khốn kiếp lắm kia! đàn ông chúng mày thế hết... Được đấy... Được đấy... Thế là phải giá... Được rồi... Tao chỉ sợ mày sẽ không làm được. Thằng chồng mất dạy của tao còn không làm cho tao chửa được nữa là...
Cô Diệu kéo Cún vật ra giường. Cún hoảng sợ. Cún nhắm mắt lại rồi úp mặt xuống cánh mũi phập phồng hơi ánh một màu xanh mờ của Diệu. Cún như người đang bay trên mây... Cún cảm thấy bao nỗi buồn trĩu nặng của cuộc đời Cún bỗng dưng được trút hết cả đi, khuây khỏa lạ lùng. Cuối cùng, Cún đã không hiểu Cún đã ngồi ở vỉa hè từ khi nào nữa.
- Thế là chẳng có nợ nần gì nhé!
Cún nghe thấy tiếng nói của cô Diệu đâu đó và Cún hiểu rằng Cún vừa trải qua một điều gì đấy thật ghê gớm, thật to lớn. Cảm giác trống rỗng nhưng sung sướng tuyệt trần choán ngợp trong lòng..
Cún không hiểu rằng đây là cơ hội duy nhất trong cuộc đời khốn nạn của Cún có cảm giác này.
Cơ hội đó, oái oăm thay, để chín tháng sau cho Cún một đứa con trai... Chín tháng sau cái ngày hè ấy, cô Diệu sinh con trai. Từ mấy tháng trước, cô đã báo Cún biết tin này:
- Này Thằng hình nhân mặt đẹp... Mày sắp có con rồi đấy! Tao cũng không ngờ có chuyện quái quỷ thế này!
Cún mừng rỡ. Cún như một người điên dại. Cún không ăn không uống, người chỉ còn da bọc xương. Trời ơi, Cún sẽ có con! Một kẻ chưa được thành người lại sẽ có con.

Cún đã hình dung yề nó thật rõ ràng. Nó đi mạnh mẽ ở trên mặt đất, nó không bao giờ lệch trọng tâm, nó vừa đi vừa mỉm cười, xung quanh nó là một vầng ánh sáng đủ màu. Cún sống trong trạng thái bất yên mấy tháng trời trong khi cô Diệu mang thai. Cún ốm nặng, Cún chỉ sợ nhất cái chết ập đến bất ngờ khi Cún chưa biết đứa con thế nào. Cún thỏa thuận với cái chết, Cún cầu xin nó từng ngày. Cái chết đồng ý cho Cún chờ đến cái phút con Cún ra đời, nó sẽ thay thế Cún chạy tiếp chặng đường đi trên mặt đất. Đúng đêm cô Diệu đẻ, Cún bò lết từ lều chợ đến cửa sổ nhà cô. Trời mưa phùn, cái lạnh thấm vào người làm Cún tê buốt. Đầu Cún nóng bừng, thỉnh thoảng Cún lại ngất đi mê man. Chỉ hơn trăm mét mà Cún thấy xa xôi quá. Cún cố gắng giành giật từng mét đường đi cùng với cái chết. Nó đấy Nó đen như là đêm tối kia rồi. Cún cứ nhích lên là nó lại kéo Cún ngã dúi xuống bùn.
~Cún vừa lết đi vừa rên, máu từ trong tai ri rỉ chảy ra. Cún đến được hiên nhà bên cái cửa sổ sáng đèn thì ngất xỉu. Khi tỉnh lại, Cún có cảm giác như bị một vật gì mông mênh đè nặng lên người. Cún há miệng ra... Khát, khát. Cún thấy khát khô cổ họng. Cả đời ăn mày nhọc nhằn của Cún cũng chưa bao giờ bị khát thế này. Cún cố nín thở để giữ sức lực. Cún chờ tín hiệu của đứa con mình. Cún cứ hết mê lại tỉnh. Mãi đến nửa đêm Cún bỗng giật mình vì những tiếng kêu rối rít trong nhà. Có tiếng oa oa của trẻ sơ sinh... Tiếng khóc con trai. Cún biết nó đấy, đứa con mà Cún chờ đợi nay đã ra dời.
Cún cười sung sướng rồi lịm người đi. Có một làn gió rất chi mơ hồ lướt trên khuôn mặt bất động của Cún.
Cún đã chết. Cuộc đời thật ngắn ngủi, cuộc đời của kẻ chưa được thành người. Đấy là mùa đông năm 1944."

III
Sau khi viết xong chuyện Cún, tôi mang đến đọc cho nhà nghiên cứu văn học, giáo sư tiến sĩ Z. nghe. Mặt anh tái đi theo diễn biến câu chuyện.
- Không phải thế! - Z. giằng lấy tập bản thảo ở trên tay tôi. - Cậu viết những điều bịa đặt! Cần phải tôn trọng hiện thực. Hiện thực khác lắm! Cậu biết cha tôi như thế nào không?
Z. lục lọi đâu đó ở trong tủ sách và anh lấy ra một tấm ảnh màu. Anh cười khe khẽ, hơi ngân nga nữa, bàn tay mềm mại chạm vào giữa huyệt Du chì ở khuỷu tay tôi:
- Cha tôi là Cún nhưng không phải thế! Hiểu không? ảnh của ông cụ đây này.
Trong ảnh, một khuôn mặt đàn ông to béo mặc áo the den, cổ hồ cứng, có hàng ria đen xén gọn nhìn tôi mỉm cười.

Thương cả cho đời bạc

Mở đầu

I
Trước khi đi Nhật Bản, Đặng Tử Mẫn nghe lời Đặng Tử Kính qua Nam Định để gặp Nguyễn Thượng Hiền, Tăng Bạt Hổ. Đến chợ Rồng, Đặng kéo cụ Khổng người làng Định Trạch, vốn trước kia là đốc biện quân lương của Nguyễn Quang Bích. Khổng cho Đặng biết Phan Bội Châu mới từ Nghệ An ra Nam Định:
- Cụ Phan đang ở nhà tôi.
Chỗ hai người đứng nói chuyện với nhau là một phiến đá vuông dùng để đập lúa nhưng vỡ một góc, nên người ta dùng nó lát đường. Trước khi cháy chợ Rồng năm 1987, người ta vẫn thấy phiến đá ấy lát trước quầy bán cá khô của bà Hai Oanh.
- Thưa cụ, nếu thế thì cụ phải cho tôi gặp được cụ Phan.

Khoảng thời gian đang kể đây là khoảng trước Tết Nguyên đán năm ất Tỵ 1905 chừng mấy ngày.
Quang cảnh chợ Rồng vui và nhộn nhịp sẽ được tả sau ở cuối chuyện này.
Cụ Khổng dẫn Đặng Tử Mẫn len lỏi vào chợ.
Tới gian hàng vải, cụ Khổng giới thiệu Đặng với cụ Đồng Thịnh là người giữ bát họ có danh tiếng ở chợ Rồng:
- ông Đặng là người hào kiệt.
Cụ Đồng Thịnh bảo:.
- Chúng tôi đều nghe danh ông. „Văn kỳ thanh, bất kiến kỳ hình“.
Đặng bảo:
- Thành Nam là nơi có nhiều hào kiệt. Cụ Khổng bảo:
- Đấy là ngày trước.
Cụ Đồng Thịnh bảo:
- Nhất Tú Xương.

Một

Tiểu sử Tú Xương
Trần Duy Uyên, tức Trần Tế Xương, tức Trần Kế Xương, tức Trần Cao Xương, tức Tú Xương, sinh năm Canh Ngọ 1870, mất năm Bính Ngọ 1907, hưởng dương 37 tuổi. Quê Tú Xương ở làng Vị Xuyên, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.
Đất Vị Xuyên được Tú Xương kể lại:
Có đất nào như đất ấy không?
Phố phường tiếp giáp với bờ sông
Nhà kia lỗi phép con khinh bố
Mụ nọ chanh chua vợ chửi chồng.
Keo cú người đâu như cứt sắt,
Tham lam chuyện thở rặt hơi đồng.
Bắc Nam hỏi khắp người bao tỉnh:
Có đất nào như đất ấy không?

Tú Xương là con trai cả cụ Trần Duy Nhuận. Cụ Nhuận có 9 người con, trong đó có 6 người con trai và 3 con gái. Sáu con trai tên là Uyên, Ngư, Nguyên, Thiệp, Câu, Trừng. Ba con gái tên là Khiết, Tịnh, Vân.
Tú Xương lấy vợ, vợ tên là Phạm Thị Mẫn, hơn Tú Xương một tuổi, mất năm 1931, quê ở làng Lương Đường, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, nhưng sinh ở Nam Định. Vợ Tú Xương làm nghề buôn bán gạo. Tú Xương có 6 người con trai tên là Bành, Bột, Bái, Uông, Lãng, Chử.
Tú Xương học chữ Hán, sống trong buổi giao thời chuyển từ chữ Hán sang chữ Quốc ngữ.
Tú Xương mộng công danh theo thói đời, theo đường thi cử, đi thi 8 lần, nhưng hỏng 7 lần, chỉ đỗ một lần: kỳ thi ất Dậu 1885: hỏng, Mậu Tý 1888: hỏng, Tân Mão 1891: hỏng, Giáp Ngọ 1894: đỗ tú tài, Đinh Dậu 1897: hỏng, Canh Tý 1900: hỏng, Quý Mão 1903: hỏng, Bính Ngọ 1906: hỏng.
Kỳ thi năm Giáp Ngọ 1894, Tú Xương đỗ tú tài được một người Pháp tên là Buaranh tả lại như sau: „Trường thi Nam Định năm 1894, đông như kiến cỏ. Năm 1891, Nam Định chỉ có 9000 sĩ tử năm 1894, con số người đi thi lên tới 11000. Từ giữa trường thi, chỗ đường thập đạo trông ra, trùng trùng điệp điệp những mu rùa bằng tre, những tấm mui luyện nhà đồ (tức là những thi cụ lều chõng). Kỳ đệ nhất vào ngày 25-10-1894. Kỳ đệ nhị, ngày 15-11. Kỳ đệ tam 25-11. Và kỳ phúc hạch đệ tứ là ngày 1-2-1894. Ngày 8- 12-1894 là lễ xướng danh những người đỗ. Tiếng loa ran lên, ôm ồm lanh lảnh. Tiếng í ới

gọi nhau lạc đường của người nhà các thầy khóa, của tiểu đông, lão bộc, quản gia nhổ lều đội chõng ra về trong đêm tôi lập lòe ánh đuốc. Đám đông lên tới 25000 người. Lễ xướng danh từ rất sớm cho đến chiều. Ghế bành của các q uan chấm thi và dự lễ kê cao tới 4 mét.
Quan Toàn quyền bận không đến, có quan cai trị Moren thay mặt dự lễ. Cứ xong mỗi tên ông tân khoa xướng lên mất 5 phút - lính từ lúc cất tiếng loa gọi tên, xoáy sang phía trái, xoáy sang phía phải, cho tới khi người trúng thi thích cánh lách được lên chỗ để trình căn cước. Khoa thi năm 1894, lấy 60 cử nhân và 200 tú tài (lệ triều đình đặt ra thường lấy theo tỉ lệ nhất cử tam tú, cứ chấm được một cử nhân thì lấy được ba tú tài). Xướng xong tên được 60 ông cử nhân tân khoa mất 3 tiếng đồng hồ thì quan sứ Moren về. Các ông tân khoa phục xuống lạy. ở tỉnh đường quan Tổng đốc quan Kinh lược Bắc Kỳ ban mũ, ban áo tấc xanh, ban ô, ban tráp sơn - nó là những huân hiệu cụ thể của người men chân lên cái thang công danh hoạn lộ. (Bắc Kỳ cổ sự).
Tú Xương than sự thi, coi đấy là nghiệp chướng:
Bụng buồn còn muốn nói nang chi
Đệ nhất buồn là cái hỏng thi
Một việc văn chương thôi cũng nhảm
Trăm năm thân thế có ra gì!

Về nghề nghiệp, Tú Xương không có nghề nghiệp gì.
Tú Xương kể lại: „Tôi vốn đi tiêu dao suốt năm, không để ý gì đến cửa nhà, đến nỗi vợ phải đón về dạy con, cung phụng như ông đồ người ngoài, không dám xưng hô theo lễ vợ chồng:
Thầy đồ, thầy đạc
Dạy học, dạy hành
Vài quyển sách nát
Dăm thằng trẻ ranh.
Văn có hay đã đỗ làm quan, võng điều võng tía
Võ có giỏi đã ra giúp nước, khố đỏ, khố xanh.
ý hẳn thầy văn dốt võ dát
Cho nên thầy luẩn quẩn loanh q uanh.

Trông thầy:
Con người phong nhã
ở chốn thị thành
Râu rậm như chổi
Đầu to tày giành
Cũng lắm phen đi đó đi đây, thất điên bát đảo
Cũng nhiều lúc chơi liều chơi lĩnh tử đốm tam khoanh.
Nhà lính, tính quan: ăn rặt những thịt quay,
lạp xường, mặc rặt những quần vân, áo xuyến;
Đất lề quê thói: chỗ ngồi cũng án thư, bàn
độc, ngoài hiên cũng cánh xếp, mành mành.
Gần có một mụ, sinh được bốn anh: tên Uông, tên Bái,
tên Bột, tên Bành;
Mẹ muốn con hay, rắp một nỗi biển, cờ, mũ áo;
Chu rước thầy học, lính đủ tiền chè, rượu, cơm canh.
Chọn ngày lễ bái
Mở cửa tập tành
Thầy ngồi chễm chệ
Trò đứng xung quanh

Dạy câu Kiều lẩy
Dạy khúc lý Kinh
Dạy những khi xuống ngựa lên xe, đứng ngồi phải phép
Dạy những lúc cao lâu, chiếu hát, ăn nói cho sành!

Tú Xương có tài xuất khẩu thành chương, hay làm thơ bỡn cợt người đời, thói đời.
Thí dụ bỡn ông ấm Điềm:
Ghi chú của Tú Xương: „Ông ấm Điềm đang ngồi chơi với ta, một chốc bỗng thấy con bé là người nhà bà Hai Đích tới gọi: „Ông ấm ơi! Ông về gói hộ bà tôi vài cái giò!“ Ông ấm lấy làm buồn cười. Hỏi mãi thì hóa ra chủ nhà sai nó đi gọi thằng ấm, nó nghe nhầm ra ông ấm Điềm. Buồn cười quá ta mới bỡn ông ấm rằng:
ấm không ra ấm, ấm ra nồi
ấm chạy lăng quăng, ấm chẳng ngồi
Chán cả đồ chuyên cùng chén mẫu
Luộc gà, nấu thịt, lại đồ xôi“.

Thí dụ bỡn ông Thành Pháo (mượn chuyện chơi tam cúc để réo tên ông Pháo là người may được cử giữ chức phòng thành):
Tượng tượng, xe xe, xé lẻ rồi
Sĩ đen, sĩ đỏ chắng vào đôi
Đố ai biết được quân nào kết
Mã cũng chui mà tốt cũng chui!

Thí dụ bỡn ông ấm Kỷ là con trai cụ tuần Quang. Mẹ ấm Kỷ dan díu với sư Doãn, tu ở chùa Phù Long (Nam Định):
ấm Kỷ kia ơi tớ bảo này
Cha con mày phải cái này cay
Thôi đừng võng giá nghênh ngang nữa
Thằng hểu Phù Long bá ngọ mày!
Thí dụ bỡn bản thân mình:
Một trà, một rượu, một đàn bà
Ba cái lăng nhăng nó hại ta,
Chừa được cái gì hay cái nấy
Có chăng chừa rượu với chừa trà.

Tú Xương được người đời gọi là „thần thơ thánh chữ“. Có người nói đặc sản Nam Định là chuối ngự và thơ Tú Xương. Cả một thời đại văn chương nhưng Tú Xương được yêu mến nhất:
Ông nghè, ông thám vô mây khói
Đứng lại văn chương một tú tài!

Tú Xương để lại khoảng 150 bài thơ phú và câu đối, phần lớn truyền miệng, bài nào cũng buồn cười, chơi chữ thần tình. Thí dụ nói về người chỉ giỏi cơm rượu mà kém văn chương:
Văn chương chẳng thấy kêu rằng tốt
Chỉ tốt hai hàng lúa mạ thôi!

Hay:
ý hẳn thịt xôi lèn chặt dạ
Cho nên con tự mới tòi ra!
Thí dụ trêu vợ chồng mới cưới:

Con bé nhà kia nó lấy ai?
Thưa ông nó lấy chú Hai Mai
Đuôi gà cô ả coi xinh gái
Trứng cá anh chàng cũng đẹp giai!

Có người viết về Tú Xương: „Ông sinh không ai biết, ông chết không ai hay“.
Vậy là cụ Đồng Thịnh bảo:
- Nhất Tú Xương.
Đặng Tử Mẫn cùng bảo:
- Nhất Tú Xương thật.
Cụ Khổng đối biện bảo:iềm
Tú Xương chỉ du hí văn chương.

Khi ba người đang đứng nói chuyện với nhau thì có một người ăn mày đi đến ngửa tay xin tiền ở quầy bán thuốc bắc hiệu ông lang Xán. ông lang Xán xua tay:
Người đói thì ta cũng chẳng no
Cha thằng nào có tiếc không cho!

Xung quanh cười ầm lên.
Cụ Đồng Thịnh cười:
- Lại Tú Xương!
Nói rồi móc túi cho người ăn mày một hào.
Cụ Khổng đốc biện hỏi:
- ông Đặng khi nào ông đi Nhật Bản?
Đặng Tử Mân bảo:
- Sang năm mới.

Cụ Đồng Thịnh vào sạp vải lấy ra một gói lụa đỏ:
Ông Đặng, đây là tiền đóng góp của người việt Nam cho nước Việt Nam.
Đặng nói:
- Đa tạ cụ, của ít lòng nhiều.
Lúc ấy bỗng nhiên có tiếng đàn, tiếng nhị réo rắt cất lên. Đám người đứng xúm đông xúm đỏ quanh ông già hát sẩm với cô cháu gái chừng mười lăm tuổi:
Hát rằng:
Chị hỡi chị, năm nay túng lắm
Biết làm sao, Tết đến nơi rồi
Mới ngày nào, chị mua muối cùng tôi
Ngoảnh mặt lại, hàng vôi nay đã bán
Này nụ, này hoa, này hài, này hán
Pháo, tranh Tàu, Hương Cảng mới
đưa sang
Chị cùng em sắm sửa lo toan
Muốn mua chịu, sợ nhà hàng lại lạ
Chị em ta cùng nhau giữ giá
Đến bây giờ ngã cả chẳng ai nâng
Cũng liều bán váy chơi xuân...

Cụ Đồng Thịnh bảo:
- Lại Tú Xương!
Ông già hát sẩm lại hát:
Hát rằng:

- Người tai mắt ai không thích thú
Lúc về già lụ khụ mới chơi xuân
Suối quanh năm nào mất cái lông chân
Nhà chứa bẩn để dành phân bón lúa
Ba câu chuyện khoe mình lắm của
Chốn nhà lan sặc sụa những hơi đồng
Theo anh em đến chỗ lầu hồng
Hỏi cô ấy có chồng chăng nhỉ?
Anh đây thật là người chí khí
Tiền cưới cheo chi phí một vài hào
Khoe mình chơi nhất Hàng Thao!

Cụ Đồng Thịnh cười:
- Lại Tú Xương!
Đặng Tử Mẫn và cụ Khổng đốc biện chào cụ Đồng Thịnh để về.
Cụ Đồng Thịnh bảo:
- Ông Đặng! Sự nghiệp Đông du lớn lắm!
Đặng gật đầu:
- Đa tạ cụ!
Cụ Đồng Thịnh tiễn cụ Khổng đốc biện và Đặng Tử Mẫn tới ngoài cổng chợ.
Cụ Khổng hỏi Đặng:
- ông Đặng về nhà tôi bây giờ để gặp cụ Phan hay chờ đến tối?
Đặng Tử Mẫn bảo:
- Tôi muốn ghé thăm Tú Xương.
Cụ Đồng Thịnh bảo:
- Muốn tìm Tú Xương phải nhờ chú Mán.
Đặng Tử Mẫn ngồi lên xe chú Mán. Cụ Khổng đốc biện và cụ Đồng Thịnh lại quay vào chợ. Đặng Tử Mẫn ngồi lên xe. ông cất bọc tiền cụ Đồng Thịnh vừa trao vào trong tay nải. Thành Nam Định đang vào Tết: người xe nhộn nhịp, thấp thoáng bóng những cành đào ở nhiều cửa hiệu buôn. Khuôn mặt bạ n bè thân quen hiện ra trong tâm trí Đặng: nào Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thượng Hiền, Trần Cao Vân, Trần Quý Cáp, Tăng Bạt Hổ, Hoàng Hoa Thám, Kỳ Đồng, Nguyễn Văn Cẩm và nhiều người nữa.
- Tất cả lui vào thiên cổ...
Đặng nghĩ thế. ông lắng nghe tiếng pháo tép nổ ran cuối phố mà rùng mình. Trời lạnh. ở Nhật Bản trời lạnh hơn nhiều.
Chiếc xe tay đi lòng vòng một lúc lâu rồi đỗ trước một hiệu cao lâu. Hiệu cao lâu này đến nay không còn nữa. Vị trí của nó đại để ở giữa quán karaoke của cô Dung béo và Công ty Sách - Thiết bị trường học thuộc Sở Giáo d ục Na m Định ở phố Hàng Thao bây giờ.
Đặng Tử Mẫn trả tiền xe cho chú Mán rồi gõ cửa hiệu. Chủ hiệu cao lâu là cô Ba Tuyết chạy ra đón Đặ ng.
Đặng hỏi:
- Ông Tú có ở đây không?
Cô Ba Tuyết cười:
- Gớm! Thì bác cứ vào đây cái đã nào!

Hai

Tú Xương nằm trên chiếu, đầu gác lên đùi cô đào Thu.
Tú Xương đọc:
Người bảo ông điên, ông chẳng điên
Ông thương, ông tiếc, hóa ông phiền!

Tú Xương suy nghĩ.

Ông nghĩ:
Từ lâu lắm, ở xa lắm, người ta đãnhầm lẫn
Những nhầm lẫn cử chông chéo lên nhau
Sống trong những nhầm lẫn thật tai hại
Nhưng tỉnh ra còn tai hại hơn!
„Thiên hạ dễ thường đang ngủ cả
Tội gì mà thức một mình ta“.
Thôi thây kệ!
Ai nhầm cứ nhầm
Ta chỉ thấy buồn cười mà thôi
Những là thương cả cho đời bạc
Nào có căm đâu đến kẻ thù“...

Tú Xương nhắm mắt lại. ông cảm thấy dễ chịu quá chừng. Cô đào Thu mới hai mươi mốt tuổi.
- Ông Tú! Thế chừng nào ông giúp em?
Tú Xương ậm ừ. ông đã chót hứa với cô đào Thu sẽ giúp cho cô một món lưng vốn. Em chỉ muốn về quê đi chợ. Làm công việc này nhục lắm.
„ Chơi thì nhục. Làm thì không nhục. Tại sao lại thế? Lại nhầm lẫn rồi!“ Tú Xương nghĩ.
- Ông Tú ạ! Em chẳng thấy ai như ông cả.
„Lại nhầm lẫn rồi! Đàn ông thì ai cũng như nhau hết“- Tú Xương lại nghĩ.
- Hôm nọ, cái ô mang ra ngoài hiệu cầm đồ chỉ bán được có ba hào.

Tú Xương cười, cô đào Thu cũng cười ngặt nghẽo.
Giai thoại đi hát mất ô:
Có ông đi hát, bị cô đầu nẫng mất cái ô lục soạn, ông này tiếc của, kể chuyện cho mọi người nghe. Tú Xương làm bài thơ sa u:
Đêm qua anh đến chơi đây
Giày giôn anh dận, ô tây anh cầm
Rạng ngày sang trống canh năm
Anh dậy em hãy còn năm trơ trơ
Hỏi ô, ô mất bao giờ
Hỏi em, em cứ ỡm ờ không thưa
Chỉn e rày gió mai mưa
lấygì đi sớm về trưa với tình...

Bài thơ này lưu truyền, nhà hàng sợ mất tiếng xin Tú Xương nghĩ cách chữa cho đỡ ngượng. Tú Xương bèn làm bài thơ trả lời:
Chẳng qua muôn sự tại trời
Thôi thôi xin chớ dài lời làm chi
Nắng thì nắng cũng có khi
Mưa thì mưa cũng có kỳ mà thôi
Thật lòng anh có thương tôi
Thì anh cử việc đội giời mà lên
Nhược bằng anh cố bắt đền
Thì xin đền cái đắt tiền bằng ba!

Cô đào Thu lại hỏi:
Ông Tú! Thế chừng nào ông giúp em?

Tú Xương bảo:
- Rồi đâu có đó.
Cô đào Thu thở dài.
Tú Xương nghĩ:
Làm người thật khó
Chỉ sống thôi sao mà khó thế
Chẳng lẽ chỉ như thế thôi
Cái cái, đực đực
Những con thú mạnh biểu hiện
Những con thú yếu khêu gợi...
Đực đực, cái cái
Cái cái, đực đực.
Cô đào Thu hỏi:
- Sáng nay ông ăn quà gì? Sáng nay em ăn miến lươn.
Tú Xương đọc:
- Quần áo rách rưới.
ăn uống xô bồ
Cơm hai bữa: cá kho, rau m uống
Quà một chiều: khoai lang, lúa ngô...
Cô đào Thu lại hỏi:
- ông Tú! Thế chừng nào ông giúp em?
Tú Xương bảo:
- Được!
Cô đào Thu thở dài:
- ông Tú ông sống cũng thanh đạm nhỉ?
Tú Xương đọc:
„Cực nhân gian chi phẩm giá, phong nguyệt tình hoài;
Tối thế thượng chi phong lưu, giang hồ khí cốt".
(Cái phẩm giá tột cùng ở trong thiên hạ là tình đối với trăng gió.
Cái phong lưu bậc nhất ở trên đời là tính khí giang hồ).
Cô đào Thu hỏi:
- ông Tú! Trên đời ông quý nhất loại người nào?
Tú Xương bảo:
- Loại anh hùng hào kiệt và loại rong chơi giang hồ.
Cô đào Thu cười ngặt nghẽo:
- Loại anh hùng hào kiệt ông nào cung toàn râu là râu!
Tú Xương cười.
- ừ, trên sâ n khấu vị a nh hùng hào kiệt nào cũng toàn râu là râu thật.
Tú Xương nghĩ:
Anh hùng chí lớn
Ông râu hùm hàm én
Ông mặt đó râu dài
Phong ba cát bụi
Danh tiếng nức trần ai!
Cô đào Thu lại hỏi:
- Ông Tú! Thế chừng nào ông giúp em?
Tú Xương bảo:
- Tết!
Cô đào Thu bảo:
- ứ ừ! Tết đến nơi rồi!
Vừa lúc ấy thì Đặng Tử Mẫ n bước vào.

Ba

Chắc chắn cnộc nói chuyệ n gi ữa Đặ ng Tử Mẫ n và Tú Xương vô cùng cao nhã vì Tú Xương đã ngồi thẳng dậy, nét mặt nghiêm trang.
Cô đào Thu hỏi:
- Em có phải đi ra ngoài hay không?
Tú Xương bảo:
- Không! Cô phải ở đây hầu rượu.

Đặng Tử Mẫn và Tú Xương nói về thời thế. Xã hội Việt Nam ở đầu thế kỷ XX có tâ m trạng chung lo âu, ngơ ngác. Những mong mnốn khai sáng xuất hiện trong giới văn thân. Tấm gương cải cách Minh Trị Nhật Bản khơi dậy khát vọng biến đổi.
Đặ ng nói:
- Cụ Phan đã có ý định Đông du.
Tú Xương buột miệng:
- Đa tạ cụ.
Cô đào Thu bật cười: mỗi khi Tú Xương đa tạ ai nghĩa là Tú Xương đã nhận ra một điều gì đó bnồn cười.
Tú Xương đưa mắt, cô đào Thu biết ý lặng im.
Đặng Tử Mẫn nói:
- Số người ghi tên Đông du nay đã hơn 60 người. Trong miền Nam có Phan Chu Trinh rất có chí. Hiềm Phan Chu Trinh chủ trương „Pháp-Việt đề huề“. C ụ Phan Bội Châu thì khác, chủ trương bạo động. Đặng Tử Mẫn nói:
- ở Bắc Giang, cụ Hoàng Hoa Thám rất mạnh. Cụ Phan Bội Châu cũng định lên gặp cụ Hoàng.
Cô đào Thu nín thở.
Đặng Tử Mẫn hỏi:
- ông Tú! Ông nghĩ gì khi cụ Phan cho rằng „Lập thân tối hạ thị văn chương“?
Tú Xương lại buột miệng:
- Đa tạ cụ.

Cô đào Thu lại xuýt bật cười. Tú Xương đưa mắt nhìn. Cô đào Thụ vơ tình chạm tay vào cái tay nải của Đặng Tử Mẫn.
Đặng hỏi:
- ông Tú, tình cảnh ông hiện giờ thế nào?
Tú Xương bảo..
-Thê tróc, tử phọc“
Giai thoại vợ bắt, con trói:
Có người mang tặng Tú Xương một cái lồng chim. Thấy con chim bị nhốt, Tú Xương thương tình thả cho nó bay. ông bảo: Ngã phóng, nhĩ phi, dực mao tác vũ „ (Ta thả cho mày bay đi, lông cánh mặc sức bay nhẩy). Không dè bà vợ Tú Xương và mấy đứa con tưởng chim xổ lồng nên chạy lại, chộp được, lại nhốt vào lồng như cũ. Tú Xương cám cảnh, bật cười bảo: „Thê tróc, tử phọc, âu lộ hoàn lung“ (Vợ bắt, con trói thế là con chim tự do lại quay vào lồng).
Cô đào Thu bảo:
- ông Tú. Em xuống nhà lấy đàn, lấy trống được không?
Tú Xương bảo:
- Được! Thế đã xong chưa?
Cô đào Thu cười bảo:
- Xong rồi.

Đêm hôm đó, trong men rượu, giữa không khí lạnh của ngày giáp Tết, Đặng Tử Mẫn ngồi nghe Tú Xương gõ trống và cô đào Thu ngâm thơ. Thơ rằng:
Sực tỉnh trông ra ngỡ sáng lòa
Đêm sao đêm mãi thế ru mà.
Lạnh lùng bôn bể ba phân tuyết
Xao xác năm canh một tiếng gà.
Chim chóc hãy còn vương cửa tổ
Bướm ong chưa thấy lượn vườn hoa.
Nào ai là kẻ tìm ta đó
Đốt đuốc mà soi kẻo lẫn nhà!

Đoạn kết

Chợ Rồng chiều 30 Tết chật ních người. Ngoài cổng chợ bàyla liệt những hàng rau, hàng thịt. Trong nhà là các dãy hàng khô, hàng vải, hàng tạp hóa. Chỗ nào cũng thấy có những câu đối viết trên giấy điều. Mùi gạo thơm quện lẫn với đủ thứ mùi hàng hóa khác. Tất cả đều có hương vị thân quen nông nàn.
Cô đào Thu đi sắm tết. Cô chuẩn bị về quê. Đến quầy bán mứt kẹo, anh chàng bán hàng chọc ghẹo gì cô đào Thu. Cô đào Thu cười ngặt nghẽo, đấm thùm thụp vào lưng anh chàng bán hàng. Cô bảo:
Chỉ trách người sao chẳng trách mình
Mình trung đâu đấy, trách người trinh.

Xung quanh cười rộ lên. Có ai nói:
- Lại Tú Xương!

Bốn

Giai thoại cô đào Thu:
Tú Xương quen cô đào Thu hay xin tiền. Tú Xương hứa giúp một chút vốn nhỏ nhưng chưa có dịp. May có một lần Tú Xương gặp Đặng Tử Mẫn, Đặng có tiền bèn trích một khoản nhỏ giúp cho cô đào Thu. Cũng có người nói rằng cô đào Thu trộm tiền của Đặng Tử Mẫn, Tú Xương biết nhưng lờ đi cho.
Nhân việc này Tú Xương có bài thơ:
Rước phải cô đào mới tẻo teo
Rác tai đà làm sự ỳ èo
Cầm, kỳ, thi, tửu, vui ra phá
Điền sản, tư cơ mấy cũng nghèo
Bạn ác không vay mà thúc lãi
Thói thành dầu lịch cũng thành keo
Thôi thôi xin kiếu cô từ đấy
Chiều đãi thì tôi cũng váo đèo.

Cô đào Thu đi sắm Tết. Cô không biết rằng ở một góc chợ Tú Xương đang lặng lẽ ngắm nhìn cô. Tú Xương đi lẫn ở trong đám người đi chợ. Mọi người không ai biết ông...Một nhà sư khất thực chạm phải Tú Xương. Nhà sư lùi lại nói:
- A di đà Phật!
Tú Xương giật mình nhưng ông thấy buồn cười nên tự dưng buột miệng
- Ca ki cà kật!
Không biết mọi người xung quanh có nghe Tú Xương nói gì không nhưng tiếng cười cứ thế ran lên không ngớt.

Tú Xương đi. Kìa Tú Xương đang đi... Ông thõng tay vào chợ

Huyền thoại phố phương

Sinh nhật con gái, bà Thiều làm cơm đãi khách. Dự hôm ấy có hai bà buôn vàng dưới phố, hai ông công chức cùng Sở ông Thiều và dăm thanh niên bè bạn của Thoa. Bà Thiều mặc bộ đồ xoa mỡ gà, trẻ đến mười tuổi. Thoa mặc quần bò, áo phông đỏ, trông lộng lẫy và khá đài các. Vẻ đẹp của cô, theo ý bà mẹ, là do "sức sống tinh thần" mang lại. Điều này đáng ngờ, bởi Thoa mới hai mươi tuổi, thi trượt đại học, rèn luyện trí tuệ chủ yếu thông qua giáo trình của lớp Anh văn buổi tối. Tuy nhiên, chính vẻ trẻ trung, cách đánh hông và cử chỉ tuyệt khéo khi nhăn mũi của cô quả rất ưa nhìn. Câu chuyện xung quanh bàn ăn là thú vị. Bà Thiều gợi lại kỉ niệm của thuở hàn vi. Đây là cách làm sang quen thuộc của người thành đạt. Bài học rút ra ở trường hợp ấy bao giờ cũng là ý chí muôn năm. Khách khứa đều hiểu việc biến đổi một bà bán bún ốc thành nhà triệu phú buôn vàng đâu chỉ đơn thuần là sự vận động ý chí? Nhưng gì thì gì, bởi thức ăn ngon, tất cả những lời chối tai đều nuốt trôi được.

Chuyện đang sôi nổi thì cửa rộng mở và bỗng một người đàn ông huỳnh huỵch bước vào. Bà Thiều reo lên mừng rỡ:

- Cậu Phúc!

Phòng khách linh hoạt hẳn lên. Phúc là em ruột bà Thiều, làm việc ở Xưởng phim truyện. Ông dáng thấp đậm, râu tóc để rất nghệ sĩ. Bó chặt trong bộ quần áo màu ghi cộc tay ba túi trông rất khỏe.

- Xin lỗi vì cậu đến muộn... - Phúc vỗ vai cô cháu gái. - Cậu mắc việc bận. Cậu đi với một người bạn. Anh ấy đang đứng ngoài đường... - Sao lại thế" - Bà Thiều gắt yêu. - Cậu quen cái thói rẻ người từ bao giờ thế? Bạn bè của cậu cũng là bạn bè của chị. Nhà ta xưa nay gia phong giản dị... Cậu gọi anh ấy vào đi.

- Thôi được... Nếu chị đồng ý em sẽ ra mời! - Phúc lại huỳnh huỵch bước ra và chỉ loáng cái dắt vào một người thanh niên còn trẻ.

Cậu Hạnh... - Phúc giới thiệu, - làm việc ở Vụ... Thoa chăm chú nhìn. Người này trạc ba mươi tuổi, đôi mắt sáng rực, khóe mép mím lại trông hơi nghiệt ngã. Y mặc bộ đồ bảo hộ lao động. Bộ trang phục ấy giữa phòng khách này trông hơi chướng mắt. - Vào đây cháu... - Bà Thiều xích ghế lại mời. - Hôm nay sinh nhật em Thoa. Trước lạ sau quen... Khách khứa đều là người nhà người cửa... Hạnh cười bẽn lẽn . Y đi bắt tay lần lượt mọi người với vẻ bối rối rồi quay lại chỗ ghế ngồi. Bà Thiều hơi ngả sang y để tiếp thức ăn, giống như một thứ cây cao bóng cả độ lượng ngả xuốlg mặt đất tầm thường.

Bữa ăn có Phúc thú vị hẳn lên. Phúc kể chuyện khéo, ông biết nhiều gìai thoại ngộ nghĩnh của giới văn nghệ. Trong một bữa ăn phong lưu, thật chẳng có món gì đáng gia giảm hợp vị hơn là món ấy. Giới này, theo con mắt nghiêm khắc của các vị công chức cùng sở ông Thiều, là bọn người lông bông và vô tích sự, đầu óc rặt những tư tưởng rối ren, nhưng theo con mắt trẻ trung của đám thanh niên thì lại là những thần tượng rất đáng khâm phục. Bà Thiều có vẻ tự hào về cậu em trai.

Bà nói:

- Cậu ấy - chỉ ông Phúc - có chí lắm! ăn nhằm gì! - ông Phúc phản đối. - ở trong cuộc đời em thất bại rồi! Có chí phải kể lớp trẻ bây giờ. Như cậu Hạnh này, - ông Phúc vỗ vai người bạn của mình. - Mới ba mươi tuổi mà đã khẳng định tài năng. Chỉ tự học thôi mà đỗ được bằng đại học!

- Anh nói thế thôi... Tài năng mà nghèo thì buồn ghê lắm. Nếu đã tài năng thì phải thực giàu! - Hạnh nhìn bà Thiều tìm sự đồng tình. - Cháu nói như thế có phải không cô?

- Cô không biết rõ! - Bà Thiều bối rối vì ánh mắt nhìn khá bạo dạn của người trẻ tuổi. - Các anh các chị bây giờ khác xưa nhiều lắm!

- Cậu ấy chỉ mơ được thành triệu phú! - ông Phúc mỉm cười. Đây là một ước mơ tốt! - Một vị công chức khẳng định như đinh đóng cột.

- Thế anh đã làm cách gì để thành giàu có? - Thoa hỏi chen vào.

Chưa có cách gì! - Hạnh cười ngượng nghịu.

- Cuộc đời đầy những bất ngờ. Tôi chờ thần may mắn đến...

- Ê hê... - ông Phúc cười lớn. - Cậu hãy chịu khó mua xổ số đi! Hai cú độc đắc là thành triệu phú! - Rồi chợt nghĩ ra, ông rút ở túi áo ngực ra hai chiếc vé xổ số. Ông trịnh trọng nói. - Nhân danh định mệnh... Tôi có hai vé xổ số vừa mua... Hôm nay sinh nhật cháu Thoa, cậu xin tặng cháu một vé. Hoan hô những cô thiếu nữ ở tuổi hai mươi! Còn một vé, - ông đút vào túi áo ngực của Hạnh, - tôi xin tặng cậu. Hoan hô những tài năng trẻ còn đang nhú mầm!

- Rõ rởm! - Hai công chức đưa mắt nháy nhau.

- Ông ấy đến là hồn nhiên! - Hai bà buôn vàng khúc khích.

Còn mấy thanh niên bè bạn của Thoa thì vừa ghen tị lại vừa khó chịu. Tỏ ra bất cần, họ tấn công vào món nộm mực một cách điềm đạm.

*

Sau tiệc ăn, bọn trẻ kéo nhau lên gác mở nhạc tưng bừng. Hai ông công chức vội vã xin về, bởi công việc nhà nước bao giờ cũng đều quan trọng và thiếu thì giờ. Hai bà buôn vàng ngồi lại bàn với bà Thiều việc đi lễ chùa. Ông Phúc lim dim ngủ (ông có tật, hễ đã cơm no rượu say là mắt díu lại). Hạnh ngồi với nhóm các bà. Được sự bảo trợ của em bà chủ, y đã trở nên thân thuộc đối với gia đình. Hạnh chăm chú nghe câu chuyện, thỉnh thoảng lại chen vào vài câu đưa đẩy. Sinh ở nông thôn, y ít có dịp tiếp xúc với giới thượng lưu thành thị. Hạnh nhìn cuộc sống của bọn người giàu có với nhiều khao khát thèm muốn. Hạnh nghèo, y sợ những sự thiếu thốn. Chao ôi, nếu y có một căn nhà với đủ tiện nghi! Nếu y có tiền! Y không phải lo đến chuyện sinh hoạt. Y sẽ làm việc, sẽ sáng tạo, có thể y thành một người xuất chúng. Hiện giờ, Hạnh ở nhờ nhà một ông chú họ xa lắc tận mãi ven thành. Chỗ ở của Hạnh chỉ kê vừa cái giường một, tất cả sách vở cộng với nồi niêu xoong chảo nhét dưới gầm giường. Hàng tháng, Hạnh trả cho ông chú họ một khoản tiền nhà. Khoản tiền này cứ tăng lên bất chấp cố gắng cải thiện tình cảm

ruột rà mà y cố công vun đắp. Ông chú họ (vốn đạp xích lô) xử thế với y khá là giản dị theo tinh thần câu ngạn ngữ "đã quen, phải lèn cho đau". Hạnh sống cô đơn. Cuộc sống thành phố với bao lạc thú gây nên nhiều mơ ước. Nhưng Hạnh biết rõ những lạc thú ấy chứa đầy cạm bẫy. Vốn hay quan sát, y đã chứng kiến ở thành phố này các "hoạ sĩ" trẻ, các "thi sĩ" trẻ, các nhà "bác học tràn đầy hứa hẹn đã bị cà phê, thuốc lá và những cám dỗ tình ái đánh gục thế nào. Một số không bị, những lạc thú ấy quyến rũ thì lại sa vào cơm áo gạo tiền và bị bao nhiêu lo lắng đời thường đánh quỵ. Hạnh không sợ những điều ấy. Từ tuổi mười tám, Hạnh đã xây dựng cho mình nếp sống khắc kỷ đặc biệt. Hạnh không hút thuốc, không uống rượu, không phí phạm tiền nong vào các trò cao hứng, ngông cuồng. Dưới một bề ngoài bì nh thản và ít cởi mở, Hạnh dấu trong lòng một tham vọng lớn và trí tưởng tượng hừng hực bốc lửa. Hạnh hiểu giàu có mới là điều kiện để thành đạt. Không có đồng tiền, sự nghiệp lập thân chỉ là chuyện hão.

Dè xẻn, tiết kiệm từng đồng hào một - đấy là điều Hạnh luôn phải nhắc mình. Mấy bà buôn vàng đã hoạch định xong cho chuyến đi lễ ngày rằm. Nào là hương hoa, xin sớ, đặt oản, tiền xích lô, tiền công đức... Sơ sơ, Hạnh nhẩm chi phí lên tới chục nghìn.

Còn nữa... - Bà Thiều bỗng chợt nghĩ ra. - Phải lấy cái vé xổ số cậu Phúc cho con bé Thoa mang đi xin lộc!

- Bà chị phải xếp vào đấy bảy trăm nghìn tiền âm phủ! - Một bà mặc áo phin nõn mỉm cười. Chứ cứ nghe em cầu thánh đổi tiền âm phủ thành tiền dương thế là xong! Thánh thần bây giờ cũng sòng phẳng lắm. Em xin đánh cược thế nào cũng trúngl

- Thật nhá! - Bà Thiều thú vị. - Cô cược là trúng chứ gì? Cô dám đánh cược một chỉ vàng không?

- Đối với người khác thì em không dám, nhưng với bà chị thì em phải chiều! - Bà khách cười nịnh rồi rút cái nhẫn ở ngón tay út đặt lên mặt tráp.

- Được rồi! - Bà Thiều bắt tay bà khách dứt khoát. - Thế nhưng tôi không có nhẫn một chỉ vàng đâu! - Rồi sực nhớ ra, bà Thiều đứng dậy gọi với lên nhà. - Thoa ơi! Xuống dưới này, con! Thoa ở trên gác băng xuống. Mùi nước hoa thơm nồng quện mùi mồ hôi. Gớm! - Bà Thiều nhăn mặt, - nhảy nhót thế nào mà sống với áo ướt đầm đìa thế, con đưa cái nhẫn một chỉ của con ra đây cho mẹ! Cô Duyên cược là cái vé xổ số của con thế nào cũng trúng giải bảy trăm nghìn. Không trúng thì mẹ con mình cũng được chỉ vàng lộc của cô Duyên... Thoa giơ bàn tay ra phía trước mặt rồi bỗng giật mình:

- Thôi chết! Cái nhẫn của con vẫn đeo ở đây mà rơi đâu mất! Buổi sáng ngủ dậy còn thấy cơ mà?

- Cha bố cô! - Bà Thiều chồm dậy. - Chỉ toàn ăn tàn phá hại! Có đi tìm ngay không bà lại cho một trận bây giờ!

Mọi người rối rít. Ông Phúc tỉnh ngủ. Thoa lục lọi tung cả tủ quần áo. Bà Thiều rền rĩ:

- Con với cái! Từ Tết đến giờ phá hại năm sáu chục nghìn! Nợ ơi là nợ! Bố mày đang ở nước ngoài chứ nếu ông ấy ở nhà thì ông ấy giết!

C ác vị khách nữ thấy chủ bối rối muốn lảng ra về..

Bà Thiều níu lại:

- Cô Duyên... Cứ để nhẫn lại đây. Tôi bù tiền mặt cũng được chứ gì?

- Được thôi... - Bà khách tỏ ra dễ dãi. - Nếu chị trúng giải chị nhớ chia lộc cho em là được. Chị nhớ chồng bảy trăm nghìn đồng âm phủ đấy nhé!

- Được rồi... - Bà Thiều cố nặn ra một nụ cười.

Bà xin lỗi khách rồi tiễn họ ra ngoài cửa. Quay vào nhà, bà tát một cái bất ngờ làm cô con gái ngã lạng. Thoa bật lên khóc nức nở....

Hạnh đứng lặng im. Ông Phúc vừa lục lọi tung cả đống quần áo vừa can bà chị:.

- Chị nên bình tĩnh mới được, còn bạn bè nó trên gác kia kìa... Thoa này, cháu thử nhớ lại xem có tháo cái nhẫn rồi để đâu không?.

- Có lẽ... - Thoa hơi nhăn trán suy nghĩ. - Có khi lúc cháu làm gà rồi rơi ngoài rãnh...

Mọi người kéo nhau xuống bếp, Hạnh cũng đi theo.. Y bỗng bị lây tâm trạng lo lắng của mọi người .

Thiều lật úp rổ đựng lông gà. Thoa mếu máo khóc. Ông Phúc cầm chiếc que đun gẩy gẩy những con thủy tức ở ránh nước bẩn. Hạnh bảo:

- Anh tìm như thế không được! - y xắn tay áo rồi đưa tay mò dọc theo cái rãnh đầy bùn, lõng thõng nước bẩn, thậm chí còn có cả cục phân người.

Dễ đến mười phút. Bỗng Hạnh reo lên mừng rỡ:

- Đây rồi! - Hạnh giơ cái nhẫn vừa mò được lên cao. Bà Thiều bỗng cười sằng sặc. Thoa mừng đến méo cả miệng. Cô nhìn người khách trẻ trung với sự hàm ơn cảm động. Từ phút ấy, Hạnh đã trở nên hoàn toàn tin cậy đối với gia đình.

Tiễn Hạnh ra về, bà Thiều dặn đi dặn lại:

- Thế nào hôm rằm cũng đến ăn cơm với cô, cháu nhé!

*

Hạnh nằm trằn trọc, y cố gắng ngủ mà không ngủ được. Chuyến đi lễ rằm cùng với mẹ con bà Thiều để lại một ấn tượng mạnh. "Mẹ kiếp... - Hạnh nghĩ. - Bọn người này họ coi đồng tiền như rác. Mỗi kỳ sóc vọng tiêu pha đến mấy chục nghìn... ". Hạnh nghĩ đến số tiền ít ỏi mà mình phải gắng chi tiêu dè xẻn hàng ngày mà rối cả lòng. Thường thường, chỉ những khỉ nào thật đắc ý lắm hoặc thật mệt mỏi y mới dám ăn một bát cháo lòng. Món ăn bình dân này hợp với túi tiền. Hạnh ăn một cách cầu kỳ. Rắc hạt tiêu thật đậm, cho thêm một ít ớt bột lên trên. ăn nhẩn nha, tận hưởng cái thú của từng miếng một. Mỗi miếng có mỗi vị riêng. Miếng dạ dày thú ở vị sừn sựt khi nhai. Miếng lòng non ngọt. Miếng gan bùi. Miếng dồi đậm. Nếu vớ được miếng cổ hũ thì thật tuyệt vời Để ăn bát cháo, Hạnh phải cúp đi một khoản chi tiêu nào đấy, thí dụ một tuần phải bớt đi một món ăn mặn. Đấy là luật Hạnh đề ra nghiêm khắc với mình. Y tin ở sự cơ chỉ. Tiết kiệm! Tiết

kiệm một cách ngặt nghèo - đấy là tất cả sức mạnh mà Hạnh có được.

Hôm nay, riêng tiền xích lô của hai mẹ con bà Thiều cũng dến bạc nghìn. Chỉ riêng khoản chi phí ấy cũng gấp ba lần số tiền mà Hạnh kiếm được trong tháng. Hạnh khẽ thở dài, y không xác định được ngay tình cảm của mình đối với bà Thiều cũng như đối với cô con gái. Cả hai mẹ con, Hạnh thấv rõ ràng biểu hiện của thứ căn bệnh của bọn người giàu: bệnh buồn chán. Tình trạng no đủ ngồi rồi đẻ ra bệnh ấy. Cả hai mẹ con đều thấy dấu hiệu của thứ tì vết hư hỏng đạo lý, thứ tì vết mơ hồ; có thể cảm thấy mà khó diễn đạt thành lời. Nó ở ánh mắt, nụ cười, ở ngay trong cách trang phục của họ. A ha! Hạnh tự nhủ, y rất có thể nhồi vào hai tâm hồn ấy một ngọn lửa nhỏ cho nó bùng lên. Hạnh có sức lực, y thừa tài năng để làm việc ấy. Biết đâu điều ấy mang lại cho y những cơ hội tốt. ở họ, họ có khả năng trả giá bạc nghìn để mua lấy một niềm vui hoặc một phép lạ. Hạnh cười gằn:

Cuộc sống ở thành phố này thiếu gì phép lạ?" Hạnh đưa tay, vớ lấy quyển sách đầu giường.

Từ trong quyển sảch rơi ra chiếc vé xổ số ông Phúc cho y hôm trước. Hạnh giật mình. Tất cả nghi lễ xoay quanh chiếc vé xổ số mẹ con bà Thiều mang đi xin lộc hôm nay sống dậy trong y. Chiếc vé của Hạnh bất hạnh chừng nào. Cũng là chiếc vé cùng một xê ri, hoàn toàn giống nhau vể mặt hình thức, nhưng chiếc vé kia lại được một sự bảo trợ vô hình. Bà Thiều đã đưa chiếc vé đi lễ gần một chục chùa, cuối cùng chiếc vé cùng cả bọc tiền âm phủ được đặt lên tay tượng thần đồng đen trong đền Trấn Vũ. Hạnh thấy ớn lạnh. Mùi hương trầm thơm, không khí lạnh lẽo trang nghiêm trong đền thờ thánh gây nên cảm giác thiêng liêng. Bảy trăm nghìn! Trời ơi, cả một số tiển lớn lao kinh khủng. Cả một cơ nghiệp, cả một gia tài. Đấy là sự nghiệp! Đấy là hạnh phúc mà y mong muốn!" Nhất định trúng... - Hạnh lẩm bẩm. - Chiếc vé trúng giải độc đắc mất thôi! Một sự thành kính đến thế, những chi phí lớn đến thế... Bao nhiêu lễ vật! Liệu thánh thần nào có thể vô tình?" Hạnh khẽ rên lên, y toát cả mồ hôi trán. Hạnh có cảm giác như sốt. Chiếc vé ấy trúng mất thôi. Hạnh đã nghe thấy các tay cao thủ số đề tiên đoán lần này sẽ đổ 36. Chiếc vé ấy đuôi 36! Chiếc vé của y đuôi 37! Như vậy, chiếc vé của y chỉ sai mỗi hàng đơn vị. Thật là chua xót. Hạnh ngủ thiếp đi, tay nắm chặt chiếc vé bất hạnh. Trong giấc ngủ, cứ chập chờn hình ảnh pho tượng đồng đen cao lớn. Pho tượng đứng lên đi lại, bật cười ha hả. Pho tượng đặt thanh kiếm dài xuống ghế, bàn tay có những móng dài xòe trước mặt y những xấp tiền mới. Hạnh nghe rõ cả âm thanh loạt soạt những tờ giấy bạc...

Nửa đêm, Hạnh choàng thức dậy, bỗng một tia chớp lóe lên:

- Nếu ta đánh tráo chiếc vé xổ số bất hạnh của ta với chiếc vé kia thì sẽ thế nào?

*

Bà Thiều nằm trên đi văng, mặc bộ đồ xoa mỏng dính, mắt ngó trông quầy bán đồ mỹ phẩm nữ trang. Chiếc quầy hàng nhỏ thừa sức nuôi sống hai mẹ con bà. Căn nhà tĩnh lặng, nghe rõ tiếng kêu ro ro của chiếc tủ lạnh để ở góc nhà. Bà Thiều lơ đãng lật một tập ảnh khỏa thân nước ngoài. Cách giải trí này bà vẫn ngang nhiên phô ra với khách để chứng minh rằng đầu óc của bà tự do tân tiến và ghét thói đạo dức giả cổ hủ lỗi thời. Có tiếng gõ cửa. Bà Thiều nhỏm dậy nhìn ra.

- Ai đấy?

- Hạnh đây... - Tiếng ho húng hắng có vẻ bồn chồn. Bà Thiều mở của. Hạnh mặc bộ đồ khá diện bước vào. Như thể tiện tay, y cài chốt cửa ra vào.

- Đi đâu mà bảnh thế cháu?

- Nhớ cô quá! - Hạnh cười cầu tài. ánh mắt ve vuốt người đàn bà. - Cô có một sức thu hút mọi người đến khiếp! Em Thoa có nhà không cô?

Em nó đi học tiếng Anh. Ngoài giờ buổi tối, ban ngày thỉnh thoảng nó đi học nhóm. Hạnh nhếch mép cười. Y đã từng biết các nhóm học này. Các cô các cậu thanh niên nhà giàu hoàn toàn có thể học tập ở đấy khá nhiều tri thức, dĩ nhiên - trừ ngoại ngữ. Hạnh hỏi:

- Cô đi lễ chùa về có mệt không cô?

Chẳng mệt tí nào! - Bà Thiều vui vẻ. - Cứ đi lễ chùa là cô lại khỏe như vâm mới lạ. Thần thánh cũng linh thiêng thật! Ngay cả đường đi chùa Hương cheo leo là thế mà năm nào cô cũng đi đấy nhé. Cứ ngậm ít sâm, vừa đi vừa nam mô niệm Phật phù hộ độ trì...

- Phật sẽ phù hộ cô thôi... - Hạnh cười khe khẽ, y đang suy nghĩ rất lung. Thần kinh y căng như sợi giây đàn, những sợi gân xanh hai bên thái dương giần giật. Chiều nay mở số, Hạnh không thể nào chần chừ được nữa. Hạnh đoán chắc chiếc vé ấy trúng. Đây là cơ hội giúp mình thoát khỏi cảnh nghèo. "Dứt khoát... - Hạnh nghĩ. - Ta phải lập tức trở thành tình nhân của mụ dù bằng mọi giá. Thời giờ thật chật chội quá. Cần đổi bằng được chiếc vé lập tức bây giờ... "

- Cô độc đáo lắm! - Hạnh thả mồi câu. - Những người phụ nữ độc đáo bây giờ rất hiếm!

Thế cô độc đáo chỗ nào? - Bà Thiều thú vị và khép vạt áo ra phía dằng trước.

- Cô độc đáo trên toàn cơ thể. - Hạnh nói và giọng bỗng dưng đổi khác, đôi mắt xoáy vào bờ vai tròn lẳn của người đàn bà, hai bên cơ hàm tự dưng cứng lại. - Trông cô hấp dẫn như một thiếu nữ đương thì.

Bà Thiều hơi thoáng hốt hoảng. Điều này giống như linh cảm của con gà mái bị con gà trống ngổ ngáo săn đuổi. Tuy nhiên, ý thích mơn trớn và thích phiêu lưu háo hức sống dậy trong lòng bà. Dục vọng trỗi lên thành một động tác bất cẩn: chiếc khuy bấm nơi ngực áo tuột ra. Hạnh chồm hẳn dậy và xô người đàn bà ngã xuống đi văng.

Bà Thiều rên rỉ. ý thức phẩm giá khiến bà có những cử chỉ chống cự yếu ớt. Bà Thiều nhắm mắt, hoàn toàn mất vẻ tự chủ. Hạnh thở khò khè, y hỏi bằng một giọng nói gần như van lơn.

- Chiếc vé xổ số đâu rồi?

Bà Thiều khựng lại, bà không hiểu ngay được câu hỏi ấy..

- Chiếc vé xổ số đâu rồi? - Hạnh hơi quát lên, giọng đanh lại như tiếng klm loại va đập vào nhau. Phải đến mấy phút bà Thiều mới hiểu ra được câu hỏi của Hạnh và hiểu ra được tình thế bi kịch của bà.

- Con Thoa để trong chiếc ví xách tay của nó!

Bà Thiều nói như nghẹn ngào và nỗi xấu hổ ê chề choán lấy người bà khi bà thấy Hạnh rời khỏi đi văng, đứng lên thẫn thờ như người mất trí. Vừa may lúc ấy, ngoài cửa vang lên tiếng gọi và tiếng đập cửa dồn dập của Thoa. Thoa ngơ ngác, ngạc nhiên khi cửa mở ra thấy bà mẹ mình nước mắt ròng ròng đang rúm người lại trên chiếc đi văng. Cửa sập ngay sau lưng cô và Hạnh đứng chắn ngay cạnh, nét mặt lạnh lùng, đôi mắt của y như hai cục lửa:

- Đừng có gào lên! - Hạnh quát khe khẽ. - Cô lấy chiếc vé xổ số trong ví xách tay ra đây! Thoa run bắn người, cô nhìn bà Thiều, nhìn Hạnh bằng một đôi mắt thất thần, hốt hoảng.

Bà Thiều nói nghẹn ngào:

- Con lấy chiếc vé ra đưa cho nó!

Thoa run bần bật, cô hấp tấp mở cái ví xách tay. Chiếc vé xổ số của cô rơi ngay xuống đất. Hạnh chồm nhặt lấy, nhét chiếc vé xổ số ấy vào người rồi thong thả lấy chiếc vé của mình ném vào người bà Thiều. Mọi việc diễn ra chỉ trong nháy mắt. Hạnh sửa quần áo rồi luồn ra ngoài không nói năng gì. Thoa khóc nức nở rồi ngã vật ra như một thân cây mảnh dẻ vừa bị đốn khỏi mặt đất.

Bà Thiều đứng dậy lấy quần áo mặc vào người rồi quát tướng lên:

- Khóc cái gì? Cha bố cô! Có im đi ngay không bà lại cho cái tát bây giờ!

Lặng im một lát rồi nhận thấy mình vô lý, bà bỗng kéo cô con gái đang lả người đi, mềm nhũn vào lòng bà, rồi nói với giọng tỉnh táo không ngờ:

- Cứ sống đi con, rồi con sẽ hiểu cuộc đời. Khốn nạn! Khốn nạn vô cùng! Con phải biết rằng chính mẹ của con cũng là một con đàn bà khốn nạn!

ĐOạN KếT

Buổi chiều hôm ấy, xổ số đặc biệt giải bảy trăm nghìn rơi vào con số 20437, đúng vào chiếc vé xổ số của Hạnh ném trả bà Thiều... Nghe nói Hạnh đã phát điên. Ông chú họ vốn đạp xích lô đã phải đưa y đi viện tâm thần. Bà Thiều trúng giải xổ số. Bà mất một chỉ vàng cho cô Duyên. Cuối năm ấy, chồng bà cùng cậu con trai du học nước ngoài về nước. Thoa đã lấy chồng, chồng cô làm việc ở Xưởng phim truyện cùng với ông Phúc. Trong một thời gian, ở trong thành phố lưu truyền một bài đồng dao mà rất ít người hiểu được xuất xứ:

Xổ số đặc biệt

Giải bảy trăm nghìn

Món quà phẩm hạnh

Lộc của thần linh

Số trời may mắn

Đâu đến chú mình

Đỏ đen nhân thế

Hữu sự hữu tình...

Nguyễn Thị Lộ

Vấp phải đời phàm tục
Chiếc thuyền tình vỡ tan...

(Từ một ý thơ của Maiacôpxki)

Họ gặp nhau khoảng giờ Tỵ, một ngày thu. Hôm ấy Nguyễn Trãi từ Côn Sơn trở lại Đông Đô, ông ghé nghỉ ở một quán khách ven đường. Cùng đi với ông có Hoàng môn thị lang Thái Quân Thực.

Đông Đô - ở thế kỷ thứ XV dưới triều vua Lê Thái Tôn có vẻ đẹp của người đẹp mê ngủ. Nắng ngoài đường rực rỡ. Những hàng cây cơm nguội nở hoa. Những cây dương liêu ngơ ngac buồn. Trời rất xanh. Giữa trời có đám mây tràng trông hệt dáng điệu một nhà hiền triết. Thoắt cái, gió xua mây đi, nhà hiền triết biến thành con chó xồm lớn.

Nguyễn ngồi yên lặng, ông nâng chén rượu mà Thái Quân Thực vừa dốc ở, trong nậm ra. Đúng lúc ấy thì Nguyễn Thị Lộ cùng Thị nội cung tần Trịnh Ngọc Yến bước vào. Nguyễn cũng chẳng để ý. Mắt ông đăm đắm nhìn những tăm rượu sủi lên trong chén. Tưởng như có tiếng ong bay đâu đây. Thời tiết nóng nực, một thứ nóng uể oai, rất dễ là m người ngủ gật. Câu chuyện giữa Nguyễn và Thái Quân Thực rơi rạc. Thái Quân Thực biết Nguyễn đang có tâm sự trong lòng, vì vậy chuyện được vài câu ông không nói năng gì nữa mà cứ một mình thản nhiên đánh chén. Ông kệ cho Nguyễn chìm đắm tư lự một mình.

ở một góc quán khác, Nguyễn Thị Lộ và Thị nội cung tần Trịnh Ngọc Yến đã an vị. Người hầu bàn đang hỏi món ăn. Vẻ sốt sắng của người hầu bàn làm Nguyễn để ý. Ông nước mắt lên nhìn và nhận ra Nguyễn Thị Lộ. Tạo hóa đã dày công chuẩn bị cho cuộc gặp gỡ này những 29 năm 9 tháng 10 ngày.

Lúc này, ở ngoài phố vọng lại tiếng rao của hàng quà rong nghe rất động lòng. Nguyễn nhận ra Nguyễn Thị Lộ. Trong giây khắc, trái tim ông ngừng đập. Con người cũ trong ông chết đi. Giây khắc sau ông sống lại, bắt đầu chuyển thành con người khác. Nguyễn cau mày. Ông đã gặp người này ở đâu? Từ bao giờ.

ở đâu? Từ bao giờ? Nguyễn căng óc suy nghĩ...

Có lẽ từ lâu lắm. Từ khi còn nằm trong bụng mẹ ông đã bắt gặp khuôn mặt này rồi. Ký ức vụt dậy nhanh như tia chớp. Ông không nhớ gì cả. Không - có khuôn mặt ấy trong ký ức ông. Ngôi nhà ven sông...Góc thành Nam, lều một gian...Chặng đường rừng xa

vắng...Buổi gặp mặt Lê Lợi lần đầu...Những đêm chong đèn viết Bình Ngô sách...Hội thề Lam Sơn...Những lần hành quân vất vả. Buổi tiễn đưa Vương Thông...Bữa thiết triều đầu tiên ở điện Kính thiên...Những ngày tù ngục...Không thấy có khuôn mặt người phụ nữ này.

Nguyễn vẫn suy nghĩ. Thoáng câu thơ cũ xen ngang:

Tây tân sơ nghị trạo

Phong cảnh tiện giang hồ..."

Bến Tây thuyền mới ghé mái chèo, thoắt cái phong cảnh đã là giang hồ rồi.

Hồi thủ Đông Hoa địa

Trần ai giác dĩ vô"

Ngoảnh lại nhìn chỗ của Đông Hoa là nơi phồn hoa thì đã thấy mình không còn là bụi bặm nữa. Nguyễn suy nghĩ. Trán ông cau lại. Mắt ông vẫn đăm đăm nhìn về phía Nguyễn Thị Lộ. Thực ra, nếu lúc ấy Thái Quân Thực ngồi yên thì chăng xảy ra chuyện gì. Song, Thái Quân Thực dõi theo ánh mắt Nguyễn và thốt ra câu hỏi định mệnh:

- Người quen à?

Câu hỏi nhắc Nguyễn đứng dậy. Định mệnh mượn lời Thái Quân Thực làm một cú đẩy vào số phận Nguyễn. Ông bước như đạp mây đến chỗ hai người phụ nữ. Ông chào, vừa sốt sắng, vừa tự tin,. lại vừa háo hức. Ông xưng danh. Ông nói về mình. Ông nhận ra vẻ thích thú trong ánh mắt nàng. Họ làm quen nhau. Ông được biết tên nàng là Nguyễn Thị Lộ. Tên của nàng không gây được ấn tượng gì cho ông. Nàng mời ông đến chơi. Ông vui vẻ nhận lời. Buổi đầu làm quen chỉ độ khoảng giập bã trầu. Nguyễn cáo lui. Ông quay về chỗ Thái Quân Thực.

Hồi đầu tam thập niên tiền sự

Mộng lý du du cánh mạc tầm..."

Quay đầu nhớ lại ba chụt năm về trước mà trong mộng mịt mù không tìm ra được.

- ở nàng, rạng lên một ánh sáng linh điệu từ phía bên ngoài, không trùng lên con người thật của nàng. Bởi thế nàng bị tan giữa đám đông, không ai nhận ra. Người ta chỉ biết có hình hài. Tướng ẩn...

Nguyễn nghĩ vậy. Ông lén ngắm nàng một lần nữa. Ông bị rung chuyển. Ông cũng không biết rằng số phận hai người từ nay đã được ràng buộc với nhau. Nơi nào giữa xa xôi kia trong vũ trụ mênh mông, tạo hóa mỉm cười. Thái Quân Thực hỏi Nguyễn:

- Người quen à?

Nguyễn gật đầu.

Thái Quân Thực không biết rằng ông vừa chứng kiến cuộc gặp gỡ tình duyên hết sức

oái oăm, đến mãi sau này người ta còn nhắc.

*

Khi Nguyên Trãi đến thăm Nguyễn Thị Lộ thì lúc ấy nàng đang vận một bộ áo xoàng xĩnh trong nhà. Nàng định thay áo thì Nguyễn ngăn lại. Nguyễn kéo ngọn nến về phía mình để nàng ngồi chìm trong phía bóng tối. Nguyễn đưa mắt nhìn đâu đó qua cửa sổ. Lúc này ở ngoài trời khoảng không hư áo lắm, lẫn lộn những bụi hơi nước của tiết trời thu, ánh sáng lắt lay của ngọn đèn lồng ngoài đường và ráng hoàng hôn yếu ớt phía trởi Tây còn sót lại:

Nguyễn bận bịu cả ngày. Ông chỉ rảnh rang vào chập tối....

Cho đến lúc ấy, có lẽ cũng chẳng xảy ra chuyện gì nếu Nguyễn Thị Lộ tầm thường như những phụ nữ khác. Nàng không súng sính bởi học vấn hoặc phẩm hạnh,cũng không cứng nhắc bởi đồ lót mình. Nàng trinh bạch, điềm tĩnh và cương nghị. Vẻ trinh bạch ấy của nàng khiến ông thắt tim lại lo sợ. Nguyễn đã hiểu bao điều khốn nạn diễn ra xung quanh. Bao nhiêu phàm tục của ngày hôm nay, hôm sau, hôm sau nữa...? Rồi còn tháng tới?

Họ nói chuyện về mùa màng, những việc xảy ra trong cung từ khi vua Lê Thái Tổ băng hà, những bài thơ chữ Hán của Nguyễn viết ở Côn Sơn, cuộc đời gian truân của ông, phép ứng xử của đẳng cấp quý tộc mới được hình thành...Câu chuyện lan man, vui vẻ, có lẫn những nhận xét sắc sảo. Nguyễn hết sức ngạc nhiên trước trí lự phi thường của Nguyễn Thị Lộ. Thường ít có người theo kịp những dòng suy nghĩ sắc bén của ông. Ông gần như không có bạn, không có tri âm tri kỷ. Dưới một bề ngoài bình thản, rụt rè, Nguyễn giấu mình trong vỏ ốc.

Nguyễn Thị Lộ theo sát những ý nghĩ của Nguyễn. Nàng thường tóm tắt được ý nghĩ của Nguyễn bằng một hai từ hết sức chính xác, giản dị. Điều ấy kích thích trí tưởng tượng bay bổng và thỏa mãn những căng thẳng trong tinh thần ông. Nàng không hề vướng bận bởi các thành kiến xã hội và các quy ước xã giao thông tục. Người ta luôn lầm lẫn...

Nguyễn nói. Nàng lắng nghe. Nàng hình dung người ta lầm lẫn thế nào. Gà nhầm với cuốc. Chó nhầm với dê. Lễ nhạc cũng nhầm. Đường hướng cũng nhầm. Con người hành hạ nhau, lăng nhục nhau. Nàng nhận ra mối quan tâm của Nguyễn là to lớn. Ông là một nhà duy mỹ, trước hết là nhà duy mỹ. Đạo đức duy mỹ chất chứa hiểm nguy, chất chứa phiêu lưu nhưng nó sâu sắc, không bịp bợm, hắn nó giá trị gấp triệu lần thứ đạo đức duy lý trắng trợn của trật tự bầy đoàn.

Thời gian trôi nhanh. Họ cảm thấy như đã thân nhau. Nguyễn cố ghìm điều mong muốn được vuốt ve bàn tay nàng. Từ trong thành, vọng lại tiếng trống điểm canh. Yên lặng dễ sợ. Tiếng côn trùng ùa vào căn phòng riết róng và buồn bã. Thậm chí nghe rõ cả tiếng hạt sương rơi trên tàu lá tiêu.

- Rồi cái chết...

Nguyễn nói. Nàng hình dung người chết nằm dưới đất. Đêm tối hoàn toàn. Đêm tối vĩnh viễn. Rất nhiều đất, hết lớp này lớp khác, cứ thế mãi mới đến được mặt đất. Trên mặt đất là cỏ ấu, cỏ gà cỏ chân chim, cỏ gianh, cúc, thầu dầu, cả xương rồng nữa. Những

con kiến đen, kiến đỏ, kiến gió, kiến bọ đọt chạy nháo nhác. Không ai biết dưới đất có con người đang nằm, cứ thế tự tiêu đi, vừa nằm vừa hồi tưởng. Chỉ được hồi tưởng thôi. Chỉ có cách duy nhất là hồi tưởng. Vĩnh viễn chỉ biết hồi tưởng. Ngậm miệng lại. Không được nói. Không được cựa mình. Vọng lại tiếng trống điểm canh. Nguyễn cáo lui. Nàng tiễn ông ra cửa...Theo thói quen, nàng nhăn mũi. Nguyễn bật cười. áo ông vướng vào gốc bạch đào trước cửa. Nàng cúi xuống gỡ áo cho ông. Cây đào tươi tốt, đang vào nụ. Nàng hỏi ông có thích hoa không? Chính ông cũng không biết nữa.

Nàng bỗng hỏi xin ông một bài thơ hoa. Ông vui vẻ gật đầu. Họ quay trở lại phòng khách. Sẵn nghiên bút, Nguyễn vén ống tay áo và những lời thơ xuất thần tuôn trào như nước chảy:

Một đóa đào hoa khéo tốt tươi

Tường xuân mơn mởn thấy xuân cười

Động phong ắt có tình hay nữa

Kiện tiển mùi hương dễ động người.

Động người hoa khéo tỏ tinh thần

ít bởi vì hoa, ít bởi xuân

Rỉ sứ chim xanh đừng chuốc lỗi

Bù trì đã có khí hồng quân.

Khí hồng quân hãy sá tài qua

Chớ phụ xuân này chớ phụ hoa

Hoa có ý thì xuân có ý

Đâu đâu cũng một khí dương hòa.

Khí dương hòa há có tư

Năng một hoa này nhẫn mọi loài

Tính kể chỉn còn ba tháng nữa

Kịp xuân mựa để má đào phai.

Má đào phai hết bởi xuân qua

Nêú lại đâm thì liền luống hoa

Yến sở Dao - trì đà có hẹn

Chớ cho Phương Sóc đến lân la

Phương Sóc lân la, đã hở cơ

Mấy phen trộm được há tình cờ

Có ai ướm hỏi tiên Vương Mẫu

Tin khá tin mà ngờ khá ngờ...” .

*

Khi Nguyễn gặp vua Lê Thái Tôn bày tỏ những ý tưởng của ông, thực ra trong thâm tâm Nguyễn cũng thừa hiểu sự vô nghĩa của việc mình làm. Những năm gắn bó với vua Lê Thái Tổ từ ngày khởi nghiệp đã cho ông những kinh nghiệm cay đắng về thế sự. Những buổi trò chuyện với Nguyễn Thị Lộ giúp Nguyễn nhiều điều. Trong vắt như nước suối, nàng lặng lẽ để cho ông gạn lọc những ý tưởng của mình. Hoàn toàn giản dị, nàng chảy một cách từ từ, chậm rãi, tự tin, vừa độ lượng, vừa ích kỉ chính trong dòng đời. Chỉ nhìn thấy nàng, Nguyễn nhận ra ngay ông đã sai lầm hoặc ông đã đúng trong các suy luận. Nàng chẳng hỏi ông nghĩ gì và các suy luận ấy của ông đầu cuối ra sao, xuất phát từ đâu, đến đâu chấm dứt. Nguyễn so sánh những ý tưởng mơ hồ trong đầu óc ông với cách nàng quét nhà hoặc nàng ngáp ngủ. Chỉ có nàng mới có khả năng siêu phàm giúp ông đối chiếu cái thế giới ảo vô hình với cái thế giới thực hưu hình quanh mình, điều mà ông biết chắc chắn ông có hoài công đi khắp thế gian ông cũng chẳng tìm ra được một người phụ nữ thứ hai như vậy.

Từ nhỏ, Nguyễn đã sớm nhận ra sự lạc loài của ông giữa đám đông. Ông như khoai giữa ngô, như lạc giữa vừng. Ông là một thứ chất liệu khác. Ông cô đơn chính với đồng loại của mình. Gặp Nguyễn Thị Lộ, Nguyễn sống ráo riết hơn và nghiêm nhặt hơn. Ông rà xét lại mình và nhận ra một loạt yếu kém trong phương diện tinh thần cũng như cách tổ chức cuộc đời. Cho đến lúc này, Nguyễn mới có thể cắt nghĩa được bản chất các sự kiện đã từng diễn ra với ông và cả triều đại.

Trước đây, khi dâng □Bình Ngô sách□ cho Bình Định Vương Lê Lợi, Nguyễn đề xuất tư tưởng nhân nghĩa, ông coi nó là máu thịt dân tộc, là nguyên tắc ứng xử giữa con người. Nguyễn đã hướng về tuyệt đối. Song chính Nguyễn đã một chiều, thậm chí không tưởng. Lê Lợi tỉnh táo hơn, nhận ra Nguyễn đã mắc bẫy bởi chính tư tưởng của mình. Lê Lợi biết tư tưởng đó chỉ là ngọn cờ khởi sự chứ không phải phương pháp. Hơn nữa, ngọn cờ ấy chỉ phù hợp với tình trạng khốn cùng về vật chất của đám đông trong từng khoảng thời gian nhất thời. Lê Lợi vĩ đại vì đã thực tế hơn Nguyễn về cuộc sống. Nguyễn vốn giàu tưởng tượng - hình dung ra những bi kịch tập thể nhưng Lê Lợi biết chắc chắn chỉ có những bi kịch cá nhân và chỉ là những bi kịch cá nhân, mãi mãi là những bi kịch cá nhân. Nguyễn tôn sùng đám đông nhưng Lê Lợi tin chắc chỉ có những cá nhân siêu việt mới có khả năng gây men cho lịch sử. Lê Lợi hiểu rõ khả năng tạo dựng và khả năng phá bỏ của Nguyễn nhưng Nguyễn lại không có khả năng giữ nguyên tình trạng. Giữ nguyên tình trạng đòi hỏi một sự ngu xuẩn phi thường, một sự ngu xuẩn thiên tài. Bao giờ cũng vậy, giữ nguyên tình trạng đòi hỏi những con bệnh lớn.

Nguyễn xem xét lại mình và ông hoảng sợ bởi những tham vọng mơ mộng của mình. Nguyễn hiểu những khó khăn của việc thi hành đạo. Oái oăm ở chỗ đạo là thứ danh

không phải là danh, điều ấy đẻ ra những khó khăn trong xuất xứ. Chính Khổng Tử cho rằng người làm quan là để thi hành điều nghĩa chứ đạo thì chẳng thi hành được. Nguyễn Thị Lộ lo lắng bởi những đổi thay trong tinh thần Nguyễn. Nàng cũng không hiểu Nguyễn đến với nàng với mong muốn gì? Thực ra, Nguyễn mong muốn ở chính bản thân. Ông cô đơn giữa đời như một hành tinh hoặc một ngọn gió. Điều ấy khiến nàng xót xa. Nguyễn biết gắn bó với nàng là ông ẹhuốc họa vào mình. Nhưng biết thế, Nguyễn vẫn gắn bó với nàng. Bởi nàng là Nguyễn Thị Lộ.

Vì nàng là Nguyễn Thị Lộ.

Chỉ có một Nguyễn Thị Lộ

Còn Nguyễn, Nguyễn đâu có hai cuộc đời? Rồi ngày nào đấy Nguyễn cũng chết đi, trên nấm mộ chỉ có cỏ xanh. Như bao người khác.

Chỉ có cỏ xanh: cỏ ấu, cỏ gà, cỏ chân chim, cỏ. gianh, cúc, thầu dầu, xương rồng.

Những con kiến ca hát.

Và chúng ca hát theo kiểu kiến.

*

Không thể nói Nguyễn Trãi đã sống thanh thản dưới triều vua Lê Thái Tôn. Vị vua trẻ sớm nắm quyền lực, lại ít kinh nghiệm sống, chỉ thích sự chiều nịnh hơn là nói thẳng, những cột trụ nhà nước như bọn Lê Ngân, Lê Sát, Lê Văn Linh, Lê Hy...đều là những chính khách xuất thân giang hồ, trị nước bằng mưu mẹo chứ không xuất phát từ đạo và luật. Thêm nữa, bọn Lương Đăng và Hạ Đăng Đắc xúm lại phò nịnh, đẩy lòng kiêu ngạo của người có thế lực lên tột bực. Giới quý tộc cung dình mới qua được một đời còn hết sức quê mùa về lối sống, chưa có được đời sống tinh thần vương giả, luôn nhầm lẫn giả thật, thực hư. Hơn nữa, ý thức xây dựng một tập đoàn quyền lực dựa trên đạo nghĩa, kỷ cương không được củng cố. Cung đình giống như nơi tụ họp các anh hùng lục lâm, chỗ nhóm lửa, chỗ thổi cơm, chỗ múa giáo, chế được đặt ra do vui chuyện mà định. Trên các chân dung chính khách chỉ nhìn thấy các cơ mặt bất động hoàn toàn, biểu thị tinh thần chính trị tù đọng tột cùng. Số trẻ trung hơn, dễ thấy trên gương mặt họ những nét chối bỏ thẳng thừng học vấn, chỉ chờ đón tiếp nhận cảm giác lạc thú.

Nguyễn sống âm thầm. Khi về Côn Sơn, khi ra Đông Đô, chẳng nơi nào ông thấy yên ổn. Nội tâm ông sôi réo, thúc giục. Ông tránh các tình huống pìlải tự biểu hiện. Những mũi tên đố kị hằn thù rình ông từ bốn phía.

Nguyễn Thị Lộ biết rõ giá trị con ngươl Nguyễn. Nàng thông cảm những nỗi dày xé trong tâm hồn ông. Nàng biết ông đang chạy tế lên phía trước trong hệ thống tư tưởng đương thời, vừa hung hãn, vừa tuyệt vọng.

Mới đầu, nàng quý trọng ông theo cách người ta quý trọng một con thú hiếm, giống như quý trọng một con tê giác độc nhất có hai sừng. Dần dần, nàng hiểu ra rằng ông không trông chờ ở nàng điều ấy. Nguyễn đến với nàng bằng tình yêu thương tuyệt vọng đối với con người, vừa đọ lượng, vừa bao dung, vừa đầy kinh nghiệm. Ông yêu thương nàng bằng toàn bộ tri thức văn hóa cùng sự từ tế ở trong lòng ông.

Cuối cùng điều ấy cũng đến. Nguyễn ngỏ lời cầu hôn với nàng giản dị và mạch lạc. Chắc khi đứng trước Vương Thông, Mã Kỳ, Phương Chính...Nguyễn cũng thế này. Thoạt tiện, cung cách ấy dễ gây ấn tượng về một con người chán đời khủng khiếp, ai biết đằng sau cung cách ấy là một khối lửa khổng lồ Nguyễn bày tỏ với nàng như thể một việc tình cờ hoặc tiện dịp. Nàng biết ông hoang mang. Những sóng gió trong cuộc đời khiến ông không còn tự tin mình nữa. Hết sức nhạy cảm, nàng thấy thương xót ông tận đáy lòng. Nàng biết, Nguyễn phải ngăn ngừa cảm xúc chính mình. Nàng chỉ gợn chút hợm hĩnh lạnh lẽo, ông sẽ biến mất; còn nàng đa cảm nồng nàn ông cũng bỏ đi. Bao nhiêu công việc đang chờ đợi Nguyễn. Ông đâu phải là người trăng gió đa tình. Hôm Nguyễn ngỏ lời cầu hôn, trời mưa như trút. Đồn rằng hôm ấy có rồng bay trên sông Cái.

*

Họ tao thân cho nhau vào một buổi đêm yên tĩnh. Ngọn nến để ở một góc phòng kiên nhẫn cháy. Nguyễn Thị Lộ biết Nguyễn cũng kiên nhẫn cháy như thế khi hình bóng nàng nằm giữa tim ông.

Nàng quay lưng về phía Nguyễn, cởi xiêm áo lộn qua đầu. Thân hình dài dài, thanh mảnh của nàng hiện ra lấp loáng trong bóng tối. Khi nàng luồn vào, nằm nép bên Nguyễn, ông lặng người đi, lòng ngập tràn tình cảm biết ơn vô hạn. Nguyễn lắng nghe tiếng nàng thở dốc. Ông mỉm cười trong bóng tối khi nghĩ rằng cả nàng, cả ông, cả hai hệt như hai đứa bé con. Nguyễn vùi đầu vào bộ ngực mảnh khảnh của nàng. Cảm giác về sự bé nhỏ yếu ớt của nàng, của con người nói chung giữa tự nhiên mênh mông, giữa vũ trụ mênh mông khiến lòng ông nhói đau. Ông, chính ông chứ không ai khác, ông phải chứng tỏ một điều gì đấy bởi sự tốt đẹp thật sự trong thế giới này.

Họ nằm yên lặng, vui thích lắng nghe những tiếng lách tách cháy từ ngọn nến.

Nguyễn cũng đã cháy như thế, cháy bùng như một ngọn đuốc dẻo dai, kiên cường cho đến trót đời.

Nguyễn Trãi đã trải qua không biết bao nhiêu thăng trầm, bao nhiêu đau đớn, bất hạnh, bao nhiêu niềm vui, nỗi buồn, bao nhiêu vinh quang kể từ ngày ấy. Không một người thưởng nào có được số phận lạ lùng như ông trong 500 năm nay.

500 năm, tức là năm thế kỷ.